

CỎ THƠM

THÁNG 06, NĂM 2012

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.

HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

VŨ HỐI. VŨ THÁI HÒA. HUY LÂM.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

ĐỖ PHÚ. KIM VŨ. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN. ĐIỆU TẦN.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu,
B. Trương Minh Châu, B. Diệm Châu Nguyễn. Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường, B. Vũ Diễm, B. Diana Đặng,
B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Senser,
B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn,
Ô. Vũ Vương Đoàn, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô. Ngô Tăng Giao,
Ô.B. B.S. Giang Hoàng, B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
Ô. Lý Văn Hải, B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Lê Thuý Hà. Ô.B. Nguyễn Đăng Hải,
B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh, B. Quân T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, B. Nguyễn Hoa, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tôn Nữ Khánh Hội,
B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng,
Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lại, Ô. Nguyễn Lân,
B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô. Nguyễn Khoa Lân,
B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Ngọc Liêu, B. Vũ Thị Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long,
Ô. Phạm Đình Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), B. Thanh Mai Phạm. Ô. Vũ Nam (Germany), B. Nguyễn Phương Nga,
Ô. Nguyễn Văn Nghị, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đoàn Xuân Ngọc (Germany), Ô. Đăng Nguyên,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm,
Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng, B. Hoàng Hữu Phước,
B. Chu Thanh Quỳnh, B. Nghiêm Thái Phượng, B. Nguyễn Trần Song Phượng, Ô. Trần Bích San,
Ô. Trần Phi Sao, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ), Ô. Lê Tam Thanh,
Ô. Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,
B. T.hảo Nguyễn Phạm, B. Nguyễn Phương Thảo (Germany). Ô. Nguyễn Thành Thế, B. Phong Thu,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu (Canada),
B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy,
Ô. Nguyễn Hữu Thủ, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến, B. Tiffany Trang Đỗ,
Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân,
Ô. B. Võ Trưng, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú, Ô. Hoàng Lý Văn, Ô. Yên Vi,
B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, Ô. Nguyễn Tinh Vệ, Ô. Đoàn Ngọc Xuân,
B. Hoàng Hồng Yến, B.S. Võ Đạm, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Harvest Moon Restaurant, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC.

MỤC LỤC

ĐỀ	TRANG		
		VĂN	
NGUYỄN T.N. DUNG: Lá Thư Mùa Hè	5	CÁT ĐƠN SA: Lá Bùa Mê	154
PHẠM TRỌNG LỆ: Tình Yêu và Lòng Chung Thủy....	8	THANH TRANG: Về Bài Hát “Chiều Muộn”	161
NGÔ TẦNG GIAO: Văn Thơ của cố Văn Thi sĩ Hà Bình Trung	13	CHIÊU HOÀNG: Hương Rơi Cuối Mùa	164
CAO NGUYỄN: Đoá Cỏ Thơm.	16	PHAN ANH DŨNG: Về Bài Hát	171
ĐỖ BÌNH: Bên Dòng Kỷ Niệm	19	PHƯƠNG DUY TDC: Hương Thủy	172
PHẠM VĂN TUẤN: Sir Arthur Ignatius Conan Doyle	27	NGUYỄN Q. KHẢI: Nghề Chơi Cũng...	175
HẢI BĂNG HDB & BẠCH CÚC NTN Ca Dao Tục Ngữ Là Gì?	31	NGUYỄN T.N. DUNG: Mùa Hè 1955	182
TRẦN TAM NGUYỄN: Dòng Đời Trôi	37	TÂM VIỆT: Sách “Lưu Hương Ký”...	190
LÊ MỘNG NGUYỄN: Người Phụ Nữ Việt Nam qua trào lưu ...	41	NGUYỄN T.N. DUNG: Tuổi Niệm...	197
HỒ TRƯỜNG AN: Đi và Sống với Nhà Thơ Phan Khâm	48	TRƯỜNG ANH THUY: Viết Về	199
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Hồi Tưởng Ngày Đức Thầy Thọ Nạn	55		
PHẠM THỊ NHUNG: Tiếng Đàn Tái Ngô	63	THƠ	
NGUYỄN V. NHIỆM: Lịch Sử Và Sử Mệnh	67	HỒ CÔNG TÂM: Hùng Sử Ca	18
NGUYỄN THUY: 30 Tháng Tư Từ Ngày...	74	KIỀU ANH: Xin Vâng Lời Thầy	21
VĂN QUANG: Văn Hóa “Mất Nết”	77	VIỆT BĂNG: Trăm Năm Chưa Đủ...	43
TÔN NỮ MẠC GIAO: Ngày Mai thì.... Đã Muộn Rồi	83	HÀ BÌNH TRUNG: Trên Đất Khách	54
NGUYỄN MÂY THU: Câu Chuyện...	92	DIỄM HOA: Terre D’antan	54
VŨ NAM: Cô Giáo Viên và...	99	PHAN KHÂM: Tà Dương & Vòng Lẩn Quẩn	62
TIỂU THU: Gửi Người Thiên Thu	104	BÙI THANH TIÊN: Như Cối Vô Thường	62
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU: Trích Đoạn	110	TRẦN TRUNG KHẢO: Đổ Cả Thiên Thu	88
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT: Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sâu	117	LÊ XUÂN NHUẬN: My Life For My ...	88
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH: Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa	128	PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU: Mừng Bạn Tân Tòng	89
ĐẶNG NGUYỄN: Bến Tình Thương	138	NGUYỄN KINH BẮC: Vườn Xưa	91
PHONG THU: Ai Giết Con Tôi	144	NGUYỄN VÔ CÙNG: Đồng Quê	91
NGUYỄN KINH BẮC: Tình Quê Hương...	151	PHAN KHÂM: Nơi Đó	91
		NGUYỄN T. N. DUNG: Làng xưa	91
		THIÊN ĐỨC: Hương Trời	98
		HOÀNG SONG LIÊM: Tình Xưa	98
		LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Mùa Hạ Đi Đâu	98
		ĐT MINH GIANG: Tình Muộn	103
		DUY AN ĐÔNG: Thương Phế Binh	103
		LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Phong Nha	103
		XUÂN BÍCH: Giọt Lệ Xanh	109
		VI KHUÊ: Đạo	116
		CHỦ TAM ANH: Tao	116

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT:	127
Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sâu	
LÃO MÃ SƠN: Sài Gòn Nổi Nhớ	168
HÀ BÌNH TRUNG: Tomorrow	180
NGÔ TĂNG GIAO: Ngày Mai	180
KHÁNH VÂN: Tuổi Nào Cho Anh	181

When Comes a time for me	
LARRY BOGOSLAW Ph.D:	181
When Comes Our Time?	

TRANH ẢNH

TRẦN T. HƯƠNG CAU: Phượng Hoàng	01
TRẦN T. HƯƠNG CAU: Đàn Bà	113
TRƯƠNG ANH THUY: Vườn Hoa	210
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Đong Đưa	210

NHẠC

HUY LÃM: Xin Cho Tôi	142
THANH TRANG: Chiều Muộn	162
NGUYỄN VĂN ĐÔNG: Bông Hồng	170

HÌNH ẢNH SINH HOẠT

Phát Hành Cỏ Thơm 58	193
PHÂN ƯU Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung	196
THÔNG BÁO Sinh Hoạt Văn Học Và Âm Nhạc	189
Hình Ảnh Kỷ Niệm với Văn Thi Sĩ HBT	200

GIỚI THIỆU

HA NGUYEN & ASSOCIATES	02
Danh Sách Mạnh Thường Quân	04
Washington Music Eden Center	36
SOVEREIGN REALTY, INC.	73
Phòng Mạch BÁC SĨ VÕ ĐẠM	73
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	90
Phòng Mạch BS NGUYỄN T. KIM DUNG	109
HỒ CÔNG TÂM: Một Thời Lưu Vong	141
HỒ HƯƠNG LỘC: Một Thoáng Quê Hương	150
VĨNH LIÊM: Còn Vương Tơ Lòng	150
HARVEST MOON RESTAURANT	207
Phiếu Mua Báo	208
Văn Phòng L.S. IVAN M. WALDMAN	209

LÁ THƯ MÙA HÈ

Mùa xuân vừa qua đã để lại một cái tang lớn cho giới văn học và làng báo người Việt vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn nói riêng và hải ngoại nói chung. Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung đã từ trần ngày 24 tháng 4 vừa qua, hưởng thọ 91 tuổi. Cố Thi Sĩ đã để lại một gia tài thơ văn đồ sộ và niềm thương tiếc sâu đậm cho con cháu và giới văn thi hữu. Tam Cá Nguyệt San có PHÂN ƯU trang 196 và nhiều hình ảnh kỷ niệm với Ông Hà Bình Trung trang 200. Ngô Tăng Giao, Nguyễn Thị Ngọc Dung và Trương Anh Thuy có bài tưởng niệm với người quá cố trang 13, 197, 199.

Một cái tang nữa trong giới thi ca kịch nghệ là Nghệ Sĩ Quang Minh cũng theo gót Thi Sĩ Hà Bình Trung về Miền Cực Lạc ngày 25 tháng 4. Ca kịch sĩ Quang Minh có giọng ngâm thơ ngọt ngào, truyền cảm, nổi tiếng từ thuở Tao Đàn trước 1975 tại Sài Gòn.

Trong mùa xuân qua, bù lại chúng ta cũng có những tin vui văn học tại Virginia. Hai tác giả Lê Thị Hàn và Lê Tạ Bích Đào cho ra mắt quyển sách “*Thong Dong Tuổi Vàng*” viết về những kinh nghiệm trong lãnh vực dinh dưỡng, xã hội, kinh tế, tài chánh và ngân hàng cho những ai bước vào tuổi về hưu ở Hoa Kỳ.

Biên Khảo Gia Nguyễn Ngọc Bích cho ra mắt, tại biệt thự Nhà Văn Nguyễn Thị Thanh Bình, tập “*Lưu Hương Ký*” phiên âm, chú thích rất công phu về tập thơ cổ của Nữ Sĩ Hồ Xuân Hương chưa bao giờ được phổ biến hoàn hảo trước đây. Xin quý vị xem tường thuật trang 190.

Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật đã có buổi giới thiệu, tại phòng họp NOVA, Tủ Sách Tiếng Quê Hương của Nhà Văn Uyên Thao và tác phẩm “Nhân Văn Giai Phẩm và Vấn Đề Nguyễn Ái Quốc” của Nhà Văn Thụy Khuê từ bên Pháp sang.

Và mùa hè này, ngày 8 tháng 7, Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm với sự bảo trợ của Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật sẽ tổ chức một buổi Sinh Hoạt Văn Học và Âm Nhạc giới thiệu Giáo Sư Nguyễn Hưng Quốc và Giáo Sư Hoàng Ngọc Tuấn đến từ Úc. Xin quý vị xem chi tiết trong Thư Mời trang 189 và tham dự đông đảo để chào mừng hai vị đồng hương đến từ xứ xa xôi Nam Cực ra mắt chúng ta tại vùng Thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Vâng thưa quý vị, chúng ta đang ở trong mùa hè, mùa của ve sầu kêu râm ran trong các hàng cây rậm rạp, mùa có hoa phượng tím, đỏ, hoa sen trắng, hồng, hoa tường vi hồng, tím, hoa hoàng anh, dâm bụt đỏ, vàng, tím... Chúng ta được ăn nhãn, vải, mãng cầu, mít, ổi ... từ các tiểu bang có nhiều nắng như California, Florida, Texas... để tưởng tượng như đang ở quê nhà. Mùa mà chúng ta được mặc áo cánh mỏng manh, quần soọc ngắn, đi dép nhẹ nhàng, mặc áo tắm nhảy xuống hồ bơi ngoài trời hay đi tắm biển bát ngát trong xanh tuyệt vời...

Cổ Thơm cũng rất hợp thời trang với hình bìà trước là bức tranh “Phượng Hoàng” màu sắc nóng cháy của Văn Thi Họa sĩ Trần Thị Hương Cau từ Đức Quốc gửi cho chúng tôi. Bìa sau là ảnh bướm “Vườn Hoa” của Nhà văn Trương Anh Thụy đã được giải huy chương vàng “Judge Choice” của “Hội Nhiếp Ảnh VN Vùng Hoa Thịnh Đốn”. Một hình nữa ở bìa sau của Nhiếp ảnh gia tài tử Nguyễn Quốc Khải, với tiêu đề “Đong Đưa”, màu sắc nhẹ nhàng, kín đáo nhưng người ta lại chợt nghĩ đến bài thơ “Đánh Đu” của Bà Hồ Xuân Hương. Mời quý vị thưởng lãm.

Ngoài ra, như thường lệ Cổ Thơm vẫn phong phú với các đề tài đủ thể loại: biên khảo, truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, thơ mới, thơ cổ điển, thơ Anh, Pháp ngữ, nhạc bản... của các tác giả từ Đông Tây Nam Bắc Hoa Kỳ sang tới Canada, Thụy Sĩ, Pháp, Đức...

Vẫn biết tình trạng internet, website... bành trướng đã làm môi trường báo chí truyền giảm, nhiều toà báo, tiệm sách đóng cửa... Nhưng vẫn có độc giả chỉ thích đọc sách, thích giữ sách quý trong tủ sách. Ngành viết lách, tranh, ảnh vẫn cần giấy, bút mực và màu cho tác phẩm của mình, vẫn phải có tác phẩm bày bán tại tiệm sách, phải có tranh, ảnh trưng bày tại phòng triển lãm, những bản nhạc phải được in vào CD hay DVD và trình bày cả trên sân khấu mới là những bằng chứng đáng kể ghi vào tiểu sử tác giả. Chúng tôi còn làm báo vì chúng tôi còn khả năng để tiếp tay với các tác giả cũng còn khả năng sáng tác, còn muốn phục vụ độc giả yêu văn học trên sách vở, báo chí, và muốn phục vụ lý tưởng của mình.

Kính chúc quý độc giả một mùa hè thoải mái, có nhiều thời giờ nghỉ ngơi, có nhiều sách quý để đọc với thân tâm an lạc và có cùng một hy vọng trường tồn cho nên văn học hải ngoại. Hẹn tái ngộ cùng quý vị tác giả và độc giả ở số báo mùa thu.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Đọc lại một bài Ca dao Việt và một bài thơ Đường

Tình Yêu và Lòng Chung Thủy Trong Bài “Nụ Tầm Xuân” Và “Tiết Phụ Ngâm”

Phạm Trọng Lệ

A. Ca dao Việt Nam: A Vietnamese Folk-Poem

Nụ Tầm-Xuân

Trèo lên cây bưởi hái hoa.

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm-xuân.

Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,

Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!

--Ba đồng một mớ trâu cày,

Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Bây giờ em đã có chồng,

Như chim vào lồng, như cá cắn câu,

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ?

Chim vào lồng biết thuở nào ra?

(Vietnamese folk poem-Anonymous-Undated)
Dương Quảng Hàm, VIỆT NAM THI VĂN
HỢP TUYỂN

(Saigon: Trung Tâm Học Liệu, in lần thứ 9,
1968, tr. 10, tựa bài là “Tiếc sự biết nhau
quá chậm.”)

The Eglantines

I climb on the grapefruit tree to pick the flowers.
I step down the garden of egg-plants to pick
the eglantines.
The eglantines are blooming in deep sky-
blue color,
You already have a husband, I am so much sorry!

--For three copper coins, a bundle of bitter
betel leaves,
Why didn't you ask for me when I was single?
Now I already have a husband,
Like a bird in the cage, a fish at the bait.
Once the fish is hooked, how can it get
unhooked?

When can a caged bird ever be set free?

(Translated by PTL)

Ghi Chú: G.s. Nguyễn Ngọc Bích cũng
dịch bài này sang tiếng Anh mang tựa
Regret trong A Thousands Years of
Vietnamese Poetry do nhà Alfred A. Knopf
in ở New York, năm 1975, tr. 59.

B. A Tang Poem on Similar Theme Tiết Phụ Ngâm by Trương Tịch—Zhang Ji (766-830)

Phần Hán Việt

*Quân tri thiếp hữu phu,
Tặng thiếp song minh châu.
Cầm quân thiên miên ý,
Hệ tại hồng la nhu.
Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,
Lương nhân chấp kích Minh-Quang lý,
Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,
Sự phu thế nghĩ đồng sinh tử.
Hoàn quân minh châu song lệ thủy,
Hận bất tương phùng vị giá thì.*

Trương Tịch

TIẾT PHỤ NGÂM

節婦吟

君知妾有夫，
贈妾雙明珠。
感君纏綿意，
繫在紅羅襦。
妾家高樓連苑起，
良人執戟明光裡。
知君用心如日月，
事夫誓擬同生死。
還君明珠雙淚垂，
恨不相逢未嫁時。

Nghĩa :

Khúc ngâm của người thiếu phụ có tiết hạnh
Chàng biết thiếp đã có chồng, mà còn tặng
thiếp hai hạt minh châu.

Cảm động vì tình quyến luyến của chàng,
thiếp đeo minh châu trong áo lụa hồng.

Nhà thiếp có lầu cao kế bên vườn ngự,
Chồng thiếp làm chấp-kích-lang trong điện
Minh-Quang.

Biết chàng có ý định trong sáng như mặt
trời, mặt trăng,

Nhưng trong phận sự đối với chồng, thiếp
đã thề cùng chồng sống chết có nhau.

Trả minh châu lại chàng, hai hàng lệ chảy.

Hận rằng đã không gặp nhau, lúc thiếp còn
chưa lấy chồng.

(Theo Trần Trọng San, chú dẫn bên
dưới, tr. 209)

Nhận xét: chữ **triền miên** (chữ Hán Việt
có nghĩa “quần quít, chằng chịt không thể rời
ra được (Đào Duy Anh, Hán Việt Từ Điển,
trang 491 (entangled); khác với nghĩa triền
miên trong tiếng Việt là tình trạng kéo dài, lu
bù, liên miên, khó chấm dứt (Lê Văn Đức &
Lê Ngọc Trụ, quyển Hạ, trang 1678),
interminable, unending, continuous, unceasing.
Chữ cao lâu=nguyên nghĩa “lầu cao”, bây giờ
tiếng Việt cao lâu=nhà hàng bán cơm Tàu
thường ở trên lầu cao, nhưng cũng có khi ở
tầng dưới đất, Chinese restaurant.

Chú thích về gốc truyện:

Trương Tịch người Tô châu, thi gia đời
Trung Đường, thi đậu tiến sĩ. Trong nước
Trung Hoa bây giờ có nhiều phiên trấn, mỗi
tiết độ sứ chiếm một nơi. Bây giờ Trương
Tịch làm việc tại mạc phủ của một viên
soái thuộc phe thuận (ủng hộ nhà vua).

Viên soái đất Vận là Lý Sư Cổ (Lý Sư Đạo) là một Tiết độ sứ thuộc về nghịch đảng (chống lại trung ương), ân cần viết thư đem lễ vật đến đón Trương về giúp mình. Trương không dám từ chối ngay, sau đó phải giả cách hoàn lại lễ vật và làm bài Tiết phụ ngâm (Trần Trọng San, trang 210).

Theo Nguyễn Tử Quang (chú thích bên dưới) thì bài ca dao Nụ tâm xuân tương truyền do Đào Duy Từ làm ra. Lúc đó ông giúp cho chúa Nguyễn ở miền Nam. Đào Duy Từ mượn lời cô gái có chồng khéo léo khước từ người yêu bài thơ này để từ chối lời mời giúp của chúa Trịnh Tráng. (Theo Nguyễn Tử Quang, **điển hay tích lạ** trong mạng <http://vnthuquan.net>).

-Tại địa chỉ mạng Hoa Sơn Trang (<http://www.hoasontrang.us/tangpoems/duongthi.php?loi-92>)

Có đăng thêm 6 bản dịch bài Tiết phụ ngâm sang thơ Việt, ngoài bản dịch của Ngô Tất Tố in năm 1940, trong đó có bản dịch của Song Nguyễn Hàn Tú:

*Biết rằng ván đã đóng thuyền
Hỏi người tặng ngọc ước duyên làm gì.
Dù sao người đã thôi thì,
Áo hồng đeo ngọc...xin ghi tình chàng.
Lầu cao vườn ngự ngó ngang
Bên người lính điện Minh Quang xây tình.
Biết chàng mỹ ý quang minh
Nhưng lòng đã nguyện tuyệt trinh cùng chồng.
Ngọc trao lại lệ đôi dòng
Tiếc không gặp lúc má hồng trinh nguyên.*

Nhận xét:

Qua bài ca dao Nụ Tâm Xuân, người đọc thấy người thiếu phụ trong bài ca dao Việt có ý trách móc: Nàng bảo người thanh niên đã không biết đi hỏi sớm. Cũng ngầm than cho số phận « cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy » của xã hội Việt xưa, nên có khi lấy phải

người phối ngẫu mình không ưng ý thì « như chim vào lồng, như cá cắn câu ». Nhưng vẫn chịu đựng hy sinh vì nghĩa vụ làm vợ, làm mẹ. Trong bài Tiết phụ ngâm, người thiếu nữ Trung Hoa được người yêu cũ tặng hai viên ngọc quý, nay nàng có chồng cũng có địa vị (lính cầm kích trong đền Minh Quang của nhà vua), giữ đôi ngọc quý trong áo lót mình mâu sen hồng, nhưng sau khi suy nghĩ, trả lại ngọc mà khóc.

Giáo sư Nghiêm Toàn khi so sánh hai bài thơ này có nhận xét là bài ca dao Việt còn **bóng bẩy** hơn bài thơ Đường của Trương Tích.

«Hãy cứ suy: trong bài ca dao của ta dùng **lời đối thoại** giữa đôi bạn cũ, vừa linh động, lại ngầm chứa xiết bao ân hận ‘sự đã lỡ rồi’; hướng chi đứng về phương diện danh giáo, một bên thiếu phụ Trung Hoa nhận ngọc đeo vào áo lót mình, về sau nghĩ ra mới khóc vừa trả lại người yêu; một bên thiếu phụ Việt-Nam đành an-phận cá chậu, chim lồng, không có mây may ẩn ý tà dâm, thực là lời nói ý nhị, đường hoàng, đủ thấy mấy câu ca dao ta chưa hẳn kém thơ Trương Tích.» (Nghiêm Toàn, VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ TRÍCH YÊU (1949) (Sống Mới in lại tại Westminster, CA, Hoa Kỳ, không đề năm, tr. 26).

C. Các bản dịch sang thơ Việt.

-Bản dịch 1:

*Tiết phụ ngâm
Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em, chàng tặng một đôi ngọc lành.
Vấn vương những mối cảm tình,
Em đeo trong áo lót mình mâu sen.
Nhà em vườn ngự kê bên,
Chồng em cầm kích trong đền Minh-Quang.*

*Như gương, vầng biết lòng chàng,
Thờ chồng quyết chẳng phụ phàng thề xưa.
Trả ngọc chàng, lệ như mưa,
Giận không gặp-gỡ khi chưa có chồng.*

Ngô Tất Tố dịch (1940)
(in lại trong Trần Trọng San, THƠ
ĐUỜNG, Scarborough, Ont., Canada: Bắc
Đầu in lần thứ năm, 1993, tr. 211)

-Bản dịch 2:

*Lời hát người tiết phụ
Chàng hay thiếp có chồng rồi,
Còn đem cho thiếp một đôi ngọc lành.
Cầm lòng quyến-luyến không đành,
Thiếp đeo vào áo lót mình màu sen.
Vườn kia nhà thiếp kê bên,
Lang quân chấp kích trong đèn Minh-quang.
Biết chàng bụng sáng như gương,
Thờ chồng thề quyết đá vàng chẳng sai.
Gạt châu, trả ngọc chàng thôi,
Tiếc không gặp gỡ đương thời còn son.*

Trần Trọng Kim dịch
(Trong ĐUỜNG THI (Saigon: Tân Việt, 1950,
1974, Đại Nam in lại, không đề năm, tr. 120.)

Nhân xét: Bản dịch của Trần Trọng Kim
(làm năm 1945) khi ngài ở Chiêu Nam
(Singapore), nhà Tân Việt in năm 1974, có
ít nhất 8 điểm tương đồng với bản của Ngô
Tất Tố in năm 1940.

-Bản dịch 3:

*Tiết phụ ngâm
Thiếp có chồng, chàng đà hay biết,
Đôi minh châu tha-thiết còn trao.
Nghĩ tình vương-vấn khít-khao,
Ngọc này thiếp buộc áo đào thắm tươi.*

*Nhà thiếp ở lầu ngoài ngự uyển,
Chồng thiếp làm linh điện Minh-Quang.
Biết chàng lòng sáng như trăng,
Thờ chồng, thiếp nguyện đá vàng thủy chung.
Trả minh châu, lệ đôi dòng,
Hận không lúc thiếp chưa chồng gặp nhau.
Trần Trọng San dịch
Trong THƠ ĐUỜNG (sách đã dẫn, tr. 210).*

-Bản dịch 4:

*Bài Ca của người tiết phụ.
Anh nghe em đã sang ngang
Gởi em đôi ngọc sang choang làm quà.
Cảm anh ý hướng đậm đà,
Đeo trong yếm thắm tình ta ban đầu.
Nhà em vườn ngự bên lầu
Chồng em cảm kích theo hầu đèn Quang.
Biết anh lòng dạ miên man
Như vầng trăng sáng ánh vàng nhớ nhung
Thờ chồng em giữ thủy chung
Thề đồng sinh tử đến cùng mới thôi
Trả anh đôi ngọc sáng ngời
Hai dòng lệ nhỏ ghen lời bán khoán.
Giận đời nhiều nỗi cách ngăn
Sao không gặp gỡ từ phen chưa chồng.*

Trương Xuân Phạm Liễu dịch
(Trong ĐUỜNG THI (in lần đầu tại Sài-
Gòn, 1971, Sống mới in lại tại Hoa Kỳ,
không đề năm.))

-Bản dịch 5:

*Chàng hay thiếp đã có chồng,
Tặng đôi ngọc quý với lòng mến yêu.
Cảm thương ý tốt, lòng nhiều,
Thiếp đeo trong áo hồng điều lót thân.
Nhà em trên mấy vườn liền,
Chồng em cận-vệ Ngự tiền Minh-Quang
Trắng trong em biết ý chàng,*

*Thờ chồng em phải giữ lòng tiết trinh.
Trả ngọc chàng lệ dứt tình!...
Giận sao chẳng gặp khi mình còn son!...*

Chi đền Hoàng Duy Từ dịch
ĐUỜNG THI TUYẾN DỊCH I (Huntington
Beach, CA: Hoàng Tuấn Lộc xuất bản, 1984.)

-Bản dịch 6:

*Bài hát người đàn bà trinh tiết
Chàng hay em có chồng,
Vẫn cho đôi ngọc trong,
Em cảm chàng lưu luyến,
Buộc trong yếm lụa hồng.
Nhà em lâu gác kê vườn ngự,
Chồng ở cung vua cầm giáo giữ.
Biết lòng chàng tỏ tựa trăng sao,
Thờ chồng em nguyện cùng sinh tử.
Trả chàng đôi ngọc lệ đôi hàng,
Tiếc thừa còn son chẳng gặp chàng!*

Lê Nguyên Lưu dịch
Trong ĐUỜNG THI TUYẾN DỊCH, Tập 1,
(Huế: Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 1997, tr.
1065-1066).

D. Hai bản dịch sang tiếng Anh

Bản dịch 1:

*Song of a Modest Woman
My lord, you know that I am married and
have a husband
Yet you still give me this pair of crystal pearls.
I am moved by your lingering passion;
I conceal the pearls in my coat of red silk,
There in the high towers adjoining the palace,
My husband holds the gold sword of a
king's guard;*

*I know your heart shines like the sun and moon,
But you know that I have sworn constancy
whether we live or die.*

*I return your crystal pearls, while tears fall
from my eyes,*

Regretting we did not meet when I was unmarried.

Translated by Robert Payne

(THE WHITE PONY: AN ANTHOLOGY OF
CHINESE POETRY. New York: The New
American Library, 1947)

-Bản dịch 2 có vần:

Reply of a Chaste Wife

You know I love my husband best,
Yet two bright pearls are sent to me still.

I hung them in my red silk vest,
So grateful I'm for your good will.

You see my house o'erlooking gardens and
My husband guards the palace, halberd in hand.

I know your heart as noble as the sun and the skies,
But I have sworn to serve my husband all my life.

With your twin pearls I send back two tears from
my eyes,

Would we had met before I was a wife!

Translated by Xu Yuan Zhong

(SONGS OF THE IMMORTALS: AN
ANTHOLOGY OF CLASSICAL CHINESE
POETRY, Penguin Books, 1994, p. 70).

[Một phần bài này đã đọc nhân dịp tháng
Kỷ niệm di sản văn hoá Á châu Asian-
Pacific American Heritage Month tại The
Bureau of National Affairs, Inc.
Washington, D.C., May 1995); sửa lại
Virginia, 11/30/11--PTL]

TƯỢNG NIỆM VĂN THI SĨ HÀ BÌNH TRUNG



Kính thưa toàn thể quý vị,

Đề tưởng niệm đến văn thi sĩ HÀ BÌNH TRUNG tất nhiên là chúng ta phải đề cập tới những tác phẩm của Cụ. Đây là một kho tàng rất đồ sộ. Tất cả gồm 5 tập Truyện dài, 6 tập Truyện ngắn. 12 tập Thơ sáng tác. 3 tập Thơ dịch từ tiếng Anh, Pháp, Hoa sang tiếng Việt và 2 tập thơ sáng tác bằng Anh ngữ.

TRUYỆN dài và truyện ngắn nói chung đều mang một triết lý nhân sinh. Truyện khi thì ghi lại các biến động về chiến tranh, khi thì mô tả tình yêu đôi lứa, gia đình, lúc thì nói về quân đội, quê hương v.v... Truyện cũng bàn về luân lý và các truyền thống văn hóa cao đẹp của thời xưa cũ, đôi khi so sánh với cuộc sống tha hương hiện tại. Vì thời gian có hạn nên chúng tôi không thể trình bày chi tiết hơn cho nên chỉ xin nói về thơ.

THƠ của thi sĩ Hà Bình Trung gồm hầu như đủ mọi “thể loại thơ”. Tổng cộng có lẽ cả hơn ngàn bài. Không kể những bài đăng rải rác trên các báo chí và các bài chưa được xuất bản. Người ta thường xưng tụng thi sĩ là “Nhà thơ của tình yêu.” Cũng như buổi tưởng niệm hôm nay được đặt tên là “Yêu mãi ngàn năm”. Có lẽ cũng không sai. Thi sĩ từng viết:

*“Yêu đến bao giờ mới hết yêu?
Ngàn năm? nào đã được bao nhiêu?
Ngàn năm chưa đủ cho dòng máu
Chảy khắp con tim suốt mọi chiều!”...*

Nổi bật là **Tình yêu nam nữ**:

Tình Yêu khởi đầu từ tuổi học trò.
*“Hai mươi, rạo rục khi đi học,
Thấy áo em bay phía cuối đường,
Nán bước chờ em, lòng hờn hờ
Để cùng trao ánh mắt yêu đương”*

Với tâm hồn lãng mạn tình yêu kéo dài tới hồi trai trẻ:

*“Người nằm xa lạ trong mơ
Tỏa thơm mùi tóc vàng tơ gối đầu.
Môi nào tìm lại môi nhau,
Sáng ra tình giấc còn đâu dáng hồng”...*

Tất nhiên sẽ có men rượu, có khói thuốc, có cả lời ca, tiếng nhạc...:

*“Em mời ta chén rượu cay
Để thương nhớ mãi đêm này gặp nhau.
Môi mềm nhấp chén tê đau
Mắt đen trêu nặng ý sâu từ lý.”...*

Có chia ly nơi bến thuyền, ga vắng, phi trường

*“Tàu đi, ga vắng một người,
Mây trôi lãng đãng chân trời nhớ nhung”...*

Có hôn nhân đôi lứa kết thúc cuộc tình đẹp:
*“Ngày mai, anh đón em, em nhé!
Lộng lẫy xe hoa kết pháo hồng”...*

Tình yêu kéo dài cho đến tuổi già:
*“Khi yêu, yêu đến bạc đầu,
Thời gian không hẹn phai màu tóc xanh”...*

Thật ra Thơ của thi sĩ Hà Bình Trung không chỉ giới hạn trong vòng lãng mạng nam nữ thường tình mà còn trải rộng ra nhiều lãnh vực cao cả hơn.

Chúng ta được đọc những lời thơ nói lên **Tình yêu trong gia đình**:

Thi sĩ từng bày tỏ lòng kính yêu với Song Thân mình:

*“Thương cha mẹ đã qua đời
Lại thương ngàn dặm xa vời nước non”...*

Lòng yêu thương Con Cháu:

*“Con mở mắt chào đời. Thương biết mấy!
Ngọc lưu ly màu tinh khiết trắng ngần.
Trán con sáng như khoáng trời nắng dậy
Một màu xanh không gợn chút phù vân”...*

Lòng thương tưởng người Vợ hiền đã xa lìa cõi tục 8 năm trước đó:

*“Tôi, một bóng sống cô đơn
Sáng, chờ đợi ánh bình minh tha thiết
Trưa, chán ngán nắng vàng tăng lửa nhiệt
Chiều lặng buồn, ra tiễn bóng hoàng hôn”...*

Thi sĩ còn bộc lộ **Tình yêu đôi với đồng bào**:

Thương sót đồng bào ruột thịt trong Nạn đói năm 1945 thi sĩ viết:

*“Suối mồ hôi tràn mặt
Mắt sâu trũng niềm đau
Thân khô như bó củi
Nâng đỡ bộ xương đầu”...*

Sót thương nạn nhân Chiến tranh thi sĩ viết:

*“Vợ gánh đôi con dại,
Chồng quấy gạo, nổi niêu,
Bỏ ruộng không, nhà trống,
Như một vùng hoang liêu”...*

Và lời thơ thương cảm đời Nông dân cực khổ:

*“Thương thay số phận dân lành,
Rẻ hơn cỏ rác, ai đành làm ngo?”...*

Đã từng khoác chiến y, thi sĩ bộc lộ **Tình yêu đồng đội** khi viết những lời thơ ai điếu:

*“Thu qua, lá đổ vàng rơi
Anh đi một giấc ngủ vùi ngàn thu!”...
Có hai người bạn ngồi canh xác
Đêm lạnh gai người lúc nửa khuya!”...*

Tất nhiên trong thơ còn có **Tình yêu quý tự do**. Khi viếng tượng Nữ Thần Tự Do thi sĩ viết:

*“Quê ta ngập lửa chiến tranh
Nông thôn nghèo khó, thị thành tham ô.
Xin em một chút tự do,
Gửi thương gửi nhớ về cho quê nhà.”...*

Có ước vọng **Yêu thương hòa bình**:

*“Bao giờ đất nước thanh bình lại,
Chim hót, hoa ngàn nở thắm tươi?
Bao giờ cây lại thu thành trái,
Làng mạc vang vang rộn tiếng cười?”...*

Trần trề tình **Yêu đất nước, quê hương**:

*“Hôm nay trông cảnh xứ người,
Lòng dưng dưng thấy ngậm ngùi nhớ quê,”...
“Quê hương xa cách nghìn trùng
Càng xa càng thấy vô cùng nhớ thương”...*

Để rồi ước mơ quê hương tươi sáng, khắp nơi phô sắc ngọn cờ vàng:

*“Nhớ thuở đầu xanh vượt núi rừng
Lòng trai mơ một giấc mơ chung
Giương mài bóng nguyệt, nghe hôn nước
Vàng ánh cờ bay đẹp núi sông.”...*

Và cũng như các thi sĩ khác ai nấy đều **Yêu thiên nhiên** với phong cảnh hữu tình gợi ý thơ:

*“Sương thu ướt lạnh trăng thanh
Chiến y nặng trĩu màu xanh lá rừng.
Người đi, chân bước ngập ngừng
Núi cao chất ngát lưng chừng sương sa”...*

Nói tóm lại, Thơ của thi sĩ Hà Bình Trung đã không chỉ đề cập tới Tình Yêu nam nữ đơn thuần mà còn phỏ ra những tình cảm da diết chân thành đối với Gia đình, Đồng bào, Đồng đội, đề cao Tự do, ước vọng Hòa bình và lòng yêu Quê hương, Tổ quốc. Lời thơ chau chuốt, điêu luyện. Ý thơ trong sáng. Cụ Hà Bình Trung suốt cả một cuộc đời cầm bút, miệt mài, chân thành, chúng tôi không dám nói Vườn Văn Thơ của Cụ Hà là một cõi Thiên Thai. Nhưng có một điều chắc chắn đó là một nơi đầy kỳ hoa dị thảo và sẽ được đón nhận nồng nhiệt vì đáp ứng đúng nhịp đập con tim của người đọc. Chẳng thế mà thơ của Cụ đã được 16 nhạc sĩ tâm đắc phổ nhạc. Chúng tôi thiết nghĩ nhà văn, nhà thơ Hà Bình Trung phải được dành một chỗ xứng đáng trong Văn Học Sử của nước Việt ta.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Thật là thiếu sót nếu chúng ta không nhắc nhở tới những giòng thơ đầy ắp Đạo Vị của thi sĩ Hà Bình Trung. Thi sĩ đã cảm nhận được rằng sự vật trong vũ trụ đều do nhân duyên tác hợp, không có gì là có tự thể, thường hằng nên cuộc sống con người chỉ là tạm bợ. Thi sĩ viết:

*“Dù bạo chúa một ngày nào cũng chết
Ai trường sinh? Ai bất tử bao giờ?”...*

Trong ánh Đạo vàng rực rỡ giải thoát, thi sĩ chiêm nghiệm ra cái "sắc sắc, không không" của nhà Phật:

*“Con người là của sắc không
Đảo điên giữa chốn bụi hồng chơi vơi”...*
“Đế-cung, vương điện tan tành,

Sắc không còn lại bức thành nằm tro!”...

Trong bài “Kinh Nguyên Cầu” tưởng niệm hiền thê đã khuất núi 8 năm trước đó, thi sĩ viết:

*“Kinh cầu nguyện vang vang từ bốn cõi
Tiền người đi về đất Phật Đại Từ
Tôi lặng lẽ cúi đầu nghe tiếng nói
Những điều hay, lẽ phải của Thiên Sư”...*

Cụ Hà Bình Trung đã quy y Tam Bảo với Pháp Danh Nguyên Chí. Vì lẽ đó để chấm dứt bài tưởng niệm này tôi xin dâng lời Cầu Nguyên cho Phật Tử NGUYỄN CHÍ HÀ BÌNH TRUNG, sau khi đã nhẹ nhàng thanh thản lìa bỏ xác tục trong có một hai ngày, Người lại sẽ thông dong tự tại ra đi vào cõi tịnh, sẽ vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Quốc.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật



Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Bài đọc ở Lễ Tưởng Niệm Văn Thi sĩ Hà Bình Trung, April 29, 2012, Virginia, USA

ĐÓA CỎ THƠM

Cao Nguyên

Bóng câu qua cửa sổ. Thời gian thoáng qua, thoáng qua. Tuổi già ngồi đếm từng sat-na và tuổi trẻ đếm bằng những mùa hoa. Có buồn, có vui nhưng mà đẹp. Nếu không đẹp, ai chịu khó ngồi đếm để được dịp chúc nhau còn những bóng câu chưa qua cửa thời gian và mừng thấy mình còn hiện hữu.

Không bi quan và cũng không lạc quan với cách tính trung dung thì tất cả đã vô cùng và đang vô tận trên đường đi về trước, vào sau . Gần hay xa kể chi, miễn còn sức Xuân Thì vẫn đó, trên cả bốn mùa chẳng thiếu hoa khai. Ngay cả mùa Đông nơi vùng Đông Bắc Mỹ, đẹp ơi hoa tuyết trắng tuyết với chờ Xuân đến với Đào hồng rực rỡ .

Cảnh sắc của đất trời và lòng người phối hợp với thời gian tạo chu trình duyên khởi vào chữ nghĩa cho những đóa hoa Cỏ Thơm nở đẹp bốn mùa . Mỗi đóa nghĩa lung linh từng cánh chữ, nhụy hồng tâm vạn ý đẹp vô cùng.

Tôi yêu từng đóa Cỏ Thơm của mỗi mùa. Tùy theo tiết trời nóng lạnh mà màu hoa chuyển đổi thích nghi với mạch đời Đất Nước. Lời ý lung linh dòng hồi tưởng

nguồn xưa, chuyển tải tin yêu vào nụ biếc mùa sau .

Sự nhập đề lung khởi trên đây có làm bạn mỉm cười không đấy? Cầu cho còn những nụ cười trên môi những người bạn Cỏ Thơm. Nhớ có lần tôi nói đùa với chị Ngọc Dung trong lần họp mặt: Nơi nào có Cỏ Thơm là có tôi. May thay, điều nói đùa là sự thật.

Mỗi lần Xuân đến, những người bạn đếm tuổi Cỏ Thơm. Năm 2012, Cỏ Thơm tròn mười bảy tuổi, tuổi của trăng tròn nhất nên niềm tin và hy vọng cũng sáng nhất về một Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng .

Trong niềm vui hàn huyên sẽ không thiếu những dòng hồi tưởng vừa buồn, vừa đẹp. Buồn nhớ lúc tiễn bạn cùng thời vào cõi vĩnh hằng như các anh Vương Đức Lệ, Hoàng Trung Dương, Trịnh Hưng... Hoặc nhớ lúc chào tạm biệt anh Đỗ Bình, Lê Mộng Nguyên về lại Paris sau mấy ngày thăm hoa đào nở ở Washington.DC vào mùa Xuân 2008.

Tiễn biệt hay tạm biệt đều lưu lại nét đẹp của ân tình chữ nghĩa và thanh âm của dòng nhạc quê hương thăm tình non nước. Trong dòng hồi tưởng những kỷ niệm buồn mà đẹp, tôi nhớ đã viết lời chào tiễn biệt Hoàng Trung Dương:

*... Bạn cùng thời bỏ ta đi
Về bên kia núi còn gì để vui
biệt ly lời ý ngậm ngùi
áng thư gát bút bồi hồi cổ nhân ...*

Với nhạc sĩ Trịnh Hưng, anh ra đi nhưng chữ nghĩa và âm hưởng nhạc của anh vẫn thông dong lan tỏa trong cõi đi, về. Vẫn **Tôi Yêu – Lúa Mùa Duyên Thắm** trên cánh đồng bát ngát quê hương. Vẫn bạn anh gần xa bù ngùi luyến nhớ:

*... đã như mới đó không gì
chỉ còn chữ nghĩa lằm lì
cuộc chơi ra đi,
ở lại dẫn người
có không, không có
còn khơi chi buồn!...*

Phải, còn khơi chi buồn! Tôi nhủ tôi cứ lằm lì cuộc chơi với chữ nghĩa. Vãi chữ lên trời, chữ rơi xuống đất. Ở đâu có bạn ta, sợ chi ý lời chẳng thắm. Miễn sao mình còn vì Đất, vì Người mà gởi gắm yêu thương.

Bạn đi rồi bạn đến. Tháng 4 năm 2008, anh Đỗ Bình và anh Lê Mộng Nguyên đến thăm, bằng hữu chào đón các anh với sự hân hoan như **Mùa Xuân Vỗ Cánh**. Khi chào tạm biệt hai anh trở về Paris, tôi buông lời trách nhẹ:

*... sao không về tháng Giêng
sao không về tháng Chạp
mà về giữa tháng Tư
tháng nọ cười se thắt ...*

Bạn biết rồi, trong cảnh đẹp hoa đào đang rộ nở, cũng là lúc dòng hồi tưởng hiện lên tháng Tư buồn:

*... nỗi buồn như sóng chao
xô mạn thuyền thuở nọ*

*thuở mình đi ngược gió
Quê Hương ở đằng sau!*

Ôi quê hương! Sau 37 mùa Xuân, mỗi tháng Tư về lòng người viễn xứ vẫn buồn.

Buồn bởi **Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi**, dòng nước mưa như dòng nước mắt rơi xuống Sài Gòn thân yêu của những người dân Việt đã có một thời để yêu rồi đành đoạn nhận chịu một thời để chết bởi những đòn thù.

Trong nỗi buồn dằng dặc của tháng Tư, tôi lại ước mong phải chi có một lực

lượng từ triệu triệu con tim đập theo lẽ phải, đập theo hướng tới của mặt trời và của tuổi trẻ khởi sóng triều dâng làm nên một **Chuyển Mùa**, xóa sạch tai ương cho quê hương giàu đẹp.

Từ nỗi khát khao sự chuyển mùa, tôi thêm viết một tình khúc sơn hà để cảm ơn những tấm lòng chữ nghĩa vì quê hương, vì dân tộc mà dẫn thân vào cuộc phục hưng nền nhân bản Việt Nam.

Hy vọng lại vươn lên theo nắng Xuân về trên những Đóa Cỏ Thơm.

Maryland, Xuân 2012

Cao Nguyễn

Ghi Chú:

Dòng in đậm là tác phẩm:

Tôi Yêu – Lúa Mùa Duyên Thắm/Nhạc Sĩ Trịnh Hưng
Mùa Xuân Vỗ Cánh / Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên
Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi / Nhà Văn Phong Thu
Chuyển Mùa / Nhà Văn Trương Anh Thụy

HÙNG SỬ CA

Đinh Tiên Hoàng

(968-980)

Lê Đại Hành

(980-1009)

Đẹp loạn sứ quân gom một mối
Mười hai lãn chúa sớm qui hàng
Đinh Tiên Hoàng Đế công san định,
Vạn Thắng Đại Vương nghiệp chính trang
Quân lữ phân chia mười đại đạo
Nhân tâm qui phục một tiên hoàng!
Lê Hoàn thập đạo quân binh tướng
Dựng nghiệp Tiền Lê khá vẻ vang.

HỒ CÔNG TÂM

+++

Lý Thường Kiệt

(1036-1105)

“Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”!

...

Bảo quốc an dân công đại định
Bình Chiêm phá Tống... lịnh ban sư!
Tuyên ngôn độc lập An Nam Quốc
Đại Việt thiên thu tuyệt diệu từ!

HỒ CÔNG TÂM

Hưng Đạo Vương

Trần Quốc Tuấn

(1226-1300)

Hai phen đại phá giặc Nhà Nguyên
Xã tắc giang sơn giữ vẹn tuyền
Tướng sĩ thân thương tình phụ tử,
Quan quân khắng khít nghĩa gia tiên.
“Bình Thư Yếu Lược” từng ôn luyện,
“Hịch Tướng Sĩ Văn” kíp phổ truyền!
Quên mối thù nhà, lo nợ nước
Đại vương Nhân Trí Dũng trung kiên!

HỒ CÔNG TÂM

+++

Thượng Tướng Trần Quang Khải

(1241-1294)

Chương Dương đoạt giáo quân Mông Cổ
Hàm Tử phục binh bắt giặc thù
Kinh Bắc ruổi giong tình vạn dặm,
Thăng Long thâm lại nghĩa nghìn thu
Đuổi phăng Ô-Mã tàn binh lửa,
Bắn hạ Toa-Đô tắt hỏa mù
Thượng tướng khao quân mừng chiến thắng
Ngâm thơ đuổi giặc rộn biên khu.

HỒ CÔNG TÂM

BÊN DÒNG KỶ NIỆM

Đỗ Bình

CON ĐƯỜNG VĂN NGHỆ

Phần 1

Paris thủ đô ánh sáng, cái nôi nhân quyền và là một trong những kho tàng văn hóa của nhân loại. Lên Monmartre nơi cao nhất Paris có đền Thánh Tâm uy nghi làm bằng đá quý trắng toát sừng sững trên ngọn đồi. Đi vòng xuống lưng chừng đồi là cảnh giới riêng của khu họa sĩ, họ đang thả hồn theo những mảng sắc màu. Phố Paris gồm nhiều con đường dọc ngang uốn khúc chằng chịt, xe cộ tấp nập, khách qua lại đông nghịt dọc theo vỉa hè. Hai bên đường san sát những nhà hàng cửa hiệu quán cà phê rạp cinê được trang hoàng đầy ánh đèn màu rực rỡ. Pars thiết kế theo lối kiến trúc cổ, nhà cửa, thành quách, lâu đài, thánh đường và cây xanh tạo cho Paris thêm thơ mộng như một bức tranh ấn tượng. Những cái hay nét đẹp về Paris sách báo film ảnh âm nhạc hội họa.. vv.. đã nói nhiều nhưng nào hết? Còn những điều dù có nói cũng sẽ chẳng bao giờ dứt, hay cũng chỉ thoáng qua» như giữ cho mình chút kỷ niệm về: Người Paris và Viễn Khách, trong đó có các bạn văn nghệ phương xa đã có lần ghé thăm.

Đã lâu lắm, từ những thế kỷ trước trong số những người Việt có những người là nghệ sĩ họ đã đến Paris trình diễn hoặc thăm Paris nhưng rất thầm lặng, thời gian vô tình trôi xóa dần những dấu cũ mà dấu đó vẫn còn vương đọng! Xin kể lại các bạn một số

những câu chuyện đẹp về những tâm hồn nghệ sĩ mà tôi may mắn gặp gỡ quen biết sau này, hoặc đã quen cũ nay tình cờ gặp lại ở nơi đất khách quê người. Những điều viết ở đây không nhằm mục đích ghi lại từng chân dung và sự nghiệp của mỗi nghệ sĩ nên không thể diễn đạt hết những tính ưu việt của mỗi nghệ sĩ một cách đầy đủ về tài năng, tính chất, nghệ thuật ..vv.. **Đây chỉ là những mẩu chuyện vui dọc đường của một số người làm văn nghệ được đời gọi là nghệ sĩ.** Tôi có cái thú hay vào thư viện đọc sách, nhưng nay nhờ có internet nên cũng bới đi, thỉnh thoảng cùng bằng hữu đi xem những cuộc triển lãm tranh của một số danh họa Pháp. Những điều bất gặp trong tranh làm tôi say mê từ màu sắc, phong cảnh đến những đường nét chấm phá. Tính hiếu kỳ khiến tôi lại muốn tìm hiểu hơn về những con người trong thế giới sắc màu này nên đã liên tưởng đến những người bạn nghệ sĩ, có người là họa sĩ, có người văn sĩ, nhạc sĩ mà tôi đã từng gặp trong đời. Nếu muốn ghi lại vùng ký ức về những khuôn mặt văn nghệ sĩ ấy chắc phải mất nhiều năm; nhưng chắc gì tôi đã nhớ hết và hiểu được những tâm hồn còn đầy bí ẩn của họ! Rất may tôi lại không có tham vọng đó, công việc này dành cho các nhà nghiên cứu, nhà biên khảo về văn học nghệ thuật. Tôi chỉ làm một việc góp nhặt kỷ niệm kết thành bản **Tình Nghệ Sĩ** để thấy lại quãng mộng năm xưa cho năm tháng hoàng hôn đỡ cô quạnh.

Trước năm 1975 ở Sài Gòn tôi quen một số văn nghệ sĩ chỉ nhìn cách sống và sự đam mê nghệ thuật thì tôi đã bội phục, mỗi người mỗi khác, kẻ viết văn, làm thơ, người

soạn nhạc, trong số đó có người đã in ấn được tác phẩm, có kẻ thì không ! Có người viết nhiều ca khúc nhưng chẳng chạy theo thị trường nên chỉ loé lên rồi tắt lịm, hoặc chẳng ai biết ! Và có người tranh bán được nhiều nhưng chưa một lần triển lãm ! **Con đường văn học nghệ thuật mênh mông vô tận, người nghệ sĩ tự mình tìm con đường riêng để đi, và họ đã gặp nhau ở chốn Chân Thiện Mỹ, từ đó mọi sự vật trong cõi đời mới có tên.**

Sau biến cố năm 1975 người Việt ồ ạt bỏ nước ra đi tị nạn CS, những người đến Pháp đã đồng loạt thành lập hàng trăm hội đoàn nhằm mục đích cứu quê hương thoát khỏi ách CS. Chúng tôi là những người tị nạn đến Paris sau và cũng đã thành lập hội Văn Hóa năm 1985 theo luật 1901 do chính phủ Pháp qui định, sau chúng tôi thu hẹp lại thành Câu Lạc Bộ để đáp ứng với nhu cầu sinh hoạt văn học nghệ thuật với mục đích bảo tồn và phát huy văn hóa VN ở hải ngoại, đồng thời thành lập một tủ sách để đáp ứng nhu cầu tinh thần cho cộng đồng. Số lượng người đọc sách ngày càng nhiều do đó chúng tôi đã phát triển cơ sở thành thư viện Cergy, hiện nay trở thành thư viện quốc gia Pháp với đủ thể loại sách gồm sách Việt, Pháp và nhiều sách nước ngoài do tòa thị chính quản lý.

Trong thời gian này vợ chồng nhà văn Duyên Anh thường lui tới thăm một bà bạn cũ cùng quê chị, tôi được mời sang dùng cơm. Trong căn phòng ám cúng đầy khói thuốc và hương rượu, những khuôn mặt hiện diện đa số đều là những người du học trước năm 75. Đây là những người thành đạt, may mắn thoát khỏi chiến tranh nhưng lại thích nói về máu lửa ! Tôi đã trải qua chiến tranh và tù đầy nên rất sợ máu mà chỉ quý tình người. Ở những lần khác tôi được nghe Duyên Anh đàn hát, sau này

anh tặng tôi băng nhạc Ru Đồi Phù Áo, tôi không ngạc nhiên vì Duyên Anh biết âm nhạc trước khi viết văn. Tôi thích những người uống rượu ngâm thơ, hát, thỉnh thoảng kể chuyện đời, do đó trong những tác phẩm của tôi có lẫn men cay và khói thuốc dù tôi không hề hút thuốc, uống rượu, nhưng vẫn thích ngồi chung bàn với những người uống rượu như năm xưa ngồi chung với các chiến hữu. Ở bàn rượu, khi rượu ngà ngà thấm môi, men cay giúp con người lâng lâng như cõi trên, lúc đó ngôn ngữ của họ xuất từ đáy lòng, thần sắc tiêu dao hóa thân thành một nghệ sĩ, nhưng một khi rượu đã quá độ con người sẽ mất sự tự chủ, rơi vào giấc ngủ vô hồn ! Anh Duyên Anh uống rượu để thưởng thức, chùng mực nhưng rất sành các loại rượu, nghe anh kể về rượu mà tôi có cảm tưởng như lạc vào một cõi khác. Anh nhấp ly rượu, ngâm thơ mình, tôi thấy chất nghệ sĩ của anh như những thi sĩ thời xưa trong sách cổ. Anh tặng tôi tập thơ Tù mới in, tập thơ trình bày đẹp, đọc vài bài trong thi tập tôi cảm thấy bùi ngùi, ý thơ sâu sắc, tôi chẳng hỏi anh chuyện tù mà miên man về nét đẹp của thi ca. Thời gian sau lại tặng thi tập Em Tôi Sài Gòn Và Paris. Có lần nhạc sĩ Phạm Duy từ Mỹ qua Paris, anh Duyên Anh gọi tôi cùng anh Mai Trung Ngọc chủ nhà sách Nam Á ra khu Latin uống café nghe Phạm Duy nói chuyện. Ngoại trừ những bạn văn nghệ rù đi uống café, rượu đỏ, thường thì anh Duyên Anh hay đi với chị nhà. Tôi quý Duyên Anh ngoài tài năng văn nghệ còn ở tính nghệ sĩ đầy chất giang hồ, anh nói những điều từ con tim mà người đời chưa quen hay không muốn nghe !. Anh dung nạp cả thiên đường lẫn địa ngục mà trên đời chưa có người nào đặt chân đến.

Năm 1985 là năm Hội Thơ Ba Lê ra đời bắt nguồn từ những vị trong Hội Cao Niên Việt Nam trụ sở là một tòa nhà cao tầng tại

số 14 Bld de Vaugirard, Paris 15è do tòa thị chính Paris cấp. Tôi thường mượn phòng nơi hội cao niên để sinh hoạt văn hóa. Trong một buổi họp các bạn thơ để đặt tên nhóm thơ, nhà thơ Hương Bình tức GS Cao Văn Chiểu đề nghị tên : Ba Lê Thi Xã, nhà thơ Hàm Thạch tức Luật gia Nguyễn Xuân Nhẫn đề nghị : Hội thơ Ba Lê, ông nói : *“Hội Thơ Ba Lê hay Ba Lê Thi Xã gì cũng như nhau, nhưng Ba Lê Thi Xã nghe có vẻ âm hưởng hội thơ thời vua Tự Đức của thi sĩ Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương, mà nhà thơ Cao Bá Quát đã có câu thơ chế diễu:*

*“Ngán thay cái mũi vô duyên,
Câu thơ Thi Xã con thuyền Nghệ An! “*

Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh liền phát biểu:

“Tôi là cháu của Tùng Thiện Vương đây, còn chị Quỳnh Liên là cháu của Tuy Lý Vương, chúng tôi được mời đến tham dự hội thơ chứ đâu phải là người khởi xướng mà liên quan đến chuyện ngày trước. Dùng danh xưng Ba Lê Thi Xã nghe nó thơ và khiêm tốn, còn dùng Hội Thơ Ba Lê sợ sẽ đụng chạm đến các hội thơ khác. Từ đó nhóm thơ mang tên: Ba Lê Thi Xã, lúc đầu các nhà thơ chỉ đến họp bạn rồi xướng họa Đường Thi mặc dù trong đó chỉ có nhà thơ Đào Trọng Đủ là thực sự theo khuynh hướng Đường Thi nghĩa là ngoài thơ Đường ông không làm một thể loại khác ; những người còn lại đều theo khuynh hướng Thơ Mới, nhưng họ làm thơ Đường rất chỉnh và hay ; nhưng rất ít làm, vì sợ đem ra bình phẩm.

Thuở ấy tôi chỉ dự thính mà không tham gia vào Hội Thơ, mãi đến năm 1990 tôi mới gia nhập Ba Lê Thi Xã, thời gian sau tôi đề nghị mỗi lần họp thơ nên theo một đề tài mà làm thơ Cảm Đề, hoặc đưa ra những bài thơ đặc ý nhất không bó buộc ở thể loại. Với đề nghị đó hội thơ trở nên khởi sắc, họ không

XIN VẮNG LỜI THẦY

Đây rồi Đồng Khánh ngày xưa
Đôi hàng phượng vĩ đang mùa nở hoa
Tóc thầy đã tuyết sương pha
Bốn mươi năm ấy cách xa trường rồi
Trở về trường cũ bồi hồi
Mộng mơ áo trắng một thời là đây
Cột cờ cao ngất trời mây
Sân chơi thả ấy vẫn đầy tiếng reo
Nơi tập thể dục mỗi chiều
Nghe lời thầy dạy bao điều mến thương
Ba hồi trống giục tan trường
Ngập tràn áo trắng trên đường vui thay
Tương lai đất nước là đây
Chừ ai áo trắng đổi thay bao lần
Nhớ xưa thầy vẫn ân cần
Cầm tay con gạch những vắn đầu tiên
Giờ lo cơm áo gạo tiền
Sống sao cho xứng khỏi phiền lụy ai
Sống sao khỏi phụ ơn thầy
Sống sao đáp được ơn đầy tựa non
Sông dù cạn, đá dẫu mòn
Non cao biển rộng chưa tròn nghĩa ân
Quyền cao chức trọng... phù vân
Cúi đầu con nguyện xin vầng lời thầy.

KIỀU ANH

(Minnesota)

còn quá thận trọng bị gò bó gượng ép làm những câu vần điệu khung theo quy luật, do đó hội thơ mới mời nhà thơ Hoài Việt tức

tiến sĩ Nguyễn Văn Hường, tác giả 4 thi tập: Tôi yêu 1962, Tình Em Nho Nhỏ 1962, Ngày Mẹ về 1978 và Quê Người in năm 1987, ngoài ra ông còn là người chủ trương tuyển tập Làng Xưa Phố Cũ, ông là người duy nhất làm thơ Tự Do trong hội.

Năm 1986 hội Văn Hóa đã tham dự ngày quốc tế văn hóa Symbiose nhằm giới thiệu văn hóa dân tộc VN với các dân tộc khác sống trên xứ Pháp, sau đó một thành viên của hội là nhà nhiếp ảnh Nguyễn Đăng Trình được mời làm khách danh dự triển lãm tại Đại Hội Nhiếp ảnh Vương Quốc Bỉ ở Charleroi. Năm 1987 vào triển lãm 2 tháng liền trong Musée Francais de la Photographie, Bièvres, do Association Culture Vietnam chủ tịch là Giáo sư Phạm Mậu Quân đỡ đầu, với chủ đề : Khung Trời Việt Nam. Đây là một vinh dự cho những nhà nhiếp ảnh được trình bày tác phẩm của mình, những người được trưng bày đều là những nhà nhiếp ảnh quốc tế, và do quốc gia giới thiệu. Luật sư Nguyễn Đăng Trình là một nhà nhiếp ảnh đam mê, từng đoạt giải nhì quốc tế UNESCO, và nhiều giải nhất về nhiếp ảnh cỡ trung tại Pháp. Khi rời khỏi VN ông mang theo được một số âm bản chụp nhiều cảnh VN trước và sau năm 1975, qua Pháp ông làm ảnh bằng kỹ thuật mới trong phòng tối và phóng lớn. Chúng tôi được viện bảo tàng nhận là vì lúc đó VN hoàn toàn bị cắt đứt với thế giới bên ngoài, những hình ảnh Nguyễn Đăng Trình mang theo là một không gian VN thu hẹp, nhờ đó đã mở cánh cửa cho chúng tôi đem hình vào viện triển lãm. 1988 chúng tôi được mời sang tận Museum Volkenkude Rotterdam và Museum Groningen Hoà Lan triển lãm 4 tháng liền. Hiện nay Nguyễn Đăng Trình đang định cư ở Montréal, Canada vẫn bấm máy nhưng không còn triển lãm.

Làng văn nghệ Paris rất vui vì được tin nhà văn An Khê một cây bút lão thành trong giới cầm bút trước 75 ở Sài Gòn mới từ Việt Nam qua Pháp định cư vào cuối năm 1988. Nhà văn An Khê tên thật là Nguyễn Bình Thịnh sinh 01.09.1923 tại làng Tân An, tỉnh Sa Đéc ; nhưng trưởng thành ở Rạch Giá Kiên Giang). Ông là một cây bút lâu năm trong nghề, gia nhập vào làng báo VN từ đầu năm 1950 cho đến ngày 30. 04. 1975, với các bút hiệu : Nguyễn Bình Long viết về gián điệp, Trương Thanh Vân viết về trinh thám. Năm 1952 ông vào quân đội và năm 1954 ông bị thương ở đèo An Khê hỏng cánh tay mặt. Từ đó ông lấy bút hiệu An Khê và gõ máy một tay để viết tiểu thuyết Dã Sử VN. Ông viết rất khỏe, viết tiểu thuyết đăng các báo hàng ngày cho các nhật báo ở thủ đô. Năm 1966 ông là chủ nhiệm nhật báo Miền Tây, là tờ báo đầu tiên của vùng. Sau biến cố năm Mậu Thân tờ báo đình bản. Trước năm 1975 ông cộng tác với các tạp chí : Đời Mới, Phổ Thông Bán Nguyệt San, Tiếng Chuông, Buổi sáng, Công Nhân, Dân Tiến, Vận Hội mới, Tin Sớm, Tia Sáng, Quyết Tiến, Thời Báo, Cấp Tiến, Dân Chúng, Dân Nguyên, Tiến,... Đã viết khoảng 250 quyển tiểu thuyết, và đã in thành sách ở VN được 22 bộ. Ra hải ngoại vì tuổi tác và sức khỏe kém, nhất là cánh tay bị đau nhức nên ông chỉ viết được ít truyện ngắn cộng tác với một số báo ở hải ngoại như : Làng Văn, Tiểu Thuyết Nguyệt San, Văn Nghệ Tuyền Phong, Viên Giác Ái Hữu và Ngày Mai. Năm 1993 Cơ sở Làng Văn (Canada) có giúp ông hoàn thành tác phẩm cuối đời cuốn hồi ký ngắn : Từ Khám Lớn Đến Côn Đảo. Nhà văn An Khê có người cháu ruột là cựu thiếu tá Lực Lượng Đặc Biệt Nguyễn Bình Quang, anh Quang là bạn chúng tôi : LS Phạm Thanh Vân, nhà Báo

Nguyễn Cao, và tôi, nhưng chúng tôi được nhà văn An Khê nhận làm anh em kết nghĩa, chúng tôi gọi nhà văn An Khê là Anh Hai. Có thể nói nhà văn An Khê là người khởi xướng đầu tiên Phong Trào yếm Trợ Phế Binh VNCH ở hải ngoại? mà chúng tôi là những thành viên rất ít ỏi ban đầu, trong đó có GS Lương Thị Nga, anh chị BS Nguyễn Văn Mậu đã tận tình giúp đỡ. Thuở ấy viết những bài về phế binh kêu gọi tình người rất nhạy cảm, dễ bị ngộ nhận ! Cũng may sự trong sáng và lòng chân thật đã giúp chúng tôi vượt những trở ngại. Ngày ấy tôi được các chiến hữu trao cho trách nhiệm chủ bút một tờ nguyệt san : Vũng Dậy. Anh Nguyễn Quang Hạnh hiện là chủ tịch Hội Bạn Thương Phế Binh VNCH và là chủ nhiệm tờ Nặng Gổ lúc đó đang sinh hoạt chung với tôi. Các anh sợ tôi bỏ thì giờ nhiều vào công việc vận động yếm trợ thương phế binh VNCH mà sao lãng trách vụ tờ báo.

Nhiều lần từ Paris xuống Marseille thấy anh An Khê cặm cụi gõ máy, ngón tay của anh bị chảy máu chúng tôi thấy xót xa ! Hiểu lòng chúng tôi anh nói: *“Xá gì chút máu các chú ơi ! Anh em phế binh bên nhà còn khổ gấp trăm ngàn lần nữa. Chỉ có chúng ta bị thương tật nên mới thông cảm được những mất mát của anh em.”* Vì được chúng tôi kiến tâm lòng của nhà văn An Khê, và câu châm ngôn “Lá lành đùm lá rách ” được chúng tôi thêm vào: “ Lá rách đùm lá nát”, chúng tôi thêm vào để tự an ủi mình trên con đường làm việc nghĩa. Những bài viết của chúng tôi đã động lòng người, đồng bào ở Pháp đã hưởng ứng. Các chiến hữu Nguyễn Quang Hạnh vì quá thận trọng sợ bị chụp mũ, từ việc ngăn cản tôi, chuyển sang nhận trách nhiệm hội Bạn Của Phế Binh VNCH từ đó cho đến hôm nay đã hai mươi năm. Anh Nguyễn Quang Hạnh, Nguyễn

Đức Tăng, BS Nguyễn Bá Linh.... đã làm công việc chia sẻ Tình Thương của những người có một thời là lính. Vì việc nghĩa nên được sự hưởng ứng của các đồng hương, trong đó phải kể BS Phan Minh Hiền và GS Nguyễn Văn Huy những người chưa một lần mặc áo lính nhưng thương những người đã vì tự do và quê hương mà mất đi phần thân thể. Hai người này đã viết một cuốn sách nói về sự khốn cùng của người phế binh VNCH còn lại trong nước, cuốn sách gây động lòng người làm rơi bao nước mắt. Có lần chúng tôi : Nhà văn An Khê , LS Phạm Thanh Dân, GS Lương Thị Nga và tôi đi vận động ở các tỉnh miền Nam nước Pháp, trên đường trở về nhà anh An Khê lúc gần sáng, chị Lương Thị Nga vì lái xe đường xa đưa chúng tôi đi nhiều ngày nên quá mệt mỏi, lúc về xuyết nữa xe rơi xuống đèo ! Tờ báo Nặng Gổ hiện nay ở Paris là một bài thơ của tôi lấy làm tựa báo. Khi phong trào phế binh ở hải ngoại được mọi người chiếu cố; tôi tự ý rút lui, và cũng rời khỏi tờ nguyệt san Vũng Dậy để dốc tâm vào văn hóa. Vào thu năm 1994 nhà văn An Khê từ già cõi đời, ít lâu sau GS Lương Thị Nga cũng về miền vĩnh hằng.

Năm 1989 Một năm thay đổi diện mạo thế giới về mặt chính trị, bức tường Berlin sụp đổ, Liên Bang Xô Viết tan rã và chủ nghĩa Cộng Sản cáo chúng. Sinh hoạt văn nghệ Paris vẫn rầm rộ, đặc biệt vào ngày 18.11.1989 chúng tôi tổ chức họp bạn văn nghệ tại nhà hàng Hoàng Gia để chào đón thi sĩ Du Tử Lê từ Hoa kỳ sang Paris ra mắt tác phẩm mới : Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiều, tôi đã giới thiệu và diễn ngâm một số bài thơ tiêu biểu của anh. Tôi có duyên văn nghệ với người nghệ sĩ đa tài này, cứ mỗi lần anh sang Paris tôi lại được dịp ngâm thơ của anh cho công chúng yêu

thơ qua những thi tập : Đi Vội Về Một Như Nhau, Chỉ Như Mặt Khác Tấm Soi Gương. Bằng đi nhiều năm, lần thi sĩ Du Tử Lê trở lại Paris cùng nhạc sĩ Từ Công Phụng, Vũ Thành An là đóa hoa muôn sắc, một món quà tinh thần độc đáo văn nghệ dành cho giới thường ngoạn Paris. Viết về Du Tử Lê, Từ Công Phụng và Vũ Thành An phải tốn nhiều giấy mực, và nhiều người đã viết, riêng tôi : Họ là những người trời sinh ra để làm nghệ sĩ tạo thêm cái đẹp cho đời.

Mùa thu năm 1990 chúng tôi có tổ chức một buổi tưởng niệm 50 năm ngày mất của thi sĩ Hàn Mạc Tử. Thuở ấy sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt ở Paris thật là khởi sắc, chỗ này ra mắt sách, chỗ kia ca nhạc, thỉnh thoảng có triển lãm tranh ảnh, chỗ nào cũng đông đủ những khuôn mặt trong giới văn nghệ thật là vui. Nói đến ra mắt sách phải nói đến nhà văn, nhà báo Từ Nguyên bút hiệu của GS Trần Văn Ngô, một chuyên viên tổ chức, ông là tác giả những cuốn: Cơ Sở truyền Thông VNCH 1968, Săn Tin, Viết Tin, Sài Gòn 1974, (1988), Bộ tiểu thuyết: Bé Kim, Ngàn Khơi (1993)... Ông rất hăng say trong những sinh hoạt văn học gìn giữ văn hóa VN ở Hải Ngoại, tích cực trong Trung Tâm Văn Bút VN tại Paris và Âu Châu.

Trở lại sinh hoạt buổi tưởng niệm thi sĩ Hàn Mạc Tử, hôm đó, ngoài phần đọc những bài thơ chọn lọc trong thi tập : Lệ Thanh, Gái Quê, Đau Thương của Hàn Mạc Tử, các văn nhân thi sĩ còn bàn đến những nét hay đẹp trong thơ, cuộc tranh luận tuy không sôi nổi nhưng rất hào hứng. Nữ sĩ Minh Châu, Gs Thái Hạc Oanh cho rằng trong thơ Hàn Mạc Tử có nhiều bài siêu thực, nhất là giai đoạn ông bị bệnh :

*«Gió rít tầng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô.*

*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy diên cuồng mưa máu ra »*

(Say Trăng)

Nhà thơ Song Thái Phạm Công Huyền lại bảo thơ Hàn Mạc Tử nặng chất tình dục :

*«Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi*

Hoa lá ngậy tình không muốn động

Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.....

.. Ô kìa ! bóng nguyệt trần truồng tắm

Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe ...»

(Bẽn Lẽn)

Nói đến nhà thơ Song Thái, nhà cựu ngoại giao VNCH, tác giả nhiều tập thơ và nhiều bài biên khảo, luận thơ trên báo. Ông là người mệnh danh làm thơ lục bát nhanh, nhưng ít bài độc đáo. Có lần ông nói chuyện trong một buổi sinh hoạt văn hóa về đề tài : Những Phong Tục Tập Quán Việt Nam, thời gian ấn định dành cho mỗi diễn giả 25 phút, bài nói chuyện của nhà thơ Song Thái kéo dài hơn một giờ, khán giả thấy vậy đồng loạt vỗ tay để cho ông ngưng nói, nhưng ông lại nghĩ rằng mọi người thích nghe ông nói nên ông đã cảm ơn và tiếp tục nói đến hết bài ! Nhờ nổi tiếng, ông được nhà báo Bát Vân tức nhạc sĩ Lê Minh Hải ái mộ. Ông Lê Minh Hải qua Pháp vào thập niên 60, là chủ một nguyệt San Tân Dân Xã ở Paris phát hành khắp Âu Châu và Mỹ. Ông rất ngưỡng mộ nữ sĩ Vân Nương và phu quân của bà là Cố luật sư Lê Ngọc Chấn, có thời làm Đại sứ VNCH ở Anh Quốc, nên ông đã tự đặt tên : “Tao Đàn Hải Ngoại ” rồi đưa lên trang báo và phong chức cho chúng tôi: nhà thơ Song Thái là chủ tịch, nữ sĩ Vân Nương Lê Ngọc Chấn là Phó, còn tôi là tổng thư ký. Nói qua về nữ sĩ Vân Nương, tác giả nhiều tập thơ, có những bài nổi tiếng, trong đó có thi tập Mây Viễn Phố viết sau này. Nữ sĩ Vân Nương là nhà

thơ nữ duy nhất ở Pháp có chân trong các hội thơ danh tiếng của Việt Nam từ đầu thập niên 60 thế kỷ trước. Thơ của tôi được bà cảm nên đã chuyển vài bài qua Pháp ngữ và còn làm tặng một ít bài thơ. Nhận được báo của Bát Vân Lê Minh Hải tôi đọc mà rùng mình, sợ bằng hữu hiểu lầm, tôi vộiophon ngay đến nhà báo Bát Vân đề hỏi nhưng ông không có nhà ! Hôm sau, nữ sĩ Vân Nương ở dưới tỉnh Dordogne miền nam nước Pháp gọi lên Paris, bà đọc báo của Lê Minh Hải tưởng tôi đã nhận lời tham gia nên gọi phon hỏi về chuyện Tao Đàn Hải Ngoại, sau khi hiểu câu chuyện bà quyết liệt đòi tờ báo cải chính, bà còn viết thư cho tôi nhờ nói giúp bỏ tên nữ sĩ ra. Sau khi liên lạc được với nhà báo Lê Minh Hải, tôi yêu cầu ông cải chính. Nhà báo Lê Minh Hải vui vẻ nói : *“Điều đó chỉ là do ý tốt của tôi muốn những nhà thơ khắp nơi đứng chung với nhau để thành vườn thơ.”*Sau đó ông đã dẹp bỏ ngay cái *“Tao Đàn”* đó vào bóng tối. Ít lâu sau thì ông qua đời mang theo nhiều tâm huyết và hoài bão ! Nhà thơ Song Thái hiện nay đã gần trăm tuổi nhưng vẫn thuộc nhiều thơ.

Trở lại buổi sinh hoạt, người phát biểu kế tiếp về Hàn Mạc Tử là nhà biên khảo Lương Giang Phạm Trọng Nhân, cựu ngoại giao VNCH, một trong những diễn giả diễn thuyết hay của Paris, ông nói : *“ Theo tôi thơ Hàn Mạc Tử là thơ trữ tình lãng mạn khởi đi từ quê hương đến tình yêu đôi lứa....Những bài thơ trong thi tập Lệ Thanh, Gái Quê và một số bài trong Đau Thương mang dòng thơ trữ tình lãng mạn: Mùa Xuân Chín, Đây Thôn Vỹ Dạ, Trăng Vàng Trăng Ngọc, Những Giọt Lệ... Ông đọc :*

*« ... Người đi, một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ... »*

(Những Giọt Lệ)

Ông đọc tiếp bài khác : Đây Thôn Vỹ Dạ:

*“...Mơ khách đường xa, khách đường xa;
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?”*

Nói đến Trăng trong thơ Hàn Mạc Tử là nói đến cách xử dụng hình ảnh linh động chứa ẩn dụ và mang nhiều ý nghĩa khác nhau :

“Trăng, trắng, trăng ! Là trăng, trăng trắng!

(Trăng Vàng Trăng Ngọc)

Nhà thơ Hồ Trọng Khôi, cựu ngoại giao VNCH, người nổi tiếng ở Paris về thơ Quê hương trữ tình, còn là nhà biên khảo tác giả cuốn Tận Thế Hay Không ? Nhà thơ Hồ Trọng Khôi đặt câu hỏi : *« Tại sao vào những đêm trăng rằm thi sĩ Hàn Mạc Tử lại cảm thấy đau đớn hơn ? Có phải cơ thể người bị phong nan y dị ứng với mùa trăng? »*

Nhà thơ Bằng Vân ngồi im lặng bỗng lên tiếng :

«Chẳng phải mỗi lần trăng lên là hành hạ các vết đau của Hàn Mạc Tử, vì người bị phong nan y các ngón chân tay trong cơ thể đều tắc các mạch máu và tê dại thì làm sao mà đau đớn ! Do đó cơn đau ở đây là nỗi đau trong tâm hồn, chứ không phải đau thể xác. » Nói đến thi sĩ Bằng Vân một con người đặc biệt, năm xưa ông mê thơ hơn chức giáo sư đại học y khoa, chức trưởng phòng nghiên cứu về bệnh cùi (1963-1975) thuộc viện Pasteur :Trung tâm nghiên cứu bệnh nhiệt đới. Ông là thành viên hội thơ Trúc Liên từ đầu thập niên 60, hội quy tụ nhiều nam nữ thi sĩ nổi tiếng như Chung Anh, Vân Nương, Thu Nga, Trùng Quang, Đông Xuyên....vvv... Thi sĩ Bằng Vân đã sống với thơ và thơ đã nhập vào ông thành phong cách sống. Dù say thơ, từng làm thơ xướng họa với các thi nhân nhưng Bằng Vân vẫn xem mình như một nhà thơ tài tử, vì tay phải vẫn cầm ống nghe, tay trái viết theo tiếng lòng. May thay cạnh ông thời trẻ

là những văn thi sĩ nổi tiếng như Lãng Nhân, Vũ Hoàng Chương, Tchya. Nguyễn Hiến Lê, Vũ Bằng, Đỗ Đức Thu..vv.. hiểu ông, khuyến khích nên thơ ông càng ngày càng điêu luyện sắc bén. Sau biến cố, ăm 75 thơ ông trở nên độc đáo mang tính phê phán, châm biếm. Nói như nhà thơ Phương Du : *«Trong số các nhà thơ châm biếm VN như Tú Xương, Tú Mỡ...thi sĩ Bằng Vân là một Tú Gân.»* Với bản tính nghệ sĩ bất cần nên hơi khác người, ông thường bị xem là kẻ boi ngược dòng, ngông sĩ, thích bông đùa. Đôi khi thấy ông tay xách bao đi chợ đựng sách báo và thức ăn, ông vào nhà hàng gọi chung bàn tiệc với các bạn văn thơ, ông không dùng thức ăn của nhà hàng, ông không ăn chay nhưng mang phần ăn của mình ra ngoài ăn, ông dành tiền phần ăn mua sách ủng hộ các văn thi sĩ. Các bạn thơ ở Paris đều hiểu và phục ông lắm, chẳng ai thắc mắc những lúc ông «hứng» như thế. Ăn xong, vào phần thảo luận văn thơ ông diễn thuyết như sáo. Một số bài thơ trong thi tập Mếu Cười dưới bút hiệu Lưu Văn Vọng là ông tự họa để riễu mình và châm biếm đời. Ông rất quý tình bạn, nhất là tình nghệ sĩ nên viết thi tập Duyên Thơ Tình Bạn, Sợi Tơ Lòng dưới bút hiệu Bằng Vân. Trong số các nhà thơ nữ ở Paris ông quý nhất nữ sĩ Thanh Thanh Thân Thị Ngọc Quế tác giả thi tập Giọt Nước Cành Sen, và nữ sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương còn ở quê nhà, đa số thơ ông ca ngợi những thi sĩ cùng thời với ông. Hình bìa của thi tập Huyền Thoại Tình Và Thơ, do phu quân của nữ sĩ Thanh Thanh là họa sĩ Dương Cẩm Chương trình bày, người nghệ sĩ này thích vẽ tranh hơn làm bác sĩ khám bệnh.

Có lần chúng tôi họp bạn văn ở nhà hàng Đào Viên để đón nhà thơ Viên Linh từ Hòa Kỳ sang. Trong số những người đến

sớm có tôi, nhà văn Hồ Trường An, nhà thơ Bằng Vân, nhà thơ Phương Du, nữ sĩ Quỳnh Liên, nữ sĩ Thụy Khanh.vv.Nhà thơ Bằng Vân hỏi nhà văn Hồ Trường An : «Sao ông viết về phụ nữ nhiều thế, ca vừa thôi chứ !?» Đang vui bỗng bị hỏi câu đó, nhà văn Hồ Trường An : «Chỉ mình tôi “ca” bộ ông không ca sao ?!» Thi sĩ Bằng Vân cười ha ha : *«Thế là chúng ta đồng điệu,... Viết về cái đẹp cái hay của phụ nữ là đề tài mà từ ngàn xưa giới văn học nghệ thuật đã làm, chúng ta chỉ là người đi sau phát hiện ra cái hay, cái đẹp để ca ngợi.»*

Thi sĩ Bằng Vân dáng người dong dong cao như tây phương, mái tóc dày trắng như cước bông bênh trông rất nghệ sĩ. Khuôn mặt của ông điển trai trông đẹp lão, miệng ông luôn cười, hé chiếc răng nanh làm tăng vẻ duyên dáng. Thi sĩ bằng Vân vốn có một kiến thức rất uyên bác, lại có tài ăn nói. Có lần học giả GS Lê Hữu Mục qua Paris diễn thuyết về Truyện Kiều do hội Dục sĩ tổ chức, ông được mời đến hội Thơ để đàm luận thi ca, và giới thiệu vài nét về cuốn Ngục Trung Nhật Ký mà ông vừa viết. Ở Ba Lê Thi Xã ông gặp được thi sĩ Bằng Vân, cặp nghệ sĩ Bằng Vân Lê Hữu Mục hòa nhau diễn thuyết khiến các nhà thơ hiện diện nghe say mê quên cả trình bày thơ mình. Một người nổi tiếng như BS Trần Văn Bằng đến khi lia đời ở tuổi 88 vào năm 1998. Tiền ông chỉ ít bạn thơ và gia đình, hôm đó trời lạnh dưới 5 độ C, tuyết rơi phủ ngập đường. Trong băng giá, có một người nghệ sĩ cả đời dùng thi ca để nói lên nỗi đau của thân phận con người, ông ra đi mà nỗi niềm nhân thế vẫn còn vương!

(Còn tiếp)

ĐỖ BÌNH

(Paris)

Sir Arthur Ignatius Conan Doyle

(1859-1930)

Nhà Văn viết truyện Trinh Thám danh tiếng nhất của nước Anh

Phạm Văn Tuấn

Sir Arthur Ignatius Conan Doyle là nhà văn Tô Cách Lan (Scottish) rất nổi danh về các truyện trinh thám với thám tử tên là Sherlock Holmes, đây là những truyện ngắn loại mới trong bộ môn truyện hư cấu về tội phạm (crime fiction).



Sir Conan Doyle là tác giả rất phong phú với các truyện khoa học giả tưởng (science fiction), các tiểu thuyết lịch sử (historical novels), các vở kịch, các truyện tình (romances), các tập thơ và các truyện

không hư cấu (non-fiction). Conan là tên giữa (middle name) nhưng đã được tác giả dùng như tên gọi (surname) trong các năm về sau.

1/ Cuộc đời của Nhà Văn Conan Doyle.

Arthur Conan Doyle chào đời vào ngày 22/5/1859 tại Edinburgh, là người con thứ hai trong 10 người con của ông Charles Altamont Doyle và bà Mary Foley Doyle. Bà mẹ Mary này là một người có văn hóa cao, rất quan tâm tới văn học, bà thường khuyến khích cậu con trai thám hiểm vào thế giới của sách vở. Vào tuổi lên 9, cậu Arthur được cha mẹ cho theo học trường tiểu học Dòng Tên Stonyhurst, rồi khi lên 14 tuổi, cậu Arthur đã học tiếng Pháp để đọc các cuốn truyện giả tưởng của nhà văn Pháp Jules Verne. Khi rời khỏi ngôi trường Stonyhurst vào năm 1875, Arthur đã từ bỏ đạo Thiên Chúa để trở nên một người theo thuyết "không thể hiểu biết Thượng Đế" (an agnostic).

Từ năm 1876 tới năm 1881, Arthur theo học Y khoa tại Đại Học Edinburgh, trong thời gian này, ông đã làm việc tại thành phố Aston, ngày nay là một khu vực của Birmingham. Sau khi ra trường, ông Conan Doyle là một y sĩ phục vụ trên một con tàu đi tới miền bờ biển phía tây của châu Phi rồi qua năm 1882, ông mở phòng khám bệnh tại Plymouth. Tới năm 1885, ông Conan Doyle hoàn thành luận án Bác Sĩ Y Khoa về bệnh hao mòn (Tabes Dorsalis).

Do nghề bác sĩ không đông khách và trong khi chờ đợi các bệnh nhân, ông Conan Doyle bắt đầu viết các truyện ngắn. Thực ra vào tuổi dưới 20, ông Doyle đã từng viết bài cho tờ báo Chambers của miền Edinburgh.

Vài năm về sau, khi đã dọn phòng mạch về Southsea, ông Conan Doyle mới bắt đầu say mê văn chương nhưng ông cũng đã giúp công vào việc tạo nên đội bóng đá đầu tiên của thành phố và ông từng làm thủ môn đầu tiên và hậu vệ trong các năm từ 1884 tới năm 1890.

Tác phẩm giá trị đầu tiên của ông Conan Doyle là cuốn "Một Khảo Sát về Màu Đỏ Tươi" (A Study in Scarlet) xuất hiện vào năm 1887 trên đặc san Giáng Sinh của tạp chí Beeton, qua đó đã xuất hiện lần đầu tiên nhà thám tử Sherlock Holmes, nhân vật này được tác giả tạo nên theo hình ảnh và tài năng quan sát của ông Joseph Bell, vị Giáo Sư Đại Học khi trước. Đây là vị giáo sư Y Khoa có tài nhận xét từng chi tiết rất nhỏ của bệnh nhân để kết luận một cách hữu lý. Nhà văn danh tiếng Ruyard Kipling đã phải khen ngợi ông Conan Doyle về sự thành công của cuốn truyện.

Năm 1885, ông Conan Doyle kết hôn với cô Louisa Hawkins nhưng bà vợ này đã mắc bệnh lao phổi và qua đời vào năm 1906. Năm sau, ông kết hôn với cô Jeanne Leckie, là phụ nữ mà ông đã gặp và yêu thương từ năm 1897. Ông có 5 người con, 2 người với bà vợ thứ nhất tên là Mary và Kinsley, và 3 người con với bà vợ thứ hai: Jean, Denis và Adrian.

Năm 1890, ông Conan Doyle theo học Nhân Khoa tại Vienna rồi dời nhà về thành phố London năm 1891 và mở phòng khám mắt. Trong cuốn tự truyện, ông đã viết rõ rằng không một bệnh nhân nào vào phòng

khám bệnh của ông cả, sự kiện này khiến cho ông có nhiều thời giờ dành cho công việc viết văn, nhưng tới tháng 11/1891, ông Conan Doyle đã viết thư cho mẹ: "Con đã nghĩ tới việc chấm dứt vĩnh viễn thám tử Holmes, anh ta làm cho tâm trí của con xa lánh các thứ tốt lành hơn".

Vào tháng 12/1893, ông Conan Doyle đã làm như vậy để dồn thời giờ vào các công việc quan trọng hơn, đó là các tiểu thuyết lịch sử (historical novels), và tác giả Conan Doyle đã cho thám tử Sherlock Holmes đối đầu với Giáo Sư Moriarty trong cuốn truyện "Vấn Đề Khó Khăn Cuối Cùng" (The Final Problem). Cả hai bị té ngã và chết tại thác nước Reichenbach, thuộc nước Thụy Sĩ.

Các bạn đọc theo dõi truyện của ông Conan Doyle đã phản đối kịch liệt, họ đeo các băng đề tang và tờ báo Strand, chuyên đăng chuyện dài nhiều kỳ, đã bị mất đi 20,000 người mua báo dài hạn. Sự phản đối này khiến cho tác giả Conan Doyle phải viết tiếp cuốn truyện "Cuộc Phiêu Lưu của một Căn Nhà trống" (The Adventure of the Empty House) trong đó đã cắt nghĩa khéo léo rằng chỉ có Giáo Sư Moriarty bị chết, còn thám tử Sherlock Holmes đã được cứu thoát. Nhà thám tử danh tiếng này đã xuất hiện trong tất cả 56 truyện ngắn và tiểu thuyết của ông Conan Doyle.

Loạt truyện trinh thám với thám tử Sherlock Holmes đã được dịch sang hơn 50 ngôn ngữ khác nhau, được chuyển thành phim, thành kịch, được kể trên các đài phát thanh, chiếu trên các đài truyền hình và được vẽ trong các sách báo, quảng cáo... Vào năm 1920, tác giả Conan Doyle là một trong các nhà văn kiếm được nhiều tiền nhất trên thế giới.

Sang đầu thế kỷ 20, đã xảy ra cuộc chiến tranh Boers tại xứ Nam Phi và cả thế giới đã lên án các hành động của người Anh. Ông Conan Doyle đã viết một cuốn sách mỏng, có tên là "Trận Chiến tại Nam Phi: Lý Do và Hành Động" (The War in South Africa: Its Cause and Conduct) để biện minh cho vai trò của nước Anh trong cuộc chiến này và cuốn sách kể trên đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ và phổ biến rộng rãi.

Ông Conan Doyle được phong chức Hiệp Sĩ năm 1902 và ông cho rằng đó là nhờ cuốn sách mỏng kể trên và nhờ các công trạng của ông ở bệnh viện dã chiến Bloemfontein, Nam Phi. Ông cũng được cử làm Phó Thống Đốc quận Surrey vào năm 1902 và cũng viết một cuốn sách dài: Trận Chiến Tranh Lớn Boer (The Great Boer War).

Trong các năm đầu của thế kỷ 20, Sir Arthur Conan Doyle đã ra ứng cử chức đại biểu Quốc Hội, một lần tại địa phận Edinburgh còn lần kia tại địa phận Border Burghs nhưng đều không trúng cử dù đạt được số phiếu đáng kể. Sau đó, ông Conan Doyle tham gia vào phong trào cải cách xứ Congo Tự Do (Congo Free State) chủ trương do nhà báo E.D. Morel và nhà ngoại giao Roger Casement và viết ra một cuốn sách để tố cáo các nỗi kinh hoàng tại Congo, có tên là "Tội Ác tại Congo" (The Crime in Congo). Do quen thân với hai nhân vật Morel và Casement kể trên, nhà văn Conan Doyle đã dùng hình ảnh của hai người này vào trong tác phẩm "Thế Giới Thất Lạc" (The Lost World, 1912).

Khi ông Morel trở nên khuyh tả, ông Conan Doyle đã đoạn giao với ông ta và trở thành một trong các nhà lãnh đạo phong trào hòa bình trong thời kỳ Thế Chiến Thứ Nhất và khi ông Casement phạm tội phản

bội chống lại nước Anh vì quan điểm quốc gia Tô Cách Lan (Irish nationalist), ông Conan Doyle đã cố gắng bênh vực ông Casement khỏi bị án tử hình.

Ông Conan Doyle còn là một người hăng hái biện hộ cho công lý, tự mình điều tra hai trường hợp bị kết án rồi, nhờ vậy 2 người đã được minh oan và thả ra khỏi nhà tù. Kết quả của công cuộc điều tra kể trên là Tòa Kháng Án Hình Luật (The Court of Criminal Appeal) được thành lập năm 1907 để sửa chữa các sai trái khi thi hành luật pháp.

Vào các năm về sau, ông Conan Doyle quan tâm tới thuyết Tâm Linh (spiritualism), tới độ ông đã viết ra cuốn tiểu thuyết "Miền Đất của Sương Mù" (The Land of Mist) trong đó có nhân vật chính là Giáo Sư Challenger, rồi sau đó là cuốn sách "Các Nàng Tiên đang tới" (The Coming of Fairies, 1921). Tác giả Conan Doyle đã hoàn toàn tin tưởng vào lý thuyết liên quan tới bản chất và sự hiện hữu của các tiên nữ và các thần linh. Trong cuốn sách "Lịch Sử của Chủ Thuyết Tâm Linh" (History of Spiritualism, 1926), ông Conan Doyle đã ca ngợi các hiện tượng huyền bí. Ông Conan Doyle đã làm chủ tịch của nhiều tổ chức tâm linh (spiritualist organizations) quan trọng.

Sau khi bà vợ Louisa qua đời vào năm 1906 và sau các cái chết bi thương của người con trai Kingsley, của 1 người em, 2 em rể và 2 cháu trai trong Thế Chiến Thứ Nhất, ông Conan Doyle bị suy sụp tinh thần. Có lẽ vì vậy mà nhà văn này đã bị quan và tìm nguồn an ủi trong các câu chuyện tâm linh và những điều chứng minh về một kiếp sau.

Cũng vì biện hộ cho sự huyền bí mà tập truyện trinh thám "Các Cuộc Phiêu Lưu của Sherlock Holmes" (The Adventures of

Sherlock Holmes) đã bị Liên Xô cầm lưu hành vào năm 1929.

Trong một thời kỳ, ông Conan Doyle đã kết bạn với nhà ảo thuật Harry Houdini và mặc dù ông này đã nhấn mạnh rằng các nhà tâm linh (spiritualists) chỉ dùng tới các ảo thuật, nhưng ông Conan Doyle vẫn tin tưởng rằng ông Harry Houdini có các quyền lực siêu nhiên. Quan niệm này đã được tác giả Conan Doyle diễn tả trong cuốn truyện "Khía Cảnh của Điều Không Biết" (The Edge of the Unknown).

Sir Arthur Conan Doyle qua đời năm 1930 vì bị bệnh tim (heart attack), vào tuổi 71 và được chôn cất trong khu đất nhà thờ tại Minstead, trong vùng New Forest, Hampshire, nước Anh.

Đề vinh danh nhà văn danh tiếng này, một bức tượng của ông đã được dựng lên tại Crowborough, East Sussex, nước Anh. Đây là nơi Văn Hào Conan Doyle đã sinh sống trong 23 năm. Nhà thám tử danh tiếng Sherlock Holmes cũng được dựng tượng tại Công Viên Picardy, Edinburgh, gần với căn nhà mà ông Conan Doyle đã ra chào đời.

2/ Một số tác phẩm của Sir Conan Doyle.

A- Loạt truyện Sherlock Holmes:

- Một Khảo Sát về Màu Đỏ (A Study in Scarlet, 1887)
- Dấu hiệu số Bốn (The Sign of Four, 1890)
- Các Cuộc Phiêu Lưu của Sherlock Homes (The Adventures of Sherlock Holmes, 1892)
- Các Ký Ức của Sherlock Holmes (The Memoirs of Sherlock Holmes, 1894)
- Con Chó Săn của Baskervilles (The Hound of the Baskervilles, 1902)
- Sherlock Holmes trở lại (The Return of Sherlock Holmes, 1904)
- Thung Lũng của Sợ Hãi (The Valley of Fear, 1914)

- Lần cúi chào cuối cùng của ông ta (His Last Bow, 1917)

- Cuốn Hồ Sơ của Sherlock Holmes (The Case Book of Sherlock Holmes, 1927).

B- Loạt truyện Giáo Sư Challenger:

- Thế Giới Thất Lạc (The Lost World, 1912)
- Dây Lưng có chất độc (The Poison Belt, 1913)
- Miền Đất của Sương Mù (The Land of Mists, 1926)
- Khi Thế Giới kêu la (When the World Screamed, 1928)
- và nhiều truyện khác...

C- Các Tiểu Thuyết Lịch Sử:

- Đại Đội trắng (The White Company, 1891)
- Micah Clarke (1888)
- Bóng Tối Lớn (The Great Shadow, 1892)
- Các Người Tị Nạn (The Refugees, 1893)
- Rodney Stone (1896)
- Bác Bernac (Uncle Bernac, 1897)
- Sir Nigel (1906).

D- Các tác phẩm khác:

- Bí ẩn của Cloomber (Mystery of Cloomber, 1889)
- Thuyền Trưởng của Sao Bắc Cực (The Captain of the Polestar, 1890)
- Chung quanh Ngọn Đèn Đỏ (Round the Red Lamp, 1894)
- Bi kịch của Korosko (The Tragedy of The Korosko, 1898)
- Trận Chiến Tranh Lớn Boer (The Great Boer War, 1900)
- Các truyện khủng bố và bí mật (Tales of Terror & Mystery, 1923)
- và nhiều truyện khác./.

Phạm Văn Tuấn

Khổng Tử (khoảng 551-479 trước Tây Lịch) nói với con trai: *Không đọc Kinh Thi thì biết nói năng ra làm sao cho có văn vẻ tình ý?*

Kho tàng ca dao và tục ngữ Việt là một điểm son của nền văn học truyền khẩu của dân tộc Việt tồn tại tự ngàn xưa. [E-cadao.com hay <http://cadao.org>]

CA DAO & TỤC NGỮ LÀ GÌ

Tiếng Nói Tâm Tình từ Ngàn Xưa của Dân Tộc Việt

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

Ca dao, đồng dao, phong dao; tục ngữ, ngôn ngữ, thành ngữ; cách ngôn, phương ngôn, ngụ ngôn, châm ngôn, danh ngôn là gì?

Sau năm 1946, nhà cầm quyền Việt Minh (tức Cộng Sản VN) ra lệnh tiêu thổ kháng chiến. Cha mẹ tôi phải tự phá hủy ngôi nhà thân yêu ở thị xã Thái Bình tản cư về quê ngoại ở làng Phụng Thượng, Kiến Xương. Lúc đó tôi được 10 tuổi.

Tại quê ngoại, tôi đã được sống những ngày êm đềm ở đồng quê. Tôi đã được thở hít không khí trong lành của đồng ruộng, được tham gia sinh hoạt của những nhà nông chất phác, hiền hòa; được hưởng thú vị của những buổi bình minh hay hoàng hôn gọi cảm của đồng quê; được nghe những tiếng sao điều; đặc biệt là nghe những câu hò, câu hát của trai gái trong mùa đi cấy, đi gặt hay hái bông, v.v.

Tôi đã được thấy những cảnh an vui như:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cấy, vợ cấy, con trâu đi bừa

Và nghe những câu ca lý thú như:

Người ta đi cấy lấy công

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời, trông nước, trông mây

*Trông mưa, trông nắng, trông ngày,
trông đêm*

Trông cho chân cứng, đá mềm

Trời yên, bể lặng mới yên tâm lòng

Hỡi cô tát nước giữa đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

Những cảnh tượng của đồng quê thanh bình đó, những câu ca của các cô gái quê hồn nhiên đó đã thực sự nuôi dưỡng tâm hồn tôi cho đến nay vẫn còn thấy âm áp như những lời ru và vòng tay dịu hiền của mẹ tôi đã từng bế ẵm tôi trong thuở ấu thơ. Trong thời thúc của hoài niệm đó, tôi xin phép được chia sẻ ...

CA DAO LÀ GÌ

Ca dao và tục ngữ của dân tộc Việt đã có từ ngàn xưa khi chữ viết còn hiếm hoi và đã *được các nhân vật có chữ nghĩa, có tư*

tuồng làm ra với mục đích truyền bá các câu nói dạy khôn **cho đám người bình dân** nhằm giúp cuộc sống của xã hội thêm vui tươi và có màu sắc văn hóa hơn.

Ca dao và tục ngữ xuất phát từ đâu?
Ca dao và tục ngữ xuất phát từ nhu cầu truyền đạt những hiểu biết của những người có tư tưởng khôn ngoan cho lớp người còn chất phác, thiếu chữ nghĩa, nhằm cải thiện lối sống còn thô sơ, mộc mạc của họ.

Ban đầu, ca dao hay tục ngữ chỉ là những **câu thơ** ngắn thường là 4 hay 5 chữ có vần điệu cho dễ nhớ, dễ hát để truyền miệng cho nhau vì lúc đó chữ viết còn hạn chế. Do đó, **thơ đã xuất hiện trước văn** (xuôi).

Ở Trung Quốc, Khổng Tử đã ghi chép lại trong cuốn *Kinh Thi* của ông một số câu ca dao lưu hành đương thời (xem *Lịch Sử Văn Minh Trung Hoa*, của Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, tr.42). Phần lớn những câu ca dao thời đó nói về tình yêu:

*Những con ngỗng trời
Đậu trên rìng Yu kia
Được tự do bay lượn
Sung sướng làm sao!
Còn chúng ta phải phục vụ nhà Vua
Không lúc nào được nghỉ ...*

Ca dao (folk songs) xuất hiện với nhiều thể loại, ban đầu thường là những bài **đồng dao** là những khúc hát dành cho trẻ con hát để vui chơi, chẳng hạn vào dịp Tết:

*Súc sặc, súc sê
Nhà nào còn đèn, còn lửa
Mở cửa cho chúng tôi vào
Bước lên giường cao
Thấy đôi rồng áp
Bước xuống giường thấp
Thấy đôi rồng châu
Bước ra đằng sau thấy nhà ngói lợp ...*

(Xem *Thi Văn Hợp Tuyển* của Dương Quảng Hàm)

Ca dao còn là những **khúc hát dài để dạy trẻ con những từ ngữ** thông thường, như:

*Ông giảng, ông giảng (trắng)
Xuống đây mà chơi
Chơi với cây cau
Cây cau cho mo
Chơi với học trò
Học trò cho bút
Chơi với ông Bụt (Buddha, Phật)
Ông Bụt cho chùa
Chơi với nhà Vua
Nhà Vua cho lính
Chơi với ông Chính (chính quyền)
Ông Chính cho mõ
Chơi với nồi tro
Nồi tro cho xôi ...*

Dạy những **từ ngữ đối nhau**:

*Tập tầm vông
Tập tầm vó
Tay nào có; tay nào không?
Chị lấy chồng; em ở giá
Chị ăn cá; em ăn xương
Chị nằm giường; em nằm đất ...
Chị cầm kéo; em cầm dao
Chị làm sao; em làm vậy
Chị buôn cật; em buôn hồng
Chị lấy chồng; em lấy vợ
Chị đi chợ; em ở nhà
Chị ăn quả; em ăn bánh ...*

Ca dao nói về **thời tiết**:

*Chớp đông nhay nháy
Gà gáy mới mưa

Móng đông, vòng tây
Không mưa đây cũng bão giạt*

Trăng quầng thì cạn
Trăng tán thì mưa

Được mùa cau
Đau mùa lúa

Những câu ca dao kêu gọi **tình đoàn kết, tương thân, tương ái, gìn giữ thanh danh:**

Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ

Thức khuya mới biết đêm dài
Ở lâu mới biết là người có nhân

Có bài ca dao dường như muốn nói lên **tâm sự của một nhà yêu nước** khi đất nước bị đô hộ (Pháp), vương quyền bị lấn át, các quan lẩn tránh; bản thân ẩn dật nhưng còn vương tư nhớ tới lãnh tụ (vua Hàm Nghi?) còn bị lưu đày:

Hôm qua ra đứng bờ ao
Trông cá, cá lặn; trông sao, sao mờ
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai?
Đêm đêm tường giải ngân hà
Nhớ sao **Bắc Đẩu** đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào khê, nước chảy vẫn còn trơ trơ

Một bài ca dao nghe rất xuôi tai mô tả rất sống động tình cảnh cuộc sống của người lính thú đời xưa:

Ba năm trấn thủ lưu đồn
Ngày thì canh điểm, tối dồn việc quan

Chém tre, đẵn gỗ trên ngàn
Hữu thân, hữu khổ, phàn nàn cùng ai?
Miếng ăn, miếng trúc, miếng mai
Những giang, cùng nứa, lấy ai bạn cùng?
Nước giếng trong, con cá nó vẩy vù

Lưu ý: Gần đây (4/3/2011) trên một trang web có đăng bài nói về sự phát hiện lai lịch bài thơ này: nhà thơ Lê Đình Lai đã tìm ra một tấm bia khắc bài thơ này bằng chữ Hán có ghi chú câu: “**Thần Phủ Ký Lưu Đôn**” của Nguyễn Phúc Hiền. Nguyễn Phúc Hiền nguyên là một vị đại quan dưới triều Trần được nhà vua phái đi lập căn cứ trấn thủ ở **thôn Lưu Đôn**, làng Vạn An, xã Thụy Hồng, Thái Thụy Anh, Thái Bình trong 30 năm từ 1258 đến 1288. Bài thơ khắc này chỉ có một điểm khác là: trong câu đầu, thay vì ba năm thì bia đó ghi là *tam thập niên* (ba mươi năm). Rất có thể là bài thơ đó đã được truyền miệng trong dân gian và được đổi từ 30 năm thành 3 năm cho phù hợp với thời gian quân dịch của dân phu chăng?

Đặc biệt, ca dao nói về **tình yêu lứa đôi** (vợ chồng) thì rất phong phú. Có nhiều bài hát rất tình tứ mà người ít chữ nghĩa tất không thể làm được (giới bình dân thường chỉ có khiêu ca, múa, hát thổi):

Đôi ta như thể con tôm
Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong
Đôi ta như thể con ong
Con quẩn, con quýt, con trong, con ngoài

Trúc xinh trúc mọc bờ ao
Em xinh, em đứng chỗ nào cũng xinh
Trúc xinh trúc mọc đầu đình
Em xinh, em đứng một mình, cũng xinh

Qua đình, ngả nón trông đình

*Đình bao nhiêu ngói, thương mình
bấy nhiêu*

Và đây là **tâm tình giấc mơ** của các nàng
thôn nữ:

*Chẳng tham ruộng cả, ao liền
Chỉ tham cái bút, cái nghiên anh đồ*

*Thân em như tấm lụa đào
Phát phơ giữa chợ, biết vào tay ai?*

*Mơ ngày áo gấm về làng
Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau*

Ca dao mô tả tâm sự của một *cô gái*
phải lấy chồng lúc chồng còn quá nhỏ tuổi
(tục **tảo hôn**):

*Bồng bồng bé chồng đi chơi
Đi qua chỗ lội, đánh rơi mất chồng
Chị em ơi cho tôi mượn cái gầu sòng
Để tôi tát nước vớt chồng tôi lên*

Hoặc:

*Mẹ em tham thúng xôi dền
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng
Em đã bảo mẹ rằng đừng
Mẹ hám, mẹ hứ, mẹ bụng ngay vào
Bây giờ chồng thấp, vợ cao
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng!*

Dần dần với thời gian, những bài ca dao trở
thành những bài **dân ca** dưới dạng các câu
hò, câu hát **trống quân** (Bắc Ninh), những
câu **lý** (vừa kể vừa hát) hay những câu **vè**
(bài hát tự biên, tự diễn; như nhạc ‘rap’) rất
dễ thương; hay những câu **hát đố**:

*Chiều chiều ra đứng cổng sau
Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều*

*Đố ai quét sạch lá rừng
Để ta quét sạch lá đời*

*Không sơn mà đỏ
Không gỗ mà kêu
Không khều mà rụng
(Là gì? - mặt trời; sấm; mưa)*

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc, rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa thì rửa tay chân
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh*

Về “Con Gái Đồng Trinh”:

*Em là con gái đồng trinh
Em đi gánh nước qua dinh ông Nghè
[quan Tiên Sĩ]
Ông Nghè sai lính ra ve
Em lạy ông Nghè em đã có con
Có con thì mặc có con
Cái má em tròn, đường tóc em ngay*

Lý “Lơ Thơ”:

*Lơ thơ tơ liễu buông mành
Con chim oanh học nói trên cành mĩa mai
Em nghĩ mình có cái cúc bạc lưu tai
Cúc bạc thì có cái tram cài vốn không ...*

Hát **thi tài** giữa nam và nữ. Gái chanh chua
ví von:

*Thân chị như hoa gạo trên cây
Thân em như đám cỏ may bên đường*

Trai trả đũa:

*Lạy trời cho cá gió lén
Cho hoa gạo rụng xuống chui luôn cỏ may*

Các cô công cón đáp:

*Này này chị nói em hay
Nhát mặn là muối, nhát cay là gừng*

*Nhất cao là núi tam tùng
Chỉ còn đập đổ nữa rừng cỏ may*

Rồi còn chua ngoa bồi thêm:
*Chả thềm ăn gói tôm đanh
Chả thềm chấp với thằng anh nhà mày
Chả thềm ăn gói cá chày
Chả thềm chấp với thằng thầy mày đâu*

Nhưng các chàng trai cũng không vừa khi
cất cao tiếng hát hóm hỉnh:
*Đi đâu mà chẳng lấy chồng?
Người ta lấy hết chồng mông mà gào
Gào rằng đất hời, trời ơi!
Sao không thí bỏ cho tôi chút chồng?
Ông Trời ngánh cổ lại trông:
Mày còn kén chọn, ông không cho mày!*

Một cụ đồ Nho nào đó có tính bông đùa hẳn
đã dạy cho mấy cô vài câu hát dí dỏm tỏ vẻ
kiêu kỳ:
*Ba đồng (í í í) một mớ đàn ông
Mua về mà thả vào lồng cho kiến nó tha
Ba trăm một vị đàn bà
Rước về mà trải chiếu hoa cho ngồi*

Nhưng hẳn là cụ đồ cũng lén chỉ cho mấy
chàng trai đối đáp lại rằng:
*Dù em lá ngọc, cành vàng
Nhưng em chẳng thể giữa làng (í í) chứ
được mời ngồi trên
Dù em có họ, có tên
Nhưng tên chẳng thể có trên Bảng Vàng ...*

Trăng đã lên cao và đã đến giờ phải
chia tay về nghỉ cho việc đồng áng ngày
mai. Toán gái trai dung dăng dung dẻ trở
về nhà. Cảnh đồng quê thơ mộng đó nay
còn đâu?

Trong rừng ca dao, nhiều người còn
nhớ những câu ca than trách **duyên phận**

lỡ làng, dở dang rất gọi cảm. Chàng trai
than tiếc:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay!*

Nàng cũng tiếc than:
*Ba đồng một mớ trâu cay
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra!*

Sau này, ca dao càng ngày càng được lan
rộng nên có địa phương gọi ca dao là
phong dao là những câu ca nói về phong
tục hay phong cách con người.

*Muốn coi lên núi mà coi
Coi Bà Triệu Ấu cười voi, đánh cồng*
(Bà Triệu Thị Trinh chống quân Nhà Ngô
bên Tàu khoảng năm 248 sau Tây Lịch)

*Làm trai cho đáng nên trai
Xuống Đông, Đông tênh; lên Đoài (Nam),
Đoài tan*

*Muốn sang (sang trọng) thì bắc Cầu Kiều
Muốn cho hay chữ thì chiêu (mời) lấy thầy*

Có hai câu ca dao /phong dao được nhiều
người trong đó có Tiến Sĩ Hương Giang
Thái Văn Kiểm (xem *Việt Nam Gấm Hoa*,
tr. 19) và Giáo Sư Vũ Quốc Thúc (xem *Phù
Sa Sông Cửu*, 2010, tr.148) viết bài tìm
hiểu về xuất xứ hay địa danh, đó là hai câu:

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương*

Theo T.S. Hương Giang Thái Văn Kiểm giải thích thì: *Chùa Thiên Mục* (1601) là một trong hai mươi thắng cảnh của đất Thần Kinh Huế được Vua Thiệu Trị liệt hạng và đề thi. Còn *Thọ Xương* thì phải viết là *Thọ Cương* mới đúng vì đối diện với chùa Thiên Mục là *Gò Long Thọ* hay *Long Thọ Cương*; tuy nhiên tại làng Kim Long, kế làng Vĩ Dạ, cũng có địa danh Thọ Xương.

T.S. Thái Văn Kiểm cho biết thêm là ở Hà Nội (Bắc) có lưu truyền bài thơ cổ ca tụng 4 cảnh trí nên thơ của cố đô Thăng Long (Hà Nội) là *Đền Trấn Võ* (Đền Quan Thánh, 1010); *Thọ Xương* (tên của của huyện lỵ Hà Nội); *An Thái* (làng Yên Thái chuyên nghề làm giấy); *Tây Hồ* (Hồ Tây, còn gọi là Đầm Đàm (sa mù) và Đầm Thầy Cáo)
Phát phơ ngọn trúc trắng tà
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây Hồ

T.S Thái Văn Kiểm cho rằng hai câu thơ nói về chùa Thiên Mục và Thọ Cương chỉ là nhái lại từ 4 câu thơ cổ kể trên trong thời kỳ di dân vào Đàng Trong của dòng Họ Nguyễn.

Tóm lại, ca dao nói chung là những *câu thơ* đa dạng có vần điệu, ngắn gọn, chuyên tải những tư tưởng khôn ngoan hay tình cảm tha thiết đối với gia đình hay đất nước, v.v. Ca dao và tục ngữ được xếp vào **văn chương bình dân** để phân biệt với loại **văn chương bác học** dành cho những người nhiều chữ nghĩa. Tuy nhiên, sự phân biệt đó *không mang ý nghĩa là ca dao và tục ngữ là của giới bình dân hay do giới bình dân, lao động làm ra* bởi lẽ người bình dân ít chữ nghĩa thì làm sao tạo được những câu văn hay và ý cao? Giới bình dân chỉ là đối tượng của loại văn chương này. **Ca dao**

và tục ngữ phải là của giới có nhiều chữ nghĩa (thường là các ông đồ nho) làm ra nhưng tác giả không ai muốn đề tên vì đó chỉ là những câu thơ lẻ tẻ, ngắn gọn, dễ thuộc với mục đích lưu hành trong dân gian (đại chúng) từ miệng người nọ qua miệng người kia nên còn được gọi là **văn chương truyền khẩu**.

Vì ca dao và tục ngữ là tinh hoa của trí tuệ giúp nâng cao tâm hiệu biết và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả nên đã có nhiều thức giả nỗ lực sưu tầm để in ấn thành sách để tham khảo như cuốn *Nam Phong Ngữ Ngạn Thi* của Đinh Thái; *Đại Nam Quốc Túy* của Ngô Giáp Đậu; *Tục Ngữ, Cổ Ngữ, Gia Ngôn* của Huỳnh Tịnh Của (1897); *Tục Ngữ, Cách Ngôn* của Hàn Thái Dương (1920); *Tục Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Văn Ngọc (1942); v.v.

Kỳ tới: Tục Ngữ Là Gì

*

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

TẬP SAN CỔ THƠM
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Dòng đời trôi: Con người và vũ trụ

Trần Tam Nguyên

Ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá.

Dòng đời trôi, hành tinh, mặt trời, thiên hà, ngân hà đều là cát bụi, là chất liệu, đều giống như em, Phương Lan, giống như viên đá cuội nằm lơ lửng ở triền núi, ở bờ biển lăn lóc theo dòng nước trôi, lăn quay theo sóng biển, tràn trọc theo tháng ngày như thiếu mất một thứ tình yêu, tình người và bị bơ vơ trong chuyển động mất hút.

Dòng đời trôi, con đường bao la từ hành tinh này đến hành tinh kia, dài cả hàng ngàn năm ánh sáng, sau vụ nổ lớn khởi nguồn tung toé sinh nở vũ trụ, em từ đó bước ra, chân không vững, cùng với những hành tinh, cùng với những ngôi sao lớn, cùng với mặt trời quay, em cũng quay trong say sưa chất men kỷ niệm, em là một viên đá cuội, một nham thạch, một hạt cát bụi như những ngôi sao sáng trên trời, em được hiện hữu trong một giây, một chốc của hiện tại hay em chỉ là đám mây bay lang thang, rồi em trở về là chiếc lá thu được đốt lên hun nóng tình người.

Dòng đời trôi, em là hiện thân của một nhân vật đã trốn chạy và thoát khỏi ra ngoài một cuốn tiểu thuyết mà tác giả đã sáng tạo ra em như một vai trò trong sinh hoạt hằng

ngày. Hôm nay em mỉm cười nhìn thấy và theo dõi được các hoạt động của tác giả. Tác giả vô tư ở trong thế giới hữu hình không nhìn thấy được thế giới vô hình của em, hay phải chăng sự mỏng manh của thế giới đó làm cho tác giả không nhìn thấy!

Dòng đời trôi, khi em còn là một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết, em không nhìn thấy được tận mặt tác giả, em tưởng tượng khuôn mặt người sáng tạo ra em một cách mơ hồ. Sáng nay thức dậy, em đang sống và hoạt động cho ngày hôm nay, bây giờ và ở đây, nhưng em chơi vơi, lẫn lộn không biết đang ở trong hay ở ngoài cuốn tiểu thuyết. Phải chăng đó được gọi là một kiếp sống.

Dòng đời trôi, mỗi chúng ta là một con thuyền chạy chung quanh một mặt trời đang cháy ở giữa vũ trụ. Con thuyền mỗi chúng ta đi xuyên qua cuộc đời với hành lý gồm các phân tử di truyền. Nếu chúng ta đạt đến được việc giao hàng yên ổn ở một bến tốt đẹp thì chúng ta sẽ không sống trong vô ích.

Dòng đời trôi, những đóa hoa xuân nở trong lòng em khi nắng tươi hồng hiện trên cành lá, em là lá, là cây, là đám mây đen đang trôi nổi bành bồng, em là gió bão, là nắng ấm, là nụ cười hay dòng nước mát thoát ra từ lòng đất, em là chất liệu của hành tinh

xa lạ mượn thời gian du hành qua không gian để đến quả đất này như một cuộc mãi rong chơi mất hút thời gian, quên mất cả hiện hữu và trở thành giấc mộng, em chỉ là cát bụi trong vũ trụ không định bờ bến.

Dòng đời trôi, em bị ném ra giữa dòng đời không biết trước, như một diễn viên bị xô đẩy ra giữa sân khấu, không được phân định một vai trò nào trước rõ ràng, em phải tự chọn lựa phải sống như thế nào, em bị bán loạn vì không tìm thấy một nơi nào để bám víu khi ý thức về sự hiện hữu, về sự chết đang chờ em ở một ngày nào đó, em cảm thấy xa lạ, bơ vơ và quá đáng trong một thế giới không có ý nghĩa và một tình cảm thất vọng, lo lắng, chán chường, điên cuồng, phi lý.

Dòng đời trôi, bỗng có tiếng gió thu bay về từ chốn đồng hoang xa xôi gõ nhịp vào hiên lạnh, em nghe có tiếng thở dài của lá phải rời cành bay phiêu bạt trong bầu trời ảm đạm để đi tìm giọt đắng thiên thu, tìm em quên thất, nước mắt nhỏ giọt thương cho cuộc tình cây lá và thu.

Dòng đời trôi, buổi chiều vàng mây lụa mịn như tơ, em đi nhặt những lá thu vàng để thành đống, một ý niệm biểu tượng kỷ niệm tình yêu chợt đến, em gom lá để đốt và sưởi ấm tình yêu bất chợt biến mất và cuộc đời phù phiếm vào lúc trời sang đông.

Dòng đời trôi, tình yêu cho em một hương vị tuyệt vời, em phải cho mới nhận được, em phải trung thực với chính em để có thể yêu, em trung thành với lương tâm và cảm xúc của chính em để sống đời của em vì hiện tại em chỉ có vốn vẹn một cuộc đời.

MƯA XỨ NGƯỜI

Những hạt mưa thưa rớt xuống đời
Xua tan chút nắng cuối mùa rơi
Tôi ngồi bên cạnh đời thông lệ
Nghe gió vi vu một góc trời.

Nhớ chiều hành quân nơi quê cũ
Trên những rừng thưa, những ngọn đồi
Chờ chuyến trực thăng vào trận địa
Thương rừng, nhớ bạn đã xa xuôi.

Giờ thanh thoi nghe mưa thác đổ
Tưởng chừng như thể nước mắt rơi
Bạn bè đâu mất, tìm không thấy
Chỉ thấy hồn đau, xác rã rời.

Ở đây đất lạnh, rừng êm ả
Chỉ thấy mưa rơi chẳng thấy người
Lớp lớp người đi vào gió bụi
Đồi hoang, rừng thẳm nhớ khôn nguôi.

ĐĂNG NGUYÊN

Maryland, mùa mưa 2011

Dòng đời trôi, bỗng đứng tình yêu đổ về như thác lũ, như những trận mưa bão kéo từ đâu về, làm lòng chúa chan, em tự đứng cảm thấy sợ sệt cái mỏng manh nhìn thấy ở làn mây trôi trên khung trời.

Dòng đời trôi, thu có về mặc nó tại sao em phải hoãn hoãn ray rứt, phải chăng tình yêu đã đến bên em gần kề như tiếng chân ai bước nhẹ hay tiếng mưa nhịp nhàng rơi đều như những sợi dây chấp nối từ thiên đàng xuống địa ngục qua trung gian hiện thân em!

Dòng đời trôi, đông sang, em nhìn lá cành trở trời, nổi lòng giá băng theo tuyết lạnh, bầu trời xuống thấp gần kề trên mái ngói bốc hơi đen của những lò sưởi muốn hâm nóng lại tình yêu trống rỗng bỏ quên.

Dòng đời trôi, em thức dậy sớm vào buổi ban mai, em chạy vội vàng để theo dân chài đi đánh cá, chiều lại em ra ngoài vườn trồng những cây hồng và vun xới những luống đất, em mệt nhoài khi chiều tối đến, em sung sướng nằm trốn trong chăn nệm để tìm giấc ngủ. Cuộc đời gần giống như một trong những ngày như thế đó.

Dòng đời trôi, thời gian đóng kín những vết thương ngay cả không để lại cho em một vết sẹo. Em mừng tượng cha mẹ là những núi cao mà suốt đời em cố gắng leo lên và quên hẳn rằng rồi một ngày chính em lại giữ vai trò đó.

Dòng đời trôi, tiếng ru con ngủ còn văng vẳng trong gió mùa thu, suốt năm canh dài em thức đủ trọn, nỗi buồn cô đơn thực tại khiến em nhớ đến người và trở thành tiếng kêu gọi hiện diện của tình tha thiết in hằn trong tiềm thức được ghi dấu bằng tiếng ối hời trong ca khúc mẹ ru tìm giấc ngủ cho con : hãy nín, hãy ngủ đi nhé, để làm lắng dịu hình ảnh xáo trộn nào tình mẹ, nào tình yêu bị ướt át như chiếc diêm quẹt không bắt lửa giữa mùa mưa rơi.

Dòng đời trôi, mặc cho thời gian đi qua, cho không gian náo nhiệt hay lặng im hờ hững, em cứ gầy dựng những kỷ niệm tuyệt vời để ấp ủ, để nâng niu và để yêu dấu. Kỷ niệm cũng bốc hơi men giống như rượu nồng, làm cho em say đến ngất ngây. Rồi một ngày trời thật trong, em đem kỷ niệm

đó bỏ vào chiếc hộp ngọc ngà, dù vẫn biết rằng khi mở ra chỉ còn là những chiếc lá khô vàng vì thời gian trôi qua.

Dòng đời trôi, sáng nay những con ve sầu lặng thinh một chốc trước khi cất tiếng ca tiếp những bài ca hay nhất. Những cây cối cúi đầu theo những ngọn gió thổi nhẹ vào buổi sớm. Đại dương làm tan vỡ vài ngọn sóng trên những bờ đá, trước mặt em ngôi nhà như còn đang ngủ giống hình dáng còn lại trong giấc mơ của em.

Dòng đời trôi, có tất cả những âm thanh đồng điệu của sóng, của gió, của cát, rồi ở giữa buổi hòa nhạc không tưởng của cuộc đời và của những chất liệu này, có tôi có anh có em có tất cả mọi người chung quanh. Nhưng trong số này có bao nhiêu người nhìn thấy cảnh vật trước mắt và nghe những âm thanh này? Có bao nhiêu người thực hiện được vào mỗi buổi sáng cái ưu quyền thức dậy để nhìn thấy, để cảm giác, để sờ mó, để nghe và để nhận biết những hiện tượng đó? Có bao nhiêu người có khả năng quên đi trong một chốc những bận rộn để thưởng ngoạn và thán phục cái hoạt cảnh kỳ ảo này? Đời sống riêng tư của em, của con người chính là phần vô thức to lớn nhất của nó. Em mở to đôi mắt nhìn cảnh vật chung quanh, những kỷ niệm đẹp không chóng tàn, em thấm nhiễm những màu sắc và những chất liệu này vì đó là nguồn gốc của những ưa thích, những nhớ tiếc, những hoài trông trong suốt cuộc đời.

Dòng đời trôi, em ngắm nhìn phong cảnh kỳ ảo mà thiên nhiên đang hiển dâng cho em, bờ biển như được gọt dũa thành từng miếng rèm lụa lung treo lủng lẳng, mặt

trời làm sống lại ở đây hàng ngàn thú ánh sáng khác nhau, mỗi cây đong đưa theo nhịp điệu mơn trớn của gió.

Dòng đời trôi, dòng nước sông đang chảy cuồn cuộn như giận dữ, mãnh ruộng lơ dềnh, lạnh lùng như không để ý đến sự hiện diện của con người, núi cao vời vợi như chế ngự cảnh vật và cuộc đời, ánh mặt trời thay đổi từng giây phút suốt ngày từ màu nhạt đến màu đậm như những chất liệu bằng màu pha trộn bị đông đặc, những con chim vút bay cao trên đầu, những con cá vừa tìm săn những con cá nhỏ khác vừa cố gắng tránh làm phiền cho những con chim bói cá đang bay lượn vòng quanh trên mặt nước.

Dòng đời trôi, những lần em cảm thấy cô độc như một khu vườn bị khô khan, những cây hoa mọc lên ở đó không có hương thơm. Những cảm xúc em tạo ra để được chia sẻ, sức lực và can đảm như hai cây nạn có thể quay chống trở lại và làm đau khổ cho những ai sử dụng chúng một cách vụng về.

Dòng đời trôi, em như bất lực trước những ham muốn, những thèm thuồng hay những nỗi dấy trong lòng. Những cảm giác vượt quá sức chịu đựng cứ quay cuồn không ngừng, theo đuổi suốt cuộc đời, em cố quên đi nhưng rồi chúng trở thành như một ám ảnh. Em nghĩ đến nghệ thuật sống tùy thuộc vào khả năng chống lại sự bất lực đó, nhưng thật khó khăn vì sự bất lực thường làm nói rộng thêm sự sợ hãi. Sự sợ hãi làm tiêu hủy phản ứng, trí thông minh và sự hiểu biết của em để mở đường cho sự yếu đuối.

Dòng đời trôi, nghi ngờ và chọn lựa đi theo bên em là hai sức lực làm rung động những sợi dây cảm xúc nhưng em cảm thấy

chỉ có những kết hợp hòa điệu của sự rung động này mới thật đáng kể. Cũng như tất cả những buổi sớm mai đều yên lặng nhưng chỉ có một vài yên lặng nào đó đồng nghĩa với sự trống vắng, còn những yên lặng khác đôi khi đầy phức tạp.

Dòng đời trôi, niềm vui là một con chim bay lượn là đà trên những cánh đồng lúa đang trở bông. Nỗi buồn là một con chim đen với đôi cánh to khỏe mạnh bốc em lên phía trên cuộc đời đang lấp lánh chiếu sáng đến tận miền nước sâu, đến chỗ trong cùng của những cành lá che lấp mặt mù. Con chim phiền muộn bay vút cao lên bầu trời có những tầng mây xanh trắng, nơi đó có những thiên thần chăm sóc nỗi khổ đau đang canh gác cõi chết.

Dòng đời trôi, và phải chăng em đã ngủ? Và phải chăng, trong giấc ngủ, em đã mơ? Và phải chăng, trong giấc mơ, em đã đi đến tận thiên đàng và hái được một đóa hoa đẹp, lạ lùng? Và phải chăng, lúc thức dậy, em đã cầm đóa hoa ở trong tay? Và, rồi sao nữa đây?

Dòng đời trôi, ngày qua lại ngày, như người mộng du, con đường sỏi đá.

Em vẫn trôi theo dòng đời, rồi một hôm, một phút huy hoàng chợt đến, em dùng chân, em nhìn thấy một con đường đầy ánh sáng và xa lạ, con đường đi vào phía bên trong em, như con đường đi về phía bên kia của một tấm gương soi, trên con đường luôn luôn sáng rỡ, tựa hồ như không có thời gian, đây hoa thơm cỏ lạ này, em nhìn thấy lại những gì em đã trải qua trong nghìn đời trôi nổi không dừng bước và rồi chợt bỗng dòng đời ngừng trôi, thời gian dừng lại, chỉ còn em, Phương Lan, với nụ cười trên môi.

Trần Tam Nguyên

(Paris)

Người phụ nữ Việt Nam qua trào lưu Tự Lực Văn Đoàn

Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên

Sau một nghìn năm đô hộ (từ 111 trước Tây lịch đến 931 sau Tây lịch), nước Việt Nam ngày xưa nhiễm văn minh Tàu và nhất là Nho giáo trên mặt luân lý trong và ngoài gia đình. Khổng tử dạy : quân tử (trái lại với kẻ *tiểu nhân*) là người phải có năm đức hạnh : nhân, lễ, nghĩa, trí, tín... và trong cách đối xử trong xã hội lúc nào cũng phải giữ một tấm lòng trung trực : bày tôi đối với vua (quân thần), con đối với cha (phụ tử), em đối với anh (huynh đệ), vợ đối với chồng (phu phụ), bạn đối với bạn (bằng hữu)...

Đạo Khổng xem đàn bà như là *hư không*. Bôn phận người phụ nữ trong nhà là vâng vâng dạ dạ trước đàn ông, nghĩa là tuân theo cha khi còn nhỏ, rồi tuân theo chồng (xuất giá tòng phu) và tuân lời con trai cả khi góa bụa. Áp dụng chủ nghĩa hạn chế nhân khẩu (malthusianisme), một phong tục dã man ở Trung quốc cho phép cha mẹ một hài nhi *gái*, được từ bỏ con ngay khi mới ra đời bằng cách dìm xuống nước cho chết đuối hoặc ruồng rẫy, không nuôi nấng. Từ ngày độc lập, trong những Hiến pháp của miền Nam tự do ban hành năm 1956 và 1967, và Hiến pháp Bắc Việt năm 1946, 1959... bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà được công nhận, đặc biệt nhất

là trên mặt phổ thông đầu phiếu. Chế độ đa thê cũng được chính thức bãi bỏ.

Trở lại nước Việt Nam ngày xưa, hoàn toàn thấm nhuần Nho giáo, dựa trên quan niệm rằng đời sống con người không thể tương tượng ở ngoài xã hội. Durkheim bị ảnh hưởng đạo Khổng 2500 năm sau khi ông nói *người chỉ là con người bởi vì sống trong xã hội* (1). Người Việt trong cựu An Nam (trước khi tiếp xúc lần đầu tiên với Âu Tây), sống kết hợp chặt chẽ trong gia đình, hoặc trong làng xã với đồng hương một cách hết sức liên đới. Cũng vì thế mà chính thể quân chủ chuyên chế được củng cố, trong khuôn khổ một nền kinh tế nông nghiệp, chậm tiến và tiền tư bản. *Gia đình* là một cơ quan mà theo Pierre Gourou, tương tự « một Vương Quốc mà Vua là người gia trưởng ». Người chủ nhà (Père de famille) có quyền chuyên chế (pouvoir absolu) trên mặt giáo dục con cái trong gia đình, quyền sở hữu (droit de propriété) về phần tài sản, dụng sản và ngay đến cả thân phận người con gái (xem như vị thành niên vĩnh viễn) và con trai tuổi ấu thơ. Trưởng nam có bôn phận làm *huong hỏa*, nghĩa là thờ phụng tổ tiên, đời này qua đời khác, đặt tên tuổi *dòng họ* được tồn tại.

Về vấn đề *hôn nhân*, người con trai (nói chung) có bốn phân phái *lấy vợ có con*, nhằm vĩnh truyền chủng tộc (perpétuation de l'espèce). Lễ dĩ nhiên, sự chọn lựa người dâu tương lai cho gia đình thuộc toàn quyền gia trưởng, không ai được kháng cáo. Cái quan niệm về hôn nhân này trở thành lạc hậu trong xã hội Việt Nam sau thế chiến 1914-1918, nhất là vào những năm 1925-1930, bị ảnh hưởng văn hóa Âu Tây, nếu không đảo lộn hoàn toàn thì cũng có nhiều thay đổi sâu đậm trong lãnh vực luân lý và cải lương phong tục (2).

Trong không khí khủng hoảng luân thường đạo lý này, nhà văn Hoàng Ngọc Phách cho xuất bản « *Tổ Tâm* », một tiểu thuyết nhắc nhở, gợi hình ảnh sự xâu xé của thể hệ trẻ mới giữa gia phong (nệ cổ gia đình) và tư tưởng mới mà văn minh Pháp đã đem vào xã hội Việt Nam. Theo học giả Đào Đăng Vỹ - trong thuyết trình bằng Pháp ngữ ông làm tại Huế và Sài Gòn năm 1949 - « *Tổ Tâm* là một tài liệu rất quý báu về sự diễn tiến này. Bởi vì *Tổ Tâm* không chỉ là một chuyện tình đau khổ tầm thường. Lần đầu tiên trong văn chương nước ta, nó làm nổi bật quang cảnh chiến đấu giữa cá nhân và gia đình, giữa con người và phong tục Khổng giáo của xã hội Viễn Đông. Nếu *Đạm Thủy* và *Tổ Tâm* (người thiếu nữ vai chính trong truyện) không lấy nhau được, là vì cha mẹ hai bên đã lựa chọn từ lúc nhỏ mà không cho hai đứa biết, một vị hôn thê và một vị hôn phu, mà hai đứa trẻ sẽ phải kết hôn, phải thương yêu, bởi vì đó là một *tặng vật* thiêng liêng của gia đình. Sự hôn nhân trong xã hội thủ cựu của chúng ta, không phải là một chuyện riêng tư giữa hai người đàn ông và đàn bà, nhưng là một chuyện gia đình ngoài ý kiến của người trai trẻ và thiếu nữ trong cuộc. Song thanh niên Việt Nam thế hệ 1925 đã bắt đầu biết rõ những tự do mà cá nhân được hưởng thụ trong xã hội Âu Tây và sự tôn trọng con

người trong những nước không có Khổng giáo mà con người không bị hy sinh cho gia đình, cho cộng đồng và cho phong tục cổ truyền... ». Và nhà thuyết trình nói lên nỗi thất vọng của mình : « Về phần *Tổ Tâm*, nếu nàng cam chịu và ưng thuận sự hôn phối (ép buộc) để chết trong lòng vì buồn đau, những người trai gái khác thời bấy giờ ưa tự sát hơn đặng thoát khỏi cái số phận mà gia đình định trước. Nếu ta mở những trang báo trong những năm 1925-1930, ta thấy đăng nhiều tin về thiếu nữ tự vẫn bằng cách nhảy xuống nước lãng mạn của hồ Trúc Bạch và hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội » (3).

Thanh niên Việt Nam thấm nhuần văn hóa Âu Tây (một phần đã theo học Đại học Pháp khi trở lại quê hương), chỉ có thể lựa chọn giữa hai thái độ : hoặc cam chịu sống trong một xã hội thủ cựu (phi tiến bộ), hoặc theo con đường phản kháng, chống đối phong tục lỗi thời của Nho giáo. Tiên phong trong cuộc chiến đấu này, một nhóm thi văn sĩ thuộc thế hệ mới 1930 (ba anh em họ Nguyễn Tường : Nhất Linh, Hoàng Đạo, và Thạch Lam), bắt đầu sáng lập báo *Phong Hóa* năm 1932 (cuối năm, báo gặp khó khăn, ai cũng sợ không bán được nhiều, thì thân mẫu là bà Nguyễn Tường Nhu nhủ danh Lê Thị Sâm, nói với ba người con ký giả : « Cái ấy khó gì, nếu không bán hết, mang về cho mẹ gói cau cày tiện » (4).

Đó thật là câu nói quả quyết của một người mẹ kính trọng tinh thần chiến đấu bằng ngòi bút của ba người con, một khuyến khích phải tiếp tục mặc dầu những bước đầu gian nan. Sau khi *Phong Hóa* bị đóng cửa, « Ngày Nay » ra đời khoảng 1935- 1936 là một cơ quan chiến đấu của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn (cùng với *Ánh Sáng*, một cơ quan xã hội) chính thức thành lập vào năm 1933, với 8 thành viên rường cột : Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khải Hưng (Trần Khánh Dư),

Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân), Thê Lữ (Nguyễn Thứ Lễ), Xuân Diệu (Ngô Xuân Diệu), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Trần Tiêu (em của Khải Hưng). Những nhà văn ngoài TLVD nhưng cộng tác trung thành với Nhóm, là : Đoàn Phú Tứ, Huy Cận, Thanh Tịnh, Trọng Lang. Sau nhà in Trung Bắc Tân Văn, sách TLVD đều do cơ sở riêng của nhà xuất bản « Đời Nay » phụ trách phát hành cho độc giả người Việt càng ngày càng đông, càng ngày càng say đắm và hâm mộ lối hành văn quốc ngữ rất trong sáng của những nhà văn TLVD.

Tôn chỉ của văn phái này như sau : « Soạn hay dịch những cuốn sách có tư tưởng xã hội, chú ý làm cho con người và xã hội ngày một hay hơn lên », « Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân, không có tính cách trường giả, quý phái » (Điều 2-3-6 của Qui ước Hội). Nhóm TLVD chỉ trích cách viết bằng sáo ngữ mượn tác giả cổ điển Trung Hoa, cho nên « ngôn ngữ của TLVD có sự cách tân theo hướng trong sáng, mộc mạc làm cho người đọc dễ hiểu vì không sử dụng các điển cố - điển tích » (5). Nhà văn TLVD viết tiếng Việt bằng quốc ngữ (langue nationale) để diễn tả tư tưởng và xúc cảm của mình.

Trên mặt bình cái xã hội, TLVD – nói một cách tổng quát : gồm những phần tử tinh nhuệ mới (thuộc trung lưu trí thức Âu Tây hóa-Khoa bản Đại học Pháp-Hà Nội), đề cao bằng ngòi bút một chiến đấu chống nệ cổ, thủ cựu mà quan chức ngày xưa là biểu tượng, cũng như các thân hào làng xã, các cha mẹ áp dụng một cách mù quáng đạo Khổng. Thật là một cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chủ nghĩa cá nhân Âu Tây và những cộng đồng truyền thống tiếp tục xem là hư không sự hiện thực của cá thể con người nói chung, và người đàn bà trong xã hội nói riêng... *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh (mà chúng ta sẽ phân tích sau),

TRĂM NĂM CHƯA ĐỦ ĐỂ YÊU NGƯỜI

1

Em - một đóa hồng tươi mát,
giữa hồn anh sa mạc.
Như một cơn mưa,
em đến bất ngờ,
với ánh mắt,
nụ cười, anh khao khát.
tự bao giờ.

2

Những bước chân em trên cát nóng,
trên đường xưa in bóng
với Tình Yêu là điệp khúc dô dành
nhau
và từ em, Địa Ngục lún sâu Thiên Đường!

3

Có những đêm tối
song song với chiều dài kỷ niệm
anh vẫn tìm em qua dung nhan kiều diễm.
vẫn tìm em
nghe run rẩy nụ hôn mềm.

4

Em vẫn là cô gái hai mươi,
đến giảng đường xưa chọn một chỗ ngồi.
Và anh vẫn là người sinh viên thừa trước,
trong hành lang đại học,
không rời nhau nửa bước.

5

Dù se sắt nữa, tim ơi!
Trăm năm chưa đủ để yêu người.

VIỆT BẰNG

(California)

một trong những nhà chiến đấu « Việt Nam Quốc Dân Đảng » (Parti Nationaliste Vietnamien), xuất bản năm 1935, với một chủ đề rõ ý nghĩa, là tiếng chuông báo hiệu xuất hành của một cách mạng thực sự chống thành kiến thù cừu trong xã hội làng xã và Nhà nước Nho giáo. Qua vai chính truyện là *Thị Loan*, tiểu thuyết của Nhất Linh là một bản án cáo trạng những quan niệm cũ Á Đông về hôn phối, về nhân sinh và tự do. TLVĐ muốn cắt đứt với cổ tục, đặng cá thể con người được mở mang, mục đích đem lại một cuộc đời mới mà nguyên tắc là hạnh phúc của mỗi người (không phân biệt trai hay gái) và của tất cả mọi người (6).

Thân mẫu của Nhất Linh, bà Nguyễn Tường Nhu, một người đàn bà đã đóng vai trò quan trọng nhất « ...phía sau » TLVĐ (7). Góa chồng lúc 37 tuổi, bà đã khuya sớm tần tảo nuôi nấng 7 người con cho đến khi các con học thành đạt, làm việc có lương bổng mới nghỉ ngơi : « Trừ Thạch Lam, và con gái Nguyễn Thị Thế, còn lại 5 người đều có bằng cử nhân, riêng Nhất Linh đỗ cử nhân khoa học Pháp trở về nước làm báo, làm văn chương... Nuôi dưỡng được ngần ấy người, bà Nhu vượt bao nhiêu sóng gió. Nhưng bù đắp lại bà Nhu có những niềm vui. Đó là lúc 3 người con trai Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo) và bác sĩ Nguyễn Tường Bách đều trở thành đại biểu Quốc Hội khóa I của nước VN độc lập. Rồi Hoàng Đạo làm Bộ trưởng bộ Quốc dân Kinh tế trong chính phủ liên hiệp lâm thời, sau đến Nhất Linh làm Bộ trưởng Ngoại Giao trong chính phủ liên hiệp kháng chiến » (8).

Bà mẹ VN ở đây không bao giờ làm trở ngại con đường tương lai và hoài bão cao quý của các con : lúc Hoàng Đạo vừa đỗ bằng cử nhân luật, trước khi nhậm chức tri huyện, về nhà xin ý muốn người mẹ hiền. Bà âu yếm trả lời :

« Nay con , thành đạt rồi mỗi người có chí hướng riêng, tùy con định đoạt. Ông cha ngày xưa nổi tiếng thanh liêm, làm quan thương dân để đức cho con cháu. Các con đừng làm gì hại đến thanh danh tiên tổ... » (9).

Một người đàn bà thứ hai ở « phía sau TLVĐ » là phu nhân của nhà văn, chính khách Nhất Linh : « Đôi mắt bà chớp chớp... Một đôi mắt to mênh mông, có hàng mi dài óng ả. Ánh sáng vừa dịu, vừa như có một cái gì như sẵn sàng vì mọi người... Tôi nhớ mãi cặp mắt ấy. Cặp mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh, vì người thân yêu của mình. Cặp mắt của người đàn bà Việt Nam, cũ kỹ, tảo tần, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ » (10).

Làm vợ của một nhân vật nổi tiếng thời TLVĐ không phải là một chuyện thường ! Bà Phạm Thị Nguyên đã trải qua nhiều buồn vui, hạnh phúc và khắc khổ. Những năm Nhất Linh lưu lạc xứ người trên đảo Sừng Châu - Trung Hoa, là những năm đau đớn nhất... Bà đã không ngần ngại (mặc dầu con đường xa xăm và đầy chông gai) kiếm cách đi thăm và đem lại an ủi và com nước cho chồng. « Lo lắng khi thấy chồng sống cô độc trên đất khách, bà tìm cách nhắc lại một cách khéo léo về thời TLVĐ làm báo, viết sách của chồng. Như một phép lạ, nét mặt Nhất Linh vui, tươi sáng. Ở trang đầu bản thảo tiểu thuyết *Xóm Cầu Mối*, Nhất Linh viết tại Hương Cảng có mang những dòng chữ : *Tặng Nguyễn, người rất thân yêu, đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn Xóm Cầu Mối này khởi đầu từ 1940 mới được viết tiếp theo.* Hương Cảng trên núi, ngày 16/10/1949. Nhất Linh » (11).

Nói về người phụ nữ Việt Nam qua trào lưu TLVĐ, lẽ dĩ nhiên là chúng ta không thể bỏ qua tiểu thuyết « Đoạn Tuyệt » (như đã nhắc

nhỏ trên) của Nhất Linh. Trong sách, tác giả đưa ra vấn đề cá thể con người và nhất là người đàn bà quyết tâm phản kháng gia đình nệ cổ. Trương Tửu khen ngợi vô cùng : « Cuốn Đoạn Tuyệt là một vòng hoa trắng lệt đặt trên đầu chủ nghĩa cá nhân. Tác giả có đường hoàng công nhận sự tiến bộ và hăng hái tín ngưỡng tương lai. Ông giúp bạn trẻ vững lòng phấn đấu, nghĩa là vui mà sống » (12).

« Đoạn Tuyệt » thuộc trào lưu TLVD lãng mạn phản kháng (romantisme de la révolte) và phóng thoát người phụ nữ ra khỏi thân phận làm dâu trong gia đình với mẹ chồng. Vai chính truyện là Loan bó buộc lấy Thân làm chồng, mà nàng không yêu, nhưng phải làm vừa lòng mẹ nàng, đặng trả nợ một số tiền cho gia đình chồng. Nàng hy sinh mối tình với Dũng, một người bạn từ thuở nhỏ, mà nàng khâm phục can đảm và trí óc thông minh. Làm dâu với mẹ ghê trong gia đình chồng là bà Phán Lợi, thật khổ sở, cả tinh thần lẫn vật chất. Vì mẹ chồng xem nàng như một vật liệu mà bà đã phải trả một giá rất cao, cho nên phải xử dụng không dặt dè. Bà Phán đã cho Loan biết một cách rõ ràng qua lời bà chủ nhà mắng một người đầy tớ : « Tôi nuôi các người để các người làm giúp đỡ tôi chứ để các người ăn không, ngồi đùa rờn đây à ? ». Thật ra, Loan bị đè ép nặng nề (về mặt tinh thần) bởi cay nghiệt của mẹ chồng hơn là sự mệt mỏi thân thể, cộng thêm mối ác cảm của hai người em gái của Thân. Ta có cảm tưởng là trong những gia đình nệ cổ, bởi vì mẹ ghê lúc xưa bị đau khổ nhiều trong thời chính mình làm dâu, cho nên bây giờ đến lượt trả thù bằng cách làm đau đớn con dâu của chính mình. Sự liên đới lạ lùng này đoàn kết nhiều thế hệ đàn bà đã trở thành đao phủ thủ sau một thời chịu đựng khổ đau vì mẹ chồng.

Loan có thể đủ sức chịu đựng những bất công và phiền rầy ấy nếu nàng lấy một người

chồng biết thông cảm nông nổi của nàng. Nhưng Thân là một người ngu độn, vô tình vô trí giác, nhu nhược và hèn nhát. Trong những cuộc tranh nghị giữa nàng và gia đình chồng, Thân bao giờ cũng theo phe mạnh nhất, nghĩa là phe mẹ và hai em gái của chàng. Tỷ dụ : sau khi đưa con trai của Loan và Thân chết yểu vì bà Phán Lợi – thay vì chạy chữa theo thuốc Tây – cứ tiếp tục cho uống nước pha kiêu phù thủy, mê tín. Đến lúc trầm trọng, Loan đưa lên nhà thương thì đã quá chậm. Đưa con mất vì dị đoan của bà nội nó, nhưng bà mẹ ghê đổ lỗi cho Loan vì đã đưa con gần hấp hối lên nhà thương, nghĩa là chữa bệnh theo kiểu Tây phương. Từ đạo ấy, sự có mặt của Loan trong gia đình chồng trở thành vô nghĩa. Mất con trai đầu lòng, gia đình không thừa tự, Thân lấy vợ bé sinh hạ một đứa con trai, Loan vì vậy có thêm một kẻ thù trong nhà, luôn xác xược, vô lễ với nàng, vì dựa trên gia đình lúc nào cũng cho vợ hai của Thân là nói đúng.

Không khí gia đình trở nên khó thở. Không chịu nổi, Loan ngày đêm chỉ nghĩ đến chuyện phải trốn chạy, nhưng một việc bất chùng (ngoài ý muốn) sẽ chấm dứt nỗi đau khổ của nàng. Trong một cuộc cãi lộn rất náo nhiệt giữa hai vợ chồng, Loan bị Thân đâm mạnh vào ngực và nàng bị ngã lăn xuống đất, bà Phán khuyến khích thêm người con mình : « Đánh chết nó đi cho tôi. Chết đã có tôi chịu tội ». Thấy Thân tay cầm lấy cái lọ đồng sắn lại phía nàng, « ... trong lúc hốt hoảng liền vớ ngay con dao díp rọc sách để ở bàn định giơ đỡ, Thân như con hổ dữ đập đổ một cái lọ đồng đập vào Loan. Loan né mình tránh được và trượt chân ngã xuống giường, con dao cắm chắc trong tay. Thân quá đà cũng ngã mạnh vào người Loan, Loan thấy cái cán dao ấn mạnh lên tay nàng và Thân kêu một tiếng... ».

Thân chết vì cây dao mà Loan thật ra không ứng dụng. Bà Phán buộc tội Loan giết chồng. Nhưng Tòa tha trắng án, nhờ lời biện hộ rất hùng hồn và khúc chiết của Trạng sư : « Chính bà mẹ chồng đã giết cháu bà mà không biết. Mà lại còn đổ cho Thị Loan cái tội giết con ! Đến nay, bà đổ cho Thị Loan cái tội giết chồng, nhưng bà có biết đâu, con bà chết là lỗi ở bà, lỗi ở cái luân lý trái mùa và quá ư nghiêm ngặt kia. Người có tội chính là bà mẹ chồng Thị Loan và cái luân lý cổ hủ kia. Nhưng nếu vượt lên, và nghĩ rộng ra không kể cá nhân nữa, thì bao nhiêu những việc xảy ra không phải lỗi ở người nào cả, mà lỗi ở sự xung đột hiện thời đương khốc liệt của hai cái mới, cũ... ». Và kết luận : « *Các ngài tha cho Thị Loan tức là tha cho một người đã bị tội oan, tha cho một người đau khổ vì đã phí cả một đời thanh xuân và đã đem thân hy sinh cho cái xã hội mới cũ khắt khe này* ». Như nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã viết rất xác đáng (13) : « Tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh đều khuynh hướng về gia đình, về việc *cải tạo chế độ gia đình để giải phóng cho phụ nữ...* »

Sau Đoạn Tuyệt, Nhất Linh cho xuất bản « Lạnh Lùng » với vai chính trong truyện là một người đàn bà góa bụa (Nhưng) song còn trẻ, nên yêu lên lút một thầy giáo riêng (Nghĩa) của con mình. Nhưng chẳng qua đó là một hạnh phúc mong manh vì nàng không có đủ can đảm đi đến tận cùng của tình yêu, nghĩa là theo tình nhân khi người này phải ra đi... Bị cấu xé giữa hạnh phúc cá nhân và tiếng thom một người dâu thảo « Tiết Hạnh Khả Phong », Nhưng cam chịu tiếp tục đời sống cô đơn, trung thành trong kỷ niệm với người chồng quá cố. « Lạnh Lùng » đi ngược dòng « Đoạn Tuyệt », không thuộc loại văn chương lãng mạn « phản kháng », nhưng hòa điệu một phần nào với tinh thần hy sinh của người phụ nữ Việt Nam lúc bấy giờ.

Nói về người phụ nữ nước ta qua trào lưu TLVĐ, không thể nào bỏ qua được « Hồn Bướm Mơ Tiên » của Khái Hưng, thuộc về phong trào lãng mạn liên quan đến sự *xung đột giữa ái tình và tôn giáo* : Ngọc, một sinh viên Trường Canh Nông Hà Nội nhân dịp hè, đi thăm chùa Long Giác là nơi Sư cụ (mà cũng là bác của mình) tu trì, với ý định ở lại đó nghỉ ngơi khoảng hai ba tuần. Chàng gặp một « ... chú tiêu quần áo nâu, chân đi đôi giép quai ngang sơ sài, đầu đội cái thúng đầy sắn, đương lần từng bước leo xuống con đường hẻm. Thốt gặp người lạ, chú bẽn lẽn, hai má đỏ bừng... » (14), nhưng không ngần ngại chỉ dẫn đường cho Ngọc cùng đi về chùa... Bước chân bên chú tiêu (Lan), chàng không khỏi nghĩ thầm : « Quái lạ ! sao ở vùng quê lại có người đẹp trai đến thế, nước da trắng mát, tiếng nói dịu dàng, trong trẻo như tiếng con gái » (15). Cảm tình đầu tiên giữa hai người đã trở thành tình bạn thân thiết, và trong những ngày ở lại chùa Long Giác, Ngọc tìm đủ cách để khám phá cuộc đời bí mật của chú tiêu Lan. Cuối cùng, chính Lan đã phải thú thật rằng nàng là gái già trai để có thể trốn đời nương nhờ cửa Phật : « *Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng đâu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khốn khổ này ra mà thôi* » (16). Một mối tình đã chớm nở lúc đầu mới gặp nhau nay trở thành nồng nhiệt, đắm say của Ngọc đối với Lan, nhưng về phía Lan – vì một lời hứa lúc mẹ nàng hấp hối : « Quên, phải quên ! Lời thề trước linh hồn mẹ, ta hãy còn nhớ đình ninh trong trí. Đó là cái bùa để trừ bỏ những sự cảm dỗ của tình ái nhỏ nhen nơi dương thế » (17). Kết cục, Lan và Ngọc đồng ý – như một nguyện thề - từ bỏ ái tình trần tục bằng cách chia rẽ nhau trong cuộc đời, đặt vươn lên một ái tình cao cả, đẹp đẽ và vĩnh cửu trong tâm niệm : « Yêu là một

luật chung của vạn vật, là bản tính của Phật giáo. *Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng*, Phật tổ cũng chẳng cảm đoán đôi ta yêu nhau như thế » (18).

Trong *Anh Phải Sống*, tác giả Khải Hưng thuật chuyện một cặp vợ chồng rất nghèo, ngày ngày với một chiếc thuyền nan, bơi ra giữa dòng sông Hồng vớt củi để nuôi ba đứa con còn thơ dại. Hôm ấy, sau khi thuyền đã chứa đầy những cành khô nặng trĩu, trời bỗng đổ mưa sấm sét, chiếc thuyền với củi nặng bị đắm chìm, hai người cố gắng bơi cho tới bờ. Người vợ quá yếu không chống nổi những làn sóng lớn... nếu tiếp tục vịn vào vai chồng đến lúc chồng không đủ sức bơi một mình cho cả hai người thì chết cả hai. Nàng quyết định buông tay để thân mình chìm xuống đáy sông sau khi nói khẽ với chồng phải nghĩ đến ba đứa con : « Thằng Bò ! Cái Nhón ! Cái Bé ! ... Không ? ANH phải sống ! » :

« *Dèn điện sáng rực xuống bờ sông. Gió đã im, sóng đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngói khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên cạnh. Đó là gia đình bác phó Thức ra bờ sông từ biệt lần cuối cùng linh hồn kẻ đã hy sinh vì lòng thương con. Trong cảnh bao la, nước sông vẫn lãnh đạm chảy xuôi dòng* ».

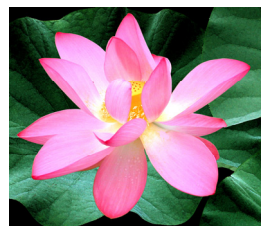
Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên (Paris)

Chú giải :

1. « L'homme n'est homme que parce qu'il vit en société ».
2. Xin tham khảo : Lê Mộng Nguyên, *Orient-Occident : le choc des cultures et son impact sur la décolonisation française au Vietnam* (Communication du 1^{er} décembre 2006 à l'Académie des Sciences d'Outre-Mer), MONDES ET

CULTURES, Tome LXVI – 2006 – Volume 1, Les Séances, pp. 512-521.

3. Đào Đăng Vỹ, *Evolution de la littérature et de la pensée vietnamiennes depuis l'arrivée des Français jusqu'à nos jours*, Huế, Tao Đàn 1949, pp.17-18.
4. Tài liệu « Diễn Đàn Thơ Văn » trên mạng 14/12/2008 : « Hai người đàn bà phía sau TLVĐ ».
5. Tào Văn Ấn, *Khuynh hướng hiện thực trong một số tiểu thuyết TLVĐ*.
6. Lê Mộng Nguyên, Thông điệp ngày 01 th.12-2006 tại HLVKHHN Pháp – Xin xem cùng tác giả Lê Mộng Nguyên : *Chung dựng văn hóa xã hội tại Việt Nam trong thời kỳ giữa hai cuộc đại chiến*, Tập San « Định Hướng » Số 54 – Mùa Đông 2008, tr.65-72.
7. Tài liệu ĐDTV (Id., Ibid.).
8. Id., Ibid.
9. Id., Ibid.
10. Anh Thơ, *Từ Bến sông Thương*, Hội ký 1986.
11. Tài liệu ĐDTV (Id., Ibid.).
12. Báo *Loa*, 08/08/1935.
13. Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, Quyển Tư, In lần thứ ba, Nhà xb Thăng Long, Sài Gòn 1960.
14. Nhất Linh, *Hồn Bướm Mơ Tiên*, In lần thứ năm, Nhà xb Đồi Nây 1942, tr.13.
15. Id., Ibid., tr.15.
16. Id., Ibid., tr.106-107.
17. Id., Ibid., tr.119.
18. Id., Ibid., tr.135.



ĐI VÀ SỐNG VỚI NHÀ THƠ PHAN KHÂM

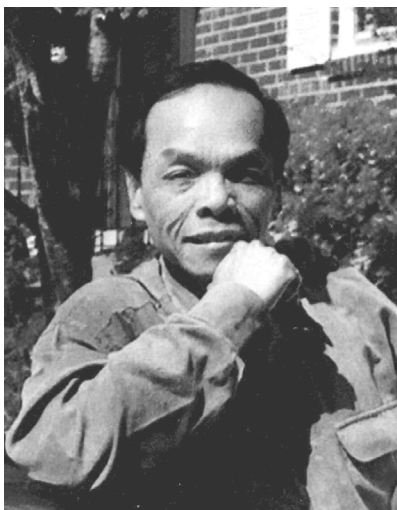
Hồ Trường An

Bác Sĩ Y Khoa kiêm Học Giả Trần Văn Tích thường than với tôi:

- Xứ Quảng Trị của chúng tôi ở vào cái eo thắt của đất đai tổ quốc, đá núi lẩn chiếm ruộng đồng vườn tược nên đó không phải là dải đất phì nhiêu. Đã vậy khí hậu lại khắc nghiệt. Vào tháng tư có gió Hạ Lào nóng bức thổi về, vào tháng chín tháng mười thường có bão tố lụt lội. Dân chúng thường thiếu gạo, phải ăn khoai khô nấu

với đậu đen để trừ cơm. Các món kho phải đậm thêm xơ mít. Cá Long Hội thì nhiều xương cứng, ít thịt ngọt.

Dù vậy, đất tuy sỏi đá, Quảng Trị nào hiếm những nhân tài lỗi lạc. Cụ Tham Tá Đại Học Sĩ Hoàng Hữu Xứng (tác giả bộ *Đại Nam Quốc Cương Giới Vựng Biên* và bộ *Đại Nam Thực Lục Chính Biên Đệ Ngũ Kỷ*) và Cụ Thái Thường Tự Khanh Hoàng Hữu Bình. Phải kể thêm Nhà Thơ Phan văn Dật (tác giả thi tập



Bâng Khuâng và thi tập *Những Ngày Vàng Lúa*), Học Giả Trần Văn Tích (tác giả quyển biên khảo *Sự Muôn Năm Cũ* và quyển biên khảo *Nho Y Nguyễn Đình Chiểu*). Lỗi lạc nhất là Nhạc Sĩ Hoàng

Thi Thơ, tác giả gần 300 nhạc phẩm, hầu hết nổi tiếng, trong đó có “Gạo Trắng Trăng Thanh”, “Trăng Rụng Xuống Cầu”, “Đôi Mái Chèo Trăng”, “Duyên Quê”, “Đường Xưa Lối Cũ”, “Phố Chiều”, “Tà Áo Cưới”, “Những Ngày Hoa Mộng” v.v... Anh đã sáng lập ra đoàn ca vũ nhạc kịch Hoàng Thi Thơ đem môn ca múa để làm say mê khán giả Nhật Bản tại Tokyo và Osaka, ghi một thành tích vẻ vang vô tiền khoáng hậu cho lịch sử văn nghệ trình diễn của nước ta. Anh là con Cụ Hoàng Hữu Bình và cháu gọi Cụ Hoàng Hữu Xứng bằng bác. Và chúng ta cũng đừng quên giọng hát nồng đượm y tình dân tộc của Duy Khánh. Giọng hát này đã khơi rung cảm hàng triệu trái tim dân tộc trong suốt một phần tư thế kỷ.

Người ơi, Nhà Thơ Phan Khâm của chúng ta cũng là Người Quảng Trị. Theo thói nhà băng tuyết, chất hăng phỉ phong, dù không theo nghiệp mưu sinh bằng văn chương, nhưng anh vẫn đeo đuổi văn chương, xem văn chương như một phần lễ sống của mình, người ạ.

Tôi gặp gỡ Phan Khâm trong kỳ Nữ Nghệ Sĩ Bích Thuận trình diễn tại Trụ Sở Unesco, kỷ niệm 50 năm hoạt động trong kịch trường ảnh giới. Kỳ đó, Phan Khâm theo nhóm Cụm Hoa Tình Yêu do Anh Như Hoa Lê Quang Sinh hướng dẫn. Nhà Văn Nữ Bích Xuân giới thiệu Phan Khâm cho tôi, cả hai có chụp chung với nhau một tấm ảnh. Còn Anh Như Hoa tặng tôi cây bút màu tím tươi nổi những nét ngân bạch lấp lánh và có khắc bốn chữ *Cụm Hoa Tình Yêu*. Chỉ có thế thôi. Cuộc tao ngộ quá ngắn ngủi để rồi hôm nay ngồi bên án thư, tôi mới có dịp nhớ lại. Đó cũng như một bóng nhận lướt qua mặt hồ, tưởng chừng không còn lưu lại một dấu vết nào. Nhưng vào một sáng nào đó, theo ngọn heo may đưa đẩy, nhận trở lại hồ, bóng in trở lại trong lòng gương hồ phẳng lặng; dù chỉ trong một thoáng chốc, nhưng nó lưu lại cho khách vãn cảnh một dấu ấn lưu luyến thiết tha trong tâm hồn đương sự.

Năm 2001, tôi qua Virginia ra mắt quyển biên khảo *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn*, hình như anh cũng có đến tham dự, nhưng tôi không dám xác quyết vì hôm đó tôi quá bận rộn, não cân quá căng thẳng nên trí nhớ lu mờ như ngọn nhang tàn thấp khuya, như vầng trăng rằm lu mờ sương đục.

Sự gặp gỡ đáng nhớ nhất là cuộc gặp gỡ theo tinh thần của cổ nhân phong lưu tao nhã qua bút lông, mực xạ, giấy hoa tiên. Nói rõ hơn và hiện đại hóa hơn, đó là cuộc hội ngộ qua cuộc xướng họa thơ thất ngôn bát cú trong đó có anh và tôi cùng các chị Vi Khuê, Cao Mỹ Nhân, Nguyễn thị Ngọc Dung, Huệ Thu, Văn thị Kiều Anh, Trần Quốc Bảo, Tâm Minh Ngô Tăng Giao để hoàn thành thi tập *Hoài Cảm*. Ở trường hợp này, những bài thơ gửi qua gửi lại giữa người này, người nọ, người kia bằng mạng lưới “internet”, chẳng cần thơ chép trên những lá thư để được gửi bằng bưu điện, chứ nói gì cần tới chim hồng, chim nhận, chim bồ câu?

Sau thi tập *Hoài Cảm*, tôi được Phan Khâm trang tặng thi tập *Bên Dòng Thạch Hãn* của anh. Bìa tập thơ màu ngọc thạch, tựa sách nổi chữ thanh lam viền trắng. Tên nhà xuất bản màu thụy lam, còn tên tác giả màu hồng phấn. Ảnh chùm hoa uất kim hương màu tể hồng đậm đà, pha một chút màu yên chi thắm thiết. Màu hoa kia nổi bật trên cái nền kết hợp bằng những màu xanh khác như màu thanh tùng (màu lam nhạt pha màu trân châu xám bạc), màu thụy lục đậm đà như men chậu sứ Giang Tây, màu thụy liễu (giống màu thanh tùng nhưng kém xám bạc), màu thạch anh (quartz) tươi thắm như lúa sắp trổ đòng đòng, màu ngọc kim sa (aventurière) đậm lục, màu ngọc thạch dịu mát như mạ non, màu bích ngọc sáng long lanh... Bông hoa thuộc màu nóng bỏng, sắc nồng nàn được in chồng cái nền màu xẫm chen sắc nguội lạnh. Có vậy, toàn thể bức ảnh dành trang trí cho bìa sách vụt đẹp bất ngờ.

Ở bìa sau có in ảnh của tác giả Phan Khâm. Anh mặc áo sơ-mi trắng cổ cứng, thắt cà vạt đen in sọc xéo màu đỏ thẫm. Người trong ảnh có khuôn mặt rắn rỏi, nụ cười ngạo nghễ, vầng trán cao và sáng nhuận, nét mày lười mác. Miệng cười mà ánh mắt đăm chiêu; đó là nét tương phản độc đáo của khuôn mặt anh.

Tôi rất tâm đắc với đoạn đầu của Lời Ngỏ. Xin cùng đọc: (*Sông Thạch Hãn, con sông đá đỏ mờ hôi, hay được gọi là mờ hôi của đá. Nói như nhà thơ Lê Mai Linh: "Thạch Hãn đá đỏ mờ hôi phải chăng đó là một ký thác định mệnh bất hạnh từ ngàn xưa của người dân quê tôi. Miền quê hương - đá cũng phải đỏ mờ hôi hướng gì là con người sức người."*)

Những dòng sông trên quê hương như Sông Gianh phân ly đến 70 năm dưới thời Trịnh Nguyễn. Sông Bến Hải chia đôi đất nước từ 1954. Sông Thạch Hãn trở thành thêm một giới tuyến nữa lần về Nam bắt đầu kể từ ngày 15 tháng 9 năm 1972 sau trận chiến khốc liệt mùa hè đỏ lửa. Ngược dòng lịch sử, chúng ta không bao giờ quên dòng Sông Ái Tử với tên tuổi khí phách lẫy lừng của Đặng Dung mài kiếm dưới trăng, từng làm cho Trương Phụ, tướng nhà Minh phải kinh hoàng khiếp sợ vào năm 1413. Một trăm bốn mươi lăm năm sau, tức là năm 1558, Nguyễn Hoàng mới vào xây dựng cơ nghiệp vương triều cát cứ ở miền đất Quảng Trị.

Đất Quảng Trị, con Sông Thạch Hãn, Phủ Triệu Phong lúc nào cũng kết tụ khí phách và anh linh của tiền nhân chúng ta về công việc khai hoang khẩn đất của họ trong cuộc Nam Tiến. Giữa vùng linh địa,

bên dòng linh giang ấy, Nhà Thơ Phan Khâm của chúng ta đã chào đời, đã lớn lên, đã tham gia vào công cuộc chống Cộng cứu nước. Và còn thú vị thêm nữa, anh đã đem cái phong thái văn vật ra hải ngoại để tìm một chỗ đứng trên thi đàn.

Thơ Phan Khâm không phải là một hòn ngọc Biện Hòa đẹp toàn bích và có giá trị liên thành. Nhưng nó thân thiết với người đọc như miếng ngọc bội kết tua chỉ tơ đỏ nhưng họ đeo mãi bên mình. Nó cũng như chiếc bạch ngọc phiến trang sức bằng bài thơ viết trên nền lụa bạch kết hợp các nan quạt bằng trúc Tượng Phi mà các thiên cổ mỹ nhân luôn cầm tay trong tiết trời viêm nhiệt mùa hè hay trong tiết hàn nhuận của mùa đông. Vâng, nó rất thân thương đến như thế, không rời khỏi tâm tưởng người yêu thơ như thế, không ai có thể chối cãi vào đâu được.

*Nắng hanh, hanh nắng vào mùa
Em nhìn nắng quái gió lửa tóc bay
Đấu rằng em gặp nắng say
Chạy trời không khỏi nắng ngậy ngát trời
Hôm qua, em bảo nắng hời
Hôm nay sao nắng trời người chang chang
Tình thu sẽ chớm nắng vàng
Mà sao em lại mơ màng nắng xanh*
(Nắng, trang 36)

Cái lần thần trong ý thơ làm cho thơ thêm quyến rũ. Thơ tình yêu càng khờ dại bao nhiêu càng biểu dương cái đam mê nồng đậm khả ái bấy nhiêu, biến thi sĩ trở thành người tình tuyệt vời. Thơ tình càng thông minh, càng sáng suốt bao nhiêu sẽ biến thơ trở nên nhạt nhẽo ngụy lạnh bấy nhiêu.

Thi tập *Bên Dòng Thạch Hãn* rất đặc sắc về thơ tình yêu đã đành. Nhưng nó còn có những loại thơ chân tình tha thiết khác như thơ hoài hương, thơ nói về cuộc thế sự mị thương, than thở về thời thế nhiều nường. Chính ra cái ý thơ lẫn thần của Phan Khâm làm tôi thú vị nhất. Anh là một nhà thơ quá đổi thơ và tuyệt vời mộng mị. Cái cá biệt trong thơ của anh để gì ai có được?

Nhìn cột mốc trăm nổi nhớ nhà

Hăm hai cây số tới Đông Hà

Đọc đường gió bụi chôn chân đó

Nặng giải mута dầu thật xót xa

Con đường cột cây số hăm hai

Dâu bể tang thương tiếng thở dài

Chôn chặt trăm năm tình lủi thúi

Con đường cột cây số hăm hai

(Cột Cây Số Hăm Hai, trang 52)

Lờ mờ theo vết chân chim

Đậu trên cọng cỏ vô tình đêm qua

Gió khuya thổi trắng nhạt nhà

Tôi đi từng bước mù lòa tìm tôi

Chỉ còn hai chữ mờ cô

Trên đất, trên cát, trên người, trên không.

(Mồ Côi, trang 65)

Đáng sợ nhất cho một nhà thơ nào không tìm được nét riêng biệt, nét đặc sắc cho thơ của mình. Như thế đương sự chỉ là thợ thơ chứ chưa lột xác thành thi sĩ thực thụ được. Phan Khâm tránh được cái tai hại đó. Anh tạo được cho mình một thứ thơ không giống thơ của ai. Anh không ngại những ngôn từ vụng dại hay cấu trúc thiếu tinh vi miễn sao thơ anh sáng trưng

thần trí sáng tạo tuyệt vời của mình. Do đó cái vụng dại, cái thiếu tinh vi trở thành cái ý nhị kỳ diệu, cái duyên dáng bất ngờ.

Về thơ quê hương đất nước, Phan Khâm tỏ ra mẫn cảm và tha thiết ở bài đầu có cái tựa “Mùa Xuân Nào Về Thăm Quảng Trị”. Bài tuy hay mà không xuất thần bằng bài “Nước Giếng Bàu”. Chất liệu để hình thành bài thơ rất xoàng xĩnh như cái giếng, ngọn gió Lào, tàu chuối rậm nắng, trụ đá xanh, cây đa, cỏ dại. Đó không phải là chất liệu xinh đẹp hiếm quý để thi nhân đưa vào cõi mộng cõi mơ tuyệt vời của mình. Nhưng mà kỳ lạ thay, những chất liệu ấy vẫn khơi rung cảm mãnh liệt cho Phan Khâm. Cho nên thơ của anh có sức truyền cảm kỳ đặc. Bài thơ này lại không giống thơ quê hương của bất cứ ai. Nét đơn sơ mộc mạc của nó như khóm chuối kiếng, khóm trúc tương phi nổi bật lên giữa muôn hồng nghìn tía trong ngự viên thượng uyển, có nét xinh tươi riêng biệt.

Khuya khoắt chảy nước giếng bàu

Gió Lào tháng sáu rậm tàu chuối xanh

Vẫn còn bốn trụ đá thanh

Bên bờ thương nhớ cội cành cây đa

Hồn người cỏ dại xót xa

(trang 75)

Phan Khâm rất điều luyện loại thơ xứng họa theo thể thức thất ngôn bát cú. Điều đó đã chứng tỏ ở trong tuyển tập thi ca *Hoài Cảm* do nhóm Cỏ Thơm thực hiện. Bây giờ, xin cùng đọc bài xứng “Kiếp Dã Tràng” trong thi tập xứng họa *Hoài Cảm*:
Cát vẫn xe duyên với dã tràng
Viết hoài viết mãi chuyện trần gian
Giận hờn phút đó còn lưu luyến
Thương nhớ giờ đây đã xóa tan
Chân yếu sóng xô nào ngại khó

*Lưng còng nước cuốn chẳng từ nan
Hoài công cả kiếp đời như thế
Theo bóng thời gian cứ vội vàng*
(trang 108)

Theo truyền thống cổ nhân, nhất là các bậc sĩ phu, Phan Khâm một khi ngâm vịnh hay xướng họa thường trước tác loại thơ Đường luật bằng lối nếp cổ phong. Anh tức cảnh cốt để ngụ tình. Người Tây Phương cho rằng đây là phép ẩn dụ (métaphore/ parabole) để đưa thi ca vào lãnh vực sâu sắc hơn.

Thơ tình yêu của Phan Khâm có nhiều khuôn mặt, nhiều dáng vẻ. Đôi lúc thơ hàm nhuận một tình ý sâu sắc, dù bề ngoài nó vẫn khoác chiếc áo đơn giản đi nữa. Nhưng cách xử dụng ngôn ngữ của anh rất điêu luyện, chẳng những không pha loãng cái chân tình của anh trong thơ mà còn đượm đà một nhân sinh quan đặc sắc lẫn tình ý thiết tha say đắm nữa. Xin cùng đọc bài “Giọt Rượu”:

*Thơ là rượu của quỷ**
em là rượu của ai
uống đi không cần nghĩ
sẽ có ngày thiên tai

*lấy ý từ câu: Poetry is the devil's wine

Hạ tuần tháng 5 dương lịch năm 2005 vừa qua, anh Phan Khâm có gửi cho tôi một cuốn băng hình ghi buổi yến tiệc tại nhà chị Nguyễn thị Ngọc Dung vào chiều đầu tháng chạp năm 2002, sau cơn mưa rào rích và nắng ửng chân mây xa. Đó là bữa tiệc tại nhà chị Nguyễn Thị Ngọc Dung để anh giới thiệu bài thơ “Ước Mơ” của anh được Nhạc Sĩ Nhật Bằng phổ nhạc và do chị Loan Phượng trình bày bằng giọng

khàn đục khói sương, gợi cảm tuyệt vời. Trong băng hình này, anh mặc bộ “complet” màu đen, thắt cà-vạt đỏ. Anh hơi nhỏ vóc, nhưng khuôn mặt kết hợp bằng những nét hùng tráng: cằm vuông, chân mày võ tướng hình Thanh Long Đao (nói theo Kim Dung là Lãnh Nguyệt Bảo Đao), cặp mắt sắc, cái nhìn soi bói, nụ cười khinh bạc. Điểm trội nhất trên khuôn mặt anh là vầng trán cao, sáng nhuận làm người ngắm nghĩ đến một chân trời mênh mông. Chân trời ấy hàm nhuận biết bao tráng khí, biết bao hoài bão sắt son của nhà chí sĩ Đặng Dung khi ông ta mài kiếm dưới trăng. Hôm đó, chị Phi Hồng, nội tướng của anh rất hiền dịu mặn mà trong chiếc áo *veste* và cái quần dài cùng một màu đen, tất cả bằng vải *gabardine*.

Sáu tháng sau, vào Chúa nhật ngày 8 tháng 6 năm 2003, Phan Khâm có tổ chức cuộc ra mắt thi tập *Bên Dòng Thạch Hãn*. Khi ra mắt sách tại Nhà Hàng Thần Tài tại Vùng Seven Corners thuộc Tiểu Bang Virginia thì anh vẫn giữ nguyên bộ lễ phục cũ. Còn khi lên diễn đàn ngâm bài thơ “Mùa Xuân Nào Về Thăm Quảng Trị” của anh thì chị Phi Hồng mặc chiếc áo màu hoàng yến điểm những nhánh rong mềm mại màu đen. Giọng ngâm chị rất Huế, rất ngọt ngào trong trẻo.

Và trong buổi tiếp tân Nhà Thơ Như Hoa Lê Quang Sinh tại tư thất của mình, Phan Khâm mặc bộ *complet* màu lục đậu (xanh ve chai pha xám), thắt cà-vạt màu rêu xanh biếc. Còn chị Phi Hồng thảnh thơi tươi mát trong chiếc áo đen hở ực, sát nách phô bày đôi cánh tay trắng như phấn

mịn như nhung. Về nuốt nà của đôi cánh tay ấy tương phản với màu áo và mái tóc nhung huyền và rối rắm một cách mỹ thuật. Chị mặc chiếc xiêm trắng in những mảng màu lá chuối non, nửa giống hoa nửa giống lá. Hôm đó chị đãi nhiều món bày la liệt khắp chiếc bàn dài, loáng thoáng tôi được nghe món tré, món bánh ít lá tro, món bánh cuốn chả lụa. Và tôi đoán chị còn làm nhiều món nữa như bún bò hoặc dấm nuốt, bánh quai vạc hay bánh ít bột lọc, bánh lá chả tôm, bánh khoai, bánh nậm, cơm hến...

Ngôi biệt thất của Phan Khâm trang hoàng thật trang nhã và sạch bóng. Tủ nạm xa cừ hay tủ chạm trổ đều đựng những đồ cổ ngoạn quý giá, những món ngoạn hảo (bibelots) xinh đẹp. Ngoài bức tranh thêu hai con mãnh hổ của Turkey, còn những bức ảnh do anh chụp và ảnh do anh sưu tầm được lồng gương và đóng khung gỗ sơn đen. Phía dưới mỗi bức ảnh chụp là bài thơ của anh được Thư Họa Gia Vũ Hối ghi lại bằng lối thủ bút họa và bằng bút lông mực tàu trên nền giấy ngọc cốt băng cơ nồn nà. Trong văn giới và họa giới, ai mà chẳng biết nghệ thuật thủ bút họa của Vũ Hối. Đó là lối chữ tha thướt mà hùng tráng như nét uốn lượn của loài phi long, hoặc như dáng chuyển mình của loại hổ báo. Vũ Hối xuất thần khi tung hoành ngọn bút lông, khéo ở chỗ khi kéo dài nét chót thường đề cho ngọn bút lông ghi nét đậm thật táo bạo và ào hừng. Đôi lúc, ở nét chót, anh xòe ngọn bút ra để nét kéo dài tủa ra những sợi tơ huyền nhỏ mức như tơ của ngó sen khi chúng ta bẻ ngó sen làm đôi.

Ngoài tài sáng tác thi ca, Phan Khâm còn có nghệ thuật nhiếp ảnh vững vàng ở chỗ phối trí, ở chỗ lấy bố cục, ở chỗ lấy ánh sáng và ở chỗ lấy góc cạnh cho đối tượng trước khi anh bấm máy thu hình. Anh cũng đang tập nghệ thuật thư họa. Nét chữ duy nhất của Phan Khâm ở trong bài "Đêm hai đứa mình ra biển, đêm hai đứa ngược nhìn sao" được anh làm phóng ảnh để gửi cho tôi xem chơi. Nét chữ trong nghệ thuật thư họa của Phan Khâm tuy không vẫy vùng lả lướt như nét chữ của Vũ Hối, nhưng bù lại rất uyển chuyển nhưng cực kỳ phóng khoáng làm hiển lộ cái tinh thần ngang dọc của anh.

Cho tới nay, thơ Phan Khâm có 15 bài được phổ nhạc. Xin kể:

- 1- *Thỏ thẻ bốn mùa* (nhạc Nguyễn Tuấn)
- 2- *Một mai trở lại* (nhạc Nguyễn Tuấn)
- 3- *Sài Gòn-Paris* (nhạc Nguyễn Tuấn)
- 4- *Tôi về đó tìm tôi* (nhạc Nguyễn Tuấn)
- 5- *Nợ với giai nhân* (nhạc Hồ Bằng)
- 6- *Mùa yên ương* (nhạc Hồ Bằng)
- 7- *Trong trí nhớ dòng sông* (nhạc Huy Lãm)
- 8- *Nắng và Em* (nhạc Huy Lãm)
- 9- *Ước mơ* (nhạc Nhật Bằng)
- 10- *Hoa nở bao giờ* (nhạc Nguyễn Túc)
- 11- *Mùa xuân nào mình về thăm Quảng Trị*
(nhạc Nguyễn Hữu Tân)
- 12- *Cây đa làng cũ* (nhạc Nguyễn Hữu Tân)
- 13- *Một chút Sài Gòn giữa lòng Paris*
(nhạc Mạnh Bích)
- 14- *Ta nhớ Em* (nhạc Phan Dũng-Hảo)
- 15- *Vần thơ cho ai* (nhạc Phan Dũng-Hảo)

HỒ TRƯỜNG AN
(France)

TRÊN ĐẤT KHÁCH

Tham, sân si... Phật đã dạy rồi.
Nhưng biển cuồng mê cứ nổi trôi.
Sắc đẹp không si? Nào có dễ?
Lợi danh ham muốn khó lòng thôi!

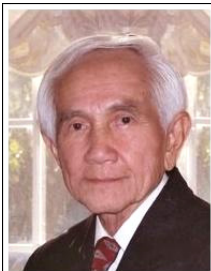
Từ lâu, thầy đã nhủ khuyên ta
Chớ lạc bờ Mê hết lối ra
Đời sẽ trầm luân trong bể khổ
Muốn tìm nẻo thoát, chắc còn xa!

Thánh nhân? Ai nhĩ, thời Nguyên tử?
Tu sĩ thâm sơn, được mấy người?
Vào trước cửa Không, lòng muốn có
Làm sao sám hối được? Trời ơi!

Nhục thân là thế, ai thần thánh?
Che giấu gì sau ngả bóng đêm?
Tiếng mõ khua vang trong tịch mịch
Cũng nghe chưa sạch nổi ưu phiền!

Cuộc đời dẫu biết cõi phù du
Đất khách phồn hoa khó tĩnh tu
Ngàn vạn bùa mê trong mộng điệp
Để lâu, khôn sáng cũng đui mù

HÀ BÌNH TRUNG



Văn Thị Sĩ HÀ BÌNH TRUNG
(1922 - 2012)

TERRE D'ANTAN

Qu'as-tu appris de Bouddha,
A part tes océans de plaisirs
Des vices cachés au fond de toi
Des fortunes enfoncées dans ton ravin
Écoute les moines d'antan
Qui t'enseignent dans ce labyrinthe d'amour
Où tu ne sors point la mort dans l'âme
Ton sentier d'espérance est encore loin.
Dieu n'est plus dans ce monde atomique
Pour délivrer tant de prophètes ignorants
Rêvant la Voie Sacrée du Salut
Méditant à chaque cruauté des êtres
Rêves-tu encore de ce Nirvena lointain
Eclairant que d'obscurité malsaine
Où résonnent des prières d'espoirs
Qui apaisent ô combien de souffrances
Ta vie sur terre cherche que de refuges
Où naissent toutes ces fleurs du mal
Ennivrants les jouissances de tant d'illusions
Qui s'accouplent dans la nuit obscure du temps.

Traduction de "Trên Đất Khách" de
Hà Bình Trung

Paroles : DIỄM-HOÀ

Album "Les Ailes du temps"
En mémoires de l'écrivain-poète
Hà Bình Trung

HỒI TƯỞNG NGÀY ĐỨC THẦY THỌ NẠN

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

Miền Trung không ảnh hưởng Phật giáo Hòa Hảo. Đạo Hòa Hảo phát triển ở 15 tỉnh miền Tây: Châu Đốc, An Giang, Sa Đéc, Kiến Phong, Vĩnh Long, Phong Dinh, Chương Thiện, Kiên Giang, Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên, Định Tường, Long An, Kiến Hòa, Kiến Tường, và Sài Gòn-Gia Định. Các tỉnh như Châu Đốc, An Giang, Kiến Phong, Sa Đéc, tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo lên đến 90 % dân số; ở các tỉnh khác tỷ số này thay đổi từ 10 đến 60 %. Miền Tây đất đai phì nhiêu, ruộng đồng rộng mênh mông như Đồng Tháp Mười „cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi“,

*Mùa nắng đất khô cỏ cháy
Mùa mưa nước ngập lan tràn
Cò trắng nghìn năm bay chẳng dứt
Chân trời bốn mặt rộng thênh thang...*

Nguyễn Bình 1949

Đồng Tháp Mười là vùng đất của Đồng bằng sông Cửu Long diện tích 697.000 hecta, trải rộng trên ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp. Nhờ sông Cửu Long mang phù sa về bồi đắp ruộng vườn phì nhiêu „*làm chơi ăn thiệt*“ nên đời sống người dân sung túc, tính tình cởi mở hồn



nhiên, chất phát thật thà, giọng nói cũng ngọt ngào dễ mến (*khác với giọng Quảng Nam khô khan, rắn rỏi*). Họ xây nhà theo mô hình „*trước là nhà, sau là vườn cây ăn trái*“. Trong khi đất miền Trung khô cằn sỏi đá, chiến tranh tàn phá cao độ hơn miền Nam. Giữa tháng 3 năm 1975 tôi đi công tác có dịp tham dự đại lễ ngày Đức Thầy thọ nạn, do tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tổ chức tại Đốc

Vàng Hạ xã Tân Phú nơi Đức Thầy bị nạn 25/2 âm lịch 1946, thuộc quận Thanh Bình, tỉnh Kiến Phong. Nơi này còn có địa danh Đốc Vàng Thượng với dinh ông Đốc Vàng ở ấp Nam xã Tân Thạnh, lúc sanh tiền ông lập được nhiều công lao chống giặc ngoại



Đồng Tháp Mười

xâm, sau khi qua đời Vua Minh Mạng truy tặng tước vị và được người dân xã Tân Thành lập đền thờ.

Hồi tưởng lại chuyến đi Cao Lãnh Kiến Phong, tỉnh Kiến Phong nằm phía bắc Tiền Giang các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên và Sa Đéc. Kiến Phong bắc giáp với Campuchia, đông và đông bắc giáp hai tỉnh Định Tường và Kiến Tường, nam giáp tỉnh Vĩnh Long tây và tây nam giáp hai tỉnh Châu Đốc và An Giang, xe từ Sa Đéc phải đi qua chuyến phà từ Tân Mỹ (thuộc quận Lập Vò Sa Đéc nơi sinh trưởng của Phật Thầy Tây An).

Quận Thanh Bình nằm trên quốc lộ 30, cách Cao Lãnh khoảng 25km về hướng tây bắc. Địa giới của huyện Thanh Bình ở phía bắc giáp huyện Tam Nông, phía nam và phía tây giáp sông Tiền Giang, phía đông giáp huyện Cao Lãnh. Trên đồng ruộng máy cày

tạo nên những luống cày thẳng tắp, đất khô phơi màu bùn xám xám, những con kinh nước lên xuống trong ngày, nước xuống để trơ những cành cây không lá rong rêu, người ta gọi là chà, là nơi cá tôm sinh sống, lúc nước xuống cạn họ dỡ chà dài khoảng



10 m, bùn non nước sền sệt người ta tìm bắt vô số cá, tôm đủ loại cả già, họ bán hoặc phơi khô làm mắm tích trữ cho mùa nước lên. Những con rắn bông súng, rắn nước cũng bị bắt, cá lóc (cá tràu) to bằng bắp chuối nướng trui bằng rom là món

khoái khẩu của dân nhậu, cá nướng thơm ngon chấm với nước mắm me dốt, khê khê với rượu Đế, dân miền Nam miệt vườn quanh năm thường thức thơ rượu, hát hò... Chúng tôi đến chợ Thanh Bình buổi trưa nước ròng, trên kinh vắng bóng ghe đò, hai bên bờ kinh từng đoàn xe honda chạy về hướng Đốc Vàng Hạ. Thiếu tá Lộc quận trưởng cho biết tình hình an ninh ở đây khả quan vì giáo dân là những người rất chống cộng. Đại lễ Đức Thầy thọ nạn tưởng nhớ ngày CS sát hại Giáo chủ, ngày lễ sẽ có nhiều Chính khách, Dân biểu

về tham dự... Nắng chiều trải rộng trên kinh tràn ngập những cánh hoa lộc bình (Eichhornia crassipies) màu tím trang điểm thêm nét đẹp của thiên nhiên mây nước, ghe đò chạy vô ra náo nhiệt lo cho ngày lễ Hội, chúng

tôi quá giang ghe vào Đốc Vàng Hạ, hai bên kinh nhà cửa khang trang lợp ngói đỏ, xây cao hơn mặt đất 1 vài mét, sàn nhà bằng gỗ, dưới những gốc cây cau có lu đựng nước mưa, nhà giàu xây những bể chứa nước mưa to lớn, phương tiện chính duy chuyển ở đây là ghe xuồng nên nhà nào cũng có ghe gắn máy đuôi tôm. Gần đến địa điểm tổ chức là khoảng đồng trống có đồn Nghĩa quân, lô cốt bằng đất chung quanh rào sơ sài hai lớp mỏng kẽm gai concertina, là đồn nhưng gọi trạm thì đúng hơn, quân số một tiểu đội chưa đủ 12 người. Anh trung đội trưởng vui tính luôn phì phà thuốc trên môi, anh rất lạc quan vì tình hình

nhiều năm ở đây bình an, CS chỉ hoạt động mạnh ở các vùng Kiến Tường Mộc Hoá, Sầm Giang, Cai Lậy... Trung đội anh phụ trách hai đồn nhỏ trong và ngoài giữ an ninh chống kinh tài VC về thâm thuế. Sân khấu đài tưởng



niệm dựng trên vùng đất rộng bao la bằng phẳng mượt mà cỏ xanh, chung quanh là nhà dân sầm uất. Người về càng đông hàng quán ì xèo bán thức ăn, nhạc vàng, cải lương vọng cổ vang trong gió chiều từ những dàn nhạc âm thanh lớn, Stereo Radio cassette của các quán nhậu đặc sản của Đồng Tháp Mười về đêm đèn Manchon sáng chói. Chúng tôi được chính quyền địa phương giới thiệu về địa lý và di tích lịch sử của Đốc Vàng, tôi hân hạnh gặp cụ Phan Văn Mười (Mười Tý) cận vệ Đức Thầy là người có duyên may thoát chết trong vụ án

Đốc Vàng. Sau biến cố Đốc Vàng, cụ tiếp tục con đường hành đạo theo giáo lý của Đức Thầy kể lại biến cố lịch sử. „Đức Thầy ngồi bàn giữa, nói chuyện với Bửu Vinh, còn 4 cận vệ cầm súng đứng 2 bên gần cửa. 10 phút sau có 8 người từ bên ngoài đi vào, chia làm 4 cặp, tràn tới đâm 3 cận vệ chết tại chỗ, ông nhảy xuống bờ kinh thoát nạn, ngôi nhà ngói bị tắc đèn chìm vào bóng đêm âm u, Đức Thầy vắng mặt từ đó... „ Tín đồ Hòa Hảo tin Đức thầy còn sống ngài sẽ trở lại trong vinh quang, nhưng theo các tài liệu của Việt Minh thì Đức thầy bị sát hại thủ tiêu mất xác. (do Đào Công Tâm và Bửu Vinh thi hành). Việt Minh chủ trương

tiêu diệt tín đồ PGHH cố Thi Sĩ Việt Châu Nguyễn Xuân Thiếp (anh em chú bác với nhà văn Nguyễn Hiến Lê), ngày 08.9.1945 thừa lệnh Đức Thầy thi sĩ Việt Châu đi Cần Thơ hòa giải việc tín đồ

PGHH bị bắt giữ sau cuộc biểu tình, bị VMCS tráo trở bắt tử hình tại Cần Thơ ngày 07.10.1945 (02.9 Ất Dậu) chung với hai ông Trần Ngọc Hoàn và Huỳnh Thạnh Mậu em phần xác Đức Thầy. Các lực lượng vũ trang của Dân Xã đã đồng loạt tấn công vào lực lượng vũ trang và các cơ sở của Việt Minh tại các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ với danh nghĩa để trả thù cho Giáo chủ.

a/ Nhóm Trần Văn Soái, tức Năm Lửa, mang danh nghĩa Quân đội Hòa Hảo, hoạt

động tại Cần Thơ, Vĩnh Long, đặt bản doanh tại Cái Vồn.

b/ Nhóm Lâm Thành Nguyên, tức Hai Ngoán, hoạt động tại 2 tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc, bản doanh đặt tại Cái Dầu.

c/ Nhóm Lê Quang Vinh, tức Ba Cụt, mang danh nghĩa Nghĩa quân Cách mạng, kiểm soát vùng rạch Giá, Long Xuyên, đóng bản doanh tại Thốt Nốt.

d/ Nhóm Nguyễn Giác Ngộ tức Ba Gà Mỏ, mang danh nghĩa Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, đóng tại một vài khu vực trong tỉnh Long Xuyên, đặt bản doanh tại Chợ Mới.

Đến Đốc Vàng tình cờ tôi gặp ông Tường khi nghe ông nói giọng Quảng Nam, ông định cư ở Mộc Hóa nhưng con gái lấy chồng về Đốc Vàng, ông đến thăm cháu ngoại và dự đại lễ. Năm 1957 thời



TT Ngô Đình Diệm ông đi theo chương trình di dân, đến các khu trù mật, dinh điền được chính phủ trợ cấp để khai phá lập nghiệp. Chú An con rể ông là lính sư đoàn 9 bị thương được giải ngũ nhưng còn khỏe, nhà có máy cày đầy đủ tiện nghi, phản bằng gỗ mít dày bóng loáng, bộ ghế salon gỗ trên bàn kính có lõng hình con cháu... Con gái ông nói giọng Nam, đời sống gia đình thuộc hạn trung lưu, con rể lịch thiệp hiếu khách vốn vãi mời chúng tôi ở lại ăn tối và ngủ đêm có mền mùng không sợ muỗi cắn. Buổi tiệc làm nhanh gồm các món: lươn um với bắp chuối, cá nướng rom, canh chua cá

lóc, cá trê kho tộ, tôm chua, bia 33 nước đá lạnh... Ông Tường nhắc lại những ngày ngoài quê nghèo, làm mướn cuối ngày được chủ trả mấy lon gạo (*lon sữa bò dùng để đo lường*), cơm độn khoai sắn quanh năm mưa nắng làm gì có thịt cá hả hề như ngày nay, ông luôn nhớ kỷ niệm tình hàng xóm nơi chôn nhau cắt rún Quảng Nam. Con cháu ông sinh trưởng miền Nam đời sống sung túc không khổ như đời cha, phải đổ mồ hôi để đổi lấy miếng cơm. Đồng hương gặp nhau ở xứ người là một niềm vui „*ôn cố tri tân*“ dù thế hệ tuổi tác tôi với ông cách xa

nhau, nhưng bỗng dưng có một sự thấm thiết chân tình. Tôi ở lại với gia đình con cháu ông như gia đình mình, chuyện xưa được gọi lại như một kỷ niệm đẹp trôi theo giòng đời... càng về khuya thanh vắng vòm trời cao có những ánh sao

đêm, mọi người ngủ say, tôi giật mình lo sợ nghe tiếng súng, lựu đạn nổ ở hai đồn nghĩa quân kéo dài khoảng 20 phút, chú An từng kinh nghiệm tác chiến cho biết tiếng súng AK và đạn B40 là của VC, nên bình tĩnh trong nhà không nên đốt đèn, chờ sáng để biết tình hình, thời gian chờ đợi, lo sợ trôi qua rất chậm. Trời vừa hừng sáng chú An ra bờ kinh nhìn về phía đồn nghĩa quân lô cốt không còn mái tôn, bộ đội VC đội mũ cối ở trong đồn, những nghĩa quân sống sót bỏ đồn nương theo bờ kinh chạy thoát hiểm, hai nghĩa quân hy sinh xác còn trong lô cốt đất, cả hai đồn nghĩa quân bị chiếm.

Đại đội chủ lực quân VC về đánh phá ngày đại lễ. Mặt trời lên cao ghe đò chờ nước lên để di tản, chúng tôi phải bắn ngang cánh đồng vì hai đầu nơi tổ chức đều bị VC chiếm và đóng chốt. Đoàn người như đàn cò trắng trên cánh đồng khô tìm lối thoát thân, VC bắn theo, tiếng đạn kêu vèo vèo đầu đạn cắm xuống những luống cây khô bụi bay ngay trước mặt, may mắn không ai bị thương. Đây là lần đầu tiên và cũng là cuối cùng tôi chạy toát mồ hôi dưới làn đạn giết người của VC, ông Tưởng chỉ luôn miệng „*Tiên sư giặc Hồ không để cho dân chúng sống bình an...*“. Ngày đại lễ cuối cùng của Phật Giáo Hòa Hảo miền Nam không thể thực hiện. Sau 1975 Phật Giáo Hòa Hảo không được phép nhắc tới ngày Đức Thầy thọ nạn vì đó là điều bị nhà cầm quyền cộng sản cấm kỵ. Phật Giáo Hòa Hảo trải qua những biến đổi của lịch sử, từ thời kháng chiến chống Pháp, chống Việt Minh và thời Đệ Nhất Cộng Hòa, cũng lắm thăng trầm và chua xót. Trước năm 1975 các Tôn giáo tại miền Nam đều có quyền tự do hoạt động, có các sở văn hóa, truyền giáo, từ thiện... Viện Đại Học Hòa Hảo thành lập năm 1970, tại Long Xuyên chương trình học nhằm đào tạo cho giới trẻ sinh trưởng tại miền Nam có cơ hội tiến thân không cần phải đi học xa ở Sài Gòn và cạnh tranh với các Viện Đại học Vạn Hạnh



(Phật giáo 1964), Viện Đại học Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt (Công giáo 1957) Viện Đại học Cao Đài Tây Ninh (1971) ...

Đại học Hòa Hảo gồm có các phân khoa

- Thương mại Ngân hàng
- Khoa học Quản trị
- Giao dịch và Ban giao Quốc tế
- Nông nghiệp
- Văn khoa và Sư phạm
- Trung tâm sinh ngữ
- Đông y.

Tóm lược lịch sử Đạo Hòa Hảo.

Thánh Địa Phật Giáo Hòa Hảo tại làng Hòa Hảo tức là sinh quán của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Đức Thầy sinh 15.01.1920 (25.11 Kỷ Mùi) tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu tỉnh Châu Đốc, (nay huyện Phú Tân, tỉnh An Giang). Ngài là người sáng lập Phật Giáo Hòa Hảo, làng này có nếp sống thanh bình an lạc. Thuở nhỏ ông thông minh, học hết bằng sơ học yếu lược Pháp-Việt nhưng thường bị đau ốm nên đành bỏ dở việc học. Lên núi Sam còn có tên là Vĩnh Tế Sơn hay Ngọc Lãnh Sơn cao 284 m có chu vi 5.200m, là một núi nằm trong vùng Bảy Núi, trước thuộc xã Vĩnh Tế, nay là phường Núi Sam, Châu Đốc. Tu theo Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được khai sáng năm 1849 bởi ông Đoàn Minh Huyền (1807-1856), quê ở Tòng Sơn, Cái Tàu Thượng, tổng An

Thanh Thượng, Lấp Vò Sa Đéc. Ông Đoàn Minh Huyền đến tu tại chùa Tây An hay Tây An cổ tự được tín đồ tôn kính gọi là Phật Thầy Tây An.

Chùa Tây An tọa lạc trên nền cao, thoáng rộng, trong khuôn viên có diện tích 15.000m². Phía sau có núi Sam như bức bình phong nổi bật lên với màu xanh, mặt chính với ba ngôi cổ lâu nóc tròn hình củ hành, màu sắc sặc sỡ nhưng hài hòa. Nơi này ông Huỳnh Phú Sổ được trị lành bệnh và luyện chí tu hành. Năm 1937 Huỳnh Phú Sổ về làng, chữa bệnh cho dân, viết kinh, giảng sấm, được dân gian gọi là Phật Thầy. Từ đó đạo Phật Giáo Hòa Hảo được khai sáng tại làng Hòa Hảo. Tín đồ PGHH không buộc phải cạo đầu vào chùa, bỏ mọi việc ngoài thế gian, họ ở tại gia đình sống như mọi người công dân khác với nếp sống bình dị trong nông nghiệp, tu hành theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa:

a/ *Ân Tổ Quốc Cha Mẹ*

b/ *Ân Đất Nước*

c/ *Ân Tam Bảo (Phật Pháp Tăng)*

d/ *Ân Đồng Bào Nhân Loại*

Tín đồ PGHH là cư sĩ tu tại gia sửa thân tâm, đóng góp vào việc phát triển nền kinh tế nông nghiệp trù phú miền Nam. Trên bàn thờ, không có tượng Phật, chuông mõ. Chỉ có tấm Trần bằng vải màu dả, tượng trưng cho sự hòa hợp nhân loại, và cho màu sắc nhà thiền. Đó là bàn thờ Chư Phật. Dưới bàn thờ Phật là bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ thờ ông bà cha mẹ đã khuất. Trước nhà có bàn thờ lộ thiên (gọi là bàn Thông Thiên) để người tín đồ cảm thông với Trời Đất, bốn phương trời, mười phương Phật. Họ chỉ dùng nước lạnh, bông hoa, và nhang để cúng Phật. Nước lạnh tiêu biểu cho sự trong sạch, bông hoa tiêu biểu

cho sự tinh khiết, còn nhang dùng mùi hương thơm tẩy ô uế.

Mỗi ngày người tín đồ PGHH làm lễ cúng Phật, ít nhất hai lần, sáng và tối. Trong các ngày rằm, mùng một, ngày vía Chư Phật, họ đến chùa hay hội quán hành lễ, nghe kinh giảng, thuyết pháp. Lúc đánh lễ họ không dùng mõ chuông, mà chỉ lâm râm tâm niệm. Khi nào bận việc thì đến giờ hành lễ họ quay mặt về hướng Tây mà cúng Phật, và khuyến khích nhau ngồi đầu, ở đầu cũng tụng niệm trong tâm. Ngoài ra trong các Xã, Ấp có những độc giảng đường trang bị máy phóng thanh, để mỗi ngày trong những giờ nhất định, có những giảng viên đến đọc kinh giảng hay thuyết pháp cho người chung quanh. Độc Giảng Đường Phật Giáo Hòa Hảo là những ngôi chùa thu hẹp để truyền đạo, không phải để cư trú nên nhỏ hơn chùa, bởi bản chất Phật Giáo Hòa Hảo là cư sĩ tại gia. Hệ thống sinh hoạt của Phật Giáo Hòa Hảo trước 1975 gồm có:

1/ *Các Ban Trị Sự Tỉnh*: An Giang, Sa Đéc, Kiên Phong, Kiên Giang, Vĩnh Long, Phong Dinh, Chương Thiện, An Xuyên, Ba Xuyên, Biên Hòa, Gia Định, Vĩnh Bình, Kiến Hòa, Kiến Tường, Lâm Đồng, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Phú Yên, Bình Định và Long An Định Tường.

2/ *Các Ban Trị Sự Thị Xã*: Sài Gòn, Cần Thơ, Mỹ Tho, rạch Giá, Vũng Tàu, Đà Lạt.

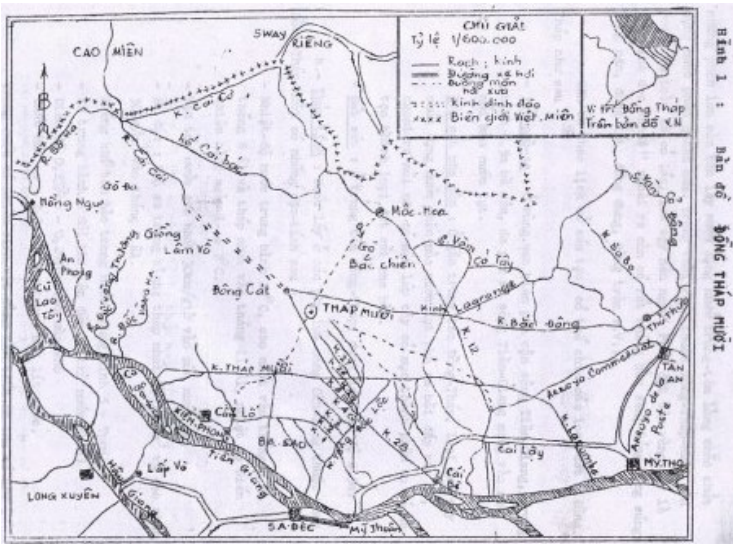
3/ *Các Ban Trị Sự trực thuộc Trung Ương*: Thánh Địa Hòa Hảo xã Thiện Từ, 82 Ban Trị Sự cấp quận, 476 Ban Trị Sự cấp xã, 3100 Ban Trị Sự cấp ấp

4/ *Cơ Sở Tu Viện*: 231 chùa và Tự viện; 468 Độc giảng đường; 452 Hội quán; 2876 Văn phòng.

5/ *Nhân sự*: 36500 Trị sự viên các cấp; 2679 Tu sĩ và nhân viên tại các tự viện;

10.000 nhân viên và khóa sinh ngành phổ thông Giáo Lý....

không riêng gì PGHH bị nạn, cả nước biến thành nhà tù của chế độ CS vô thần. Trong chuyến viếng thăm Cuba Đức Giáo Hoàng nói: “Ngày nay đã rõ ràng là ý thức hệ mác xít tỏ ra không thích hợp với thực tại” và ngài kêu gọi “Cuba cần phải có tự do của lương tâm và tự do tôn giáo cho mọi người”. Các Quốc gia còn theo chủ nghĩa Cộng sản trong đó có Việt Nam cần phải sớm từ bỏ chế độ CS để người dân được sống hoà bình, tự do dân chủ...
Nguyễn Quý Đại



Sinh hoạt chính trị tại miền Nam còn có chính đảng: Đảng Dân Chủ Xã Hội Việt Nam còn được gọi là Đảng Dân Xã hay Dân Xã Đảng Hòa Hảo là một đảng chính trị lớn hoạt động ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1946-1975 rất mạnh, có Dân biểu, Thượng nghị sĩ đại diện cho PGHH, Người miền Trung đến làm việc tại các tỉnh miền Tây “nhập gia tùy tục” phải tế nhị trong vấn đề giao tế với đại diện tín đồ PGHH đàn ông lớn tuổi họ còn bói tóc.

Sau 30.4.1975 Dân Xã đảng và các đảng phái khác dưới thời VNCH bị cấm hoạt động. Một số thành viên của Dân Xã đảng sau năm 1975 tập hợp tái hoạt động tại hải ngoại đấu tranh, hỗ trợ cho Phật Giáo Hòa Hảo trong nước bị nhà cầm quyền CS đàn áp, đánh đập bắt giam cầm hành đạo. Hàng năm ở hải ngoại tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo làm kỷ niệm ngày Đức Thầy thọ nạn. Nhìn lại 37 năm qua CSVN luôn đàn áp tôn giáo,

www.hoamunich.wordpress.com
Tài liệu, hình ảnh tham khảo trên Internet

CHÂM NGÔN ĐỐI VỚI CON NGƯỜI, XÃ HỘI

- Phải có nhẫn nại công việc mới thành công.
- Nhân đức vật, khí khái xằng thường làm hư việc lớn.
- Roi tuy dài, không đánh tới bụng ngựa.
- Quyền thế tuy mạnh nhưng không trị được nhân.

TÀ DƯƠNG

Dặm dài hoàng hôn bóng tà dương
Lê gót chân đau nửa đoạn đường
Hoa rụng lá vàng run rẩy tiếc
Chim bay cánh vắng luyến lưu thương
Ngả lưng đêm xuống đen cơn mộng
Chợp mắt ngày lên trắng giọt sương
Tình nghĩa còn nhau xin giữ lại
Nơi nào giao điểm mối tơ vương

Phan Khâm

VÒNG LẮN QUẢN

Thất thểu bên đường ném vị cay
Tìm ai mỗi mắt dễ cau mày
Nợ nần kiếp trước còn chưa trả
Ân nghĩa đời này cứ muốn vay
Đọc mấy điều răn nghe thật kỹ
Uốn ba tác lữ nói cho ngay
Cái vòng lẩn quản trong trời đất
Kẻo lúc bạc đầu vẫn ngửa tay

Phan Khâm
(Maryland)

NHƯ' CỐI VÔ THƯỜNG

Em ơi em, từng bước cuộc đời
Cỏ bên đường in thêm những dấu chơi vơi
Em đang đi giữa Đà Lạt thành phố sương mù
Trời đã sang thu..

Âm thầm trong thương nhớ
Kỷ niệm sâu hằn , với em
Đôi môi ngọt mềm
Khi Đà Lạt mùa mới sang thu..

Ngày tháng dần trôi
Tóc em bay bay
Mắt em tròn thơ ngây
Hạnh phúc mệnh mang, vòng tay ấm đong đầy
Em bên anh, quanh hồ liễu, đôi thông xanh
Như đôi chim ríu rít trên cành..

Hát tặng em bài Đà Lạt hoàng hôn
Chiếc lá cuối cùng rơi
Trời chiều.. đã sang đông..
Cà phê thủy tạ ánh đèn mờ
Nụ hôn ôi ngọt ngào.. bên tách cà phê..
Cơn mưa phùn chợp đến.. lạnh ướt bờ mi
Vòng tay nồng ấm đam mê
Đường tình đi.. không tha thiết nẻo về..

Và hôm nay, thành phố sương mù
Chỉ còn lại trong mơ..
Sao mắt em buồn vời vợi?
Một nỗi bơ vơ
Em ôm mặt khóc
Hay duyên ta không trọn?
Tình tan như cối vô thường..

Bùi Thanh Tiên

VA, ngày 15-3-11
(tặng H. Đà Lạt năm xưa)

Tiếng Đàn Tái-Ngộ Trong ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

(Bài pháp-thoại đề cao tình thương theo giáo-lý từ-bi của nhà Phật)

Phạm Thị Nhung

A - Trong bài nói chuyện “Kiều và Văn-Nghệ Đứt Ruột” của Thiên-sư Nhất-Hạnh tại San-José California, ngày 21 tháng 10 năm 1993, Thiên-sư đã phân-tích cho biết: Khi Thúy-Kiều nhảy xuống sông Tiền-Đường tự tử, Sư Giác-Duyên đã thuê hai ngư-phủ giăng lưới ngang sông Tiền-Đường chờ sẵn, kéo lưới vớt lên; rồi đưa về thảo-am làm lễ xuất-gia cho nàng và dẫn nàng tu học. « Kiều đã có cơ-hội được tiếp-xúc, học-hỏi với đạo-lý giải-thoát... Thúy-Kiều đã tìm được an-lạc thật sự trong nếp sống tu-hành... và Thúy-Kiều đã đạt tới một trình-độ giác-ngộ rất cao... »

Giữa người yêu cũ với nàng bây giờ đã có một khoảng cách rất xa... Chính trong đêm đó, Thúy-Kiều đã dạy cho Kim Trọng con đường tu học. Trong văn Kiều của Nguyễn Du, điều này không có nhắc tới. Nhưng trong Nguyên-lục thì có. Đêm đó Thúy-Kiều làm 10 bài thơ để hướng-dẫn Kim Trọng tu học...

*Hôm nay gặp lại chàng
Từ sinh em đã vượt
Khuyên chàng hãy định tâm
Một lòng sau như trước.*

Gặp lại chàng hôm nay, em đã trải qua kinh-nghiệm của sống chết, và em đã được giải-thoát rồi. Vậy chàng hãy sớm định tâm

trở lại. Chàng hãy cố tu-tập đi. Để trên con đường tâm-linh chàng có thể tới gần em. Và làm người bạn tâm-linh của em. Bài thơ ấy nguyên-tác như sau:

*Kim nhật trùng kiến lang
Bất phục tri hữu tử
Nguyên quân tảo định tình
Thận chung như thận thủy. »*

B - Theo thiên-ý, trong đoạn cuối tác-phẩm ĐTTT, Nguyễn Du tuy không cho Thúy-Kiều làm thơ, nhưng đã cho nàng mượn Tiếng Đàn Tái-Ngộ để hướng-dẫn Kim Trọng trên đường tu học.

Đời là bể khổ, lại sống trong thời mạt-pháp, xã-hội sa-đọa, đầy-dẫy những sự tham-ô, tàn-bạo, bất-công..., khổ-đau của con người càng thêm chồng-chất. Chính Thúy-Kiều đã là nạn-nhân thâm-thâm trong cái xã-hội đó. Bởi thế, nàng Kiều có tâm-nguyện chuyển-hóa những kinh-nghiệm khổ-đau xưa thành hạnh-phúc yêu-thương. Nàng đem những gì mình học-hỏi được về giáo-lý từ-bi của nhà Phật, thực-tập trong cuộc sống để độ mình và độ người.

Sách Phật-giáo chẳng dạy, dù sống ở đâu, nếu mình biết sử-dụng một cách khéo-léo tùy duyên, thì tất cả các pháp đều là Phật-pháp, đều có ích cho việc tu-tập của mình và đem lại lợi-lạc cho người.

Đêm nay, giữa không-khí ẩm-cúng nơi động-phòng hoa-chúc, Kim Trọng Thúy-

Kiều, đôi tình-nhân xưa, sau 15 năm xa-cách được trùng-phùng trong tình bạn tri-kỷ, tương-kính tương-tri. Sau khi hàn-huyên đã tạm thỏa-thuê, Kim Trọng ngỡ ý mong được nghe lại tiếng đàn tuyệt-diệu năm xưa của Kiều. Kiều đã thố-lộ ngay với Kim về ảnh-hưởng tai-hại của tiếng đàn đó đối với cuộc đời nàng :

*Nàng rằng:-Vì mấy đường tơ
Hại người cho đến bây giờ mới thôi.
(cc.3193-3194)*

Trước kia, Kiều vì mê-mờ, vị-kỷ, nhiều dục-vọng, đã tự-phụ về tài đàn vượt-trội thiên-hạ của mình, những là:

*Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một trang.
(c.32)*

Khúc Bạc-mệnh-oán, thuở nàng còn thơ vì thương-cảm số-kiếp hồng-nhan mệnh bạc của bao người xưa mà sáng-tác nên, khi phổ vào đàn, gảy lên càng làm say-đắm lòng người:

*Một cung Bạc-mệnh lại càng nào nhân.
(c.34)*

Chính Kiều cũng mê-say tài đàn của mình , tự ru mình , nuôi-dưỡng mình bằng những chuông-tử ảo-não, bi-thương đó; kết-quả, quen dần thành nết (Rằng quen mất nết đi rồi), rồi thành nghiệp, thành mệnh trói-buộc nàng không sao thoát ra được. Cũng bởi tự-kỷ ám-thị, Kiều cho rằng mình là khách tài-hoa, đa-tình, mẫn-cảm, thì số-kiếp tất cũng sẽ đoạn-trường như ai; giống y như lời Đạo-Cô Tam-Hợp suy-luận, tiên-đoán:

*Ma đưa lối, quỷ dẫn đường
Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi
(c.2665-2666).*

Thế nên, sau khi tình-ngộ, nàng đã quyết tâm bỏ đàn để dứt- khoát với quá-khứ mê-làm.

Nhưng đêm nay, « Nề lòng người xưa », nàng xin vâng lời đàn thêm một phen nữa.

Kiều biết Kim Trọng cũng là một tay chơi đàn nguyệt có hạng, nhớ lại lần đầu tiên Kiều gảy đàn cho chàng nghe, chàng đã tỏ ra là một người sành-điệu, biết thưởng-thức tiếng đàn và hiểu được ý đàn của nàng. Do đó, đêm nay nàng cũng muốn mượn Tiếng đàn tái-ngộ , tùy duyên nói pháp, cốt dẫn-dắt Kim Trọng hướng về tình thương theo giáo-lý từ-bi của nhà Phật, mục-dịch giúp chàng thanh-lọc dần tâm-tư, tình-ý, để có thể gán nàng hơn trong đời sống tâm-linh.

Ý đàn của Kiều thật rõ-ràng, như muốn nhắn-nhủ cùng Kim, hãy mở lòng từ-bi, đem tình yêu-thương hướng về tất cả, từ con người đến muôn loài chúng-sinh, như nắng xuân chan-hòa sưởi ấm khắp nơi-nơi. Song muốn thực-hiện tình yêu-thương vị-tha, cao-thượng ấy một cách tích-cực, thì ta phải biết dẹp bỏ tình yêu cá-nhân vị-kỷ, dẹp bỏ cái tâm cố-chấp phân-biệt đối-đãi, mới có thể sống hòa-đồng với mọi người, với muôn loài, và xem họ như chính bản thân ta như Trang Chu vậy:

- Khúc đầu dâm-âm dương-hòa
Ấy là hồ-điệp hay là Trang-sinh?
- Khúc đầu êm-ái xuân-tình
Ấy hồn Thục-đế hay mình đỗ- quỳên?
(cc.3199-3202)

Có thể, tình yêu-thương từ-bi cao-thượng kia mới thực sự được trải rộng, bởi không còn một kỳ-thị nào, khiến tất cả mọi người cũng như muôn loài chúng-sinh đều có thể nhận được ân-hưởng hạnh-phúc của tình yêu-thương ấy.

Tiếng đàn lần này toát ra một khí-vị tươi vui,êm-đềm ,thanh-thoát quá chừng. Nó

phản-chiếu tâm-hồn Kiều đã thanh-tịnh, đã ổn-định, nội-tâm nàng đang thơ-thới, an-vui.

Khi kiều vừa đàn xong, Kim-Trọng vội lên tiếng về sự ngạc-nhiên thích-thú của chàng, vì chàng nhận ra ngay tiếng đàn tái-ngộ đã có sự thay đổi rõ-rệt ; tuy vẫn bản đàn năm xưa (*phổ ấy*), và vẫn một tay Kiều gảy (*tay nào*) mà nay tiếng đàn nghe mới trong-trẻo, đậm-âm làm sao ; nó mang sắc-thái « vui vầy » khác hẳn sắc-thái « sâu-thẳm » năm xưa :

*Chàng rằng:-Phổ ấy, tay nào?
Xưa sao sâu-thẳm, nay sao vui-vầy!
Tẻ vui cũng bởi lòng này
Hay là khô tận đến ngày cam lai?*
(cc.3207-3208)

Nghe những lời Kim Trọng nhận-xét, Kiều hẳn rất hạnh-phúc, vì chàng Kim đã không phụ lòng tin-tưởng trông-đợi của nàng, không những về tài thẩm-âm của chàng mà còn vì chàng tỏ ra đã hiểu rõ tâm-ý nàng qua những tiếng đàn kia .

Quả thực, ngoài hạnh-phúc đã thoát khỏi mọi khổ-nạn, được sum-hợp với những người thương, đồng thời cũng đã giải-quyết ổn-thỏa được mọi vướng-mắc trong lòng (Chàng kim đã chấp-thuận lời thỉnh-câu của Kiều “ Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ ”); Kiều còn một niềm vui lớn, phát-xuất tự nội-tâm, đó là niềm vui tinh-thức. Nhờ tinh-thức, Kiều biết đem tình thương-yêu vị-tha theo giáo-lý từ-bi của nhà Phật hướng về tất cả, để giải-tỏa những hờn-oán xưa, cùng thoát khỏi những ràng-buộc của thế-tình, những hệ-lụy của nhân-sinh.

Và cũng bởi Kiều biết đem tình thương-yêu hướng về tất cả, nên nàng cũng được hưởng sự sum-vầy với tất cả trong hạnh-phúc yêu-thương. Đây chính là điều nàng muốn tri-kỷ, muốn tâm-tĩnh với chàng

Kim êm nay, và Chàng Kim cũng tỏ ra đã tiếp-nhận đầy-đủ. Kiều thông-thả tháo dây đàn rồi cuốn lại :

*Một phen tri-kỷ cùng nhau
Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa.*
(cc.3213-3214)

Vì hiểu rằng, thông-điệp nàng gửi cho Kim-Trọng qua Tiếng đàn tái-ngộ, như thế là đã hoàn-tất. Kiều hy-vọng Kim Trọng sẽ tìm được niềm vui, niềm phấn-khởi trong những bước đầu tu-tâm dưỡng-tính, và đôi bạn tương-tri Kim-Kiều sẽ sớm được gần nhau hơn trong đời sống tâm-linh, trở thành đôi thiện-hữu trí-thức, dắt-dìu nhau trên đường tiến tu.

Tóm lại, Tiếng đàn tái-ngộ của Thúy-Kiều chẳng những có giá-trị về nghệ-thuật mà còn mang giá-trị của một bài pháp-thoại, một bài pháp-thoại rất hay. Nó không chỉ hướng-dẫn Kim Trọng mà còn cả chúng ta, những độc-giả của Nguyễn Du, hướng về đạo từ-bi, giúp ta tu-tập bỏ dần tham-sân-si, thanh-tịnh-hóa dần thân-khẩu-ý, để biết hành- xử theo tinh-thần yêu-thương bình-đẳng, vong-ngã của con nhà Phật. Nhờ đó, ta vừa độ được cho ta tránh bớt những sâu-não, những hệ-lụy ở đời; vừa có thể ban vui (từ), cứu khổ (bi) đến cho nhiều người, nhiều chúng-sinh kém may-mắn hơn ta.

Trong đoạn kết tác-phẩm ĐTTT, Nguyễn Du viết :

*Thiện-căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài!*
(cc.3251-3252)

Là vô-hình-trung tác-giả đã nói rõ ý thêm cho bài Tiếng Đàn Tái-Ngộ của Thúy-Kiều. Đúng thế, chữ tâm ở đây mang nghĩa thiện-tâm.Thiện-tâm hay lòng nhân của đạo

Nho, hay Phật-tính, tức tình thương từ-bi-hỷ-xả trong Tứ vô-lượng-tâm của đạo Phật ; nói chung là tình thương từ-bi, bác-ái, vị-tha, cao-thượng mà tất cả các tôn-giáo lớn trên thế-giới xưa nay hằng rao-giảng, đề-cao, đã có gốc rễ sẵn trong lòng mỗi chúng ta (câu 1).

Vấn hay tài-năng và thiện-tâm đều rất cần cho đời sống nhân-loại, nhưng Nguyễn Du nhất-thiết đề cao thiện-tâm hơn tài-năng (câu 2). Chính vì, tài-năng cần phải có thiện-tâm hướng-dẫn (ý-nghĩ, lời nói, hành-động) mới mong đem lại nhiều điều ích-quốc, lợi-dân; bằng thiếu thiện-tâm, tài-năng sẽ trở thành mối nguy-hại cho chính bản-thân, đồng thời cho cả xã-hội. Bởi dục-vọng, bởi tham sân si, con người lại tự đẩy-đọa mình và đồng-loại trầm-luân trong bể khổ, và làm cho trần-gian này trở thành địa-ngục.

Một khi hiểu rõ thiện-tâm, hay tình thương từ-bi, bác-ái vị-tha kia mới là thiết-yếu, là nền-móng căn-bản tạo-dựng hạnh-phúc cho đời sống nhân-loại, ta mới quyết-tâm tu-tập, nuôi-dưỡng cho nó càng ngày càng lớn mạnh thêm, để tiến tới khả-năng hóa-giải được lòng tham-lam, đố-ky, sân-hận nơi ta; cao hơn nữa là cảm-hóa được kẻ gian-ác, giúp giảm-thiểu những bạo-lực, bất-công trong xã-hội. Như thế, nó không những làm vơi bớt bao khổ-đau cho muôn loài mà còn đem lại được sự bình-an, hạnh-phúc đích-thực đến cho mọi người.

Mới hay mệnh của con người ta sướng hay khổ không phải do sự quyết-định từ một đấng tối-cao nào, cũng không bởi luật “Tài mệnh tương đố” (hay “Hồng-nhan bạc-phận”), mà do ở nơi tâm ta quyết-định. Hoà-bình hạnh-phúc của nhân-loại không thể giải-quyết bằng chiến-tranh. Chi

có tình thương mới cứu con người thoát khỏi địa-ngục trần-gian.

Hiện nay nhân-loại đang sống trong một thời-đại đầy bạo-động, đạo-đức con người mỗi ngày một xuống dốc, người ngay-thẳng, kẻ hiền-lương bị vùi-dập, thì lời kêu-gọi của ND về thiện-tâm, về lòng từ-bi, bác-ái, vốn là căn-bản đạo sống văn-hóa muôn đời của dân-tộc Việt-Nam “*Thương người như thể thương thân*”, phải hiểu là một thông-điệp có ý-nghĩa nhất mà ND muốn truyền-đạt đến tất cả các độc-giả của ông, trước khi cuốn ĐTTT được khép lại.

Phải chăng thế-giới đã nhận chân được giá-trị thi-ca của Nguyễn Du, rõ-rệt nhất là đại-thi-phẩm ĐTTT, đã được dịch ra hơn 30 ngoại-ngữ và Năm 1965, đúng 200 năm sau năm sinh Nguyễn Du, Hội-Đồng Hòa-Bình Thế-Giới đã quyết-định đặt ông lên đài cao vinh-dự cùng với các nhà văn-hóa lỗi-lạc của nhân-loại.

Paris, Tháng 4 - 2011

Phạm Thị Nhung

Cựu GS Trường Nữ-Trung-Học Gia-Long và Régina-Mundi Saigon

Tài-liệu tham- khảo:

Hòa-Thượng Thích Thanh-Từ: Bát-Nhã Tâm-Kinh giảng-giải, Tịnh-xá Minh-Đặng-Quang xb, Westminster, California, Mỹ-Quốc.

Thiền-Sư Thích Nhất-Hạnh: - Đường Xưa Mây Trắng, Lá-Bối xb lần thứ nhất tại San-José, CA, Mỹ-quốc.

Kiều và Văn-Nghệ Đứt Ruột (Bài nói chuyện của Thiền-Sư Nhất-Hạnh tại San-José, California. Ngày 21-10-1993).

Lê Hữu-Mục, Phạm thị Nhung, Đặng Quốc-Cơ: Truyện Kiều Và Tuổi Trẻ, Làng Văn, Toronto Canada xb. Lần hai 2001.

Lịch sử và sử mệnh Việt qua ca dao

(Trích trong **Con Đường Văn Hóa Việt Nam** của **Nguyễn Văn Nhiệm**)

Quan niệm về lịch sử gắn liền với quan niệm về thời gian, nó tùy thuộc vào biến chuyển tâm thức của con người.

Vô sử: Khi con người còn ở thời kỳ bái vật với tinh thần bầy đoàn, chưa có ý thức về thời gian thì chưa có sử.

Sử truyện: Xuất hiện với những truyện tích, truyện truyền kỳ có tính cách rời rạc.

Sử ký: đầu tiên ghi chép những biến cố lịch sử phần lớn thuộc các vương triều.

Sử học: Sử học bắt đầu mở rộng ra các lãnh vực bao gồm chính trị, kinh tế, nghệ thuật, văn hóa, phong tục tập quán. Rồi nhờ sự mở rộng ý thức về không gian do khám phá những chân trời mới, mở rộng ý thức thời gian qua khoa khảo cổ, sự gia tốc nhịp tiến hóa của lịch sử qua cách mạng khoa học kỹ thuật, con người nhận thức ra *thời tính*, từ đó có ý thức về *sử tính*.

Sử tính: Lịch sử khi có tính chất triết lý, đem lại cho con người một ý nghĩa, một hướng đi, nhưng vẫn còn ở hàng ngang của thế giới hiện tượng. Triết học duy lý chú trọng khả năng lý luận của con người, triết học duy vật chú trọng kinh tế, nói chung xem con người như Vật thể (Êtant, Seiende), mà bỏ quên phần Tính thể (Être, Sein).

Sử mệnh: là lịch sử đã mở ra đường hướng, sứ mệnh lịch sử cho một dân tộc ở phạm vi quốc gia và cho nhân loại ở phạm vi quốc tế. Muốn vậy, phải có quan niệm

Tính thể vượt khỏi khung thời gian, không còn lệ thuộc vào một định mệnh tiền chế nào. Nho Việt đã định nghĩa Tính thể đó là Thiên mệnh: “ *Thiên mệnh chi vị Tính. Suất Tính chi vị Đạo.*” (TD 1): Thiên mệnh là Tính. Theo cái Tính ấy là Đạo. Như vậy sử mệnh theo con đường văn hóa Việt là “ *tận kỳ tính* “, nghĩa là vươn đến Tính thể viên dung theo Hòa thời là cơ cấu lưỡng hợp thái hòa của Triết Việt. Cơ cấu lưỡng hợp này kết hợp mọi phồn tạp vào nhất thể, cho nên vừa phong phú lại vừa nhất quán, lại mang chiều kích hàng dọc của lịch sử với những *sơ nguyên tượng* thì không bao giờ lỗi thời.

Sau đây là một số ca dao có liên quan đến các loại sử nói trên.

Truyện tích:

Sự tích ông Táo (ông đầu rau): Về truyện này, người bình dân có lời phê bình:

“ *Thế gian một vợ một chồng,
Không như vua bếp hai ông một bà.*”

Truyện cá chép hóa rồng:

“ *Mông ba cá đi ăn thề,
Mông bốn cá về cá vượt Vũ Môn.*”

“ *Gái ngoan lấy được chồng khôn,
Cầm như cá vượt Vũ Môn hóa rồng.*”

Truyện Thạch Sanh-Lý Thông:

“ *Đàn kêu tích tịch tình tang,
Ai đem Công chúa lên thang mà về.*”

Truyện te te hoành hoạch:
“ *Hoành hoạch, hoành hoạch*
Giặt áo chồng tao
Giặt áo phải giặt cho sạch
Phơi áo thì phơi trên sào
Đừng phơi trên rào rách áo chồng tao.”

Truyện thăng Cuội:
“ *Thăng cuội ngồi gốc cây đa*
Để trâu ăn lúa gọi cha ôi ôi
Cha còn cất cỏ trên trời
Mẹ còn cỡi ngựa đi chơi cầu vồng.”

Truyện “ Nói dối như Cuội ”:
“ *Bắc thang lên đến tận Trời,*
Hỏi sao Cuội phải áp cây cả đời?
Cuội nghe thấy nói Cuội cười,
Bởi hay nói dối nên ngồi áp cây.”

Truyện sự tích con Dã Tràng:
“ *Dã Tràng xe cát biển Đông*
Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì.”

Truyện Ngưu Lang- Chức Nữ:
“ *Vị gì một dải sông Ngân,*
Làm cho Chức Nữ chẳng gần Ngưu Lang.”

“ *Khi xưa ai biết ai đâu?*
Bởi chim Ô Thước bắc cầu sông Ngân.”

Truyện trâu vàng Hồ Tây:
“ *Năm trai năm gái là mười*
Năm dâu năm rể là đôi mươi tròn
Hai bên phụ mẫu song toàn
Rồi ra kéo được trâu vàng Hồ Tây.”

Truyện **con cóc là cậu** ông Trời:
“ *Con cóc là cậu ông Trời,*
Hễ ai đánh nó thì Trời đánh cho.
Con cóc là cậu thầy Nho,
Hễ ai nuôi nó Trời cho quan tiền.”

“ *Rành rành ba góc, giữa con cóc ngồi,*
Hai bên Thiên Lô, hai bên Địa Vồng.”

Huyền sử:

Thời khuyết sử, một số huyền thoại chứa sơ nguyên tượng đã trở thành huyền sử. Nói về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, có thuyết “ *Con cháu Rồng Tiên*”, tức truyền thuyết Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ sinh ra cái bọc trăm trứng, nở trăm con. Truyền thuyết đó còn in dấu qua những vãn ca dao sau đây:

“ *Trứng rồng lại nở ra rồng,*
Liu diu lại nở ra dòng liu diu.”

“ *Trứng rồng lại nở ra rồng,*
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.”

“ *Chàng về thiếp cũng theo mây,*
Trăm con để lại chốn này ai nuôi.”

“ *Anh em cốt nhục đồng bào,*
Vợ chồng cũng nghĩa lẽ nào chẳng thương.”
(Đồng bào: những người cùng một bọc, chỉ những người cùng nòi giống, cùng dân tộc).

Truyện Phù Đổng Thiên Vương:
“ *Nhớ xưa đương thuở triều Hùng,*
Vũ Ninh nổi đám bụi hồng nẻo xa.
Trời thương Bách Việt sơn hà,
Trong nơi thảo莽 nảy ra kỳ tài.
Lên ba đang tuổi anh hài,
Roi ngựa ngựa sắt ra oai trận tiền.
Một phen khói lửa dẹp yên,
Sóc Sơn nhẹ gót thần tiên lên Trời.”

Truyện sự tích bánh dày bánh chưng:
Truyện này làm nổi bật cặp lưỡng hợp vuông tròn, là hình ảnh căn cơ của Hòa thời, cho nên trong dân gian mới có lời cầu chúc.” *Mẹ tròn con vuông* “ và trong ca dao mới xuất hiện lý tưởng “vuông tròn“:

“ Vái Trời cho đặng vương tròn,
Trăm năm giữ trọn lòng son cùng chồng.”

“ Tu cầu gia đạo vương tròn,
Chồng hòa vợ thuận, cháu con thảo hiền.”

Truyện Sơn Tinh- Thủy Tinh:

“ Ông tha mà Bà chẳng tha,
Đánh nhau một trận mông ba tháng mười.”

Sử ký:

Thục Phán chiếm Văn Lang từ năm Giáp Thìn (257 trước CN) cho xây thành Cổ Loa hình tròn ốc, hiện nay còn di tích ở huyện Đông Anh cùng với cái giếng ở trong truyện Trọng Thủy- Mỵ Châu:

“ Ai về thăm huyện Đông Ngàn,
Ghé thăm thành ốc rùa vàng Tiên xây.
Cắm hờn giếng ngọc tràn đầy,
Máu pha thành lũy ngàn cây bóng tà.”

“ Ai về đến huyện Đông Anh,
Ghé thăm phong cảnh Loa Thành Thục Vương.
Cổ Loa hình ốc khác thường,
Trải bao năm tháng nẻo đường còn đây.”

Hai Bà Trưng khởi nghĩa đánh đuổi Tô Định vào năm Canh Tý (40- 43 sau CN). Toàn dân đồng lòng hưởng ứng đi theo Hai Bà để giành quyền tự chủ cho dân tộc:

“ Anh ơi! Đợi em đi cùng,
Em đang chuẩn bị theo chum Hai Bà.”

Năm Mậu Thìn (248), Bà Triệu tức Triệu Thị Trinh mới hai mươi tuổi theo gương Hai Bà Trưng hợp cùng hàng nghìn tráng sĩ khởi nghĩa chống Thứ sử Giao Châu là Lục Dận. Nói về công đức của vị nữ anh hùng dân tộc này, có bài ca dao truyền tụng như sau:

“ Ru con con ngủ cho lành,
Cho mẹ gánh nước rửa bành cho voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi Bà Triệu Tướng cỡi voi đánh cồng.”

Mai Thúc Loan tức Mai Hắc Đế khởi nghĩa chống nhà Đường vào năm 722 ở Hoan Châu, nay thuộc huyện Nam Đàn, Nghệ An:

“ Sa Nam trên chợ dưới đò,
Nơi đây Hắc Đế kéo cờ dựng binh.”

Lượn mười hai sứ quân kéo dài 22 năm (945- 967) là nguy cơ cho dân tộc. Đinh Bộ Lĩnh, người ở động Hoa Lư, Ninh Bình đứng ra vận hội tinh thể, đem lại thái bình cho dân chúng, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước. Thời này, trong dân gian xuất hiện ca dao ca ngợi mẫu người anh hùng dân tộc:

“ Ở đời muốn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.”

Vào năm 979, Đỗ Thích làm chức Chi hậu nội thị của vua Đinh Tiên Hoàng. Một đêm nằm ở trên cầu thấy sao sa vào miệng tự cho là điềm thần dị, bèn nảy ra cuồng vọng, thừa cơ hội nhà vua và con trai cả say rượu, hạ sát cả hai, nhưng bị bắt và bị hành quyết. Nhân đó có hai câu ca dao như sau:

“ Con cóc nằm ở bờ ao,
Lăm le lại muốn nuốt sao trên trời.”

Vua Lý Thái Tổ (1010- 1028) tức Lý Công Uẩn có một tiểu sử ly kỳ, bí mật. Tục truyền mẹ của ông là Phạm Thị nằm mộng, gặp gỡ Thần nhân rồi thụ thai sinh ra ông. Sau đó bà Phạm Thị đem con trao cho nhà sư Lý Khánh Vân làm con nuôi. Từ đó có ca dao lưu truyền trong dân gian như sau :

“ Con ai đem bỏ chùa này,
Nam Mô Di Phật con Thầy, Thầy nuôi.”

Đời vua Lý Thái Tông, Nùng Trí Cao

được tha, rồi lại làm phản nào năm Mậu Tý (1048). Trong dân gian có lời phê phán:

“ *Mở mang (hươu), mang chạy lên rừng,
Ta hay mang chạy, ta đừng mở mang.*”

Thời nhà Lý, Lý Thường Kiệt đã mang quân đánh Tống trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm Ất Dậu (1075) đến tháng 2 năm Đinh Tỵ (1077) và đã chiến thắng oanh liệt. Đây là một kỳ công hiếm có vì nước Đại Việt lúc đó nhỏ mà Tống là nước lớn, cho nên trong dân gian mới lưu truyền hai câu ca dao:

“ *Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.*”

Lại có hai câu ca dao, mà người ta cho rằng để khen Lý Thường Kiệt mang quân đánh ba châu Khâm, Liêm và Ung của Tàu:

“ *Đem chuông đi đánh nước người,
Chẳng kêu cũng đánh vài hồi lấy danh.*”

Do mưu kế của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng bị ép nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh vào ngày 21 tháng 10 năm Ất Dậu (1225) với lời chiếu bố cáo sau nhiều hồi trống. Nhiều người bất mãn, lòng còn lưu luyến với tiên triều nên trong dân gian có lưu truyền ca dao như sau:

“ *Trống kia ai đánh thùng thùng,
Của chung ai khéo vẫy vùng nên riêng.*”

Thời kỳ kháng Nguyên, có người anh hùng lữ vận Trần Khánh Dư lên rừng làm nghề than, sau có công lớn phá thuyền lương giặc trong chiến thắng ở mặt trận Vân Đồn vào năm Mậu Tý (1288). Nói về vị anh hùng này có mấy câu ca dao như sau:

“ *Chim Khuyên xuống đất ăn giun,
Anh hùng lữ vận lên nguồn đốt than.
Có hèn cũng ngựa nhà quan,
Khẩu kiêu rách nát hồng nhan vẫn còn.*”

“ *Chim quỳên xuống đất ăn trùng,
Anh hùng lữ vận lên rừng đốt than,
Đốt than thì phải sàng than,
Làm sao đừng để lấm gan anh hùng.*”

Chuẩn bị chống giặc ngoại xâm, Hưng Đạo Vương điều động quân sẵn sàng chiến đấu:

“ *Dưới sông nước chảy đưa đò,
Trên bờ hàng tốp phát cờ Đạo Vương.*”

Bạch Đằng Giang là con sông lịch sử:

“ *Bạch Đằng Giang là sông cửa ải,
Tống Hà Nam là bãi chiến trường.*”

Về phương diện lịch sử, nói đến sông Bạch Đằng là nói đến chiến thuật cọc bịt sắt phá tan chiến thuyền quân Nam Hán của Ngô Quyền và quân Mông Cổ của Trần Hưng Đạo:

“ *Đánh giặc thì đánh giữa sông,
Chớ đánh trong cạn phải chông mà chìm.*”

Năm Tân Sửu (1301) vua Trần Nhân Tông du hành sang vương quốc Chiêm Thành. Ngài hứa gả Huyền Trân Công chúa cho Chế Mân và sau đó đã thực hiện lời hứa. Trong dân gian có lời mỉa mai qua ca dao:

“ *Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mân thằng Mùng nó leo.*”

Chưa đầy một năm sau, Chế Mân chết, theo tục lệ Chiêm , Huyền Trân phải lên đàn hỏa chết theo vua Chiêm. Được tin, vua Trần Anh Tông liền phái Trần Khắc Chung sang phúng viếng, rồi lập kế đưa Huyền Trân về nước. Mỗi tình sau đó của Công chúa với người ân cứu tử cũng bị châm biếm (có lẽ do cách biệt tuổi tác):

“ *Tiếc thay hạt ngọc trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vẩn lữa rom.*”

Lịch sử nước Việt Nam là lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm rất oanh liệt, hết chiến thắng quân Nam Hán, quân Mông Cổ ở sông Bạch Đằng rồi đến cuộc khởi nghĩa vĩ đại ở rừng núi Lam Sơn chống quân Minh:

*“ Sáu nhất là sông Bạch Đằng,
Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.
Cao nhất là núi Lam Sơn,
Cỏ Ông Lê Lợi trong ngàn bước ra.”*

Lê Lợi được mệnh danh là vị anh hùng áo vải, đứng lên khởi nghĩa, đáp đúng nguyện vọng của toàn dân:

*“ Lạy Trời cho cả gió lên,
Cho cờ vua Bình Định bay lên kinh thành.”*

Cuộc kháng chiến chống quân Minh thật gay go, có lần bị bao vây ở Chí Linh thật nguy ngập, Lê Lai phải hy sinh, giả mặc áo ngự bào cỡi voi xung trận, để giặc lầm tưởng Lê Lợi vây bắt, rồi yên trí lui binh. Do cái ơn “ *lùi mình cứu chúa* “ này, Lê Lợi hứa sau khi chết (22- 08-1433), con cháu cúng giỗ Lê Lai trước, cho nên trong dân gian mới có câu:

“ Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi.”

Cuối đời Hậu Lê, Mạc Đăng Dung lộng quyền, cướp ngôi vua vào năm Đinh Hợi (1527) bắt Lê Chiêu Tông nhốt rồi về sau giết đi. Lê Chiêu Tông có người con tên là Duy Ninh, sống lưu lạc đó đây, có nhiều nợ do ăn chịu. Nguyễn Kim sau tìm được rước về Thanh Hóa, cử đại binh đánh Mạc, tôn Duy Ninh lên ngôi vua, tức Lê Trang Tông. “ *Nợ như chúa Chổm* “ về sau trở thành một thành ngữ chỉ những người thiếu nợ quá nhiều (theo “*Điện hay tích lạ* “- Nguyễn Tử Quang).

Ngoài ra, trong dân gian còn có lưu truyền bài phong dao như sau:

*“ Vua Ngô ba mươi sáu tấn vàng,
Thác xuống âm phủ chẳng mang được gì.
Chúa Chổm mắc nợ tì tì,
Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô.”*
(Chúa Chổm là tên tục của Duy Ninh. Vua Ngô chỉ vua nhà Minh)

Thời Lê trung hưng, Chúa Trịnh và nhà Mạc đánh nhau dữ dội. Năm 1592, nhà Mạc bỏ Thăng Long chạy lên Cao Bằng. Lúc này dân tình rất khổ sở. Tình cảnh ấy đã được phản ánh qua bài ca dao sau đây:

*“ Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng.”*

Chúa Trịnh sau đó lộng quyền, gây thanh thế, trung thân bất mãn, loạn từ đó phát sinh ra:

*“ Loạn từ phủ Chúa loạn ra,
Loạn từ ngã bảy, ngã ba loạn về.”*

Chúa Trịnh không nêu được chính nghĩa, chỉ dựa vào sức mạnh binh bị, cho nên rồi cũng có lúc suy tàn:

*“ Khai mắt thì giữ lấy Tông,
Đến khi Cán mất thì không còn gì.”*

Hết Nam Bắc Triều (1533- 1592) rồi đến Trịnh- Nguyễn phân tranh (1672- thế kỷ XVIII thời Tây Sơn nổi lên), chiến tranh xảy ra liên miên, dân ở Đàng Trong cũng chịu nhiều tai ương, ngoài chiến tranh còn nạn cướp bóc, tai nạn do địa thế thiên nhiên hiểm trở:

*“ Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Truông nhà Hồ Nội Tân cấm nghiêm (phá tan).”*

(Truông nhà Hồ là vùng rừng giữa Quảng Bình và Quảng Trị thường có bọn cướp hoành hành. Phá Tam Giang là chỗ

hợp lưu từ cửa sông Ô Lâu và cửa sông Hương ở Thừa Thiên. Người phá trùng nhà Hồ là Nội Tán Nguyễn Đăng Khoa (1691-1725) thời Chúa Nguyễn Phúc Chu).

Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ khởi nghĩa ở Tây Sơn nêu khẩu hiệu

“*lật đổ quyền thần Trương Phúc Loan* “:

“*Ai về Bình Định, Qui Nhơn*

Có nghe vó ngựa Tây Sơn thuở nào.”

“*An Khê nổi tiếng Hòn Bình*

Ngày xưa Nguyễn Huệ ẩn binh chốn này.”

Năm 1788 Càn Long sai Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân hộ tống Lê Chiêu Thống về Việt Nam với danh nghĩa “*phù Lê* “. Vua Quang Trung tiến quân ra Bắc Hà đánh tan quân Thanh xâm lược, mà trận quyết định là Ngọc Hồi- Đống Đa vào Tết Kỷ Dậu (1789):

“*Đống Đa ghi để lại đây,*

Bên kia Thanh Miếu bên này Bộc Am.”

Năm 1802, Nguyễn Ánh (vua Gia Long) thống nhất sơn hà, chấm dứt cuộc chiến tranh kéo dài trên dưới 300 năm, đáp ứng lòng mong đợi của mọi người:

“*Lạy Trời cho thôi gió nồm,*

Để thuyền chúa Nguyễn thuận buồm về kinh.”

Dân chúng hưởng cảnh thái bình chỉ tạm một thời gian rồi lại bất bình:

“*Vạn niên là vạn niên nào,*

Thành xây xương lính, hào đào máu dân.”

Đó chính là đời vua Tự Đức đầy loạn lạc, đói khổ:

“*Từ ngày Tự Đức lên ngôi,*

Cơm chẳng đầy nồi, trẻ khóc như ri.

Bao giờ Tự Đức chết đi,

Thiên hạ bình thì mới dễ làm ăn.”

(Bình thì là thời bình. Thì cũng là tên húy của vua Tự Đức)

So sánh với các đời vua ngày trước:

“*Đời vua Thái Tổ, Thánh Tông*

Cơm nguội đầy nồi trẻ chả buồn ăn.”

Hậu quả của quốc sách lạc hậu là đất nước bị mất vào tay đế quốc Pháp, mà nguyên nhân sâu xa nhất chính là do văn hóa nô dịch làm cạn kiệt nguyên khí quốc gia, chưa nhận ra được tinh hoa văn hóa Việt truyền thống đã bị vùi dập (do đế quốc), hoặc bị lãng quên (do chính mình).

Đến đây hãy tạm dừng cuộc hành trình dọc theo chiều dài lịch sử Việt Nam qua ca dao để xét xem qua đó có nói lên được sự mệnh nào chăng?

(Còn tiếp)

NGUYỄN VĂN NHIỆM

(Germany)

ĐÍNH CHÍNH

Trong Cỏ Thơm số 58, trang 105, cột 2, đoạn “Về thời Tây Sơn có câu đối của Nguyễn Hữu Chính có liên hệ đến chữ thời thế như sau:

“*Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu.*

Gặp thời thế, thế thời phải thế.”

Xin đính chính: “Về thời Tây Sơn có câu đối của Ngô Thời Nhâm có liên hệ đến chữ thời thế như sau:

“*Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu.*

Gặp thời thế, thế thời phải thế.”

Thành thật xin lỗi quý độc giả.

NGUYỄN VĂN NHIỆM

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG**

Đ.T. (301) 434-4943

Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



30 THÁNG TƯ TỪ NGÀY... CỎ ĐẢNG

Lời nói đầu : Bài này được trích trong tập ‘Việt Nam Tân Huyết Sử Diễn Ca’ dài 7000 câu Song Thất Lục Bát , miêu tả thực trạng Xã hội Miền Nam Việt Nam từ sau 30/04/75 . Tập thơ trên 5 quyển tập học sinh, chưa hoàn thành. Ngày vượt biên (cuối năm 1988), người viết không thể mang theo vì nêu bị bắt sẽ rất nguy hiểm . Nay chỉ nhớ đôi đoạn. Bài dưới này nói lên nỗi mừng của người dân được thấy chiến tranh chấm dứt nhưng sau đó toàn là đau thương, tang tóc ngút ngàn

Nguyễn Thùy

Bao năm chặn đời vừa có Đảng
Ngoảnh lại nhìn, kinh hoàng xiết bao !
Trải qua một cuộc bể dâu
Trăm điều thấy, vạn điều đau não nề !
Dân tộc đó tỉnh mê, mê tỉnh ?
Giang san đây, gan tím tím gan !
Ba mươi tháng bốn bảy năm
Nhớ chẳng, em ơi, từng trang...sử buồn !?

.....
Xuân 75 xôn xao lòng dạ
Cuối tháng Tư rộn rã bơ thờ
Bên lo cõi giáp cuốn cờ
Bên mừng được thưở thời cơ cướp quyền
Kẻ náo nức vầy duyên hội mới
Người bàng hoàng chói với tâm can
Giao thời trời đất hoang mang
Người đi kẻ đến rộn ràng ngược xuôi
Tiếng loa hét niềm vui vợ vợ
Cánh bướm Trương vờ vờ âu lo
Phần năm thế kỷ đôi co
Hai bờ tranh chấp một giờ nhục vinh !
Bao mai mĩa cuộc tình dân tộc
Bao ngậm ngùi Tổ quốc, Quê hương
Cuộc cờ đỏ máu trắng xương

Hai mươi năm lẻ đoạn trường, hỡi ơi !

Ngỡ xương trắng lấp rồi ngăn cách
Ngỡ máu đào rửa sạch oan gia
Mừng sao bao nỗi thật thà
Phen này cốt nhục một nhà vầy vui !
Ngụ ngôn cũ học thời tuổi dại
Học rồi quên, nhớ lại bao giờ
Nào ai học được chữ ngờ
Chim vào bẫy sập còn chờ ngóng chi !
Ba con cá gặp kỳ nước cạn
Một con đầu chạm trán nhầy luôn
Con nhì còn rắp mưu toan
Nửa chừng đụng lưới vượt tuôn ra ngoài
Con thứ ba năm dài đợi nước
Bị chú chài bắt được về bãm
Sự đời trước phải dò thăm
Cá nằm tróc thớt còn lăm le gì !

Người tốt số ra đi vượt thoát
Đổi tự do sống thác cũng liều
Lung trời mặt nước cheo leo
Chìm sông dạt biển sá điều tử vong
Con lạc mẹ giữa dòng lưu lạc
Vợ mất chồng phiêu giạt tha hương
Tang thương bao xiết đoạn trường
Tìm trong nẻo chết con đường hồi sinh !
Kẻ ở lại bối tìm hy vọng :
Đảng đã đoan trang trọng một lời
Vi hạnh phúc của muôn người
‘Chí nhân’ là lẽ trị đời, Đảng ta (!?)
Nói như vậy ắt là như vậy
Bây giờ đây, chỉ có ‘ta’ (?) thôi
Khôn ngoan đá đáp với người
Gà cùng một mẹ xin mời gọi nhau !
Bao năm đã máu đào tan tác
Nay thanh bình, thống nhất vui sao !
‘Công ơn Đảng Bác’ dạt dào (?)

Áp e duyên mới, rạt rào nghĩa chung !?...

Sài-Gòn vỡ dậy dàng âm vọng
Giải phóng về kèn trống loa vang
Tin vui chạy khắp xóm làng
Nhạc mừng đại thắng rộn ràng núi sông (?)
Thiết kỵ đã trùng trùng tiến trước
Lục quân từng lớp lớp tiến sau
Một vùng đỏ máu cờ sao
Khúc quân hành gõ nhịp vào tâm can
Già với trẻ hân hoan tác dạ
Gái cùng trai vui thỏa mộng vàng
Điệp trùng vạn lý hà san
Biển Đông tỏ mặt, Miền Nam anh hùng !
Quê hương đó tung bùng sống lại
Đất nước đây cây trái hồi sinh
Tất rồi lửa đạn chiến chinh
Muôn tim dậy sóng nổi tình nước non !
Mắt nhìn rõ màu son chói lọi (?)
Tai nghe rành giọng nói đời ta (!?)
Hồn xưa mấy độ quan hà
Giờ chung quen lạ một nhà tương thân (!, ?)
Vẫy tay đón đôi vàng nhật nguyệt
Gọi lời xưa tâm huyết bấy lâu
Đèo cao, núi thẳm, sông sâu
Sầu hoang phố thị trở màu hoa đặng (?)
Sài-Gòn hồi ! Màu trắng ướt rưng
Cửu Long ơi ! Nước mặn phù sa
Đất trời lồng lộng hoan ca
Giã từ máu đỏ lệ sa những ngày !
Cây chờ đất mạch dài lên mát
Lá lung trời ngan ngát hương đưa
Sương chiều, nắng sớm, mưa trưa
Đời lên gấp gày nét mùa xuân dung !
Gương mặt mẹ mừng mừng tủi tủi
Nét son em ứng nổi màu da
Ngỡ ngàng phố thị phồn hoa
Tai bèo mũ lượt, giềp da quai sòn
Màu đất núi còn vương tay súng
Hương cây rừng còn đọng trên thân
Nhìn nhau qua phút ngại ngần

Thẹn thùng ánh mắt thoáng gần thoáng xa
Nghĩa dân nước đậm đà sông núi
Tình quê hương ngọt suối ngọt đồng
Đất trời một dải mệnh mông
Ngày vui bất tuyệt, thủy chung tình người !!!?

Ngỡ như thế quê hương đổi mới
Ngỡ từ đây non nước yên vui
Chao ôi ! Nói những nghẹn lời
Mặt cửa mướp đắng, than ôi, còn gì !

Tùng ngày đến ngày đi ngày lại
Nước qua cầu nước mãi xuôi êm
Mặt mừng một nghĩa trang đen
Chập chùng gió bão bóng đèn quê nghèo !
Cha tức trời eo xèo cảm nín
Mẹ bơ thờ nghẹn nén lời đau
Tuổi thơ hoang phé lên màu
Má hồng lệ mặn gục đầu chiêm bao !
Đêm từng đêm trăng sao vàng vọt
Ngày từng ngày nắng rớt hoang liêu
Gầm gừ tiếng cộp lời beo
Đầu quê cuồi chợ tiêu điều xác xơ !
Sông vẫn lạnh đôi bờ bến nước
'Đời đổi đời' sau trước khác chi !?
Mẹ ơi ! Còn nói lời gì
Sông mê vẫn một dòng đi lạnh lùng !

Vẫn cuộc sống bão bùng mưa nắng *
Vẫn cuộc đời lận đận chua cay
Vẫn từng ngày một ngày hai
Vẫn từng khuya sớm dọc dài truân chuyên !
Vẫn lệ chảy trong đêm thắm lặng
Vẫn mô hôi giọt đắng theo nhau
Vẫn muôn tủi, vẫn nghìn sầu
Vẫn xơ xác áo, vẫn bầu nhàu cơm !
Vẫn nheo nhóc đàn con gầy guộc
Vẫn vàng tay, vẫn buốt đen chân
Vẫn ngày eo óc đói ăn
Vẫn đêm rách mướp chiếu chăn lạnh dài !
Vẫn miên viễn đọa đày khổ nhục

Vẫn triền miên áp bức bất công
 Vẫn tiếng oán, vẫn lời hờn
 Vẫn dây xiềng xích, vẫn vòng cùm gông
 Vẫn ón lạnh lưng dòng tủy sông
 Vẫn nghẹn hờn cháy bỏng tim gan
 Vẫn ngơ ngáo mắt lưng tròn
 Vẫn ngờ ngạc xác võ vàng tù lao
 Vẫn tiếng tiếng thét gào điên dại
 Vẫn niêm niêm hơi hãi hoảng kinh
 Vẫn loài chó sủa mèo rình
 Vẫn thời quạ rúc cú nhìn, gớm thay !
 Vẫn máu chảy canh dài dẫy dụa
 Vẫn thân bầm nát rửa tinh sương
 Vẫn tuồng róc tủy nạo xương
 Vẫn trò hút máu bòn hông đến cùng !
 Vẫn gục mặt còng lưng nghĩa vụ
 Vẫn cúi đầu lính thú dân công
 Vẫn tim rỗng, vẫn đầu không
 Vẫn quỳ gối lạy, vẫn cong lưng châu
 Vẫn quỳ lụy khấn cầu, van vi
 Vẫn năn nỉ, năn nỉ, dạ vâng
 Vẫn đòi quốc phá gia vong
 Vẫn kiếp ngựa chó, vẫn thân tôi đòi !
 Vẫn xác héo lác loài cửa quỷ !
 Vẫn hồn tàn vạn lý ma trời !!!
 Trời làm chi cực bấy trời
 ‘Đôi đòi’ sao mãi phận người truân chuyên!?
 Xót dân tộc hồn quỳen gọi nước
 Đau sử hành ngược dọc xuôi ngang
 Đòi giảng lớp lớp hàng hàng
 Đoạn trường tiếng cũ nỡ nùng tân thanh !
 Cuộc trần thế đấu tranh nham nhở
 Néo thế đồ sắc ó mùi tanh
 Đòi không có Đảng, đã đành
 Đòi thêm có Đảng, vạn phần thê lương !!!
 Suốt Nam Bắc trời buồn đất thảm
 Suốt Bắc Nam núi xám sông đen
 Cha Rồng lại với Mẹ Tiên
 Thấu chằng dân nước đôi miền héo hon !?
 Trời với đất ngút ngàn thảm khốc
 Tháng với ngày tang tóc, điều linh

Đòn ma chước quỷ, giả hình
 Tha hồ Đảng cướp, mặc tình dân đau !

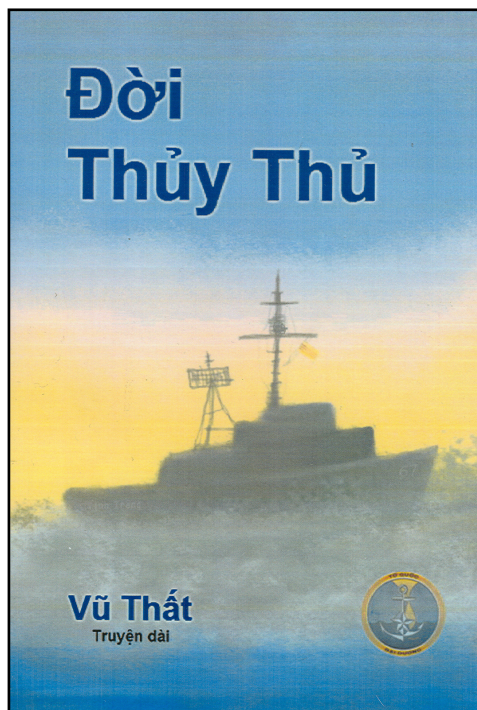
Ôi, phải nói bao câu cho xiết
 Ôi, bao điều phải viết cho cam !

Ba mươi tháng bốn bảy lăm

Ngày vui hay cảnh lẫn quẩn ngòm người !!!...

NGUYỄN THÙY

* Dùng chữ ‘**Vẫn**’, nghĩ ra không thực
 đúng vì cuộc sống người dân sau 1975
 vạn lần khổ hơn trước nhiều.



Liên lạc: vuthat@yahoo.com
 Chân thành cảm tạ **Nhà văn Vũ Thất** đã
 gửi tặng một tác phẩm quý.

VĂN HÓA “MẮT NÉT” VÀ CHUYỆN TỐ CÁO SẾP LẠ LÒNG NHẤT THẾ KỶ

VĂN QUANG

Tôi nghĩ không có từ ngữ nào đúng hơn và hay hơn là “mắt nét” dùng vào trường hợp thứ nhất này. Họ chưa đến nỗi hư hỏng, chưa đến nỗi sa đọa mà thật ra chỉ là “đồ mắt nét” như các bậc phụ huynh thường mắng mỏ con cái khi làm chuyện gì vượt ra ngoài phạm vi lễ giáo của gia đình. Ở đây là sự vượt qua lễ giáo của dân tộc từ lâu đời, người phụ nữ VN được ca tụng là đoan trang, thùy mị. Tất nhiên, từ khi du nhập đời sống văn hóa Tây phương, hội nhập với thế giới, mỗi ngày người phụ nữ được “cởi mở” hơn, được tháo bỏ những ràng buộc luân lý khắt khe, được giao tiếp rộng rãi ngoài xã hội và bình đẳng với nam giới. Nhưng như thế không có nghĩa là người phụ nữ Việt Nam không còn giữ tính cách đoan trang, thùy mị vốn có của mình. Đó cũng chính là nét đẹp, là cách thể hiện một nền văn hóa Á đông được nhiều nước tôn trọng. Dù bạn sống ở bất cứ đâu, tính cách đặc trưng đó không bao giờ thay đổi, dù bạn có thay đổi để biến thành một cô gái “văn minh như Mỹ, như Tây”. Điều đó cũng chẳng có gì là lạ nếu bạn vẫn giữ được nét đẹp thanh cao của riêng mình. Dư luận không khắt khe và “cô hủ” đối với những thiếu nữ “mới” như vậy. Hơn thế, nếu cái “mới” ấy mang lại một điều gì đó đáng hãnh diện cho một cô gái Việt, bạn sẽ được tôn trọng. Còn nếu nó chỉ là sự hợm hĩnh, sự bắt chước, học đòi những cái “mốt” lố

lãng thì chắc chắn chẳng còn gì là đẹp, chẳng có gì đáng hãnh diện, chẳng còn gì giống với một cô gái VN nữa.

Tôi nói như thế để dễ dàng tương thuật với bạn đọc về cái sự “mắt nét” của một số không ít những cô gái trẻ ở Sài Gòn trong tuần vừa qua khi họ đón tiếp thần tượng Big Bang của họ từ phi trường Tân Sơn Nhất đến khách sạn và nơi thần tượng biểu diễn.

Cuộc tiếp đón linh đình

Nhóm nhạc nổi tiếng của Hàn Quốc Big Bang đã đến TP Sài Gòn vào tối 13-4 để trình diễn trong đại nhạc hội SoundFest 2012 quy tụ nhiều nghệ sĩ trong và ngoài nước. Hàng ngàn người hâm mộ trẻ đã tập trung để chào đón thần tượng nhưng lại thất vọng vì nhóm nhạc ra khỏi sân bay bằng cổng VIP.

Họ không biết chính xác thời gian Big Bang sang Việt Nam, nên có những lời bàn tán nhiều giờ giấc khác nhau từ 21 giờ, 22 giờ và cả 23 giờ nên nhiều người hâm mộ trẻ đã phải túc trực tại sân bay từ chiều để chờ đón thần tượng. Người hâm mộ phần lớn là các cô gái, một số chàng trai tuổi chùng trên dưới 20, đứng cầm băng rôn, biểu ngữ dọc hai bên lối ra vào ở khu vực quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất. Họ hát vang những bài hát quen thuộc của thần tượng trong khi chờ đợi cho có... khí thế!

Một rừng áo trắng, áo vàng theo chữ Big Bang phủ kín khắp khu vực sân bay quốc tế. Lực lượng an ninh sân bay phải cực nhọc mới thông được lối ra cho khách.

Bật khóc vì không được nhìn thấy thần tượng

Khoảng 22 giờ 30 Big Bang đến TP Sài Gòn nhưng cũng như các nhóm nhạc nổi tiếng khác, Big Bang đi cổng VIP để tránh rùng người hâm mộ. Đến khi phát hiện ra thì người hâm mộ trẻ lại thất vọng không được tận mắt nhìn thấy thần tượng, không được nắm vạt áo thần tượng cho có tí... hơi ấm, nhất là không có được tấm ảnh nào của thần tượng. Một số cô gái bật khóc nức nở. Họ khóc... hồn nhiên, đau đớn cứ như bị tình nhân bỏ rơi ngang đường! Khách du lịch quốc tế ở sân bay đều ngó người ra nhìn, họ không thể hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Khi biết lịch trình thần tượng sẽ đến ngay sân vận động Phú Thọ để tập luyện cho phần trình diễn trong đại nhạc hội Soundfest Việt Nam 2012, một số người hâm mộ vội vã lên xe đuổi theo thần tượng. Họ lại đeo bám 5 chàng trai xứ Hàn ở điểm tập luyện, và tất nhiên là trong buổi biểu diễn chính thức vào lúc 20 giờ tối 14-4 vừa qua.

Chương trình đại nhạc hội Soundfest Việt Nam 2012 sẽ diễn ra lúc 14 giờ ngày 14-4 tại sân vận động Phú Thọ quy tụ nhiều ca sĩ Việt Nam: Phương Vy, Suboi, Phạm Anh Khoa, Tiến Đạt, Hà Okio, Thanh Bùi, Bức Tường, MicroWave, Unlimited và vài nghệ sĩ quốc tế: Aio Cruz, Kimberly Caldwell, Tata Young. Nhưng những nghệ sĩ đó bị lu mờ hoàn toàn trước Big Bang. Nhóm Big Bang mới thật sự là “cây đình” của chương trình với số người hâm mộ khổng lồ.

Theo nhiều tờ báo và nhiều trang chuyên mục về ca nhạc ở VN ca tụng: Big Bang là một nhóm nhạc hip hop Hàn Quốc gồm 5 thành viên: Seungri, G-dragon, Tae yang, T.O.P và Dae sung. Không giống như bao nhóm nhạc nam khác, họ đã thay đổi cái nhìn khác cho khán giả, không cần

ngoại hình bắt mắt, chỉ cần tài năng là đủ để nổi tiếng. Mỗi thành viên trong nhóm đều có một tài năng riêng, đều có khả năng hát, phối hợp tốt, biết sáng tác nhạc và vũ đạo nhuần nhuyễn. Dưới sự dẫn dắt của YG Entertainment, Big Bang liên tiếp phát hành những chuỗi single và EP và đạt được những thành công đáng kể. Rồi đoạt những giải thưởng “cao quý” như “Seoul Gayo Daesang”, giải thưởng của Truyền hình cáp Nhật Bản với hạng mục “Nghệ sĩ mới”. được đề cử ở hạng mục Worldwide Act và giành chiến thắng nhờ 58 triệu lượt phiếu bầu của người hâm mộ...

Với những hàng tin và lời tặng bốc “có cánh” như thế càng khiến cho các fan như được thổi dẫu vào lửa, đêm ngày nung nấu chờ mong “Big Bang của mình” đến Sài Gòn. Khi cuộc chờ đón ở phi trường Tân Sơn Nhất không thành, các fans lại quay sang chờ ở nơi trình diễn.

Cuộc chờ đợi hứng thú và đau khổ

Chờ đợi mệt mỏi dưới nắng nóng gần 10 tiếng để chỉ được nhìn, được nghe thần tượng biểu diễn đúng 30 phút, giới hâm mộ Big Bang dường như chưa thỏa sự cuồng nhiệt, trông đợi bấy lâu của mình.

Dù rằng đến 14 giờ ngày 14-4, nhóm “Siêu nhạc hội Soundfest” mới bắt đầu, nhưng từ gần 10 giờ sáng đã có rất đông khán giả có mặt ở sân vận động Phú Thọ, TP. Sài Gòn chờ được mở cửa để vào sớm, tìm chỗ gần sân khấu nhất. Và dù đến 20 giờ Big Bang mới xuất hiện nhưng khi các công vừa mở (13 giờ) thì hàng ngàn khán giả với nón lá, mũ, dù, áo mưa... đã kéo vào từng đoàn, ngồi chờ dưới nắng gắt rồi trận mưa rào bất ngờ đổ xuống. Đúng 14 giờ, không khí sân vận động bắt đầu nóng lên khi những thanh âm của rock, rap được

dùng để “khởi động” (bởi các nhóm nhạc, ca sĩ: Unlimited, Bức Tường, Microwave, Tiến Đạt).

Chính vì được khuấy động, nhún nhảy, hò hét không ngừng nghỉ, và càng về chiều tối, sân vận động càng đông nghẹt nên dù Big Bang - nhóm nhạc được trông đợi nhất chương trình - chưa xuất hiện, khán giả bắt đầu hỗn loạn và rồi trở nên hoảng loạn khi thấy liên tiếp những “người hâm mộ đáng thương” ngất xỉu được dìu, bông, cồng, kiêng trên băng ca đưa về khu vực cấp cứu.

Ngất xỉu, co giật trước khi thần tượng hát

Càng gần đến giờ diễn của Big Bang, số người ngất xỉu lẫn co giật được mang ra khỏi sân càng nhiều hơn (đều là nữ, trong độ tuổi rất trẻ). Chương trình đã tạm ngưng theo yêu cầu của bộ phận an ninh (như MC thông báo). Dẫu mệt đến kiệt sức, nhưng vì quá yêu thần tượng nên chẳng ai muốn ra khỏi đám đông để lấy nước, thức ăn (miễn phí); và nếu muốn đi thì các bạn cũng chẳng thể di chuyển được vì người nối người đến không còn khoảng cách. Thế nên, khi những chàng trai từng làm mê đắm giới hâm mộ VN qua băng đĩa, truyền hình bước ra sân khấu, sân vận động như vỡ tung bởi tiếng hú, tiếng hét. Chọn những bản nhạc mà fan cũng có thể hát theo (dù là tiếng... Hàn), 5 chàng trai của Big Bang trong những giai điệu sôi động, vũ điệu điên cuồng cùng những câu chào hỏi (bằng tiếng Anh) ngắn gọn cứ thế làm đảo điên, nghiêng ngã hơn chục ngàn khán giả.

Đánh mất thể diện cá nhân và cả nền văn hóa VN

Và điều không mong đợi lại tiếp tục xảy ra! Khi âm nhạc càng sục sôi, Big Bang càng cuốn hút thì sự chen lấn, xô đẩy để đến gần

hơn, dù chỉ một bước chân, càng dữ dội. Hệ quả là nhiều người bị ngất xỉu vì đói là.

Thế nên, Ban tổ chức (BTC) buộc phải tạm ngưng lần nữa, xoa dịu cơn nóng; và Big Bang đã phải kêu gọi mọi người lùi ra sau để chương trình không bị gián đoạn. Vậy nhưng khi nhóm hát lại, sự cuồng nhiệt vẫn dẫu vào đây. Lo sợ tình trạng ngất xỉu tăng lên, không chỉ mang nước đưa tận tay người xem, BTC còn dùng những vòi xịt để phun nước xuống khán giả nhằm... hạ nhiệt. Đáng tiếc, khi tình hình tạm ổn cũng là lúc Big Bang chào tạm biệt (vì nhóm chỉ hát 6 bài theo đúng chương trình). Và khi chương trình vẫn còn hơn 2 tiếng với những tên tuổi quốc tế khác, nhưng ngay khi Big Bang kết thúc 30 phút trình diễn của mình, cũng những người cố sống cố chết giữ chỗ trước đây đã bỏ vị trí, ào ào chạy ra công với mong muốn được thấy thần tượng lần nữa mà chẳng màng đến các nghệ sĩ khác đang biểu diễn tiếp theo sau đó. Cảnh tượng những cô gái rất trẻ cố bám mình theo xe của nhóm Big Bang, chạm tay vào kính xe rồi khóc lóc vật vã, ai nhìn thấy cũng xót xa và cảm thấy xấu hổ. Họ đã tự đánh mất thể diện của chính mình và tất nhiên là ảnh hưởng tới cả nền văn hóa Việt Nam.

Một nỗi nhục quốc thể khác

Một chuyện khác còn “bi thảm” hơn mới xảy ra ít hôm trước đó. Câu chuyện fan xúm nhau hôn lên chiếc ghế thần tượng Bi/Rain ngồi hôm trước trong Nhà hát Lớn Hà Nội khi ca sĩ này đến biểu diễn trong chương trình gọi là “Giao lưu Văn hóa Việt Hàn”. Một thứ chuyện như điên cuồng, ngớ ngẩn làm nhục quốc thể.

Các bạn trẻ có thể và có quyền yêu quý và hâm mộ, có thể nhin ăn xếp hàng mua vé, có thể chen lấn xin chữ ký, mặc áo

khóac giữa mùa hè nóng bức cho giống thần tượng... là thứ chuyện thường tình trên thế giới hiện nay. Như các fan của Messi, của Ronaldo nồng nhiệt chào đón thần tượng bóng đá của mình. Nhưng ái mộ đến mức xúm nhau hôn chỗ ngồi của thần tượng thì... có lẽ là việc làm có một không hai trên thế giới. Nhiều bạn trẻ đứng đắn hơn đã cho đó là hành động làm nhục quốc thể, không thể tha thứ.

Chưa hết, việc phát cuồng vì “thần tượng” dẫn đến hành động mù quáng hơn khi có người sẵn sàng chấp nhận “tinh một đêm” để có được tấm vé vào xem “thần tượng” biểu diễn. Khi giá vé xem chương trình Super Junior ở Mỹ Đình sốt theo mức phát cuồng của fan, được mô tả là “chưa từng có”, giá vé nhảy cóc từ 1 triệu lên đến bất cứ giá nào.

Một fan nữ “tuổi tin” không có tiền, không mua được vé, muốn là một trong số 40.000 fan mặc áo da trời có mặt tại Mỹ Đình để được “một lần trong đời” nhìn thần tượng bằng xương bằng thịt, một nữ sinh lớp 11 đã “trao đổi” trắng trợn: “Em yêu Super Junior nên nếu như anh muốn em qua đêm với anh để nhường cho em chiếc vé, em sẽ sẵn sàng”.

Trách nhiệm thuộc về ai?

Những chuyện như thế này lần đầu tiên mới thấy ở VN. Người ta tự hỏi có phải vì nền giáo dục mất thăng bằng, học cho có thành tích, cho có chữ nhét vào cặp sách. Đến nỗi các nhà sử học phải ngao ngán than rằng : “Lịch sử cha ông VN thì dốt đặc, số không nhiều hơn số trung bình, nhưng lịch sử các nhóm nhạc Hàn Quốc thì thuộc vanh vách”. Lỗi đó thuộc về nhà trường, phần khác cũng thuộc về gia đình không quan tâm tới con cái hoặc chiều

chuộng các cậu ấm cô chiêu quá mức, muốn gì được nấy. Nhưng trong vấn đề này phải kể đến tác hại lớn của một số phương tiện truyền thông.

Theo chuyên gia tâm lý Phạm Phúc Thịnh (chuyên viên tư vấn Trung tâm Nhịp cầu hạnh phúc) phân tích: “Một trong những nguyên nhân không kém phần quan trọng tạo nên hiện tượng cuồng loạn này chính là sự tác động của các phương tiện truyền thông hiện nay. Giới trẻ biết đến các nhóm nhạc Hàn Quốc một phần thông qua phương tiện truyền thông. Nếu truyền thông bớt những bài viết ca ngợi đến “chân tơ kẽ tóc” của các ca sĩ thần tượng thì sẽ ít đi hình ảnh hàng ngàn fan đứng ở sân bay chờ thần tượng và có những cảnh khóc lên, khóc xuống khi không gặp được thần tượng hoặc thần tượng sụp đổ”.

Những chương trình về K-pop phát trên nhiều kênh truyền hình với thời lượng quá dày đặc có ý nghĩa tôn vinh đã khiến khán giả trẻ tin rằng thần tượng của họ là thần thánh, hoàn hảo đến từng centimet. Xin mượn một đoạn bình luận của một độc giả ở Sài Gòn để tạm làm đoạn kết cho câu chuyện “mất nét” này.

Bạn Lê viết trên báo: “Con cháu tôi mà như đám này là tôi đánh cho tới khi nào bỏ được cái tật này thì thôi. Cha mẹ ở nhà làm ăn cực khổ để kiếm tiền nuôi các em thì các em có thương có khóc như vậy không? Sự việc này xảy ra thì có phần lỗi đóng góp rất nhiều ở các phương tiện thông tin đại chúng, từ đài truyền hình tới báo đọc, báo mạng, lúc nào cũng truyền thông, cổ sùỵ cho những ngôn từ nào là “thời thượng”, “sành điệu”, tivi có hẳn kênh chuyên phát những bài hát “nghe không nổi”, ca sĩ thì tóc xanh tóc đỏ, quần áo dị hợm, nhảy nhót lung tung. Giá trị thật của những giá trị đã

bị đánh mất từ những cái đánh bóng như thế. Hồi sao đám trẻ không nhao nhao mê mẩn những cái gì đó mơ hồ chứ không có thật là vậy!”.

Chuyện tố cáo sếp lạ lòng nhất thế kỷ

Một chuyện “mất nét” khác còn “hãi hùng” hơn, ly kỳ hơn phim ảnh, đó là chuyện vợ chồng một bác sĩ, tố cáo với báo chí chuyện động trời mà bạn có giàu óc tưởng tượng để được mấy hãng phim thuê viết kịch bản cũng không dám nghĩ tới. Một nữ bác sĩ ngoại tình rồi tự quay phim cảnh ái ân của chính mình cùng tình nhân, đưa cho chồng để làm bằng chứng tố cáo sếp của cơ quan mình là chuyện lạ lòng nhất thế kỷ, chỉ có ở VN vào thời này mà thôi. Xin tóm tắt chuyện xảy ra như sau:

Chiều 17-4-2012 vừa qua, tại quán cà phê trên đường Giang Văn Minh (Hà Nội), ông Hoàng Mạnh Hùng, bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, gặp mặt nhiều phóng viên các báo để tố cáo chuyện vợ ông là bà Hà Thị Bích Nga cũng là bác sĩ, ngoại tình với sếp lớn cùng cơ quan là ông Nguyễn Mạnh Cường Giám đốc Trung tâm Y tế đường bộ 2, thuộc Khu Quản lý Đường bộ 2, Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Cuộc gặp này có cả vợ ông hiện diện. Ông Hùng cho biết, bà Nga (40 tuổi, vợ ông) đang làm việc tại Trung tâm Y tế Đường bộ 2. Hơn 2 năm trước, ông phát hiện ra mối quan hệ bất chính giữa vợ và ông Nguyễn Mạnh Cường, Giám đốc Trung tâm Y tế này.

Giải thích sự việc diễn ra hơn 2 năm nhưng đến nay gia đình mới thông tin với báo chí, ông Hùng cho biết, nếu vợ sau khi học xong thạc sĩ được bố trí công việc phù hợp và không bị trù dập, có lẽ ông không đưa vụ này ra công luận.

Bà Nga, vợ ông Hùng, đã thú nhận, năm 2009, để được đi học cao học, bà đã chấp thuận “ngu” với sếp. Người phụ nữ này xin chồng tha thứ. Bà Nga đã đề nghị ông Cường chấm dứt mối tình vụng trộm này nhưng ông Cường nhất định không chịu. Thế là hai vợ chồng ông Hùng bàn nhau: để có chứng cứ buộc ông Cường chấm dứt mối tình này, ông Huỳnh đã lên Hà Nội mua 2 camera (một chiếc bằng bút và một chiếc dạng cúc áo) để đưa cho vợ.

Khoảng tháng 1 năm 2010 (tức là cách đây 2 năm), nữ bác sĩ đã tự quay những thước phim “ân ái” cùng ông Cường rồi mang về hỏi ý kiến chồng. Ông Hùng cho hay, chỉ nghe được tiếng còn hình ảnh không được rõ. Một tháng sau đó, bà Hương thông báo cho chồng biết sẽ có một cuộc hẹn với sếp ở khách sạn Á Đông (ở VN bây giờ gọi là nhà nghỉ) trên quốc lộ 5 (đường Hà Nội - Hải Phòng).

Tại đây, khi cả hai đang “quan hệ”, ông Hùng mang máy quay phim, cùng một số người thân ập vào bắt quả tang. Theo nội dung biên bản tại khách sạn do ông Hùng cung cấp, ông Cường thừa nhận có “quan hệ” với bà Nga và cam kết không tái phạm.

Tuy nhiên sau đó ông Cường đã thất hứa, vẫn tiếp tục quấy nhiễu vợ ông và còn có hành động trù dập bà Nga. Vì vậy buộc ông phải gửi đơn lên huyện ủy và công an huyện Văn Giang (Hưng Yên) nhờ can thiệp. Cùng thời điểm đó, giám đốc Cường cũng làm đơn tố lại ông Hùng đã âm mưu sập đặt và tống tiền. Công an huyện Văn Giang đã hòa giải, hai bên đã rút đơn và thỏa thuận không kiện cáo nữa.

Nữ bác sĩ Nga thừa nhận, đã ngu với sếp 3 lần. Bà nói: “Tôi cũng đau khổ lắm, có lần suýt phải quyên sinh. Cứ tưởng sau khi đi học cao học về mọi chuyện sẽ khác, nhưng không

ngờ ông ấy vẫn thế khiến tôi mệt mỏi...”. Bà Nga vẫn bị sếp tán tỉnh và trù dập. Sếp vẫn bắt bà Nga làm kiểm điểm lu bù và bắt làm việc ngoài giờ để dễ bề tán tỉnh

Nội dung 2 clip bà Nga tự quay

Ông Hùng tâm sự: “Tôi cần rằng cho vợ mình thêm 3 lần quan hệ với cấp trên để lấy bằng chứng”. Theo những nội dung clip mà vợ chồng bác sĩ cung cấp, có cảnh nữ bác sĩ Nga tự điều chỉnh máy quay từ trong nhà vệ sinh cho tới khi lên giường (trong đó, nhiều lần chỉnh ống kính hướng về phía giường).

Những đoạn đối thoại giữa 2 nhân vật trong clip hết sức thân mật (từ chuyện đi họp ra sao, món quà đầu tiên do chồng bác sĩ tặng vợ là gì...). Sếp và nữ nhân viên nói chuyện khoảng hơn 20 phút trước và trong khi trút bỏ xiêm y (!).

Clip thứ 2 là cảnh đám người đập cửa phòng ngủ (tại một khách sạn) xông vào với máy ảnh, máy quay phim. Hình ảnh quay rõ nét người đàn ông trần truồng, mặt bị chảy máu, tẩy đỏ do bị ông Hùng đánh. Và nhiều đoạn đối thoại giữa hai người đàn ông tình địch.

Chiều cùng ngày, người bị tố cáo là ông Giám đốc Trung tâm Y tế Đường bộ 2 Nguyễn Mạnh Cường, nói với phóng viên: “Vợ chồng nhà nó là đồ lừa đảo, âm mưu thâm độc tống tiền và đòi chức Phó Giám đốc Trung tâm. Con vợ nó (ý nói bác sĩ N.) là em đứa bạn tôi. Mọi việc trước đây đã được hòa giải và cả 2 bên viết cam kết không tiết lộ bất cứ điều gì ra bên ngoài”.

Khi được hỏi sự thật về clip sex, ông Cường cho biết: “Hôm đó tiệc tất niên, nó ép uống 2 cốc bia, tôi đã không biết gì và bị lột quần áo (ý nói là bị đánh thuốc mê). Chứ nói thật, anh em mình đàn ông, chỉ cần

200 ngàn đồng, ra ngoài kia đây ra”. Tuy nhiên, căn cứ nội dung một clip, không có vẻ gì là ông Cường bị dính thuốc mê.’

Tin mới nhất cho biết, ngày 18-4-2012, đại diện Khu quản lý đường bộ 2 đã gặp gỡ hai viên chức thuộc Trung tâm y tế đường bộ 2 là ông Nguyễn Mạnh Cường (người bị tố cáo) và nữ bác sĩ Nga. Sau khi nhận được báo cáo ban đầu về vụ việc, Tổng cục Đường bộ đã ra quyết định đình chỉ công tác 2 “cán bộ” này để kiểm điểm.

Chưa biết quyết cái vụ “kiểm điểm” sẽ đi đến đâu. Nhưng dư luận mới chính là “bản kiểm điểm” ý nghĩa và đáng kể nhất. Đã có rất nhiều ý kiến sôi nổi về sự việc hy hữu có một không hai này. Bạn đọc cứ... tự do nhận định về từng cá nhân trong sự việc này. Từ đức ông chồng đến bà vợ và ông sếp Cường. Ai khôn ai dại? Mỗi người nên giải quyết sự việc này ra sao? Bà Nga đã tố cáo sự việc lên cấp trên, sao không được giải quyết, vậy đằng sau sếp Cường có một thế lực nào quá mạnh che chở không? Có phải vì không được giải quyết nên hai vợ chồng ông Hùng quá phần uất, hết cách rồi mới phải mang sự việc đáng hổ thẹn này phơi bày trước báo chí? Có lẽ ông Hùng đã suy nghĩ: “Cho chúng mày chết chùn luôn”. Vậy cơ quan cấp trên nào cũng có lỗi trong chuyện này? Bạn thử tiên đoán hoàn cảnh này sẽ đưa dẫn những nhân vật “kỳ quái” này tới đâu?

Nếu có những tình tiết mới, kỳ sau tôi sẽ trở lại vấn đề này với những tổng kết về dư luận xã hội tại VN.

Văn Quang

Viết từ Sài Gòn 20-4-2012

Ngày Mai Thì Đã Muộn Rồi...

TÔN NỮ MẶC GIAO

Ngũ muội Diệu Hương là tên cô em gái út trong Ngũ Long tình bạn của chúng tôi. Mà ngộ ghê! Một sự trùng hợp lạ lùng là trong gia đình Xí Muội có năm chị em gái (Ngũ long công chúa). XM đứng thứ ba, trên hai chị dưới hai em gái. Bây giờ trong năm chị em kết nghĩa, XM vẫn đứng thứ ba, trên hai chị dưới hai em. Mà ngũ muội là đứa mà XM “cung” nhất, cũng là hợp tánh hợp tình thân nhau nhất. Có cái gì cũng tâm sự, kể lể cho nhau nghe không hề dấu diếm. Tánh tình điềm đạm nhưng lại hay mít ướt. Nhớ hôm Đon Dương vừa mới mất (em trai của Ngũ Muội), XM nhận điện thoại mà không tài nào nghe được Ngũ Muội nói cái gì:

- Hu hu... Đon... Dươong... nó... mááá... rôi... t i i i... oi! Hu hu...

Biết là chuyện “chẳng lành” nhưng không nghe nổi nằng ụt nói cái gì nên XM yên lặng để cho nàng khóc đã một hồi cho nguôi ngoai rồi ụt tự động báo tin và kể lại cái chết đột ngột của cậu em cho XM nghe. Từ đó, tối nào Ngũ Muội cũng gọi điện thoại cho XM kể lể nỗi nhớ thương và khóc nức nở. Đầu giây bên kia Ngũ Muội khóc bao nhiêu thì đầu giây bên này XM cũng hu hu bấy nhiêu. Khó một nỗi là XM có tánh hay mắc cỡ, đã khóc thì không nói được, mà cái tật hề thấy ai khóc là mình khóc theo chứ nào phải nhớ nhưng gì người chết cho cam. Thật tình mà nói, đối với Đon Dương XM chẳng xa lạ gì, thân thì không thân nhưng cũng không phải là

không quen. Nhớ hồi XM còn vác ngà voi chung với Ngũ Muội ở trường Việt Ngữ Về Nguồn, Đon Dương dạo ấy mới sang Mỹ, không hiểu vì chuyện gì mà lại vào trường tìm Ngũ Muội, gặp XM lần đầu tiên truyện trò qua lại một hồi thấy cậu em cũng hiền lành dễ thương, cái miệng dẻo quẹo khiến Ngũ Muội phải nửa đùa nửa thật “ra oai đàn chị” ngay sau khi giới thiệu cậu em mình với XM:

- Đây là cô giáo dạy trong trường, là bạn của chị đó biết không?

Ý nói Đon Dương kính Ngũ Muội bao nhiêu thì phải nể XM bấy nhiêu (khỏi thiệt!). Lần thứ hai gặp lại Đon Dương trong một buổi picnic liên trường 8, 9 năm về trước. XM đứng tựa đầu gác tay lên vai ông xã coi văn nghệ, Đon Dương đứng đối diện phía bên kia đưa máy ảnh bấm lia lịa. Một lát sau ông xã bỏ đi tìm bạn, XM vẫn ở lại coi văn nghệ. Đon Dương đến bên cạnh nói nhỏ:

- Ê! Hồi nãy tui thấy rôi đó nhe! Một lát nữa tui mét.

Thì ra cu cậu chưa biết mặt ngài Tôn Thất Mặc Kệ tưởng XM đi với kếp nên đòi mét (chả biết là mét ai không biết nữa!). Tuy vậy XM cũng trả lời:

- Ông xã tui đó chứ ai đâu mà đòi mét.

Rồi còn gặp lại thêm một vài lần nữa trong buổi họp mặt Chu Văn An gì đó của những năm về trước. Sau đó thì Đon Dương vỗ cánh bay theo những cuộc tình

phù du giữa chôn bụi hồng để rồi cuối đời
“Một Minh” với cây đàn ghi ta thôn thức
cùng những giọng nhạc Đức Huy:

- Sớm mai thức giấc... nhìn quanh một mình...

Đường quen không tới... tìm nhau
ngại ngừng.

Nâng buồn cuộc tình... bồng tất bình minh...

Người đã chết thì cái gì cũng hết, vì tôn trọng XM không muốn viết động đến những chuyện riêng tư cá nhân của người quá cố. Thật ra thì người chết thẳng cẳng ra đây khoẻ quá rồi còn thương tiếc gì nữa, chỉ tội là tội cho người nhà phải đau khổ nhớ nhung cho nên XM thấy tội cho Ngũ Muội nhớ thương cậu em đến hóc ha hóc hác. Ngũ Muội rời VN năm 75, lúc Đơn Dương mới 17 tuổi. Đến khi gặp lại nhau cậu em đã vợ con đùm đê. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, Ngũ

Muội gặp em thì cứ cảm rằm chuyện tình cảm của Đơn Dương. Đơn Dương vì sợ nghe giảng moral nên cũng né tránh bà chị ít dám liên lạc. Bà chị cả quán Nhà Tôi ở San Jose ngày xưa muốn mấy chị em được vui vẻ vẹn toàn nên đứng giữa dàn hoà mong hai bên điện thoại thăm hỏi nhau thì cứ phải nghe hai chị em đổ thừa lẫn nhau. Ngũ Muội nói dối:

- Ngũ Muội đã gọi cho nó nhiều lần lắm rồi! Nó là em sao nó không điện thoại cho Ngũ Muội trước mà cứ bắt Ngũ Muội phải gọi cho nó?

Đơn Dương vì sợ bị nghe bà chị cảm rằm nên né:

- Sao “bã” không gọi tui trước mà lần nào cũng bắt tui gọi “bã” trước hết vậy?

Lẽ thường tình mà thôi! Lúc sống không biết quý những giây phút xum họp bên nhau, đến lúc mất đi rồi mới thấy tiếc. Tội nghiệp cô em của XM, lúc Đơn Dương lần quay ra đây rồi mới thấy tấm lòng chị

thương em. Những ngày cuối cùng Đơn Dương được máy support giữ hơi thở để chờ thằng con lớn và cậu em út ở VN sang. Ngày nào ngũ Muội cũng vào bệnh viện nắm tay nắm chân cho em, lau mặt, vuốt má, đọc kinh và khuyên nhủ em hãy ra đi thanh thản, đừng luyến tiếc chi cõi đời ô trọc đầy dẫy khổ đau này. Chẳng hiểu Đơn Dương có nghe được không nhưng hai khoé mắt đã ứa ra đôi giọt lệ tội nghiệp hết sức. Cô em của XM khóc đến đôi mắt trũng sâu. Cứ thế! Từ ngày Đơn Dương nằm xuống, Ngũ Muội đổ lệ bao nhiêu thì XM cũng sụt sịt bấy nhiêu. Đã giao hẹn trước là gặp nhau ở nhà quán không được khóc, vậy mà vừa gặp mặt XM nâng út ôm chầm lấy sụt sịt ngay. XM cũng ôm lại vỗ về như dỗ con nít vậy và vợ nói ngay để trấn át cơn xúc động kéo khóc rồi là hết nói:

- Không được khóc! Nín! Nín! Thương!
Thương! Cung, cung...

Chóng quá! Thế mà đã 49 ngày rồi. Đơn Dương trước khi vĩnh viễn ra đi khỏi 49 ngày đã về từ biệt và báo mộng cho bà chị Kim biết (bà chị thứ ba của Ngũ Muội):

- Bà có tin vui đó nghe bà.

Bà chị giật mình tỉnh giấc cứ băn khoăn không biết tin vui gì? Quả nhiên hai ngày sau được điện thoại của hãng cũ đã cho mình “laid off” gọi đi làm lại. Đó không phải tin vui thì là gì giữa thời buổi gạo châu củi quế này? Bà Giang (bà chị thứ hai của Ngũ Muội) bên VN cũng nằm mơ thấy Đơn Dương về trong ngày thứ 47. Bà Giang kể lại là nhìn thấy Đơn Dương vắt cái áo khoác xám trên vai đứng nhìn bà chị với đôi mắt buồn bã, bà Giang tuy biết là em mình đã chết nhưng không sợ mà còn hỏi:

- Em ở “trên đó” thấy như thế nào?

Đơn Dương buồn bã trả lời:

- Ô “trên đó” em buồn lắm chị ơi! Và em thấy lạnh lắm! Em lạnh lắm chị ạ!

Bà chị nghe em mình trả lời như vậy thì lật đặt kéo em mình vào nhà và nói:

- Nếu em cảm thấy lạnh thì hãy đi vào nhà. Vào đây! Vào đây em!....

Đơn Dương lắc đầu và đưa tay chào tạm biệt:

- Bây giờ em phải đi rồi! Thôi em đi đây!...

Và bà choàng tỉnh dậy. Hình như Đơn Dương chỉ hợp với bà Giang là bà chị thứ hai ở VN và bà Kim là bà chị thứ ba đang ở Mỹ. Đó là hai người chị mà Đơn Dương gần gũi nhiều nhất sau năm 1975, cho nên Đơn Dương hay “về” với hai bà chị đó. Còn bà chị Cả quán Nhà Tôi và Ngũ Muội Diệu Hương xa em từ năm Đơn Dương mới 17 tuổi, sau này mới gặp lại chắc chưa có kỷ niệm gì nhiều với nhau nên Đơn Dương không chịu “về” với hai người đó? Ngũ Muội nghe hai bà chị kể lại chuyện giấc mơ đã điện thoại cho Xí Muội khóc sụt sùi:

- Ti ơi! Muội nhớ nó quá chịu không có nỗi... hu hu... Tại sao nó về với bà Giang, bà Kim mà không chịu về với muội? Biết vậy hồi đó muội bớt căn nhắc khó khăn với nó để hai chị em có cơ hội gần gũi nhiều với nhau thì bây giờ đâu có hối hận... hu hu... Thật ra thì muội thương nó lắm chứ đâu có ghét bỏ gì nó, sao nó không chịu về nói chuyện với muội... hu hu...

Xí Muội cũng sụt sùi theo (im lặng vẫn là tốt nhất). Chờ cho cơn xúc động lắng xuống XM mới lên tiếng:

- Ngũ Muội cứ như vậy hoài làm sao Đơn Dương nó đi được? Có sinh ất có diệt, theo đạo Phật thì sau 49 ngày Đơn Dương chắc cũng đã đến được một nơi nào đó tốt hơn rồi, có thương nhớ nó thì Muội cứ đọc kinh như đã làm bấy lâu nay là tốt rồi.

Không nên bi lụy vừa khổ mình vừa làm người chết khó siêu thoát được.

Cô nàng dạ dạ vâng vâng nhưng rồi vẫn cứ thỉnh thoảng gọi điện thoại sụt sùi: “Nhớ nó quá chịu không có nỗi!”. Tội nghiệp cô em tôi, theo lẽ XM là người đang phải an ủi Ngũ Muội thì ngược lại Ngũ Muội ngoài việc thường xuyên đi chùa hằng tuần cầu nguyện cho Đơn Dương thì không nói làm gì. Bây giờ lại gánh thêm việc thành tâm cầu nguyện dâng sớ xin cho XM được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ khi nghe tin đầu năm XM lại phải đi cấp cứu vì chứng bệnh đau không nguyên cớ. XM thương Ngũ Muội ở chỗ tấm lòng thành đó! Hết lòng với bạn bè, XM đâu có yêu cầu, tự Ngũ Muội gọi điện thoại đến nhà hay tin XM đang cấp cứu trong bệnh viện nên lật đặt lên chùa ghi tên dâng sớ xin cầu an cho XM. Ngũ Muội chính ra là đạo công giáo, mà theo XM biết thì luật của đạo công giáo khó lắm! Lỡ mà thương nhầm người công giáo thì cho dù là chú rể hay cô dâu đi nữa cũng phải đi học đạo, rửa tội đảng hoàng rồi mới được cha mẹ phía bên người có đạo chấp nhận cho làm đám cưới nhà thờ có cha làm phép đảng hoàng. Bắt buộc phải làm lễ cưới ở nhà thờ, không làm là khỏi nên vợ nên chồng. Ngay cả bây giờ mà có nhiều bậc cha mẹ vẫn còn quá khích, không theo đạo là không gả con gái hoặc không cho con trai mình cưới vợ. Vậy mà Ngũ Muội dám cả gan thực hiện câu: “Thuyền theo lái gái phải theo chồng”. Lấy chồng là phải theo đạo chồng (mê trai mê thì thôi!) lại rất sùng đạo, tuần nào cũng đi chùa lễ Phật. Cả nhà làm hậu sự cho Đơn Dương theo nghi thức công giáo thì Ngũ Muội mỗi ngày mỗi cúng cơm, tụng kinh cho em. Và mỗi tuần mỗi lên chùa cúng thất cho Đơn Dương

đúng 7 thất (49 ngày). Bây giờ còn điện thoại khoe với XM:

- Tí ơi! Đừng suy nghĩ gì nhiều có hại cho sức khoẻ, ráng tinh dưỡng và niệm Phật để được che chở, cái nghiệp sẽ qua đi nhẹ nhàng. Bữa nay lên chùa nhìn thấy tên của tí tí trên đàn đèn cúng sao giải hạn trong suốt tháng giêng thắp 24/24 muội mừng quá nên điện thoại báo cho tí biết đó! Tí sẽ được tai qua nạn khỏi, đừng lo nghĩ tí nhé! Ráng nghỉ ngơi cho nhiều. Thôi muội phải vào đọc kinh đây! Muội đang ở chùa, thấy tên của tí nên mừng quá gọi báo cho tí biết để tí vui, muội sẽ đọc kinh cầu an cho tí. Bái bai!

Nghe Ngũ Muội nói mà lòng XM dạt dào cảm động, bệnh hoạn như vôi hẵn đi. Muốn cảm ơn Ngũ Muội mà không biết phải làm sao, thôi thì viết đôi giòng về cô em kết nghĩa coi như một hình thức cảm ơn vậy. Ngũ Muội tuy là út ít nhưng lại cao vòi vọi nên đứng chung năm chị em trông cứ như là cây cột đèn trội hẳn lên. Nhớ có lần nàng út của XM tâm sự chuyện lừa dối của nàng mà cười muốn bể bụng. Ngũ Muội nói hồi mới quen chàng (ông xã Nguyễn Khôi bây giờ). Cả hai đều bị trúng tiếng sét ái tình, “cắm” nhau như điên nhưng chàng có cái tánh “chậm chạp” lù đù đến bực mình. Ngũ muội mong chàng ngộ lời cầu hôn muốn chết luôn mà chàng cứ tỉnh bơ, chẳng lẽ mình là con gái lại ngộ lời trước kỳ thấy mò. Mọi người xúm lại hỏi tại sao vậy? Ngũ Muội giải thích là tại Ngũ Muội cao quá ai mà lấy, đàn ông VN thời Ngũ Muội ít có người cao. Muốn lấy chồng chắc chỉ có nước lấy Mỹ mà thôi! Chùng gặp được chàng Nguyễn Khôi cao hơn Ngũ Muội một chút xíu, Ngũ Muội mừng quá muốn chàng cưới hết sức mà không dám nói. Biết là chàng thật tình, vì mỗi lần Ngũ Muội muốn

mua quà tặng chàng, chàng đều gạt đi và nói:

- Minh tiết kiệm để dành tiền mua nhà...

Mua nhà để làm gì thì chàng không chịu nói tiếp, nếu không phải mua nhà để cưới em thì mua làm đểch gì? Lúc nào cũng lù đù nói nhát gừng không trọn câu khiến “người ta” hồi hộp chờ dài cả cổ. Mong mãi mới thấy chàng bấn tiếng với bà chị cả “Hạ đỏ có chàng tới hỏi” và “Ra giêng anh cưới em”, Ngũ Muội gật đầu một cái rụp chứ chẳng cần e lệ thẹn thùng che dấu gì cả, mừng muốn chết còn giả bộ cái gì nữa? Bởi vậy Xí Muội thương là thương cái tánh không làm dáng làm điệu, thương cái lòng thành của Ngũ Muội. Cả hai vợ chồng đều tốt, bạn bè nhờ cái gì là rất sốt sắng nhiệt tâm, sốt sắng đến nỗi nhiều khi người ta không kịp trở tay.

Tội nghiệp cô em vừa mới mất cậu em trai, theo lẽ Xí Muội vẫn còn phải đang an ủi ừ ừ, thì ngược lại út lại phải đi chùa cầu nguyện và an ủi XM đừng bi quan vì bệnh tật mà hại cho sức khoẻ. Thật không biết loại người văn minh tới cỡ nào và khoa học tiến bộ ra sao mà các bác sĩ chẳng tìm ra nguyên nhân của con bệnh. Cái này chắc phải gọi là bệnh “khủng bố” quá! Đòi thử nhà ai mới mồng 5 tết thôi là XM mở màng “Emergency” liền. Nhớ lại cách đây một năm rưỡi, đang khi khổng khi không vậy cái XM ôm bụng lăn quay ra đó! Liệng vô nhà thương, các bác sĩ đề ra mổ cho một đường dài từ trên ngực xuống khỏi rún vì bị “Bleeding” với lời kết luận: “I don’t know why”. Hôm nay cũng vậy! Lần này nó không thềm đau bụng mà nó “chơi” ngay đằng sau lưng đau muốn chết. XM cũng lăn quay ra đó la khóc om sòm, rồi cũng liệng vào nhà thương. Họ lụy cho một mũi “morphin” chẳng ăn thua gì, một chập sau

thấy XM vẫn la đau om sòm, họ lại thêm cho một mũi nữa thì cơn đau mới chịu lui, nhưng XM chịu không thấu với hai mũi “Morphin” đó nên chóng mặt và ói nữa tung bưng. Sau khi làm xong đủ thứ mọi xét nghiệm, các bác sĩ họp hành lại và tuyên bố “I don’t know why”. Nghĩa là vẫn bí mật giống như lần trước “mystery”, nhưng họ trấn an và bảo đảm là lần này không có chỗ nào bị chảy máu hết nên không bị mổ. Thế là lại khiêng về nhà kèm theo với một lô thuốc giảm đau thế thôi.

Vài hôm sau “người tình tu xuất” (em trai út của cố nhà văn Thúy Sơn) gọi điện thoại đến thêu thào trách móc:

- Giời ơi! “Người ta” gần chết đến nơi mà chẳng thấy cô em gọi đến hỏi han chúc tết gì cả.

XM cũng “thêu thào” trả miếng:

- Anh gần chết thì XM đây cũng ngắt ngư chứ khoẻ mạnh gì mà chúc với tụng?

Đầu giây bên kia cười hí hí tưởng XM có tình ý gì mà nghe tin chàng gần chết cũng ngắt ngư đòi chết theo. XM vội và đính chính:

- XM mới đi cấp cứu về thiệt đó chứ bộ.

Giọng “ông cha” kêu lớn lên một cách mạnh mẽ chứ không còn thêu thào háp hối như lúc đầu nữa:

- Sao vậy?

XM tức cười quá:

- Sao với trắng cái gì? Nó muốn bịnh thì nó bịnh chứ trắng sao cái gì?

Rồi XM thuật lại cơn bịnh của XM cho nghe và hỏi chàng tại sao “gần chết”?

Chàng khai bịnh giọng nhão nhoẹt (chẳng biết là mệt hay nhõng nhẽo):

- Anh bị đau cái đầu, đau lắm! Chịu không có được, gọi 911 đưa vào nhà thương tìm không ra bịnh thế mới chết chứ!

XM an ủi:

- Chết cái gì? Đó là bịnh “khủng bố” giống XM đó! Còn lâu lắm mới chết! Cứ chờ đó! Khi nào Chúa gọi thì dạ cho thật to. Còn nếu chưa “ready” để “hưởng nhan thánh Chúa” thì cứ trả lời “You are wrong number” thế là xong.

Chàng nghe xong xiù xẹp lép nói một xin bái bai. Đây! Thế giới đảo điên, khí hậu điên đảo, thiên tai hỗn loạn làm ảnh hưởng sức khoẻ loài người cũng loạn theo. Thôi thì phó mặc số trời vậy, kiếp con người mà! Sinh lão thì phải bịnh tử thôi, đến ngày đến tháng thì phải chấp nhận the end kiếp này để rồi begining một kiếp khác chứ sức mảy mà “un point final”. Cho nên hãy mau chóng nghĩ đến chuyện tu hành, ăn năn sám hối tội nghiệp mình đã gây ra từ kiếp này, kiếp xưa kiếp xưa và chấp nhận nghiệp số của mình hầu mai sau sẽ ra đi được nhẹ nhàng thanh thoát. Hãy gây cái duyên đạo Phật ngay từ bây giờ để mong rằng đến một kiếp nào đó trong tương lai sẽ được gặp Ngài (Đức Phật) nơi cõi Niết Bàn nếu không muốn trôi lăn mãi trong vòng sanh tử. Hãy thương yêu và hỷ xả với gia đình, thân nhân và bạn bè của bạn. Đừng để mất nhau rồi mới hối tiếc thì đã quá muộn màng rồi phải không Ngũ Muội? Cũng là một kinh nghiệm để chúng ta suy gẫm. Thank you Ngũ Muội đã dùng tất cả tấm lòng thành đi chùa lễ Phật cầu xin cho tí được mạnh khoẻ. A Di Đà Phật.....

TÔN NỮ MẶC GIAO

(San Jose)

ĐÔI CẢ THIÊN-THU
TIẾNG MẸ CƯỜI

Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Tiếng ai như tiếng lá thu rơi
Mười năm mẹ nhí, mười năm lẻ
Chi biết âm-thầm thương nhớ thôi

Buổi ấy con đi chẳng hẹn thề
Ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khê
Mười năm tóc mẹ màu tang trắng
Trắng cả lòng con lúc nghĩ về

Mẹ vẫn ngồi đan một nỗi buồn
Bên đời gió tạt với mưa tuôn
Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương

Tiếng mẹ nghe như tiếng nghẹn-ngào
Tiếng Người hay chỉ tiếng chiêm-bao
Mẹ xa xôi quá làm sao với
Biết đến bao giờ trông thấy nhau

Đừng khóc mẹ ơi hãy rón chờ
Ngậm ngùi con sẽ giấu trong thơ
Đau thương con viết vào trong lá
Hơi ấm con tìm trong giấc mơ

Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Giọng buồn hơn cả tiếng mưa rơi
Ví mà tôi đôi thời-gian được
Đôi cả thiên thu tiếng mẹ cười

TRẦN TRUNG ĐẠO

MY LIFE
FOR MY MOM'S LAUGHTER

Picking up the handset I was stunned with surprise:
Whose voice as light as falling leaves in cold skies?
Isn't it ten years, ten odd years, dear mother,
Just in silence to miss and long for one another?

I left without any promises or pledges that day:
The old wild horse from its forest-land went astray.
Ten years for Mom's hair to turn mourning white,
And mourning-like my soul also in such a plight.

You've still been sitting there weaving your pain
By an existence of slapping wind and beating rain.
I've set off to set up from all directions a pyre
In order to disperse the mist for life lighting a fire.

Your voice was broken off, you choked up, I found;
Mom's endearing words or mere in-reverie sound?
You are too far, how could I reach out for you?
And when could we meeting again look forward to ?

Do not cry, my dear mother, and continue to await.
All my grief I will hide in the rhymes I create.
Of all my sorrow I will write reams and reams,
And find your warmth my warmth in my dreams.

As I picked up the handset how astounded was I
To hear my mom's voice sadder than the rainy sky!
Should I be able to give up Man's time in hereafter,
I would offer mine to recover my mom's laughter.

Translation by THANH-THANH

LÊ XUÂN NHUẬN

MỪNG BẠN TÂN TÔNG

Chúc mừng tín hữu Khuê Trai,(1)
Nhân ngày rửa tội, một vài vần thơ.
Trải bao năm tháng đợi chờ,
Nhâm Thìn xuân tới, ước mơ toại thành.
Là ngày xưa Chúa Phục Sinh,(2)
Là ngày mạc Khải quyền linh của Ngài.(3)
Bao điều trên cõi trần ai
Thật là huyền diệu do Ngài tạo ra.(4)
Đường lên Thiên Quốc cao xa
Tình thương, chuỗi hạt làm đà ta leo.(5)

PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẠU

Chú thích:


- (1) Trong những năm gần đây Giáo sư Vũ Quốc Thúc có đến tham dự những buổi họp văn học do Ba Lê Thi Xã tổ chức. Các bài thơ do Giáo sư sáng tác đều mang bút hiệu Khuê Trai.
- (2) Ngày Phục Sinh là ngày Chúa sống lại sau khi đã chết trên cây thập giá được ba ngày. Bốn mươi ngày sau đó Chúa lên trời ngự trị cùng Đức Chúa Cha. Sự kiện này tỏ cho loài người biết rằng Chúa Ki-Tô là đấng thần linh đã thắng sự chết, sống vĩnh cửu.
- (3) Mạc Khải: danh từ Hán được Việt hóa có nghĩa là khai mở bức màn che những điều huyền bí (khải huyền). Danh từ này dùng để dịch chữ Apocalypse của Hy Lạp, tiếng pháp nghĩa là Révélation, đó là nhan đề một quyển sách sau cùng của Tân ước do Thánh sử Gioan (Jean) viết vào cuối thế kỷ đầu tiên của Công nguyên. Trong quyển sách này tác giả viết những điều huyền bí sẽ xảy ra trước khi Chúa Ki-Tô trở lại trần gian phần nhiều là những điều không khiếp nên người ta hiểu lầm Apocalypse là điều không khiếp.
- (4) Nếu ta để ý đến những điều xảy ra chung quanh ta, điều nào cũng là kỳ diệu ngoài sự hiểu biết của loài người. Con gà kia làm thế nào mà nặn được quả trứng trong bụng nó, điều mà không một nghệ sĩ nào làm nổi. Trái tim ta là một động cơ hoạt động hằng trăm năm, thử hỏi có động cơ nào mà hoạt động lâu như vậy không? Hạt cam người ta có thể làm được nhưng vất nó xuống đất nó không có sự sống, trong khi đó hạt cam thiên nhiên thì mọc rễ nảy mầm thành cây sinh hoa trái một cách kỳ lạ. Nhìn ra vũ trụ mênh mông bát ngát bao nhiêu các vì sao đều lững lơ trên không trung quay cuồng trong vòng trật tự với tốc độ phi thường mà không đụng chạm vào nhau, thật quả là những điều kỳ lạ. Vì những sự kiện đó xảy ra hằng ngày cho nên ta không nghĩ đến sự kỳ diệu của nó, suy nghĩ cho kỹ ta phải công nhận những điều huyền diệu phải do một đấng Tạo Hóa vừa Tạo ra vừa quan phòng trong việc biến Hóa. Chúa ki-Tô tỏ ra mình

là đấng Tạo Hóa vì đã làm nhiều phép lạ tức những điều kỳ diệu đó. Trong ba năm rao giảng Phúc âm, Chúa đã làm nhiều điều kỳ lạ như làm phép cho người chết sống lại, không có gì mà làm ra bánh cho năm ngàn người ăn, chữa lành bệnh tức khắc những người bị phong cùi, bại xuội, mù lòa, câm điếc v.v. Sở dĩ Giáo sư Vũ Quốc Thúc tin có Thiên Chúa là vì ông được toại nguyện trong việc cầu xin Đức Mẹ ở nhà thờ Bình Triệu làm phép lạ cho ông được xuất ngoại (trong quyển Thời Đại Của Tôi II, Giáo sư đã nói rõ từ trang 539 trở đi)

- (5) Tình thương và cầu nguyện lần chuỗi hạt là hai điều mà tạo hóa muốn loài người phải tuân theo để được sống vinh quang ở đời sau.

PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU

(Phục Sinh Nhâm Thìn 08-04- 2012)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

VƯỜN XƯA NƠI ĐÓ

* Tặng Nguyễn Vô Cùng *Họa*

Từng làn gió nhẹ lay cành trúc
Vạt nắng xuân choàng lá trạng nguyên
Ngào ngạt hương hoa: quỳnh mở hội
Dạt dào hồn phách: bướm mơ tiên
Nâng ly rượu nhấp nồng hơi ấm
Gợi ý thơ để đẹp nét duyên
Một góc vườn xưa, ôi diễm tuyệt!
Giờ đây còn lại thoáng hư huyền

Hoa nở mấy mùa quanh ngõ trúc
Uớc gì nơi đó vẫn còn nguyên
Hè sang tay núa giàn bông giấy
Xuân tới mắt nhìn chấu thủy tiên
Vương nắng hàng cây mây xõa tóc
Sa mưa bờ đá suối giao duyên
Qua cơn dâu bể nghe văng vẳng
Tiếng gốc khua theo tiếng độc huyền

Nguyễn Kinh Bắc
Philadelphia 27/3/2012

Phan Khâm
4/2012

ĐỒNG QUÊ LÀNG XƯA

* Họa tặng Nguyễn Kinh Bắc *Họa*

Chợt thấy ta về bên ngõ trúc
Một thời tuổi dại bỗng hoàn nguyên
Mục đồng gọi ghé vang đôi ngọc
Thôn nữ khua gàu rộn giếng tiên
Tiếng trống dập dồn vui mở hội
Câu hò êm ái khéo đưa duyên
Ngoài hiên gió rít bùng cơn mộng
Đêm vắng buồn tênh bản độc huyền

Đạo bước thăm vườn người xóm trúc
Bức tranh quê vẫn hiện y nguyên
Nhớ thời ham đánh đu cây gạo
Thương thuở mê nghe kể truyện tiên
Lễ Tết bánh quà đầy đủ vị
Ngày xuân trai gái mặn nồng duyên
Làng xưa, cảnh cũ còn đâu nữa
Chỉ thấy trong thơ mộng hảo huyền.

Nguyễn Vô Cùng
Suối Bạc 23/4/12

Nguyễn Thi Ngọc Dung
11/5/2012

CÂU CHUYỆN NẮNG MÙA

Nguyễn Mây Thu

Mỗi tinh đều có một tổ chức vận động thể thao dành cho mọi lứa tuổi, riêng thành phố tôi ở, ông thị trưởng cho mở thêm một hội quán thể thao dành cho người lớn tuổi, mỗi năm cứ vào mùa tựu trường của các học sinh, các "cụ ông cụ bà" cũng ghi tên đóng một chút tiền còm gậy quý cho sinh hoạt, rồi tha hồ chọn lựa, có đủ các bộ môn, các trò giải trí. Từ đi bộ trong thiên nhiên xa hàng cây số, thăm các danh lam thắng cảnh, đến bơi lội, khiêu vũ, đàn, vẽ tranh, học ngoại ngữ, tìm hiểu máy vi tính v.v.

Đang bận rộn với công ăn việc làm, mỗi ngày phải chạy theo xe lửa, xe buýt, bỗng dưng được hưởng quy chế "về hưu non". Không biết làm gì để tiêu pha cho hết ngày tháng rộng thênh thang, tôi liền ghi tên chọn bơi lội và thể dục êm dịu. Mỗi năm tôi lại đổi một bộ môn nên lần hồi có thêm rất nhiều bạn mới.

Lần đầu tiên gặp chị Lynh trong buổi thể dục, tôi hơi có chút ngại ngần dè dặt, nhưng sau đó biết nhà chị và tôi ở cách nhau không xa mấy nên sáng nào trong tuần tôi cũng rủ chị cùng đi chung. Chị Lynh là người Minh Hương, bố Việt mẹ Trung Hoa nên chị có giọng nói rất đặc biệt. Trước 75, chị sinh sống ở Chợ Lớn sau đó cùng gia đình vượt biên và tới định cư ở thành phố này. Chị lớn hơn tôi bảy tuổi, có thân hình mảnh khảnh, gương mặt chị hơi gầy, nước da không mấy hồng hào, nổi lên trên gò má phía bên trái của chị một cái bớt đen xì to bằng đồng xu vừa tròn vừa dài thật khó coi.

Tôi cứ ước ao có phép tiên để gỡ được cái bớt ấy đi cho chị và có lẽ chị cũng khổ tâm với cái bớt ấy không ít.

Bà Anna trong nhóm chúng tôi, lớn hơn chị Lynh ba tuổi, sinh trưởng ở Hà Nội, di cư vào Nam sau theo bố mẹ mở một tiệm buôn sống ở Lào rất khá giả. Có quốc tịch Pháp nên bà hồi hương về Pháp sau 75 và định cư vùng ngoại ô Paris cho đến nay. Trông bà lúc nào cũng sang trọng, ăn mặc rất thanh nhã, tuy được xếp vào hàng "cụ bà" nhưng bà Anna có dáng đi nhẹ nhàng thanh thoát như hầy còn rất trẻ. Chị Lynh hay "nói xấu" bà Anna làm cho tôi rất ngại ngùng, chị nói rất lớn mỗi khi chị hơi nổi giận cho rằng bà Anna "lợi dụng" chị nhiều quá! Tôi ậm ừ cho qua chuyện vì sợ bà Anna nghe được. Có lần chị nói như thét ngoài đường phố làm ai nấy đi ngang qua đều ngoảnh lại nhìn chúng tôi:

- Bà bắt tui chờ bà đi chỗ này chỗ nọ, rồi bà điện thoại cho tui, tui vắng nhà, bà lại hỏi tui, có điện thoại sao tui không bắt lên nghe!

Chị Lynh giận bà Anna cả tuần lễ, cố ý đến trễ vào giờ tập để khỏi chào bà Anna. Vậy mà đang lúc tập dượt theo lời của hướng dẫn viên, ẹo người qua bên này, ẹo người qua bên kia, giơ chân lên, đưa tay xuống, hít vào, thở ra, chị Lynh chợt la lên:

- Coi bà Anna lớn tuổi mà không phì mập, cái mông đít của bà đẹp gọn gàng quá!

May mà bà Anna không nghe được. Tôi cũng kịp nhận ra chị Lynh tuy khẩu xà nhưng tâm Phật, hay giận mà cũng hay quên.

Tình cờ tôi quen với chị Josephe trong các buổi học bơi lội. Chị có dáng người thật

đầy đà nhưng lúc nào cũng mặc áo tắm hai mảnh rất tự nhiên không ngượng nghịu. Chị Josephe gốc người Madagascar đồng tuổi với tôi, có nước da đen dòn mịn mà, cũng nghĩ huu sớm "đồng bệnh" như tôi, trong nhóm chỉ có tôi và chị là hai người trẻ nhất. Để cho ngắn gọn tôi thường gọi tắt tên chị là "Jo". Chị Jo không đẹp lắm nếu không muốn nói là "gái trời bắt xấu" nhưng chị có một giọng nói trong trẻo nhẹ nhàng. Chị rất ngoan đạo, sống khiêm nhường mến Chúa yêu người luôn sẵn lòng giúp đỡ những ai hoạn nạn thương khó. Mỗi lần chia tay ra về chị đều cầu xin Chúa giữ bình an cho tôi. Chị nói:

- Mọi việc trên đời đều có Chúa sắp đặt nên ta chẳng cần gì phải lo lắng.

Ngày đầu năm Tết Dương Lịch chị tặng cho tôi quyển lịch " Suy ngẫm hằng ngày 2012" và nói với tôi để dành những khi tâm hồn buồn phiền không yên ổn, giờ ra đọc sẽ tìm được một chốn nương tựa bình an.

Thật tình mà nói tính tôi nhút nhát nên gì cũng sợ, sợ đi xa nhà với phương tiện di chuyển bằng máy bay và nhất là sợ... sông sâu biển rộng! Sài Gòn có nhiều hồ bơi: Chi Lăng-Gia Định, Yết Kiêu-Nguyễn Bình Khiêm v.v. nhưng tôi nào có dám bước chân vào! Phải đợi đến tuổi gần đất xa trời tôi mới chinh phục nỗi lo sợ của mình bằng cách... học bơi lội! Chị Jo cũng không hơn gì tôi. Càng học tôi thấy mình càng "dậm chân tại chỗ" chẳng tiến triển bao nhiêu nên rủ chị Jo cùng đi tập thêm ngoài giờ. Hai người cứ lợi bì bõm mãi, chị Jo hỏi tôi:

- Sao người ta bơi dễ dàng, góc đầu lên mặt nước, còn mình chẳng ngoi lên được lại uống từng bụm vào miệng?

Ông Roger bơi gần đó nghe được liền chỉ dẫn cho tôi và Jo từng động tác, ông cao gần hai thước nên với chỗ sâu nhất trong

hồ, ông có thể đứng mà nước chỉ tới ngang vai. Đã ngoài tám mươi tuổi nhưng trông ông còn rất khỏe mạnh. Đôi mắt ông màu xanh như nước biển với thời gian nó trở thành đục lờ, màu da trắng của ông trên mặt và trên ngực trở đồi mồi từng đốm. Lúc nào ông cũng cười hiền hòa, mỗi lần vào hồ bơi thấy có ông ở đó tôi và chị Jo mừng rỡ, yên tâm. Ông tạo thêm cho tôi lòng tin, khi ông đi thụt lùi trong hồ còn tôi cố gắng bơi vươn tới, tôi cứ nghĩ nếu lỡ có chìm lĩm dưới đáy hồ đã có ông kịp vớt lên dùm! Có lần ông nói: "Tôi là gác dan của các bà".

Tôi không còn lạ lẫm nữa với những âm thanh náo động trong phòng thay quần áo trước khi ra hồ bơi, nhất là ngày cuối tuần. Những cánh cửa thay phiên nhau kêu lách cách đóng vào, mở ra. Tiếng thẳng bé kêu lên: "Ba ơi, ba để áo tắm của con ở đâu?". Tiếng người đàn bà nói vọng sang: "Xong chưa anh, em ra tắm vòi sen trước nhé!". Lại thêm giọng người mẹ trẻ la rầy con: "Đừng có làm ồn và nhanh lên nào!", hòa lẫn với tiếng cười khúc khích của đôi tình nhân trẻ trêu đùa nhau...

Hướng dẫn viên dạy bơi lội cho chúng tôi tên Dominique tuổi độ ba mươi, so với chúng tôi anh còn rất trẻ, mọi người ưu ái gọi anh là "Do" như tiếng ngân lên của một nốt nhạc, anh có gương mặt đẹp như tài tử điện ảnh Brad Pitt, dáng người ốm và cao, mắt xanh, tóc cắt thật ngắn, đôi vai rắn chắc vạm vỡ như vô địch bơi lội Alain Bernard của Pháp, anh vui tính và rất kiên nhẫn với các bậc "trường lão", thấy tôi học mãi vẫn không... khá! Anh liền nghĩ ra cách bắt tôi... nhảy đùng xuống hồ! Tôi sợ phát khiếp, đứng chân chờ cả mấy phút. Cuối cùng tôi nhớ lời chị Jo: "Mọi việc đều có Chúa sắp đặt ta chẳng cần gì phải lo". Tôi liền hít mạnh một hơi rồi nhắm mắt đưa chân...

nhảy âm xuống! Không biết lúc đó tôi đang ở đâu nhưng khi ngoi lên mặt nước tôi thở phào sung sướng! Ôi cái chết thật nhẹ nhàng có gì đâu mà sợ! Cảm ơn anh Dominique, từ nay tôi không còn mang cảm giác sợ hãi mỗi khi nhìn cảnh trời nước bao la nữa!

Từ đó tôi bắt đầu tung hoành qua lại trong hồ bơi như cá trong nước. Bắt đầu thi đua với ông Roger và một vài người trong nhóm. Niềm vui của họ không phải chỉ bơi dọc lội ngang để mưu cầu giữ gìn sức khỏe, họ tới đây như tìm lại một chút gì tạm gọi là hơi ấm của tình thương mà họ thiếu vắng. Đôi khi sau mỗi một vòng bơi quanh hồ, họ dừng lại nghỉ ngơi, ngâm mình trong nước xoay thành vòng tròn rồi kể cho nhau nghe mỗi người một hoàn cảnh chuyện buồn vui của cuộc đời, chuyện nắng mưa thời tiết hôm nay tốt xấu, chuyện thời sự kinh tế khó khăn vật giá leo thang, chuyện sưu cao thuế nặng, chuyện tai ương động đất, lục lội, chiến tranh, bạo động không ngừng xảy ra trên thế giới v.v. Tôi ngạc nhiên khi nghe chị Jo tuyên bố đến mùa lễ Phục Sinh sẽ dọn về Nice, miền Nam nước Pháp sinh sống với người con trai duy nhất đang làm việc ở đó. Vậy là tôi sẽ mất đi một người bạn hiền như ma soeur! Tôi bù ngùi thương cảm ông Roger mái tóc trắng như tuyết nhưng lần nào cũng phải về đúng giờ để kịp đi chợ, nấu ăn tự lo cho bản thân mình, vợ ông mất cách đây hai năm, con trai ông là kỹ sư làm việc ở nước ngoài, con gái ông bằng tuổi tôi làm thư ký điều hành cho một nhà băng, lương rất cao nhưng bận việc ít khi đến thăm ông. Ông sống một mình. Người già cả thường hay vì hoàn cảnh sống thật cô đơn. Càng già tuổi đời bao nhiêu càng cô đơn bấy nhiêu.

Linh Chi, con gái của chị Lynh làm công chức cho một sở bưu điện trong thành phố Lille ở phía Bắc của nước Pháp cách Paris khoảng hai trăm cây số, tinh thoảng có dịp về thăm mẹ. Chị hãnh diện và cười rất tươi khi tôi khen chị may mắn có Minh thương yêu cận kề chăm sóc, anh mang hai giòng máu Pháp Việt, gia đình anh trước kia cũng ở Chợ Lớn, tính vui vẻ cởi mở, làm việc ở một khách sạn. Chị than phiền hay mất ngủ vì giờ giấc làm việc đi sớm về khuya của Minh, lại kêu ca không được mấy tự do, rảnh rỗi đi đâu "chàng" cũng đi theo, chị ít khi đi một mình. Chị nói bằng giọng pha chút hờn dỗi:

- Tui biểu để tui ra ga đón con gái một mình, cũng đòi lấy một ngày nghỉ để đi theo! Tôi đành an ủi chị:

- Có hai mình cũng còn hơn một mình đó chị Lynh à!

Tôi nói điều này với chị Lynh không dung nghe lòng nao nao khi nghĩ tới Hoàng, anh hay bông đùa tìm cách khôi hài để tôi vui vì biết tôi thường nhìn đời sống một cách rất bi quan, đôi mắt anh sáng ngời trên đôi môi nở nụ cười rạng rỡ:

- Anh sung sướng quá khi có em đi bên cạnh cuộc đời!

Người ta thường đứng núi này trông núi nọ và không bao giờ hài lòng với những gì mình có nhưng Hoàng lại sống rất khiêm nhường an phận, cảm nhận được hạnh phúc trong tâm tay nên gìn giữ nâng niu. Một ngày nào đó thiếu vắng tôi chắc anh buồn lắm!

Bà Anna lớn hơn tôi gần một con giáp, tôi rất kính nể, lúc nào bà cũng tiếp đãi tôi thật đầm ấm tử tế. Chị Jo nhỏ nhẹ hiền lành, mỗi lần gặp chị tôi phải nói chuyện bằng tiếng Pháp. Cho nên tôi gần gũi với chị Lynh nhiều hơn, tôi quen dần giọng nói

đặc biệt ngộ ngộ pha lẫn nửa Việt nửa Trung Hoa của chị. Có những buổi sáng đến nhà rủ chị cùng đi, chị mời tôi dùng điểm tâm bằng cháo trắng với củ cải muối hay hột vịt muối. Chị nói Mẹ chị là người Triều Châu thường ăn sáng như vậy. Chị luôn nhắc tới Chợ Lớn với những tên tuổi gọi nhớ những nơi chốn lâu rồi tôi không được nghe, nào là đại lộ Khổng Tử, đường Triệu Quang Phục, nào là chợ Bình Tây, chợ Kim Biên, cầu Ba Cẳng, cầu Nhị Thiên Đường... Chị nói với tôi Chùa Bà Thiên Hậu tọa lạc ở số 710 đường Nguyễn Trãi phường 10 quận 5 là một trong những ngôi chùa cổ của người Hoa, được trùng tu nhiều lần do nhóm người Hoa Quảng Đông góp công xây dựng bên cạnh có Tuệ Thành hội quán. Người ta ngưỡng mộ, thành kính gọi bà là Đức Bà do lòng hiếu thảo đức hạnh, xả thân vì mọi người, qua đó họ muốn giáo dục cho cộng đồng người Hoa hãy noi gương theo. Tương tự, người Hoa cũng thờ Quan Công vì kính trọng ông với những đức tính đạo đức của người quân tử, công minh chính trực, trọng chữ tín, danh dự, nhân nghĩa... đó là Chùa Ông hay Nghĩa An hội quán tọa lạc ở số 678 đường Nguyễn Trãi, do một số thương nhân người Triều Châu thành lập. Chùa Ông cũng là một ngôi chùa cổ được trùng tu nhiều lần và đã gắn liền với các tổ chức hoạt động xã hội như xây trường học, bảo trợ cô nhi viện, viện dưỡng lão v.v. Chị làm cho tôi nhớ Sài Gòn quay quắt. Sài Gòn với những con đường mang tên tuổi của các bậc tiền nhân hết lòng xây dựng đất nước mở mang bờ cõi. Đường Tự Do, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Lê Lai, Lê Thánh Tôn, Phạm Ngũ Lão, Hàm Nghi, Duy Tân... Mỗi con đường là mỗi lần lướt tuần tự như một đoạn phim ngắn hiện ra những quang cảnh huyền ảo thời tôi

sinh sống. Đường Hai Bà Trưng bắt đầu từ khoảng Cầu Kiệu nối dài tới bến Bạch Đằng nơi tôi sinh ra và lớn lên. Nhà thờ Tân Định nhộn nhịp vào mỗi giờ tan lễ, chợ Tân Định quen thuộc đã có lần tôi tần ngần đứng nhìn lên nóc chợ rồi tự hỏi không biết đến bao giờ tôi lại về thăm. Đường Trần Quang Khải từ góc Hai Bà Trưng chạy dài đến Đa Kao, những buổi sáng tinh mơ tôi đến trường với tà áo trắng bay nhẹ nhẹ trong cái se lạnh của mùa đông, trên cao giăng mắc những hàng dây điện dọc ngang như mạng nhện, xuyên qua những lá cây bên đường ánh mặt trời ửng lên màu đỏ hồng như má môi con gái. Tôi nhớ vô cùng khoảng cuối dốc Cầu Bông quẹo phải đường Trần Quang Khải, ngày ấy tôi đã chia tay với Nguyễn, bàn tay nắm trong bàn tay thật lâu, mắt nhìn trong mắt thật sâu để rồi không bao giờ trông thấy nhau lần nữa. Tôi đã rong chơi cùng khắp Sài Gòn với bao nhiêu kỷ niệm của Nguyễn và của bạn bè. Những chiều dạo phố ghé nhà sách Khai Trí hàng giờ không chán, uống nước mía Viễn Đông, xem nhiều phim hay ở Rex, Văn Hoa... Chợ Lớn của chị Lynch và Sài Gòn của tôi vào những ngày tuổi trẻ, đâu đâu cũng in dấu chân với tràn trề kỷ niệm. Mỗi lần nhắc đến tôi và chị Lynch chợt nghe buồn lâng lâng. Mới biết càng chồng chất thêm nhiều tuổi đời, người ta càng mang trong lòng những nỗi hoài niệm tiếc nhớ không bao giờ nguôi.

Tháng ba đầu mùa xuân đất trời trở nên ấm áp dễ chịu. Màu hoa liên kiêu trông trước cửa hội quán làm hàng rào bắt đầu vàng thắm, cây liễu thướt tha đong đưa trong sân cũng vừa điểm những búp non mon mơn xanh như mạ. Trãi dài hai bên lối đi vào cổng chính đã thấy nở từng cụm hoa

mẫu đơn màu hồng nhạt xinh xắn hòa mình với những cánh hoa tương tự vàng, trắng, tím thật đơn sơ mỏng manh. Trên sân cỏ được thiết kế ngoạn mục lúc nhô lên khi trũng xuống rải rác đây đó vài bụi hoa phấn trang hồng đậm, lọt hay giản dị chỉ một màu trắng tinh khiết. Giờ tập thể dục thay đổi nên chị Lynh bận việc không đến, tôi ra về một mình. Trời chiều bàng bạc, gió thổi nhẹ làm rung rinh lá cây xanh hai bên đường, nắng xế nghiêng nghiêng hắt một màu vàng úa trên những mái nhà ngói đỏ. Tôi ghé vào tiệm bánh mì quen thuộc mua một ổ "baguette" còn nóng hổi về dùng bữa chiều với Hoàng nhưng không đành lòng được liền bẻ một khúc nhỏ vừa đi vừa ăn. Bánh mì nóng hổi ở Pháp ngon không chê vào đâu được, nhất là trong không khí ấm mát của mùa xuân, đi một đỗi xa vẫn còn nghe mùi bột, mùi bánh nướng thơm phức xông ra từ cửa tiệm.

Mùa xuân nơi đây xinh đẹp quá! Người ta trồng nhiều lệ liễu, thúy liễu mướt xanh như ngọc, rồi cắt tỉa dưới ngọn cho bằng phẳng như một dòng tóc thiếu nữ đang dịu dàng tuôn chảy. Ai bảo liễu hờn, liễu rủ, liễu khóc, liễu buồn? Ở đây liễu thật đa tình thắm thiết làm cho những cánh hoa uất kim hương trắng, hồng, vàng, tím, đỏ yểu điệu phải đứng ngẩn ngơ trong nắng sớm, những đóa cẩm tú cầu màu hồng xác pháo hoặc tím xanh nhiều ganh tị phải bận lòng rục rĩ thêm hơn. Hồng nhưng đỏ mịn màng, hồng vàng tươi thắm, hồng tím hoa cà thơm ngan ngát thật mỹ miều sang trọng còn muôn nũng nịu dỗi hờn nên đọng lại ướt rượt vài giọt sương trong, lỏng lánh như thủy ngân. Cánh hoa linh lan trắng muốt nhỏ nhắn hình chuông treo lơ lửng, cũng e lệ duyên dáng điểm trang cho vườn hoa thêm muôn màu

muôn sắc vội vàng tỏa hương thơm tuy nhẹ nhàng mà ngậy ngát. Tháng tư sau mùa Phục Sinh, như thường lệ chúng tôi đến họp mặt đông đủ, hồ bơi có mái che, nước trong hồ luôn được giữ điều hòa 29°C, các khung cửa lớn toàn bằng kính có thể nhìn ra ngoài sân rộng chan hòa nắng ấm, những cánh hoa cúc đại màu trắng nhỏ bé xinh xinh mọc lan tràn trên thảm cỏ xanh chen lẫn với những nụ hoa khuy vàng lung lay theo gió. Vào những tuần lễ gần cuối năm, chúng tôi hầu hết đã biết bơi, anh Dominique thật trẻ trung đôi khi dạy thêm môn thể dục trong nước cũng nhảy tung xuống hồ hòa mình với các "ông già bà lão" vừa chỉ dẫn các động tác vừa khôi hài như trong một đại gia đình ở đó chúng tôi là các ông bà chú bác và anh là một đứa cháu ngoan ngoan được mọi người thương yêu. Chúng tôi vui đùa như trẻ thơ. Tôi lơ đãng nhìn những hạt bụi lung linh trong tia nắng phản chiếu lên mặt hồ, anh "Do" đếm từ một tới mười lăm rồi hô "nghỉ", sau khi chúng tôi làm động tác đập hai chân túi bụi vào nước làm bọt văng tung tóe, thoảng đâu nghe giọng khàn đục run run của ông Roger cất lên: "*Que reste-t-il de nos amours? Que reste-t-il de ces beaux jours? Une photo, vieille photo de ma jeunesse*"... (Còn lại gì không tình yêu đôi ta? Còn lại gì không ngày vui đẹp qua? Tấm ảnh cũ xưa thời ta son trẻ...). Giọng ông buồn bã: "Tôi đang nhớ đến hôm nay là ngày kỷ niệm sinh nhật cưới của vợ chồng tôi. Sao bà ấy bỏ tôi ra đi vội thế?". Mọi người đều ngẩn ngơ im lặng và bồi hồi xúc động, tôi thấy trong khóe mắt ông rung rung trào dâng đôi mắt ngẩn lệ.

Ở đây không có hoa phượng đỏ báo hiệu mùa hè đến, nhưng tháng sáu các học sinh ráo riết chuẩn bị mùa thi, cũng là lúc

các sinh hoạt của chúng tôi chấm dứt. Tôi có cảm tưởng mình bé nhỏ lại như thời còn ôm sách vở trên tay. Cũng tựu trường, nghĩ hè để thương tiếc quyến luyến những người bạn đã tới lui buồn vui suốt một năm dài. Và cũng theo thông lệ, mỗi người mang theo một ít quà bánh, trà, nước, rượu sâm banh... mở tiệc liên hoan rồi cùng nhau tạm biệt. Trái đất làm như nhỏ bằng một nắm tay. Mọi người phân tán ra đi khắp nơi để vui chơi trong dịp hè. Ông Roger sang Luân Đôn thủ đô của nước Anh thăm con trai. Bà Anna đi Mỹ vùng California thăm người em gái. Chị Jo đã dọn nhà về Nice. Chị Lynh đi Ý thăm thành phố Rome. Tôi cùng với Hoàng về miền Nam nước Pháp thăm gia đình, có thể tôi sẽ có dịp gặp lại chị Jo.

Lần chia tay này không dung gợi cho tôi nhớ đến chị Marie-Anne năm vừa qua cùng học với chị về máy vi tính. Marie-Anne Rose-Mary, tên chị rất đặc biệt, dáng người tròn trịa gọn gàng, chị thường mặc những chiếc áo nhiều màu sắc sỡ trông có vẻ lồi thối lếch thếch nhưng lại phảng phất vừa bụi đời vừa sang trọng, thỉnh thoảng tôi nghe lâng lâng mùi nước hoa, tôi đoán đó là chai Nina Ricci màu hồng mang hình trái táo. Tôi ngồi gần được chị giúp đỡ rất tận tình. Chị cận thị nặng mang kính rất dày, đôi mắt tròn to của chị nhiều lần như dán vào máy mới nhìn rõ, quyển vở của chị ghi chép nguệch ngoạc chỉ cần vài hàng là đầy kín trang giấy. Đó là lớp học tối để tiện lợi cho nhiều học viên muốn tìm hiểu thêm giúp ích cho công ăn việc làm. Những đêm mùa đông lạnh lẽo trời tối om trên đường vắng vẻ, tôi ra về cùng một đoạn đường với chị cho tới nhà ga rồi chia tay, lúc nào chị cũng kéo lê chiếc xe kéo đi chợ cồng kềnh, tiếng bánh xe kêu lên rộn ràng cả góc phố.

Ngày họp mặt lần cuối năm ấy trước khi chào tạm biệt, tôi thắc mắc hỏi về chiếc xe kéo đôi khi trông không chẳng đựng gì cả và được chị nhún nhặn trả lời:

- Chị không biết đó là một "vũ khí" rất lợi hại! Nếu có người hành hung đàn bà con gái như tôi, chỉ cần tôi qơ chiếc xe này vài vòng la lối om sòm là họ phải bỏ chạy!

Hết niên học tôi không gặp lại chị Marie-Anne một lần nào nữa.

Tôi thầm cảm ơn quê hương xứ sở này đã cru mang tôi vì tình thương, vì lòng nhân đạo, từ những ngày còn chân ướt chân ráo cho đến khi học nghề, sinh sống và an cư lạc nghiệp. Nay với những phương tiện cải thiện đời sống, với hình thức bảo hiểm an ninh xã hội lại cru mang tôi khi tuổi già xồng xộc tới. Nghĩ tới những người lớn tuổi nơi quê nhà mới biết mình may mắn biết bao nhiêu. Đến hội quán thể thao mặc dầu đôi khi chỉ là để nghe những câu chuyện nắng mưa thời tiết hôm nay tốt xấu, chuyện vật giá leo thang hay chuyện tranh cử Tổng Thống các đảng phái chính trị bới bác nhau đem ra bàn tán. Nhưng không thể nào thiếu vắng khung cảnh đậm ấm thân tình đó, khi con cái đã lớn tách ra sống riêng biệt, còn lại những người lớn tuổi cô đơn, ngày tàn của cuộc đời có lẽ cũng cần có những sinh hoạt với những ưu tư đằm thắm của riêng mình. Chị Lynh rủ tôi vào mùa tựu trường sắp tới sẽ ghi thêm bộ môn hội họa. Tôi còn đang phân vân, nhưng lại nghĩ tới một điều chắc chắn tôi sẽ có thêm nhiều bạn mới.

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 24/04/2012)

HƯƠNG TRỜI

Hôm qua em đi ngang đường.
Để quên trong gió chút hương của trời.
Sáng nay bật ngàn lá rơi...
Cùng lúc muôn thú cũng rời rừng xanh.
Cá dưới nước cũng lội nhanh.
Hết trong trời đất đều dành cho em.
Trăng sao cũng bỏ màn đêm
Mặt trời cũng lặng lim dim non đoài.
Dòng sông kia cũng ngừng trôi...
Cớ sao đứng lặng bồi hồi thâu đêm?

Thiên Đức (Chicago)

T Ì N H X U A

Nghe như có tiếng chân bước vội
Có phải em về trên lối xưa ?
Người em nhỏ mùa Thu Hà Nội
Bỗng hiện về từ một cõi thơ...

Từng tuổi đại một thời quá khứ
Nụ tình xanh anh hái trong mơ
Dáng e lệ em về qua cửa
Môi hồng đào mắt biếc đong đưa.

Thuở thơ sinh qua thời khói lửa
Người chia xa tình chẳng chia xa
Giơ tay hái một chùm trái khổ
Lòng bồi hồi xót tuổi xuân qua.

Anh trở lại con đường thuở nọ
(Ve xôn xao phượng đỏ sân trường)
Địu nhau dưới mưa phùn phố cũ
Tóc phai màu thương quá là thương.

Hoàng Song Liêm

(Virginia)

MÙA HẠ ĐI ĐÂU?

Em đã về chưa? mùa Hạ của anh!
Cho trái ngọt, cho trời xanh, phượng đỏ
Trang lưu bút ngủ vùi trong sách cũ.
Tiếng thông dong tu hú gọi ve sầu.

Mùa Hạ của anh: đồng trống sông sâu.
Đàn sáo vút cánh diều cao gió lộng.
Sáng lội sông, chiều thảng chân sút bóng.
Đêm trăng vàng gửi mộng gái nguyên trinh.

Mùa Hạ của em: ửng đỏ bình minh .
Sáng đạp xe rong, chiều về nấu nướng.
Trưa cột tóc rủ nhau đi hái phượng.
Mát sân trường áo mỏng ngọn nồm đông.

Thế rồi các em lần lượt theo chồng
Thế rồi các anh lên rừng đánh giặc.
Kẻ ghét người thương, phe này phe khác.
Thắng bại, tù đầy rách nát tình nhau.

Về trường xưa: tiếng giảng giống ve sầu.
Trai với gái bù đầu trang sách mở.
Anh nhắm mắt hỏi thăm màu phượng đỏ:
Mùa xuân qua rồi... mùa hạ bỏ đi đâu?...

Lam Điền Nguyễn Thử

(North Carolina)

CÔ GIÁO VIÊN và Anh Trưởng Phòng Thương Nghiệp

VŨ NAM

Năm 1979, sau khi về dạy trường cấp 1, 2 xã A, huyện B được một năm, Hoàng nhận được lời mời dự lễ Tuyên Bó kết hôn của cô Du, giáo viên cấp 1. Thời ấy, tuổi từ hai mươi một đến hai mươi lăm, giáo viên nam nữ cặp bồ cặp bịch với nhau nhiều lắm, nhưng tất cả đều "tình trong như đã mặt ngoài còn e". E đây là vì không ai dám làm đám cưới, lễ Tuyên Bó gì cả. Cứ cặp nhau cho vui, còn chuyện lập gia đình cứ phải chờ.

Năm 1979 là năm Việt Nam đói rã rời ai cũng biết. Ở miền Đông Nam Phần của Hoàng còn đói bạo hơn nữa, vì do "ngăn sông cấm chợ", lúa gạo miền Tây nào được về đây. Thành ra vùng miền Đông này có gì ăn nấy: cơm, bo bo, năn, bắp, khoai mì, khoai lang, bột mì Liên Xô, chuối, ổi, vú sữa, mít, v.v... Cứ đói có gì đem nhét đầy bụng là được rồi. Không có gì khổ bằng những người giáo viên xa gia đình, dọn đến những nơi ở tập thể giáo viên, để làm nghề dạy học trong thời gian này.

May mắn cho Hoàng, nhà anh chỉ cách trường 5 cây số, nên anh vẫn sáng sủa trưa trưa xe đạp đi, về. Còn những thằng bạn người Bắc bảy mươi lăm, người miền Trung, Sài Gòn mới thật là khổ. Một tháng 55 đồng, 13 ký gồm gạo ba bốn ký, còn lại là bobo và khoai mì. Tiêu chuẩn bồi dưỡng: đường nửa ký, sữa một hộp, lave hai chai (thỉnh thoảng mới có), nếu có xe Honda

được thêm vài lít xăng (thỉnh thoảng mới có). Tiêu chuẩn như vậy ai cũng thấy là khổ rồi, vì bấy giờ phở bình dân, loại dở nhất, cũng đã ba đồng một tô. Còn ngon nhất thì thú thật lúc đó bọn giáo viên nghèo như Hoàng không có thằng nào dám thử.

Hoàng đi dạy học, sáng sáng được nhà cho một ít cơm trộn khoai vào trong lon Guigoz, trên mặt để một miếng cá chiên nhỏ. Đó là tiêu chuẩn ăn trưa. Bỏ lon guigoz vô cặp, đôi lúc Hoàng nhớ lại thời nhỏ, thấy các anh chặn bò, trưa trưa, ngồi dở men cơm ra ăn, cũng tiêu chuẩn y chang như vậy. Đúng là giáo viên lúc này khổ bằng mấy anh chặn bò trước đó hai mươi năm. À quên, lúc đó mấy anh chặn bò ăn toàn cơm trắng, không có độn khoai lang khoai mì như bây giờ.

Buổi trưa sau giờ dạy học, trời miền Nam nắng quá, chưa có vợ con, nên Hoàng ít có lật đật đạp xe về nhà như những đồng nghiệp đã có gia đình. Anh ở lại, vào nhà ăn tập thể ăn trưa với các bạn giáo viên cho vui. Chiều, trời mát mới đạp xe về. Thú thật, lúc đó chỉ thấy mấy thằng bạn dân Sài Gòn này ăn mỗi tháng có ba bốn lần cơm, còn phần nhiều là ăn bo bo, thậm chí năm bảy bữa, buổi trưa chỉ có ăn khoai mì luộc chấm muối trắng! Nhưng phòng tập thể bên cạnh, dành cho các cô giáo, hình như các cô ăn tử tế hơn, vì nữ nên ít ăn, ít tốn, với lại các cô không có tiêu sai vụ cà phê, thuốc lá như đồng nghiệp nam, nên các cô còn tiền để mua gạo.

Khu tập thể có một chị công nhân viên

tên Pho nấu cơm cho giáo viên. Nhưng chị chỉ nấu cho nam. Các cô giáo không muốn làm phiền chị, tự nấu riêng. Chị Pho quanh năm suốt tháng mặc bộ đồ bà ba đen, dù chị không phải dân trong rừng mới ra. Chị hút thuốc dần liên miên, nhưng chị hay cười nên đưa nguyên hàm răng đóng khói vàng như những đàn ông hút thuốc lá ở nhà quê, và cứ trưa trưa chiều chiều chị đều cho giáo viên tập thể ăn món cá trít kho. Kho triền miên chiến.

Ăn xong mấy thằng thầy giáo rủ nhau ra quán đầu đường kê nước đá nhận uống để cơ thể có thêm chút ít đường. Còn các cô giáo đời nào dám đi, dù tụi Hoàng có rủ cách mấy. Trái cây tráng miệng thì hình như rất hiếm thấy. Thịnh thoảng có bác hàng xóm phụ huynh học sinh nào đó được mùa tốt bụng nấu cho nồi chè, thì lúc đó nam nữ giáo viên mới có dịp ngồi ăn chè chung.

Trở lại vụ mời « đám cưới ». Chị Du, lớn hơn tụi Hoàng năm sáu tuổi. Người miền Nam từ hồi nào đến giờ. Nhan sắc chị trung bình, được một điều chị hiền thực, từ tốn. Trong trường chị không nổi cũng không chìm. Không hiểu sao, đến lúc ấy chị vẫn chưa có chồng, trong khi tuổi chị thường các cô đã có chồng ít ra một hai năm rồi.

Thấy chị hiền, nhưng lạnh, biết lo nên Ban Giám Hiệu và Công Đoàn trường cử chị lo về chuyện mua, lãnh nhu yếu phẩm cho công nhân, giáo viên. Thịnh thoảng chị trực tiếp nhờ, hoặc trường phân công, Hoàng cũng đi lãnh hàng với chị ở Phòng Thương Nghiệp Huyện.

Vào căn nhà to lớn, thời trước dùng để cho Cảnh Sát Dã Chiến, như bao người khác, chị Du cũng phải xếp hàng để trình Sở Mua Nhu Yếu Phẩm. Ở bàn ngồi, anh

cán bộ tuổi trung niên, tên Hải, người Bắc mới vào Nam sau ngày ba mươi tháng tư, đang duyệt sổ sách để ký giấy cấp hàng. Nước da anh ngăm đen, má anh hõm, nhưng hàm răng trắng. Trông anh cũng được. Không đẹp không xấu. Anh hiền, không hách dịch, tra hỏi. Thời này, ghé ngồi này hái ra tiền. Sữa, đường, bột ngọt, bột mì... dư, tồn kho. Nhứt thương nghiệp, nhì... gì ? Lâu quá rồi, quên mất !

Sổ được duyệt xong, Hoàng và chị Du đi đến kho để lãnh hàng, kệ nệ chờ về phân phát cho giáo viên. Mồ hôi chị Du lấm tẩm trên trán, thấm trên áo bà ba. Về đến trường chị sắp đồ đạc ra trên bàn. Khổ nhất là thấy các chị ra chia từng phần nửa ký đường và những nhúm bột ngọt. Hai mươi lăm giáo viên là hai mươi lăm bịch nửa ký đường và hai mươi lăm nhúm bột ngọt. Đường cát còn dễ chia, chớ bột ngọt thật khó vô cùng, ly ti, chẳng lẽ đếm từ hột. Nhưng được tiếng là giáo viên miền Nam, ngày đó, dù phải chịu cảnh mới, Quốc Doanh, bao cấp, tem phiếu, nhưng không ai vì một chút đường một chút bột ngọt mà lời qua tiếng lại. Cùng một cảnh bên trời lận đận, thương nhau không hề ai nỡ vì một chút miếng ăn do nhà nước ban phát mà gây gổ với nhau. Lãnh 1 hộp sữa thì lúc nào Hoàng cũng bán để lấy tiền xài chỉ trừ khi nào trong nhà có người bệnh, lãnh xăng thì để dành cho chiếc xe Honda cũ khi cần chạy, còn thỉnh thoảng họa hoằn được 2 chai lave loại trái thơm, con cạp, thì Hoàng cho ông già để gọi là “trả hiếu“. Nửa ký đường cát thì giao cho bà già. Công cha mẹ làm lụng nuôi con ăn học, giờ ra đi làm cũng phải có gì trả hiếu cho ông già. Nhưng ba cái cho này như muối bỏ biển.

Hôm dự lễ Tuyên BỐ ở nhà chị Du, lần đầu tiên Hoàng mới biết nhà chị. Nhà

không xa đường cái lớn, nhưng muốn vào phải đi trên bờ đê ruộng. Bờ đê này để đi bộ chứ không phải để đi xe đạp, xe gắn máy. Lạng quạng, không chú ý có thể bị trượt chân ngã xuống vì đường trơn trượt. Ruộng mùa này vừa cấy xong, nước sẫm sấp, màu mạ xanh tươi. Ngôi nhà chị là căn nhà nhỏ lợp tôn, vách đất. Chị sống với một mẹ già. Cha chị mất đã lâu.

Đã nghe về người chồng tương lai của chị Du, nên tụi này không mấy ngạc nhiên khi gặp đôi vợ chồng đang đứng trước nhà đón chào khách. Chồng chị Du là anh Hải. Nghe nói bây giờ anh làm trưởng phòng Thương Nghiệp Huyện, không biết ngày trước khi ngồi ký sổ Nhu Yếu Phẩm anh có chức vụ gì ? Có lẽ vì cứ đi mua hàng hàng tháng cho trường nên anh chị có dịp gặp nhau, phải lòng nhau. Bây giờ, khi anh đứng Hoàng mới thấy anh có dáng cao, người ốm, nhưng rắn chắc. Hôm Lễ Tuyên Bổ anh mặc chiếc áo trắng cụt tay, quần Tây màu xanh da trời. Giày Sandal mù, màu trắng ngà. Nhìn anh đúng là cán bộ. Còn chị Du mặc chiếc áo cưới màu đỏ, có những vân chỉ màu vàng kim tuyến, đầu đội mũ “Trung Trắc, Trung Nhị“. Lần đầu tiên thấy mặt chị có phấn hồng, mắt chị kẻ đường viền đen. Hôm đó thấy chị đẹp hẳn ra. Không biết bởi nguyên nhân gì nhưng trông chị có vẻ e thẹn trong ngày cưới. Anh Hải cũng vậy, nhưng anh nén vẻ e ngại bằng cung cách lịch sự, cười nói cởi mở với bạn bè của vợ.

Ngày đám cưới không thấy ai là thân nhân của anh từ Bắc vô. Hôm ấy quan khách ăn đám cưới với bánh ngọt, nước trà, sau khi cô dâu chú rể đứng trước bàn thờ có hình ông Hồ để tuyên bố gì đó. Đám cưới đơn giản, đánh dấu ngày anh Hải, chị Du thành vợ chồng.

Hai mươi mấy năm sau, nghe kể lại, chị đã nghỉ dạy học lâu rồi, làm nghề bán quần áo cưới trong căn nhà khá lớn của hai vợ chồng tậu được ở một góc đường, ngoài thị xã. Cũng mừng cho chị. Rồi sau đó nghe nói, thị xã phá nhà hai bên đường để làm đường lớn, nhà chị Du bây giờ có bề ngang mười mét nhưng bề sâu chỉ có bốn mét. Như cá lẹp. Anh Hải hay căn nhắc : Mấy bố bây giờ, cứ được cho đi tham quan ở Sin-Ga-Po, thấy xứ người ta làm sao thì về cứ y như thế mà làm. Mở đường cho lớn, làm nhà dân chẳng ra làm sao !

Trong trường cấp 2 của Hoàng bấy giờ đã có anh giáo viên trẻ người Bắc vừa từ Bắc vào, tên Quân. Quân hiền hậu, hoà đồng. Không thấy Quân một lần khoác lác, khoe khoang về Xã hội chủ nghĩa ngoài Bắc. Giáo viên trong trường cũng đây người Bắc 54, nên Quân hoà đồng rất dễ dàng, nhất là món “cày tơ“ thì các anh này hoà đồng lẹ nhất. Gặp Thời, giáo viên từ miền Hồ Nai Gia Kiệm, hai anh này hợp lại chủ trì những lần làm thịt chó ngay tại trong nhà tập thể giáo viên vào những buổi tối. Dưới ngọn đèn dầu tù mù (những khi bị cúp điện) món chó luộc chấm muối cũng làm cho đám giáo viên ham thịt chó vui như có ngày hội nhỏ.

Thời gian này đất nước Việt Nam nghèo lắm. Tận cùng bằng số. Nhưng niềm vui vẫn đến. Giáo viên, học sinh vẫn cười và tình yêu vẫn nở. Yêu nhau nhưng không ai muốn cưới nhau. Nhìn về tương lai ai cũng sợ. Mình ăn bo bo, khoai, bắp được rồi, lấy nhau có con lấy gì cho con bú, con ăn.

Nhưng chính những anh giáo viên người Bắc 75 có lẽ là những người mang lại quan niệm sống mới cho các giáo viên miền Nam cũ. Các anh các chị thấy rất vui. Có lẽ những năm tháng ngoài Bắc khó khăn hơn

hiều, miền Nam hiện tại đối với người miền Nam thì khổ thật, nhưng với họ đã là thiên đường nhỏ nhỏ rồi. Họ tươi vui, ít tỏ ra sầu não. Một anh bạn hơi lớn tuổi, cán bộ người Bắc làm ở Phòng Giáo Dục Huyện, khi thân đã có lần tâm sự với Hoàng: Ở ngoài Bắc tớ cũng làm trong Phòng Giáo Dục. Cứ lập phương án, cứ đề nghị...thế là có tiền tiêu. Tụi mày cứ như thế. Anh rất vui và tỏ ra rất là dân chịu ch... ơ..i! Người như anh bạn này đâu có gì để mất, bây giờ lại có thêm, không vui sao được.

Một hôm trường của Hoàng đón một đoàn khoảng 15 giáo sinh về thực tập. Trường đón đoàn thực tập về là chuyện bình thường, nhưng lần này người dẫn đoàn là một giáo viên người Bắc, dạy môn vẽ ở trường Cao Đẳng Sư Phạm của tỉnh. Anh đẹp trai, lanh lẹ, miệng mồm. Nhưng vài ngày sau thì trong trường nếu chú ý, ai cũng nhận ra ngay: anh đang theo đuổi cô giáo sinh người Nam rất đẹp đang có mặt trong đoàn thực tập. Tỉnh Bắc duyên Nam. Chắc vì vậy nên anh xin làm trưởng đoàn này. Nhìn cô lúc đó không thua gì ca sĩ Băng Châu của năm 72. Anh chịu đựng săn sóc cô rất mực. Hôm đoàn thực tập sinh hoạt văn nghệ với giáo viên trong trường, anh làm giáo viên trường Hoàng kinh ngạc khi anh đứng lên đóng góp bằng hai câu vọng cổ. Anh ca nghe cũng được, nhưng chắc hôm đó anh muốn ca cho “cô giáo sinh của anh” nghe thôi. Bọn Hoàng, ai thích cũng đóng góp mùng ca, kể chuyện, cho vui trong ngày họp mặt.

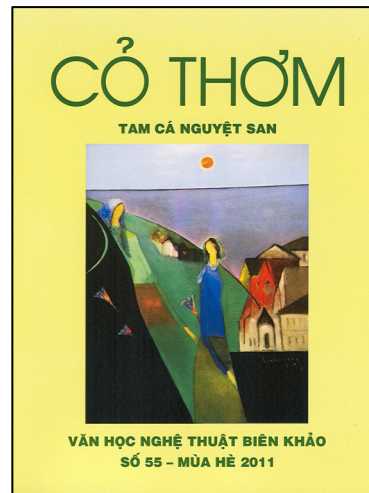
Nhưng anh trưởng đoàn này không qua mặt được giáo viên Quân, cũng người Bắc, về môn văn nghệ. Hôm đó Quân ngâm thơ. Về bài thơ, Hoàng còn nhớ vài câu như sau: Con đi trăm núi nghìn khe Không bằng khó nhọc đời Bầm sáu mươi.

Con đi đánh giặc mười năm Không bằng....

Giọng Quân ngâm nghe lạnh lốt. Theo Hoàng, anh trưởng đoàn thực tập ca vọng cổ là muốn chơi trội, còn Quân, ngâm thơ, là tiếng lòng thật của Quân khi nghĩ về người mẹ còn ở trên đất Bắc. Khi ngâm, mắt Quân mơ màng hướng về phía xa, giọng Bắc trong trẻo, khi ngâm nghe rất lạ, rất thống thiết. Kể từ hôm đó trong trường mọi người mới biết ngoài tài làm thịt chó, Quân còn có tài ngâm thơ.

Hai mươi mấy năm sau, nghe kể lại Quân về Bắc cưới vợ đem vô Nam, sinh con. Quân vẫn đi dạy học, lên làm hiệu phó, vợ ở nhà nuôi heo. Cuộc sống bình yên. Từ nơi cách xa quê nhà vạn dặm, Hoàng hy vọng và cầu mong vợ chồng Quân sẽ có được cuộc sống vui trên đất mới, miền Nam, mà anh đã làm đơn xin vào công tác dạy học, sau ngày đất nước không còn chiến tranh Nam Bắc./

Vũ Nam
(Germany)



TÌNH MUỘN,

Em con gái miền Nam ven sông Hậu
Sông nước hữu tình chiếc áo bà ba
Mái tóc huyền thấp thoáng ngang bờ đậu
Nón lá che nghiêng màu áo hoa cà...

...Anh thương em cô Nam kỳ chân thật
Dù trắng mặt chẳng hề có bao giờ
Hội ngộ tình cờ sao lòng vương vấn
Thao thức từng đêm phai ánh trăng mờ.

Hồn bâng khuâng bao lời thơ êm dịu
Diu anh về mộng mỹ thuở xuân xanh
Mưa nắng cao nguyên làm sao em hiểu
Cánh bướm ngân nga tà áo mong manh.

Gởi về em tình đơn phương nồng ấm
Hạnh phúc tư duy triu mến tâm hồn
Đêm anh mơ dáng đơn sơ đầm thắm
Thương tiếc cuộc đời vội chớm hoàng hôn.
24-2-12

ĐT Minh Giang

THƯƠNG PHÉ BINH

Anh nằm trong bệnh viện
Người thương binh bảy lăm
Khi Việt cộng nhào tới
Đuổi anh ra đường nằm

Thấy quá nổi tội tình
Cùng anh em một mẹ
Sao lại cư xử thế?
Khi đất nước hoà bình

Những người trai phé binh
Ai gây nên tàn phế
Khiến tay cụt chân què
Trông thảm thương nhỏ lệ!

Cuộc sống họ ngày nay
Không xe lăn bò lết
Sống lây lắt kiếp người
Chỉ chờ mong được chết.

Duy An Đông

PHONG NHA

Nước tươi hồng như tấm lòng Sơn.
Như người mẹ vừa lau nước mắt.
Kẽ bàng như nét mi cong.
Cô lái đò che mặt.

Như đại khủng long, núi đá trơ mình
Che dấu sông ngầm nàng tiên kỳ vĩ..
Cát trắng gió lồng sóng vờn thạch nhũ
Thăm thẳm mờ hơi sương.

Phong Nha xưa, Vua chúa cũng lên đường.
Lời hịch Cần vương gió gấm lá rụng.
Còn vang vọng nhát gươm chém tướng.
Ánh chớp ngồi núi sông.

Cô gái gát giã mờ khăn cườì mìm
Cuối hè—hoa phượng gần xa...
Lữ khách lên thuyền nhìn mây giã biệt.
Lòng còn vương Phong Nha.

Lam Điền Nguyễn Thử

GỬ NGƯỜI... THIÊN THU

Tiểu-Thu

Tú vừa đọc xong bài tùy bút của một anh bạn mới gia nhập vào nhóm "Đời Sống Vui" trên Net. Thấy anh tả cô giáo dạy văn suốt những năm Trung Học ĐNC lâm ly quá. Tình yêu của những cậu con trai mới lớn dành cho cô giáo đẹp đài trang, quý phái, có nụ cười hút hồn khiến Tú đã cười dòn và đặt câu hỏi với anh bạn "thế cô giáo đẹp nghiêng nước nghiêng thùng của anh bây giờ ra sao rồi?". Chưa có hồi âm thì Tú đã thấy vầng đầu, cặp mắt nặng trĩu. Con buồn ngủ ập đến. Nàng để máy y nguyên, đứng lên vào phòng ngủ, định ngả lưng một tí rồi trở ra tiếp tục. Từ khi về hưu, mỗi ngày liên lạc với các bạn khắp năm châu bốn biển trên mạng là cả một thú vui không thể thiếu. Nó mang lại cho Tú những tiếng cười, những xúc động dạt dào, những tiếc nhớ băng khuâng khi cả bọn nhắc lại chuyện xưa. Cái thời còn mài đũng quần trên băng ghế nhà trường. Tiểu học, Trung học rồi Đại học. Cả kỷ niệm của những người bạn mới quen cũng khiến nàng xao xuyến như của chính mình. Ngày xưa ngày xưa, con bạn thân tên Thảo đã phán "mày nhạy cảm, hay thương vay khóc mượn như thế, cuộc đời sẽ khổ dài dài đầy em ạ". Đã biết, nhưng trời sinh ra tao như thế. Biết làm sao hơn!

Bây giờ đang giữa mùa đông. Ngoài trời tuyết đang lát phát bay. Những cây thông phủ đầy tuyết, cảnh vật đẹp như tranh. Trong nhà sưởi ấm, nhưng phòng ngủ một phần nằm trên nhà xe nên hơi lạnh hơn những phòng khác. Tú chui vào

lớp chăn êm, nhắm mắt và cảm thấy khoan khoái. Nhất là cái lưng mấy hôm nay đau như. Giấc ngủ đến êm như ru. Nhưng quái lạ, cơn mơ của nàng kèm với những giọt mưa thánh thót. Mưa chứ không phải tuyết. Tú thấy vợ chồng nàng đi ăn với một cặp bạn từ xa đến chơi. Cộng thêm một người bạn già rất thân, ở cách nhà nàng không xa. Đi bộ khoảng mười phút. Vợ chồng nàng xem anh Nam như ông anh trong nhà. Thả anh Nam và Tú xuống trước cửa, chồng Tú lái xe đưa cặp bạn về nhà người bà con của họ. Không hiểu sao Tú lại không đi theo họ nhỉ? Trong giấc mộng thường có những chi tiết lạ lùng, không thể giải thích được. Thì là mơ mà!

Anh Nam và Tú đi vào nhà vì anh muốn đi nhờ toilette. Anh trở ra đòi đi bộ nhưng Tú bảo để em lái xe đưa anh về. Trời còn mưa anh đi bộ sẽ ướt hết. Cả hai đi vòng bên hông nhà để ra sân trước, nơi chiếc xe của Tú đậu trên driveway.

Tự nhiên Tú thấy anh Nam và nàng đi bên hông một căn biệt thự đồ sộ. Con đường rộng thênh thang. Con mưa đã dứt và mặt đất mịn như nhung. Cây cối từ trong biệt thự vươn ra ngoài, sum xuê. Đây là cây dừa lá xanh tươi hơn hớn. Những cành bông giấy quấn quýt quanh thân cây dừa màu xám trắng, hơi nghiêng cao vút, lật lè những chùm bông đỏ tươi. Tú đứng lại trầm trồ chỉ cho anh Nam xem. Còn than sao cây bông giấy nhà em mãi không nở bông. Đây là cây vú sữa khoe mặt lá phía bên trái màu nâu non, quả còn xanh bóng đong đưa, đong đưa. Thấp hơn là những tàu lá chuối non. Ôi, cái màu xanh đợt chuối Tú vẫn còn mê tí cho đến tận bây giờ. Đi sộp, thấy áo màu đợt chuối là Tú sẽ cảm lòng không đậu! Đi một đổi, nàng không thấy xâu chìa khóa. Tú nhớ đã lấy nó ra khỏi xách tay rồi mà. Nàng nói anh Nam cứ đi trước và quay trở lại nhìn xuống

mặt đường tìm xem có rớt ở đâu đó không. Nhưng buồn cười là nàng tìm thấy hai cái cắt móng tay trước khi thấy xâu chìa khóa. Tú quay người tiếp tục đi, nhưng có một người đàn ông tay xách cặp da vượt qua mặt nàng. Bỗng ông ta quay lại, cười: "Cô bé bỏ lớp học đi chơi đấy à?" Tú cười dòn "Tôi không nghĩ là mình còn trẻ đến như thế đâu!". Tiếng cười trong veo, dòn tan như thủy tinh khiến nàng kinh ngạc. Rồi như một phép lạ, Tú bỗng thấy mình mặc chiếc áo đầm màu xanh cẩm thạch, may ở tiệm Đức Hạnh, trước trường Marie Curie năm Đệ Nhất. Chiếc áo đầm kiểu đơn sơ, trang nhã, có cái nơ to trước ngực. Và mái tóc ngắn kiểu Sylvie Vartan. Mặc hôm Noel năm đó, chị Tố, chị con bạn thân cùng lớp đã khen "trông Cẩm Tú rất xinh".

Anh Nam đã mất hút, Tú thấy mình đi song song với người đàn ông. Ông ta nói "Hôm nay tôi đi làm. Lâu quá không đến Quốc Hội" Tú thấy mình kêu lên "Ồ! Thì ra ông là một Dân Biểu" (thật buồn cười. Thấy cả ông Dân Biểu trong giấc mơ. Đã nói trong mơ thường có những chi tiết kỳ quái mà!). Đột nhiên ông Dân Biểu dừng lại "Cho tôi ngắm cô bé một chút được không?". Sao không? Tú thấy mình đứng tựa vào bờ tường. Một chân co lên, trong tư thế như người mẫu chính hiệu. Đúng là xem tạp chí mãi cũng nhập tâm. Ông ta ngắm Tú và nàng cũng ngắm lại ông ta kỹ hơn. Bỗng đứng Tú cảm thấy chới với. Khuôn mặt đó, khuôn mặt người đàn ông đi song song với nàng, nói chuyện với nàng này giờ mang đường nét của ai đó, rất quen. Cái người đã làm con tim non nớt của nàng tan nát ngày nào. Sơn! Phải rồi. Người đứng đối diện với nàng, trong bộ complet màu sáng, cắt khéo, tay cầm cặp da chính là Sơn của những ngày tháng cũ. Sơn trong mộng của con bé lớp đệ tứ ngây thơ (mà hình như của cả đám nữ sinh thời

ấy). Nhưng khoảng cách tuổi tác đã không cho chàng cúi xuống nhìn những con bé ranh (lời của chàng ngày đó) đang thầm yêu trộm nhớ ông Trưởng ty Kinh tế trẻ tuổi (ngoài ba mươi. Cái tuổi thu hút những con bé choai choai như nam châm hút sắt), đẹp trai. Vì thế Sơn yêu chị Xuân, bà chị họ góa chồng rất sớm của Tú. Chị Xuân đẹp mơ màng với làn da trắng muốt, thân hình gái một con nẫy nở khêu gợi và cặp mắt trữ tình ướt rượt, cộng thêm cái đồng tiền nhỏ xíu bên khóe miệng khiến nụ cười chị thêm thập phần duyên dáng. Anh chị yêu nhau đắm đuối. Nhưng gia đình anh dưới Sài Gòn không cho phép họ lấy nhau. Anh là con trưởng, học hành thành đạt và đẹp trai như Phan An Tống Ngọc. Ăn nói lại duyên dáng, thu hút người nghe (nhất là phái nữ). Tú tin rằng bà mẹ anh thế nào mà chẳng có vài mối đã ngầm sẵn cho cậu con trai cưng. Những cô con gái Bắc kỳ yêu kiều, yểu điệu và tinh khôn. Nhưng anh đã yêu chị Xuân của Tú. Một gái góa Nam kỳ. Đẹp nhưng ăn nói lại mộc mạc, thật thà như ruộng, như vườn miền Nam thắm đẫm phù sa nơi chị đã sinh ra. Tình yêu khó mà lý giải tại sao?

Năm đó chị Xuân hăm sáu và Tú mười lăm. Những chàng trai cùng lứa đối với Tú cũng là những đứa nhãi ranh, giống như bọn Tú trong mắt anh Sơn. Những cánh thư xanh đỏ đã bị con bé xé nát không thương tiếc. Những lời tỏ tình ngây ngô chỉ được đáp lại bằng ánh mắt lạnh tanh và nụ cười ngạo nghễ. Không phải Tú yêu anh Sơn vì những túi kẹo, chocolat anh mua từ Thái Thạch Sài Gòn, hời lộ để con bé chuyển thư từ và những lời hò hẹn của hai anh chị. Bởi vì "Biết làm sao định nghĩa được tình yêu. Có nghĩa gì đâu một buổi chiều..." Con bé yêu anh Sơn vì thấy tim mình đập rộn ràng mỗi khi gặp anh. Một lời khen vu vơ "hôm nay Tú xinh quá. Màu áo thật hợp với Tú. A, Tú vừa cắt tóc phải

không? Đẹp lắm..." cũng khiến mặt con nhỏ hồng lên vì hạnh phúc và nó có thể nhớ mãi câu nói ấy rất nhiều ngày trong niềm vui tuyệt vời. Đôi khi ngồi trong lớp Tú phóng tầm mắt qua cửa sổ, nhìn mông lung và cười ngu ngơ khiến con Thảo ngồi bên cạnh phải thốt lên "nhỏ này sao vậy? Mà yên đi. Sơ Marie đang chiếu tướng mày kia." để kêu réo hồn phách Tú đang bay lạc đâu đó trở về hiện tại.

Những lời kể lể của chị Xuân về anh Sơn, nhất là sau những lần hò hẹn, được Tú lắng nghe trong sự thích thú lẫn khổ đau. Con bé ước gì mình già hơn vài tuổi. Biết đâu, ừ biết đâu nhỉ? Tú ngây thơ quá. Không sành điệu và hấp dẫn như chị Xuân. Tú từng bắt gặp những tia nhìn đầy ham muốn của cánh đàn ông ném lên người chị Xuân. Gái một con trông mơn con mắt. Thảo nào! Nhưng Tú không ghét chị vì đời chị thật bất hạnh. Mới lấy chồng được năm năm thì anh tử trận, để lại chị một mình với đứa con vừa lên ba. Chị đi làm ở Tòa Hành Chánh mới gặp anh Sơn. Anh chị vẫn yêu nhau đắm đuối và con tim non nớt, mới biết yêu lần đầu của Tú vẫn tiếp tục thổn thức vì anh. Chừng như không ai có thể thay thế được.

Bỗng một hôm, chị Xuân kêu Tú ra sau vườn, chị khóc nức nở khiến Tú linh cảm có chuyện không hay. Con bé tái mặt hỏi dồn "Có chuyện gì vậy chị? Anh Sơn bị gì hay sao?" Chị Xuân nói trong nước mắt "Chị có bầu rồi Tú ơi. Anh Sơn về Sài Gòn nói cho bố mẹ anh biết để xin cưới chị. Không ngờ hai ông bà nổi trận lôi đình, càng phản đối quyết liệt hơn. Mẹ anh nhờ người chạy chọt ở Bộ Kinh Tế để đổi anh về Sài Gòn. Bà còn dọa tự tử nếu anh Sơn lấy chị. Anh ấy cũng đang khổ tâm lắm!". Tú nhìn chị Xuân khóc mà lòng đau như cắt, nhưng đầu óc còn quá ngây ngô trước những chuyện éo le của cuộc đời, Tú chỉ biết nghe và an ủi, chứ biết lời nào để khuyên chị đây?! Tú giận anh

Sơn lắm. Tình yêu là như vậy sao? Anh yêu mà không dám nhận trách nhiệm à? Tú hần học lên án anh, nhưng chị Xuân cắt ngang "Gia đình anh có tiếng tăm. Giá như chị còn con gái thì không nói chi em à. Chị đã có con riêng, bây giờ lại..." Chị không đủ sức hết lời khiến Tú càng sôi máu, chỉ muốn chạy kiếm anh Sơn để mắng cho một trận nên thân. Chị Xuân lau nước mắt, cười héo hắt "Đàn bà thiệt thòi vậy đó. Tú nhìn gương chị rồi rắng mà giữ thân nha". Đúng. Sau này Tú cũng nghiệm ra rằng, khi một cuộc tình đổ vỡ, chỉ có đàn bà là thiệt thòi! Như chị Xuân của cô. Ơi, Chỉ còn biết ngậm ngùi!

Sau khi anh Sơn rời nhiệm sở để về Sài Gòn, chị Xuân tự ý phá thai mà không cho anh hay và đau một trận thừa sống thiếu chết. Bao nhiêu thư anh Sơn gửi lên, chị đều trả về hết. Không đọc bức nào. Chị muốn đào sâu chôn chặt mối tình đầy bất hạnh vào quá khứ. Nhưng Tú thì không thể quên anh. Trong lòng con bé, hình bóng anh Sơn vẫn tràn đầy. Vẫn giận và vẫn yêu quyết liệt. Cả những năm sau này. Mười sáu, rồi mười bảy, mười tám...Tú vẫn không yêu được ai ngoài anh Sơn. Một hôm, bức ảnh anh Sơn chụp chung với chị Xuân và Tú hôm đi Picnic ở Paradise, từ quyển Vạn vật rớt ra. Thảo nhanh tay lượm được. Sau khi xem xong, nó nhìn Tú trân trân, miệng lắp bắp "Tú. mà vẫn...mà vẫn..." và Tú đã buồn bã gật đầu "Ừ. Tao vẫn chưa quên!". Thảo nhìn Tú bằng cặp mắt thương hại, thở dài "Mày điên quá. Chắc anh ấy lấy vợ từ lâu rồi". Tú cũng cười héo hắt như chị Xuân ngày nào "ừ, chắc tao điên thật!".

Vậy mà nàng đã gặp lại anh Sơn. Lúc Tú xuống Sài Gòn học năm chót Tú Tài. Một hôm cuối tuần lang thang một mình ở phố Lê Lợi, nàng đang định ghé vào tiệm sách Khai Trí thì gặp anh đi ngược chiều. Vẫn dáng dấp đó. Mái tóc bông bênh, đôi

mắt sáng toát đầy vẻ thông minh, nụ cười với hàm răng trắng đều vẫn lồi cuốn. Và cái cảm chẻ như tài ciné Rock Hudson. Tú lúng túng khi gặp lại anh. Mình đang mừng hay đang giận nhỉ? Tú thấy mình đang mừng hơn là giận. Anh Sơn nhìn Tú trong tà áo dài tơ tằm óng ả, tằm tấc "ra dáng tiểu thư lắm rồi đấy." và anh cười, đôi mắt ảm áp. Tú muốn tỏ ra giận dữ, hoặc ít nhất cũng lạnh lùng, nhưng con tim phản chủ lại reo vui và đôi má lại hồng lên niềm hạnh phúc. Y chang như thuở còn là một con bé ngu ngơ khờ dại. Tú giận mình nhưng không ngăn được nụ cười đang tự động nở trên môi. Nàng e ấp nhìn anh "Lâu quá mới gặp lại anh Sơn". Anh vồn vã mời Tú ghé tiệm kem gần đó với anh. Nàng ngần ngại nhưng cuối cùng cũng nhận lời. Yên vị rồi anh Sơn mới nói "Anh chỉ sợ Tú không thèm nhìn mặt anh nữa chứ!". Tú cười mím chi không trả lời, nhưng than thầm "Đúng. Đó là điều đáng lý em nên làm. Nhưng trời ơi, sao con tim không chịu nghe lời của khối óc vậy nè? Nó mất quyền điều khiển rồi chẳng? Chị Xuân ơi, tha lỗi cho em".

Tú thật sự ngạc nhiên khi nghe anh nói vẫn chưa lập gia đình. Ngạc nhiên và hài lòng. Ít nhất anh không đến nỗi "gian ác" như Tú nghĩ. Bắt đầu từ đó nàng nói chuyện với anh cởi mở và thoải mái hơn. Khi biết chị Xuân đã tái hôn với một người sĩ quan trợ y từ trong Nam đổi lên làm việc trên đó, đôi mắt anh thoáng buồn, nhưng tỏ ra mừng cho hạnh phúc của chị. Tú hỏi sao anh chưa lập gia đình? Anh Sơn nhìn Tú, cười lấp lánh "Vi anh chưa gặp được người có thể làm con tim anh...thức dậy." Tú nhìn anh, hỏi khế khàng "Anh vẫn chưa quên chị Xuân em?" Anh nhìn xuống ly kem, như cố tìm một hình ảnh nào trong đó "Anh không quên Xuân. Nhưng dù gì thì chuyện đã qua, nhớ chỉ đau lòng. Anh cố quên để sống em ạ" Anh Sơn chột ngược

lên nhìn Tú, cười cười "Thôi đừng nhắc chuyện của anh. Kể anh nghe về Tú đi. Ba năm rồi chắc có nhiều thay đổi phải không?" Tú ngượng ngùng "Em vẫn vậy. Ăn và học. Học rồi ăn. Chẳng có gì thay đổi cả". Anh Sơn cười hớn hờ "Vậy thỉnh thoảng anh vào Ký túc xá đón Tú đi chơi nhé. Phải thay đổi chút. Ăn rồi học mãi cũng chán phải không?" Thật tình Tú không biết mình nên nhận lời hay từ chối? Cái đầu bảo từ chối, nhưng con tim lại phản đối kịch liệt. Nó bảo nàng phải nhận lời. Thấy Tú có vẻ ngần ngại, anh Sơn tấn công "Tú ngại gì? Anh chẳng từng là ...anh rể huyệt của em hay sao? Anh còn có bổn phận phải chăm sóc Tú nữa đấy. Không lười thôi gì cả. Chúa Nhật tới anh đến đón Tú đi ăn, rồi đi Ciné. Bây giờ anh có việc phải đi. Tuần tới nhớ chờ anh lúc 11 giờ đấy nhé".

Thế là nàng không có cơ hội từ chối. Mà thật ra, Tú có ý muốn từ chối không nhỉ? Nhìn theo dáng Sơn xa dần, Tú bỗng thấy xót xa, thương cho mình. Hình bóng anh vẫn còn đầy ấp trong tim. Chỉ là nàng đã khóa nó lại tạm thời. Giờ có cơ hội chúng tuôn ra không kịp giữ. Tú tự trào "Đúng là tình thiên thu!" Ôi chao là cái lương, là gốc, là điên...nhưng khổ nỗi không sai mấy may. Tình đầu là tình thiên thu! Một nhà thơ nào đó đã nói như vậy. Vì thế những cuối tuần, dù không muốn, nhưng trong lòng con bé vẫn có chút mong đợi người ấy ... đừng quên!

Những lần đi chơi với Sơn thật vui, nhưng về lại lưu xá thì buồn thê thảm. Tú lo lắng. Mẹ biết được thì chết chắc. Anh Sơn chẳng phải là tên tội đồ đối với gia đình nàng là gì. Sự phản bội của anh khiến chị Xuân suýt chết. Đối với bà, đàn ông Bắc kỳ đồng nghĩa với ... đều cán. Bà không thích Tú quen với con trai Bắc. Biết Tú yêu anh Sơn thì... Nàng không dám tưởng tượng tới hậu quả chẳng có gì sáng lạn!

Có lần anh Sơn hỏi sao không thấy Tú mặc đầm? Nàng ra Mỹ Châu mua một chiếc đầm mềm màu xanh cẩm thạch. Nhờ cô bạn cạnh phòng, học Marie Curie dẫn ra tiệm Đức Hạnh may. Kiểu áo giản dị, cổ tròn rộng, sát nách, phía dưới hơi xòe và trên đầu gối một gang tay. Có cái nơ lớn nằm ngang ngực. Lần đầu anh Sơn nhìn thấy đã tròn mắt, thốt lên "Tú xinh như mộng". Tú vừa thẹn thùng vừa sung sướng. Nhưng sau đó đã dấu phẳng chiếc áo không bao giờ rờ tới, khi Hằng, cô bạn cùng lớp vô tình phê bình "mày mặc áo này giống như mới mười sáu tròn trắng". Trời đất! Coi chừng anh Sơn cũng nghĩ như vậy thì hỏng bét. Tú muốn già đi chứ có muốn trẻ ra đâu? Từ đó Tú chỉ đóng vai cô gái Việt thuần túy trong tà áo dài tha thướt khi đi với anh.

Tú vẫn đi chơi với anh Sơn và vẫn muộn phiền, lo lắng. Biết chắc rằng rồi cũng sẽ chẳng đi tới đâu (dẫu anh Sơn có mở cửa trái tim lần nữa để đón Tú vào), nhưng còn biết làm sao? làm sao? Đôi khi nàng cảm thấy yếu đuối đến hụt hơi. Hụt hơi dù mới ngấp nghé mười chín tuổi! Tuổi của mộng của mơ, của những tràng cười như pha lê vỡ, thế mà tâm hồn Tú đã hao gầy như cành khô thiếu nước!

Tháng 8-73 anh Sơn báo tin Bộ cho anh sang Úc học hai năm chuyên ngành. Hôm đến rủ Tú đi ăn bữa cuối trước khi lên đường du học, anh đón nàng bằng xe hơi, thay vì xe gắn máy như thường lệ. Hôm đó anh săn sóc Tú đặc biệt. Thấy nàng ăn như mèo anh đã đùa "Tú ăn nhiều vào, vì phải chờ cả hai năm mới được anh đãi lần nữa đấy". Nhưng Tú làm sao nuốt cho trôi? Nàng đã quen sự có mặt của anh rồi. Tú cố pha trò "hai năm là một trăm lẻ bốn lần không được ăn tiệm! Buồn!". Sao Tú lại không có can đảm nói một trăm lẻ bốn lần không được gặp anh nhỉ? Anh cười "Đừng buồn. Thời gian như vó câu qua cửa sổ, Tú

chưa nghe à?" Tú nhìn anh, buồn rười rượi " Vó câu cho những người không muốn thời gian trôi mau. Những người già chẳng hạn." Anh Sơn không nói gì, lảng sang chuyện khác.

Xe ngừng trước cửa lưu xá, Trước khi xuống xe, anh Sơn đưa cho Tú một túi to đầy bánh ngọt, kẹo, chocolat mua ở Thái Thạch. Anh nói "Cho Công Chúa ăn suốt thời gian anh vắng mặt. Thôi vào đi. Anh về nhé". Tú nghe trong lòng như có cái gì đó vỡ toang. Nàng nghẹn cứng không thốt thành lời, chỉ gạt đầu, cố không chảy giọt nước mắt nào trước mặt anh.

Hai tiếng "Công Chúa" đã theo Tú suốt cuộc đời. Anh Sơn không có cơ hội trở về chốn cũ. Khi Miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, anh đã ở lại Úc Châu và Tú theo gia đình sang Canada. Cũng xong một đời. Chỉ có điều, đến phút cuối chia tay năm 73, Tú vẫn không biết tình cảm anh Sơn đối với nàng ra sao. Nhưng cần gì, Tú yêu anh là được. Yêu là yêu, không cần so đo tính toán. Nếu không thì đó chẳng phải là tình yêu.

Những lo toan, những công việc tất bật hằng ngày khiến Tú không còn thì giờ để thờ, hướng hồ để nhớ, dù đó là mối tình đầu, mối tình để lại nhiều vết chém đậm sâu. Nàng đã hầu như lãng quên người ấy. Bỗng dưng hôm nay, trong giấc ngủ trưa chập chờn, nàng thấy lại mình trong chiếc áo đầm xanh của tuổi mười tám và người ấy bỗng đâu nhảy ra từ vô thức. Tiếng chuông điện thoại đã kéo nàng ra khỏi cơn mơ. Tú nằm đó, trong chăn ấm, lười lỉnh và nuối tiếc. Nếu không có tiếng chuông bắt chợt, cơn mơ sẽ tiếp tục dắt nàng đi về đâu? Nhưng về đâu thì cũng thế thôi. Chỉ nghiệm ra rằng "Tình Đầu là Mối Tình Thiên Thu. Phải, Thiên Thu!"

Tiểu Thu
Mùa đông 2012

GIỌT LỆ XANH

hôm nay trời không nắng
sương mù phủ lối xưa
vẫn con đường đơn vắng
và chuyện người đón đưa
mang tâm thiên không nói
e ngại lời hắt hiu
trong bóng mờ sương khói
niềm đau riêng dập diu
ngày mai trời có nắng
để hong dòng lệ xanh
cho khô màu khăn trắng
dấu nợ mùa chiến tranh
sương mai còn có đủ
trên lối mơ cuộc tình
cho đà lạt vẫn nhớ
vẫn nguyên chuyện chúng mình

không gian buồn thừa nắng
mưa trần lắng giọt rơi
hôm nay trời lửng lự
như em tuổi vào đời
mưa chay hờn nắng mặt
ngày không lớn độ ngày
như hôm mình đổi giận
tương tư một vòng tay
quê xa chìm trong khói
cõi lương tâm đọa đầy
bóng đêm và tội lỗi
lệ xanh trên mặt gầy
nhân gian này vẫn thế
vẫn lạnh lòng gió mây
mai kia người sẽ kể
những gì là ở đây....

XUÂN BÍCH

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

Trích Đoạn

Trần Thị Hương Cầu

Ba bức tranh gỗ cộng lại chưa tới hai mét vuông, vẽ cảnh Chúa Giêsu giảng đạo trên đồi từ giữa thế kỷ 19 của nhà thờ thành phố đang cần trùng tu lại. Hai tuần trước Sa đã bóc được lớp sơn bóng phủ ngoài cùng đầy bụi bặm, bồ hóng, cả dấu chân của bọn ruồi muỗi bám chặt hơn một trăm năm qua, và đúng như cô dự đoán, lớp màu bên dưới hầu như đã bị bạc phếch vì bức tranh treo đúng ngay hướng mặt trời chiếu rọi. Cả nhóm bảo tồn di sản đã họp khẩn cấp với các cha bề trên và quyết định chóng vánh là tái bản lại toàn bộ. Ngày hôm qua Sa mới pha được đúng tỉ lệ bột màu và dầu gai ra màu da cho Chúa Giêsu, các tông đồ và con chiên, đúng như quy định của tài liệu từ trên văn khố của thủ phủ tiểu bang gửi xuống. Nghề nghiệp tái tạo các tác phẩm xưa cổ thoảng nghe tưởng chỉ là sự thực hành những công đoạn nghiêm ngặt của một người thợ thủ công lành nghề nhưng đến khi đắm đuối vào lãnh vực nghệ thuật, Sa thấy mình cần phải có cả sự rung động tiếp nối với người sáng tạo từ mấy trăm năm trước, nếu không, công việc hồi sinh coi như chưa vực lên được cái phần hồn, cái luôn luôn là phần chủ đạo. Sa đứng lùi xa ra để ngắm nghía công trình suốt cả ngày của mình, trong cả ba tấm, mặt Chúa lúc nào cũng buồn rười rượi,...

Có tiếng giấy cao gót, gõ chững chạc đến gần. Không ai trong nhóm đi giấy cao gót ngoài Lêna. Lêna mình vẫn còn đeo tạp dề bằng da thuộc dày cộm vì cô làm bên phần mộc, chịu trách nhiệm tu sửa các phù điêu

trước dàn đại phong cầm. Ngồi ngay xuống băng ghế đầu trong thánh đường, nói to:

- Về thôi! Oliver, Max và cả Jenny đều chuông hết rồi.

Sa tự nhiên thấy chạnh lòng. Oliver mới lấy vợ, Max có một gia đình êm ấm, Jenny còn quá trẻ, ngày cuối tuần, họ về sớm là đúng. Còn mình, mình về nhà với ai. Mỗi ngày của mình từ sau khi Danh ra đi hình như dài ra gấp bội.

Thấy Sa vẫn lặng lẽ rửa cọ, Lêna đến gần quàng tay qua vai bạn:

-Chưa gọi Danh về sao ?

.....
Mặc cho Sa cứ vật vã, gào thét suốt ngày như một mù điên vừa xông ra từ một bệnh viện tâm thần, Danh vẫn một mực câm nín. Sa hầu như không nhận ra được chồng mình nữa. Hai mươi mấy năm chung sống đủ để Sa biết rõ tính chồng là háo thắng, bất cứ một chuyện con con nào cũng tranh cãi đến tận cùng để dành phần đúng, vậy mà dụng cái chuyện động trời như vậy, chối cãi hoặc công nhận, Danh đều không mảy may phản ứng. Chỉ có Sa độc diễn; độc diễn mà không có ai phản kháng riết rồi Sa thấy mình như bị khinh miệt, không đáng để được nhận một câu trả lời. Điều đó khiến cô càng điên loạn hơn, hết la hét rồi quay sang đập phá, trong khi Danh cứ lăm li như một tảng băng. Mãi rồi cũng phải tàn hơi kiệt sức, Sa chỉ còn biết buông xuôi: *Tôi mệt mỏi lắm rồi, tôi cần thời gian để suy nghĩ trước khi quyết định, nếu anh không đi thì tôi sẽ đi khỏi nhà này !* Danh nói, người phải đi là anh, rồi lặng lẽ dọn sang ở nhờ nhà anh trai và chị dâu.

Từ khi rõ chuyện vụng trộm của chồng, Sa cứ đặt mãi một câu hỏi: Bà ấy hơn gì Sa, vừa lớn tuổi hơn Sa, lại vừa có đến 4 mặt con với chồng cũ. Nghe đâu chồng Lài chỉ mang 3 đứa lớn sang Mỹ, vì ông chắc chắn đó chính là con ruột của ông, còn cô con gái

nhỏ tên là Kiều sinh sau này, lúc ông còn trong trại cải tạo là kết quả của một mối tình lâm lữ, khiến ông giận dữ đến nỗi từ bỏ cả hai mẹ con. Mới đây bác Viện, một ông già rù rờ góa vợ trong cộng đồng, về Việt Nam du lịch (tương bác Viện cặp đôi với Lài còn chưa xứng vì bác vừa già vừa quặt quẹo, bác là thân chủ thường xuyên của Danh nên Sa rất rõ, không bệnh nào người ta có mà bác lại không), vậy mà gặp Kiều bán cà phê, tuy kém mỹ miều nhưng bạo dạn, lẳng lơ có thừa, cô nỉ non sao mà bác xiêu lòng và làm giấy tờ mang Kiều sang Đức lập tức. Qua Đức tháng trước, tháng sau cô Kiều bắt chồng phải bảo lãnh cho cả mẹ cô sang du lịch, lý do là hai mẹ con đã quen sống gắn bó với nhau từ bao nhiêu năm.

Sa quen biết mẹ con Lài trong xứ đạo. Sa rất ít khi đi dự lễ vì vốn cô không phải đạo gốc như chồng, chỉ những khi có đại lễ, Sa đều thành kính đến nhà thờ. Giáng Sinh năm rồi, trước khi bắt đầu đại lễ, tự dung Lài xum xoe kéo con gái đến làm quen với Sa: *Chị là vợ bác sĩ Danh ư, chị đẹp và trẻ quá, trông cứ như là con gái của bác sĩ ấy con nhi? Mẹ con em mới sang, tiếng tăm không có, may mà quen được với bác sĩ người Việt mình nên phải đến quấy quả nhờ bác sĩ điều trị cho lúc trái gió trở trời. Bác sĩ lại quá đổi nhân hậu, lành thánh, thật là ơn phước vô cùng cho mẹ con em!* Sa đã suýt bật cười vì cách nói môi miệng của Lài, chồng tôi chữa bệnh được trả công, có gì mà bà phải đề cao lên thế nhỉ. Cô Kiều gặp ai cũng cười hơn hớn, vậy mà trước mặt Sa, cô cứ chim bìm không nói một lời, nhìn Sa chăm chăm, soi mói.

Chị Lam, chị em bạn dâu với Sa, thổ công trong nhà thờ, biết rành mạch chuyện từng nhà như chính là chuyện nhà chị, thăm thì vào tai Sa không dấu được ác cảm: *Không cần rành tướng số, nhìn*

mặt mẹ con mẹ ấy là thấy gian liên. Lời nói thì theo thược, gặp đàn ông là cứ đầu mày cuối mắt tí cả lên trông phát gớm. Mới chân ướt chân ráo qua du lịch vậy mà mẹ ấy đã mở chiến dịch bắt mỗi để được giấy tờ chính thức ở lại đây. Mấy tuần trước Sa không đến mà xem, tan lễ xong, mẹ Lài bị bà Nghiêm chặn đường chửi cho một trận toi bời vì mẹ Lài làm le chài mỗi chồng bà ấy. Mà không phải chỉ bà Nghiêm thôi, bao nhiêu bà khác, có chồng đều bị bà Lài cọ quẹt, thế là tất cả xúm vào mắng nhiếc mẹ ta om xòm, đến nỗi cha Tuyên Ủy phải ra giải tán đi mới xong! Thậm chí, lúc đó Sa đã thầm nghĩ, nếu người đàn ông đứng đắn không hưởng ứng, thì người đàn bà lẳng lơ cũng sẽ không có đất để tung hoành.

Đám đàn ông trung niên trong nhà thờ nghe tin cô Kiều đang có chửa, bu lại suồng sã chọc bác Viện già tội nghiệp: *Chúng cháu phải nghiên mình khâm phục bác đấy nhé, ai ngờ ở tuổi gần đất xa trời rồi mà bác vẫn còn sung quá, không chừng ông còn đủ sức chơi hoa chơi cả cụm lắm à (!), Bác ơi, Viagra là con dao hai lưỡi đấy, xin bác cẩn thận dùm(!), Hai mẹ con cô Kiều cứ mà căng phồng như cánh diều no gió thế kia, bác Viện nhà mình có mà chết chắc... Bác Viện vốn hiền lành, chỉ biết cười ghờ ghêch.*

Sau đại lễ là đến phần văn nghệ. Lần đầu tiên Sa được nghe tiếng hát của Lài qua bài Đêm Đông của Nguyễn văn Thương. Khi Lài cất tiếng ca, Sa đã vô cùng sững sốt. Giọng Lài trầm ấm, truyền cảm, cao độ chuẩn xác, âm vực rộng, làm người nghe như chơi vui trong đại dương cảm xúc rạt rào. Tiếng vỗ tay, huýt sáo không dứt của cả xứ đạo như bắt buộc Lài thỏa mãn khao khát của người thường ngoạn bằng một bài nữa: Từ Giọng Hát Em của Ngô Thụy Miên. Bài này Lài hát còn quyến rũ hơn cả bài trước. Sa ngồi bắt

động mừng tượng ra như Lài đã thổi vào mỗi bài hát một ngọn lửa đam mê chất ngất, uyển chuyển kết hợp giữa việc xử lý kỹ năng và tâm tình da diết của tình huống sâu thẳm trong mỗi ca từ, nên mới chinh phục đến tận cùng như thế. Sa nhớ, lúc đó anh Du, nguyên là giáo sư dạy nhạc trong các trường trung học hồi trước 75, nay là trưởng ban văn nghệ ca đoàn Thánh Linh của nhà thờ đã tặc lưỡi: *Ca loại nhạc thánh phòng ở hải ngoại này may ra chỉ còn Ý Lan là ngang cơ với cô Lài, chứ cả mấy chục cô ca sĩ dù đã thành danh đi nữa, chỉ hơn cô Lài ở tuổi trẻ và ngoại hình. Tiếc quá! Mặt mũi như cô Lài chỉ nên hát truyền thanh, chớ mà lên truyền hình coi như phản cảm!*

Ngày đó, chưa đến tai Sa chuyện chồng mình và Lài, theo thói quen đánh giá cái đẹp, Sa âm thầm quan sát, cố tìm một chút duyên thầm nào đó ở mẹ con Lài, mà người thường nhiều khi hơi hột không nhận ra được vẻ đẹp tiềm ẩn. Hôm đó Lài và Kiều đều ăn diện lộng lẫy như hai chú công cô xoè ra hết đuôi cánh hực hớ: Áo xường xám cao cổ kết lấp lánh bao nhiêu là hột cườm, hột kim sa, hột mắt mèo bắt sáng, phía trên kín đáo nhưng phía dưới lại mời mọc ở những đường xẻ đa tình thắm thắm. Hai mẹ con giống hệt nhau như hai giọt nước. Cái đẹp Sa tìm ra là những đường cong đầy gợi cảm trên thân thể. Mẹ con Lài tuy thấp nhưng thuộc loại xương nhỏ, thịt chắc; bộ ngực mung mẩy tuột dốc thoải xuống một vòng eo sít sao rồi lại tràn lên bờ hông căng vòng, hứa hẹn bao nhiêu là nồng ấm trong chốn gối. Trán thấp, mắt lác, mũi gãy, miệng hô, môi đầy nhưng bù lại da mịn, tóc mượt và lúc nào cũng tươi cười lộ hai hàm răng trắng đều như hạt bắp. Vạn vật đều tuân thủ theo luật bù trừ, cao xanh huyền bí nhưng vô cùng công bình bác ái.

Chị Lam suốt cả buổi như đang ngồi trên lửa, phải tìm ngay người để chia xẻ, nếu không chị sẽ vỡ tung ra mà chết mất: *Hát hay thì hay thật đấy, nhưng cứ thấy bản mặt vênh vênh vào vào của hai mẹ con mẹ ấy là chị thấy ghét rồi. Mặt mũi xấu đau xấu đớn như thế, có tay nào xâm mình lắm mới dám sánh đôi với mẹ hoặc con gái mẹ ấy. Sa thì quá đẹp rồi, khỏi bàn. Còn bọn chị, tuy chẳng chim sa cá lặn gì, nhưng cứ đi chung với mẹ con mẹ Lài làm gỏi độn thì thấy đời cũng được an ủi phần nào!* Biết là chị Lam đánh giá hơi phiến diện nhưng Sa cũng cười xòa tinh nghịch: *Em xin chị đấy, hãy thương lấy tim gan bao tử mà hạ hỏa bớt đi thôi. Mà chị cũng đừng chú quan quá đấy nhé, đối với đàn ông tắt đèn rồi thì nhà ngói cũng như nhà tranh.*

Vậy mà giờ đây, sau khi được chị Lam tường thuật tỉ mỉ cho nghe mọi gian điu của chồng mình, liên hệ với những chuyện tai tiếng của Lài, Sa bị tổn thương đến cùng cực. Trời ơi, tôi khiêm khuyết gì để đến nỗi anh phải đem đi để đánh đổi lấy một người đàn bà có những biểu hiện lộ lãng như vậy ? Hay chỉ vì một giọng ca nồng nàn đã mê hoặc lấy anh ? Chuyện này còn khó giải thích hơn vì hai mươi mấy năm sống chung, Sa thấy chồng không bao giờ quan tâm đến âm nhạc hay một khía cạnh nghệ thuật nào; truyền hình hay truyền thanh gì đối với anh chỉ là phương tiện để theo dõi tin tức, thời sự, chính trị, nay sao lại có chuyện đam mê đột ngột nảy sinh cho được.

.....
Tự nhiên Sa thấy mình thờ dài:

-Về thôi. Tối nay ở nhà một mình buồn quá, mi muốn lôi ta đi đâu tùy ý.

Lêna nheo mắt nghịch ngợm:

-Thật không? Vậy chúng ta đi coi đàn ông vũ khóa thân nhé?

Sa nghĩ ngay đến bao ngày qua, chồng mình đã ôm ấp trong tay một người đàn bà xa lạ, điều này làm cô thần thờ như người đang mê sảng:

-Lêna này, ngày trước trường mình học, đường vào trường là hai hàng tượng đá đàn bà khỏa thân, không có đầu, đẹp đến rợn người.

Lêna lắc mạnh hai vai Sa:

-Nói làm nhảm cái gì vậy ? Chọc mi chơi vậy thôi, đêm nay ta có 2 vé mời đi coi kịch. Tụi sinh viên khoa diễn viên diễn gây quỹ cứu trợ Châu Phi. Con gái ta coi rồi, nó nói rất là ngộ nghĩnh.

Ra đến ngoài đường, Sa đèn nghị, tám giờ mới bắt đầu, hãy về nhà Sa ăn một cái gì nhẹ, thay đổi áo quần, mùi sơn dầu thấm qua cả lớp áo bảo hộ vào tận bên trong rồi. Lêna đồng ý hai tay, mi không mời thì ngày nào ta cũng ăn bánh mì buổi tối, ăn nóng đối với ta là một sự xa xỉ thì giờ cho việc nấu nướng, đời còn nhiều thứ vui thú hơn. Những thú vui cuối tuần của Lêna, một người đàn bà lúc nào cũng có thể như *bật lửa* lên được, Sa biết rất rõ.

Sa nhìn Lêna âu yếm. Họ mới làm việc chung với nhau có vài năm mà gắn bó hơn cả chị em, tuy dị chủng. Trong lần đi chơi đêm đầu tiên với nhau, Sa nói Sa yêu Lêna vì sự chân thành, tốt bụng và Lêna nói là Lêna yêu Sa vì sự... tốt bụng, chân thành. Sa nhớ nói xong hai đứa đã ôm nhau cười ngặt nghẽo như hai con diên, mặc kệ cho người đi đường dòm ngó tưởng là hai cô nàng đồng tình luyện ái cũng nên. Chuyện này thì chắc chắn không bao giờ xảy ra vì Sa biết mình yêu chồng keo sơn gắn bó, còn Lêna thì sau hai lần li dị vẫn cặp bồ liên tục, cuộc sống không thể thiếu đàn ông một ngày.

Bà chủ nhà có chuyện buồn nên cái tủ lạnh trống trơn. Dưới hộc nhựa chỉ còn gói măng tây Sa mua ở chợ phiên ngày hôm

qua. May mà còn hộp sốt Hollandaise để ăn kèm. Hai người đàn bà ăn uống qua loa rồi sửa soạn ra đi. Sa lựa cho mình một chiếc áo sơ mi sa tin màu ngọc trai và quần da nâu kẻ ca rô rất mảnh. Cái quần mặc muốn tụt xuống rún làm Sa bần thần mấy giây, chắc là độ này mình tiêu tụy, hư hao ghê lắm. Vậy mà ngắm bạn, Lêna tròn cả mắt, hôm nay mi đẹp nào nùng quá. Thế ư ? Tôi trong héo ngoài tươi, tôi bao ngày qua đã sống ủ ê mê mụ như bài hát của Lê Cát Trọng Lý: *Giận anh, em ném niềm vui lên trời/ Giận anh, em ném bình yên vào núi/ Em giận anh, em ném em đi...* , có đâu thời gian để mà chăm chút dung nhan.

Hội trường của đại học khá rộng vậy mà người đến xem ngồi đã gần đầy. Hôm nay công diễn vở "Lysistrata" của Aristophanes, một nhà biên kịch nổi tiếng thời cổ đại Hy Lạp. Câu chuyện xảy ra tại Athen vào 400 năm trước Công nguyên. Vào thời điểm ấy, chiến tranh tàn khốc đã kéo dài suốt 20 năm giữa người Hy Lạp, người Theben và người Sparta dai dẳng không dứt. Các phụ nữ trong thành Athen, mà người khởi xướng là nàng Lysistrata, đã quyết tâm đoàn kết một lòng, tìm mọi cách để chấm dứt cuộc chiến phi lý này. Sau nhiều ngày bàn bạc, Lysistrata đưa ra đề nghị, không còn cách nào tốt hơn là làm áp lực với những người đàn ông của họ, hãy buông vũ khí, nếu không, những chuyện vợ chồng chẵn gối coi như sẽ bị cấm ngặt triệt để. Mặc cho các ông chồng từ chiến trường thêm khát trở về, những người vợ vẫn kiên gan không thỏa mãn các dâng mỳ râu cho đến bao lâu người đàn ông dẹp đi lòng háo chiến, chịu chung sống hòa bình với các sắc dân khác. Sau vô số những màn đấu tranh quyết liệt trong từng gia đình, nhiều khi tưởng chừng như phái nữ của Lysistrata phải yếu lòng, nhượng bộ. Thậm chí cùng là phụ nữ, nhưng phe phái những người đàn

bà ăn chơi trác táng đã nói ngao nghễ vào mặt Lysistrata: *Công nương đáng yêu của ta ơi, nàng đã làm lẫn tai hại, khi thuyết phục phụ nữ hãy từ bỏ sự ái ân, vì điều này chắc chắn là bất khả thi đối với tất cả đàn ông trên thế gian này đấy cô em ngọc ngá!* nhưng rồi nhờ vào ý chí kiên trì, cứng rắn, cuối cùng những người phụ nữ thành Athen đã toàn thắng trong việc phục hồi hòa bình về lại cho muôn phương... Tiếng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt của người xem chứng tỏ vở diễn đã thành công rực rỡ. Không thành công sao được khi ngày nay, trong cộng đồng châu Âu, hầu như ai ai cũng căm ghét chiến tranh tới tận cùng xương tủy.

Lêna đưa Sa về nhà, không quên chọc ghẹo:

-Ta để ý mi đã cười mấy lần khi xem kịch, thế là rất tốt. Mi đang buồn phải đi xem mấy cái phim, cái kịch vui, căm không được nghe nhạc Việt Nam.

Sa nhớ mỗi lần đi xe của Sa, nghe mấy cái đĩa trên xe, Lêna cứ ngạc nhiên, sao nhạc Việt Nam đa số đều mang giai điệu quá u buồn, yếm thế. Ngoại trừ bài Mưa Hồng của Trịnh công Sơn đã khiến Lêna rất tâm đắc vì sau khi nghe Sa dịch cái câu cuối cùng: *...cuộc đời đó, có bao lâu, mà hững hờ.*

Ồ gần Lêna riết rồi Sa cũng lây cái tinh nghịch của bạn:

-Lêna này, thế đũa nào đã tặng cho ta cái đĩa của Ozzy Osbourne có bài Paranoid (Điên) với lời gào than : *Finished with my woman. Happiness I cannot feel and love to me is so unreal ?*

Lêna trầm ngâm:

-Vì ta thích loại nhạc Rock-Metal. Riêng lời nhạc trong bài này thì phải công nhận là bết tặc! Sa này, trong tình yêu cũng có khi cần phải sang trang, phải tự khẳng định, không chỉ có anh ta là người duy nhất

đem lại cho mình hạnh phúc. Chuyện này chắc ta chưa kể với mi bao giờ, mi biết không, sau lần chia tay đầu tiên, ta gần như gục ngã tưởng chừng không gượng dậy nổi, thậm chí ta đã cắt chính da thịt mình để trấn áp cái đau trong tim.

Lêna chia cánh tay về phía Sa, chỉ chút những vết rạch trắng mờ lẩn trong da. Sa vuốt ve tay bạn rung rung không nói thành lời. Lêna cười to để xua đi bầu không khí nặng nề:

-Vậy mà chỉ ít lâu sau, ngụp lặn trong một cuộc tình mới, có lúc ta đã phải bật cười khi nhớ lại sự ngu xuẩn của mình ngày nào. Bây giờ thì khác rồi, sự già dặn đã khiến mình thấy không có người đàn ông nào mà mình yêu hơn chính bản thân, nên mọi sự chia tay, dù là từ phía nào cũng đối với mình cũng còn nặng nề như trước đây nữa. Nói vậy thôi chứ nếu anh ta là người quá tuyệt vời thì phụ nữ chúng mình phải hết sức đấu tranh với tình địch. Ai đó đã nói: Đấu tranh có thể bị thất bại, nhưng nếu buông xuôi thì coi như đã thua cuộc ngay từ đầu.

Sa không buông xuôi. Tuy bị thương tổn đến tận cùng vực thẳm nhưng chỉ vài tuần sống xa nhau, đủ để Sa bình tĩnh lại và nhận ra tình yêu của mình dành cho chồng dù qua bao năm tháng vẫn không suy giảm như những cặp vợ chồng khác.

Bao nhiêu buổi chiều đi làm về, Sa đã mừng tượng khi cô mở cửa ra, Danh đã ngồi đó tự bao giờ. Sau đó họ sẽ cùng ăn tối, Sa yêu biết bao những giờ phút ấm cúng này. Lúc nào Danh cũng vào bếp phụ vợ những việc nhỏ nhỏ như đặt nồi cơm, rửa xà lách... Cẩn bếp nhỏ sức mùi cơm sôi nồng ấm, Sa xào nấu, Danh đứng một bên, miếng nào chín là bốc ăn liền, vừa hít hà ăn vừa đút cho vợ. Bữa nào Sa nấu thành công, anh ôm hôn vợ khen rồi rít, nhìn chồng ngon miệng Sa vui đến no ngang. Hạnh phúc hôm qua còn tròn trịa mon man

như lời nhạc dịch của Phạm Duy: *Một người đứng khóc-Một người vượt ve/ Một đời bão tố-Một đời có nhau/ Một người trót lỡ, một người gỡ rối lo âu/ Một người vấp ngã-Một người cuống quýt nâng niu...* phút chốc tan chảy như băng tuyết dưới mặt trời bóng râm, còn mình tôi trần trụi buồn phiền, mình tôi tủi thân nghiệt ngã, mình tôi trào sôi nhưng nhớ. Sa thấy bất lực trước mọi quyết định cho hạnh phúc đời mình, thậm chí có khi cô lại nhảy rào sang bảo chữa cho Danh: Chẳng có gì để mà âm ỉ, chỉ là một tích tắc yếu lòng trong đời một người đàn ông.

Đề định lượng xác suất độ tin cậy, ta chỉ cần làm một bài tính: Lấy một phút giây sa ngã đó đem chia cho hằng ngàn phút giây chung thủy bên vợ thì đáp số sẽ coi như bằng không, anh ta được hưởng quyền tha bổng. Cũng có khi Sa đã ráng tự huỷ hoại mình, Danh chỉ là nạn nhân, anh ấy là loại thiện tri thức nên các ma nữ mới vây quanh rù quẩn, điều ấy có khi phải tự hào vì mình đã sở hữu ngọc quý trong tay cũng nên. Nghĩ thế nên bao lần Sa đã chồm lên cầm máy định gọi Danh, tôi sẽ bỏ qua mọi lỗi lầm của anh, sẽ không bao giờ nhắc nhở chuyện xưa như giữa 2 vợ chồng chưa từng gian dối nhau một điều gì, vậy ngày mai, không, không thể đợi đến ngày mai nữa, mà ngay đêm nay, anh hãy quay về lại nhà... Nhưng rồi lòng tự ái ngút ngàn đã ghim Sa xuống. Sự phân thân dẫn vật, bóp chết ngay mọi suy nghĩ tích cực vừa lóe sáng trong đầu...Chính Sa cũng không biết mình còn chịu đựng tháng ngày phiền muộn u uất này thêm bao lâu nữa. Mà cũng có khi đêm nay, quá cô đơn trợ trợ trong căn nhà lạnh lẽo, Sa sẽ đủ bao dung để tha thứ cho chồng cũng có...

Cái phen di động rung lên bần bật trong túi áo Sa. Chị Lam! Tiếng chị trào tuôn giận dữ:

-Sa hả, chuyện động trời rồi em ơi. Hồi này, con mụ Lại gọi vô nhà chị đòi gặp chú Danh. Chị nổi sùng, mắng té tát mụ ấy một trận. Mụ ấy trả treo liền: Bà không rõ đầu đuôi ngọn ngành thì đừng có mà cá vú lấp miệng em. Cái ông Danh, em chồng bà không phải loại đứng đắn đàng hoàng gì đâu. Tôi tưởng ông ấy định vờn tôi, ai dè ông ấy lại táy máy con gái tôi, làm cho nó mang bầu rồi chơi trò quất ngựa truy phong. Bà nói lại với ông Danh là chơi với ai chứ đừng chơi với mẹ con nhà tôi, không ém nhem dễ dàng như vậy đâu. Bấy lâu nay tôi nín nhịn chờ cho con gái tôi sinh nở mẹ tròn con vuông rồi tôi sẽ đem cái bằng chứng sống đỏ hồng này đến lôi lung ông ta, tố cáo trước công chúng cái bộ mặt sở Khanh của ông ta, xem ông ta ăn vụng rồi định chùi mép ra sao. Ông ta mà còn lật lọng không chịu nhìn đứa bé thì tôi sẽ cho in cả ngàn tờ rơi kể rõ mọi hành động đê hèn của ông ấy, gửi đến từng nhà người Việt, để cả cộng đồng tẩy chay cái phòng mạch của đồ bác sĩ râu xanh! Bà biết thừa mà, chén đá mà chọi với chén kiêu thì bên nào thiệt hại hơn...

Cái điện thoại rớt xuống đùi Sa dù tiếng chị Lam vẫn rồn rảng trong ấy...Một đứa bé mới chào đời, Lêna ơi, anh ấy không quan hệ với bà mẹ mà với cô con gái...Mặt Sa trắng nhợt như tượng đá, còn tay chân thì lạnh buốt. Lêna vội vàng tấp xe vào lề đường, ôm chầm lấy bạn:

-Sa ơi, đừng khóc nữa, mọi việc rồi sẽ qua ngay thôi mà...

Trần thị Hương Cau
(Germany)

ĐẠO TAO

Vi Khuê Dr Chử Tam Anh

Điều ray rứt của chúng ta là phải chọn một
con đường để mà đi
phải chọn một cái chết trong khi
ta muốn sống

*Our burning issue is to choose a path to take
to choose a death while
we want to live*

Chúng ta hưởng thụ gì
của cuộc đời?
- nước mắt
- mồ hôi

*What do we draw
from life?
- tears
- sweat*

Điều ray rứt của chúng ta là phải trả lời
trăm ngàn câu hỏi
phải tìm ra được đáp số cho thân phận
con người
thế kỷ hai mươi

*Our burning issue is to find the answer
to thousands of questions
to find the solution to the fate
of human being
in the twentieth century*

Đạo là con đường để đi
chúng ta có rất nhiều đường đi để
về chung một cõi
nhưng, trên quãng đường xa chân chôn gói mỗi
chúng ta đã hóa nên kẻ thù

*Tao is the path to take
we have many paths to reach a common
destination
but on the arduous road there, worn knees
tired feet
we've turned into enemies*

Hố ngăn ngày một thêm sâu
lấy gì hàn gắn cho nhau
vết thương dân tộc cúi đầu nhận mang

*The chasm gets deeper by the days
what does it take to mend
the wound upon a nation that acquiesced?*

Thôi, đừng nhắc chi tới bà mẹ già
thở trước ba con đi quân đội chúng ta
đều là những kẻ hành hương trên
quãng đường xa
chân chôn gói mỗi
khát khao
khát khao thấy mặt trời

*Let's not even talk about the old mother
whose three sons went to combat
we are all
pilgrims on a long road
worn feet tired knees
thirsting
to see the sun*

Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sâu

Uyên Phương Minh Nguyệt

Plano, Texas, tháng 4-2012

... tường thuật về hành trình đi tìm lại mộ Bố
sau 30 năm chết trong tù cải tạo cộng sản Việt Nam ...

Hồi cuối tháng 6 năm 2007, tôi tình cờ đọc một truyện ngắn viết về đời sống gian khổ của những người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đi cải tạo sau năm 75. Người viết bài đó cũng nói về tình cảnh của những người chết trong tù cải tạo, và được đồng ngũ chôn cất ở những rừng núi xa xôi hẻo lánh, năm tháng trôi qua không được chăm sóc nhang khói rất ư là tội nghiệp. Câu chuyện làm tôi mũi lòng nhớ tới người Bố đã ra đi và không bao giờ trở lại của tôi thật nhiều. Trong lòng tự nhiên cảm thấy bồn chồn, nên nảy ra ý định đi tìm lại mộ của người Bố thân yêu, đã mất dấu tích gần 30 năm nay...

Trước khi Bố đi cải tạo, Bố đã hơi bị yếu bao tử, nên Mẹ rất lo lắng ngày đêm Bố sẽ ngã bệnh trong trại tù. Quả đúng như tiên đoán, với tình trạng ăn uống thiếu thốn và lao động khổ sai, Bố đã ngã bệnh rất mau. Một số bạn đồng đội của Bố lén lút gửi thư tay tới tận nhà trao cho Mẹ, nhắn Mẹ mua những thứ thuốc cần thiết đã liệt kê ở trong thư để đem gấp lên trại học tập cho Bố. Chợ đen chợ đỏ nào Mẹ cũng chạy tới và hỏi mua cho bằng được với giá cao ngút trời Mẹ cũng chẳng màng, chỉ cốt sao có thuốc sẵn sàng để mang đi. Cho dù chưa được phép của trại cho thăm, Mẹ vẫn theo như trong thơ người bạn của Bố dặn: "Cứ tới trại và nói rằng có những người bạn mách chổng chị đang bị bệnh nặng nên vội thu xếp đi thăm ngay dù chưa được lệnh của trại trưởng và

phải nhớ kỹ đừng nói tên của người bạn đã gửi thư..."

Chiều hôm đó, Mẹ và tôi đang sửa soạn các thứ để sáng sớm ngày mai lên đường, thì có một người đàn bà (chắc là vợ một người bạn học tập cùng chỗ của Bố) đi cùng với một người con trai tới nhà tìm gặp Mẹ của tôi. Vừa bước vào nhà, bà ấy với bộ mặt rất xúc cảm, buồn rầu và nói: "Ông nhà mất rồi!" Vừa nói xong câu đó, bà không dám nói gì thêm trước sự đau đớn vô biên của Mẹ và chị em tôi, bà đã cùng người con trai cáo từ ra về một cách vội vã như sợ ở lại thêm phút giây nào sẽ bị lòng bắt. Mẹ thét lên và khóc than như mưa đổ, rồi ngã quỵ xuống sàn nhà chan hòa với tiếng khóc của đàn con thơ dại. Bà con láng giềng thấy ồn ào cũng xông vào nhà chia sẻ và an ủi. Cuối cùng mọi người đều khuyên Mẹ ngày mai cứ đi tới trại như đã dự tính lúc đầu để biết rõ hư thực ra sao? Chú Giao, người em út của Bố tôi, tự nguyện dẫn đường cho tôi và Mẹ để tìm đường đến trại cải tạo và giúp đỡ khi cần thiết. Các chị lớn của tôi phải ở nhà để chăm sóc các em nhỏ.

Suốt đêm đó, cả nhà không người nào chợp mắt, cùng quây quần để cầu nguyện cho Bố. Tờ mờ sáng, cả 3 chúng tôi đi ra bến xe để đón xe đò đi tới trại cải tạo. Lúc đó, tôi và Mẹ hoàn toàn mù tịt về đường xá, chỉ nhớ trại đó được gọi nôm na là trại giam Bù Gia Mập, ở một vùng rừng núi gần biên giới Việt Miên Lào.

Nhưng theo địa chỉ trong thư mà bạn đồng đội của Bố gửi thì lại là một chỗ khác, có tên là "Ngọn Đồi 300". Chú Giao dò hỏi những người ở bến xe và tháp tùng đoàn người có giấy phép chính thức để cùng đi. Ngồi trong xe, Mẹ và tôi cứ khóc mãi làm cả xe ai cũng nhìn thương xót không hiểu chuyện gì đã xảy đến cho hai Mẹ con của tôi. Tôi thút thít trong cõi lòng tan nát: "Bố ơi! Còn gì đau khổ hơn nỗi đau khổ này! Người ta đưa tin Bố bình, rồi ngày sau lại đưa tin Bố mất. Bố đã mất thật rồi hả Bố? Thuốc Mẹ đã mua rồi và vẫn mang đi đây nè, dù mang đi cho người chồng đã mất với hy vọng tin đưa tới chỉ là một sự nhầm lẫn của một người bạn nào đó cùng chỗ học tập của Bố. Hy vọng sao mong manh quá, nhưng Mẹ và chúng con vẫn đang cầu nguyện và nài xin Chúa cho tin đó không là sự thật." Xe vẫn chạy bon bon trên đường, hoà với tiếng xì xào của hành khách, cùng với những tiếng nấc nghẹn ngào của Mẹ và tiếng thút thít của tôi, đã tạo thành một không gian nặng trĩu buồn tê tái. Tôi chẳng còn tâm trí nào để thưởng thức cảnh đẹp hai bên đường, nhìn cái gì cũng thấy một màu tang tóc.

Đến nơi, xe đỗ ngừng ở bến xe. Chúng tôi phải đi bộ từ bến xe, băng qua những cánh rừng rậm, những núi đồi hiểm trở, lúc lên dốc thật cao rồi lại xuống dốc. Cũng có lúc phải băng qua những con suối, những ghềnh đá cheo leo, thêm suốt đêm không ngủ nên Mẹ và tôi mệt đứt hơi. Tôi sợ nhất là lúc phải đi qua cây cầu khỉ thật lắt lự, cũ rích và tả tơi như sắp gãy đổ. Vừa đi tôi vừa cầu xin cho qua được bình an. Có lúc tôi đau chân quá mà tay thì mỗi vì xách nặng, thêm trời nóng như thiêu đốt, tôi phải kêu lên: "Mẹ ơi, con chóng mặt và muốn xỉu quá!" Mẹ và chú tôi nhìn tôi chua xót, muốn xách đồ bớt cho tôi nhưng đâu còn tay nào để có thể phụ được. Mẹ nói trong nghẹn ngào: "Cố lên con ơi cũng sắp tới rồi, phải tới trước khi chiều xuống để hỏi thăm tin tức của Bố con cho kịp." Tôi nghe vậy trong người như có sức mạnh quật

lên và tiếp tục lê bước trên con đường chông gai khúc khuỷu...

Càng tới gần trại có lác đác những căn nhà lá ọp ẹp của những người Thượng dọc hai bên đường trông buồn và hiu quạnh làm sao. Các cô gái miền Thượng nước da đen thui với những cái tai rất dài, đeo lủng lẳng những cái vòng ngà hay đồng thật nặng và to. Hàm răng trên bị cưa và cà sát nhuộm, chỉ còn vài cái răng ở hàm dưới trông rất lạ mắt. Theo cô giáo tôi kể, trai gái người Thượng tới tuổi trưởng thành phải cưa răng như vậy mới xứng đáng để lập gia đình và tăng thêm vẻ đẹp. Đây là lần đầu tiên tôi được trông thấy mọi cái răng cưa tai ở ngoài đời. Trước kia tôi chỉ biết qua sách vở và do cô giáo tôi diễn tả kể lại trong lớp học. Những người Thượng nhìn chúng tôi rồi nhe miệng cười tỏ vẻ thân thiện lắm! Sau này tôi cũng được Bác bạn của bố kể rằng Bố và các Bác hay đem những đồ dùng để đổi lấy đậu xanh hay gạo về nấu thêm cho đỡ đói.

Đang đi tôi chợt thấy có nhóm người cải tạo từ phía bên kia đồi tiến về phía chúng tôi. Tôi không còn biết e thẹn hay mắc cỡ, vội buông những túi đồ xuống đất, chạy lao tới phía trước và chặn ngay một Bác đang ôm những nhánh cây to, rồi hỏi tới tấp: "Bác ơi, Bác có học tập chung chỗ với Bố con không? Bố con là Trung Tá Trần Mạnh Đàm, Bác có biết Bố của con không? Bố con có bị bệnh không? Bố con còn sống không? Bác làm ơn cho con biết tin đi. Con muôn vàn cảm tạ Bác."

Tôi hỏi liên tiếp không ngừng như sợ bác ấy đi rồi sẽ không có cơ hội để dò la tin tức về Bố nữa. Bác ấy ngừng lại, thở dài và nói: "Bác không ở trại bên này, Bác chỉ vào rừng bên đây để đốn củi mang về cho trại nấu nướng mà thôi." "Tôi thất vọng nào nè, cảm ơn Bác rồi lại cùng Mẹ và chú tiếp tục đi..."

Đi một đoạn khá dài nữa cũng gặp thêm vài nhóm tù cải tạo, tôi cũng nhanh nhẩu chặn các Bác lại để hỏi thăm, nhưng không ai biết gì về tin

Bố tôi bị bệnh hay đã mất cả. Tới khoảng 6 giờ chiều, mặt trời sủa soạn lặn đi thì chúng tôi cũng vừa tới trại. Sau khi trình những giấy tờ tùy thân, có người thân tên gì, học ở trại nào, họ cho chúng tôi ngồi vào một phòng đợi và cũng không trả lời về tình trạng của Bố tôi, rồi họ đi báo cáo với trưởng trại. Một hồi sau, một ông Bác Sĩ đi cùng với Trưởng trại tới tuyên bố là Bố tôi đã chết thật rồi. Lúc đó Mẹ tôi như người điên, chẳng còn biết sợ sệt, e dè như lúc đầu vào đây nữa. Mẹ tôi quăng tất cả thuốc men nước biển xuống đất bết nát và khóc thét lên: "Chồng tôi chết rồi sao các ông còn dẫu không gửi thư thông báo cho chúng tôi. Thuốc men nước biển mang đến đây để làm gì, để chữa bệnh cho người đã chết hả? Các con tôi chưa báo hiếu được cho Bố chúng nó ngày nào, vậy mà giờ đây cũng không có cơ hội được đưa tiễn và nhìn mặt Bố lần cuối nữa." Khóc một hồi cả ba chúng tôi đều mệt rũ. Sau đó, họ trao trả những kỷ vật cuối cùng của Bố tôi : từ cái đồng hồ cho đến chiếc nhẫn cưới và ngay cả những cái lược bằng sắt được mài dũa cẩn thận, thật đẹp, làm bằng tay, do Bố tôi làm tặng Mẹ và có khắc chữ đầu V(Vân) và Đ (Đàm) trên đó. Những cái lược này Bố chưa kịp trao cho Mẹ thì Bố đã về bên kia thế giới...

Kể đó, họ cho người dẫn chúng tôi đi thăm giường của Bố nằm trước khi mất, chỗ này cũng chính là nhà ở của các tù cải tạo. Một dãy dài cả mấy chục cái giường xếp song song với nhau và chia thành hai bên có đường đi ở giữa. Những chiếc giường này làm bằng ván cây đem về từ trong rừng và do các tù cải tạo dựng nên. Trên nóc nhà phủ lá trông lạnh lẽo và tối tăm làm sao. Rồi họ cho Bác bạn bên cạnh giường của Bố dẫn chúng tôi vào tận rừng sâu để thăm mộ của Bố. Trên đường đi, Bác Phước kể rất nhiều chuyện về Bố, về những đức tính chịu khó, rộng lượng và thương mến bạn bè. Có đồ ăn nào tiếp tế từ gia đình đều chia cho các bạn cùng khổ, nhất là những Bác không có thân nhân đi thăm viếng.

Bác Phước cũng có đạo nên rất hiểu về những phép Bí Tích cần thiết cho người sắp lìa đời. Bác kể rằng Bố cũng đã lãnh đủ các phép bí tích bao gồm cả bí tích giải tội vì trong đây cũng có Cha Công Giáo ngồi tòa. Bác cũng nhắn lại cho Mẹ lời trấn trối cuối cùng của Bố: "Tôi thương vợ và con tôi lắm, nhắn vợ tôi thay tôi lo cho Mẹ và các con của tôi." Bác có hứa sẽ thăm gia đình tôi khi Bác được ra khỏi trại tù. Vì Mẹ và chị em chúng tôi đã may mắn tới bên bờ tự do quá sớm, trước khi Bác được thả về, nên lần gặp đó là lần đầu và cũng là lần cuối. Giờ không biết Bác đã qua Mỹ được chưa và còn sống không? Dù thế nào tôi luôn ghi nhớ sự tốt bụng của Bác và cầu mong Bác được mọi sự may mắn an lành.

Đường vào rừng quá nhỏ hẹp, cây cối chằng chịt, có lúc chỉ vừa đủ từng người một đi. Thỉnh thoảng Bác Phước phải dùng cái xẻng để chặt những nhánh cây chắn lối. Lúc tới mộ thì trời khá tối, nên tôi cũng không quan sát chung quanh được gì. Mẹ và tôi chỉ biết đứng khóc và cầu xin cho linh hồn Bố sớm hưởng nhan thánh Chúa. Tối hôm đó vì đã quá khuya, chúng tôi phải ngủ lại ở mấy ngôi nhà lá dựng tạm cho các thân nhân đi thăm tù cải tạo dùng ngủ qua đêm để tới sáng hôm sau về lại thành phố. Mẹ vẫn thăm thì khóc mãi, đêm đã khuya thỉnh thoảng tôi lại nghe mẹ nấc lên từng hồi. Tiếng côn trùng rên rĩ về đêm tạo thành một điệu nhạc u sầu như đang đưa tiễn bố tôi về bên kia thế giới. Lòng tôi đã tan nát giờ lại thêm nát tan. Tôi nghẹn ngào nức nở: "Bố ơi, ở phương trời xa xăm nào đó, bố có hiểu cho nỗi khổ của Mẹ và chúng con? Mẹ còn trẻ quá lại phải thay bố lo cho bà và lo cho chúng con. Bên cạnh phòng, người ta cũng có chồng có bố đi học tập, nhưng người ta đang thăm thì với nhau, đang kể lễ những nỗi vui mừng được gặp nhau, những đắng cay tủi nhục vì phải xa nhau. Còn con với Mẹ thờ than với ai đây? Với rừng rậm non xanh nước biếc hả Bố? Hay với ánh trăng buồn đang

roi soi vào nỗi cô đơn sâu thẳm, cay đắng, nát tan cả cõi lòng của Mẹ và con? Từ đây chúng con sẽ là những trẻ mồ côi không cha, trống vắng như căn nhà không nóc. Ai sẽ giúp đỡ giằng bài khi con không hiểu bài toán khó? Ai sẽ dịch những câu anh văn cho con khỏi chới với khi bị thầy giáo hỏi tới? Ai sẽ pha trò cho cả nhà cười ngất ngư ..."Sau đó mệt quá tôi thiếp vào giấc ngủ hồi nào không hay biết...



Tờ mờ sáng, đang ngủ tôi bị giật mình thức giấc bởi những giọng hát từ xa đưa lại nghe như những điệu ru hồn. Tôi không hiểu các cô gái Thượng hát cái gì, nhưng càng nghe tôi lại càng tưởng như từ cõi âm vọng về, nghe xa vắng và rờn rợn làm sao! Ánh mặt trời vừa ló đầu chào buổi sáng, các chú chim đua nhau hót trên cành, bầu trời trong xanh tươi mát, những giọt sương mai lấp lánh trên những lá cây như cùng nhau đón chào một ngày mới. Cảnh đẹp như vậy mà sao tôi buồn thê thảm, đành lê những bước chân nặng nhọc cùng với mọi người về trại để làm thủ tục lần cuối trước khi từ giã ngọn đồi hiu quạnh, rừng rậm hoang vu và giòng suối lạnh lùng để trở về thành phố, bỏ lại đây ngôi mộ lẻ loi của người cha kính yêu, tài ba, cả đời hy sinh cho chúng tôi, một người hùng vừa nằm xuống! Mẹ có xin mang xác Bố

về để chôn cất cho gần với gia đình, nhưng họ không cho.

Lần cuối cùng chú Út lại tình nguyện dẫn mẹ và hai chị lớn của tôi vào rừng để đặt mộ bia cho Bố. Tôi đã đi lần trước rồi, lần này không được đi nữa. Mẹ muốn các chị tới thăm mộ Bố trước khi Mẹ xúc tiến cho chị em chúng tôi vượt biên. Đường xa xa xôi nguy hiểm, thêm Mẹ tôi quá đau buồn chẳng còn tâm trí nào mà nhớ đường đi kỳ trước, chú Út rất tích cực tình nguyện dẫn đường và vác mộ bia nặng cho Bố. Mẹ cũng mời Bà Nội tới nhà để lo cho chúng tôi trong khi Mẹ và các chị đi vắng.

Bố tôi mất ngày 27 tháng 2 năm 1978, thì tới tháng 05 năm 1979, bảy chị em chúng tôi được Mẹ cho đi vượt biên. Trước đó, dù Mẹ rất muốn cho đi, nhưng không bao giờ dám nghĩ tới vì cứ sợ liên lụy tới Bố còn đang ở trong tù cải tạo. Chúng tôi đã giả làm người Tàu và đi theo diện được nôm na gọi là "bán chính thức". Nếu không phải đi "bán chính thức" thì gọi là đi "chui". Chúng tôi ở Mã Lai 9 tháng và định cư tại Mỹ tháng 03 năm 1980. Mẹ và chị thứ nhì của tôi phải đi sau, không dám đi cùng vì sợ nếu không thoát hay bị lộ tẩy giả người Tàu, sau này có được thả về mà nhà cửa không còn thì cả gia đình chắc sẽ bị đuổi đi kinh tế mới. Mẹ tôi sợ quá đáng chứ thực ra đi bán chính thức là an toàn nhất tuy rằng chi phí bị cao hơn là đi chui. Họ đọc tên từng người rồi theo thứ tự lần lượt xuống Tàu, không phải trốn núp gì cả. Tôi có tên Tàu là "Mạ Oi Phón" hay còn gọi là Mã Ái Phương. Mẹ và chị thứ nhì của tôi vài năm sau mới thoát được và phải đi chui vì sau lần chị em chúng tôi đi, họ đã không còn cho đi bán chính thức nữa. Mẹ và chị phải đi chui tới lần thứ tư mới thành công.

Tôi luôn tin Bố phù trợ cho toàn gia đình an toàn và định cư tại Mỹ, không còn ai phải kẹt lại ở Việt Nam. Ở xứ lạ quê người, Mẹ và chúng tôi luôn canh cánh bên lòng một nỗi

buồn không nguôi vì phải để BỐ tôi nằm đơn độc nơi rừng thẳm. MỘ BỐ không có ai chăm sóc vì chú Út của tôi, người duy nhất biết đường đến mộ của BỐ, cũng đã mất hai mươi mấy năm rồi. Cả bao lâu nay, gia đình chúng tôi chẳng ai dám về Việt Nam vì cứ sợ sẽ bị giữ lại và không được trở lại Mỹ. Cho đến khi chính phủ Mỹ và VN bang giao qua lại dễ dàng, chúng tôi lại càng trông mong có phép nhiệm màu để đem được BỐ sang đây đoàn tụ với gia đình. Mơ ước chỉ là mơ ước chứ có thực hành được đâu. Chúng tôi cứ nghĩ đã gần 30 năm rồi, có lẽ chỗ đó giờ đã thay đổi nhiều, mộ của BỐ chắc không còn ở đó nữa. Mẹ tôi chỉ nhớ mang máng trại ở vùng gọi là Bù Gia Mập, và hỏi đó các anh em tù cải tạo cho biết là mộ BỐ nằm trên "ngọn đồi 300", một tên đồi thật sự không có trên bản đồ, thì công việc kiếm tìm cũng ví như mò kim đáy bể mà thôi.

Cho đến tháng 6 năm 2007, như tôi đã kể ở trên, sau khi đọc bài viết về các người tù cải tạo, lòng tôi cảm thấy bồn chồn không yên, nóng ruột kinh khủng như có cái gì thúc đẩy phải đi tìm mộ BỐ cho bằng được. Tôi kể lại nỗi lòng của tôi cho ông xã tôi nghe. Ông xã tôi sốt sắng tiến hành ngay công việc kiếm tìm. Tôi gọi điện thoại cho Mẹ để hỏi còn thêm chi tiết nào khác không ngoài hai cái tên Bù Gia Mập và "ngọn đồi 300". Nhưng gần 30 năm trôi qua, Mẹ tôi chỉ còn nhớ lại được chừng đó. Cúp điện thoại Mẹ xong, tôi mang những thùng đựng thơ cũ của gia đình mấy chục năm về trước mà chị em chúng tôi đã viết gởi về rất nhiều cho Mẹ và chị Tuyết Anh, người chị thứ hai của tôi lúc đó đang ở lại với Mẹ và vài năm sau cùng đi vượt biên với Mẹ, mong tìm cho ra lá thư cuối cùng BỐ gửi về cho Mẹ từ trại cải tạo, với chút hy vọng mong manh có thêm chi tiết về trại tù cải tạo mà BỐ bị giam giữ. Lá thư này còn mang kỷ niệm thật nhiều qua những dòng chữ cuối cùng của BỐ nên Mẹ đã gửi sang để tôi giữ đã mấy

chục năm rồi, từ hồi tôi mới đặt chân trên đất Mỹ.

Tôi đổ thư ra đầy phòng khách để tìm cho dễ. Nhiều thư lắm, nhưng khi nhìn lại những lá thư ngày xưa này, tôi không tìm lòng được nên ngồi mãi mê đọc lại. Từng kỷ niệm như đang diễn ra trước mắt, từ những lá báo tin vui cho Mẹ, chúng tôi đã thoát đến bến bờ tự do, tới những lá kẻ lể sự học hành, bỏ ngõ khi đặt chân tới Mỹ, v. v. Tôi tiếp tục đọc từng lá, nhưng nóng lòng muốn tìm cho ra sớm được lá thư của BỐ, mà tôi nhớ mang máng là nằm trong một phong bì màu xanh biển. Thời đó phong bì Việt Nam hầu hết đều cùng màu xanh biển với một chùm hoa hồng thanh nhã, xinh đẹp ở trên. Tìm suốt từ sáng đến chiều tôi quên cả ăn uống. Người tôi mệt nhoài vì tìm mãi hoài trong khắp đống thư nhưng không thấy một phong bì màu xanh biển nào cả...

Trong lúc đang thất vọng nào nề, ông xã tôi chạy vào báo tin đã tìm thấy trên một diễn đàn Internet, tên và email của một chú đã từng đi cải tạo trong một trại giam ở vùng Bù Gia Mập. Ông xã tôi vội viết thư ngay cho chú ấy và cho Chú điện thoại của chúng tôi để tiện liên lạc. Không ngờ chỉ ba tiếng đồng hồ sau tôi nhận được điện thoại từ Úc Châu gọi lại. Chú Sâm là bà con rất gần với gia đình Bác Lê Bá Kông và Lê Bá Khanh, tác giả những cuốn tự điển Anh Việt ngày xưa. Chú Sâm cho biết có rất nhiều trại giam tù cải tạo khác nhau tại Bù Gia Mập. Lúc chúng tôi hỏi về "Ngọn Đồi 300", chú Sâm nghĩ chỉ là tên gọi theo quân sự. Mãi sau này chúng tôi mới biết Ngọn Đồi 300 cũng chỉ là trạm dừng chân trước khi BỐ sắp sửa bị đưa ra Bắc. Chú Sâm nói phải có sổ hòm thư của BỐ thì mới có thể truy ra địa điểm chính xác trại tù của BỐ được. Chú còn cho tôi sổ hòm thư của Chú để sau này xem bố có cùng sổ hòm thư đó hay không? Tôi vội kêu ông xã lấy giùm cây bút và tờ giấy trắng để viết sổ hòm thư cùng số điện thoại của Chú. Ông xã

tôi vội vàng nên vô tình nhặt đại một cái phong bì màu trắng nằm trong đám thư từ mà tôi đổ đầy trên thảm từ hồi sáng và đưa cho tôi. Tôi viết số hòm thư của chú Sâm vào giấy, rồi tạm biệt Chú với nỗi lòng nặng trĩu không yên...

Lòng đầy thất vọng, hy vọng tìm được lá thư đó thật mong manh. Tôi ra than thở với ông xã : " Chắc lá thư đó lúc dọn nhà từ Houston xuống Dallas đã bị rơi mất đâu rồi, tìm thế này giống mò kim đáy biển quá !" Sau đó tôi uể oải vô phòng computer để ghi chép vào sổ tay số hòm thư và điện thoại của chú Sâm mà tôi đã ghi trên cái phong bì trắng. Cầm cái phong bì trắng trong tay, không hiểu động lực nào xui khiến, làm tôi thắc mắc và tự hỏi: "Sao cái phong bì trắng này dày thế này?" Tôi vội xé ra để xem cái gì bên trong. Thật là ngạc nhiên khủng khiếp! Đúng là lá thư cuối cùng của BỐ tôi! Tôi rú lên trong sự mừng rỡ và sợ hãi: " BỐ hiện về Lân ơi! Vào đây xem nè!" Ông xã tôi nghe tôi rú lên như vậy liền chạy vào xem chuyện gì đã xảy ra. Chúng tôi cầm tay nhau chia sẻ sự vui mừng, như cùng hiểu đây là ý muốn của BỐ tôi đưa đây để chúng tôi mang BỐ về với gia đình. Cả hai chúng tôi đều thắc mắc: "Sao lá thư có phong bì màu xanh lại nằm trong phong bì màu trắng? Sao ông xã tôi lại nhặt đúng cái phong bì này để đưa tôi viết số hòm thư của chú Sâm vào?" Nếu lúc nói điện thoại với chú Sâm tôi không nhờ ông xã đưa giấy viết thì chắc chắn muôn đời tôi cũng không thể tìm được lá thư này. Lúc đó trời hơi tối, mưa lâm râm ngoài vườn hòa với tiếng gió và tiếng chạm vào nhau của những nhánh cây làm chúng tôi càng thêm ớn lạnh. Lúc bình tĩnh lại, tôi tự trấn an: "Nếu thật sự BỐ về thì có gì mà sợ! BỐ thương con của BỐ lắm mà! " Lần đầu thấy cảnh lạ lùng này cả hai chúng tôi đều ngạc nhiên quá độ nên mới hoang mang như vậy. Sau này bình tâm lại tôi mới nhớ ra, ngày xưa chính tôi đã bỏ lá thư xanh cuối cùng

của BỐ vào phong bì màu trắng vì sợ lâu ngày sẽ bị rách nát nếu không bọc cẩn thận.

Mọi chuyện ngẫu nhiên và trùng hợp xảy ra ở trên gần như có một sức mạnh vô hình làm tăng thêm trăm phần tin tưởng và phần khởi cho chúng tôi xúc tiến việc tìm kiếm. Trước tiên, chúng tôi nghĩ cần phải liên lạc ngay với người thân và bạn bè ở Việt Nam để giúp tìm kiếm. Mọi sự hình như BỐ đã sắp sẵn trước và thuận tiện cho chúng tôi. Sau khi nghe chuyện về ngôi mộ thất lạc của BỐ tôi, ai cũng sẵn lòng giúp đỡ. Vợ chồng anh chị ruột của cô em dâu tôi, anh Cương và chị Mai, lúc đó đang ở Việt Nam và thường hay đi lại buôn bán ở vùng gần Bù Gia Mập, hứa sẽ đi xuống đó để dò thăm tin tức. Bạn bè trường của tôi ở Việt Nam hồi còn trung học, hiện chúng tôi vẫn liên lạc qua lại email, cũng sốt sắng hứa giúp đỡ tìm kiếm thêm tin tức.

Anh Cương và chị Mai thật tích cực và hết lòng, bỏ dở dang công việc đang làm, vội lái xe Honda đi lên Bù Gia Mập, một vùng rừng núi gần biên giới Việt Miên Lào để tìm kiếm giùm. Vùng này bây giờ thay đổi khá nhiều do khai phá cho trồng trọt và công nghiệp du lịch. Hồi han qua lại thì có người chỉ cho anh chị biết chỗ các trại giam tù cải tạo hồi đó. Tìm tới nơi thì anh chị gặp được một ông cán bộ Cộng Sản già đã từng làm trong các trại. Ông này đem anh chị ra một ngọn đồi thấp và chỉ cho chỗ có mộ chôn. Vì qua ngày tháng không được chăm lo, các nắm mộ này bị nắng mưa bào mòn, gần như bị phẳng lỳ và không còn gì dấu tích của bia đá. Hai anh chị không thấy ngôi mộ duy nhất như chúng tôi đã kể mà thấy có tới ba nắm mộ cũng nằm lưng chừng đồi. Ở vùng này bắt sóng được cho điện thoại cầm tay nên anh chị vội vàng gọi điện thoại ngay cho tôi biết. Nghe qua, tôi quá thất vọng, nhưng cũng đành liều đề nghị chị Mai thuê người để đào ba ngôi mộ đó lên, gửi xương cốt của cả ba để tôi đem thử DNA ở bên Mỹ này. Chị Mai rất

ngắn ngại và không dám làm như vậy. Giờ nghĩ lại tôi thấy lúc đó sao tôi liều lĩnh và ngu ngốc thế! Đào mộ lên là điều tối kỵ mà từ trước đến giờ chẳng ai dám. Lúc đó, lại bắt đầu mùa mưa tại Việt Nam nên mưa xảy ra thường xuyên và rất lớn tại vùng đồi núi này. Anh chị Cương thật là cực khổ gian nan vì phải lái gấn máy chạy qua những đường đất bùn lầy trong mưa tầm tã. Thấy thương cho anh chị, tôi đành khuyên anh chị trở lại Sài Gòn lo công việc, chờ cho lúc tôi tìm thêm tin tức mới.

Chúng tôi tuy thất vọng nhưng không muốn vội bỏ cuộc ngay. Ngay tối hôm đó, ông xã tôi tiếp tục lên internet để tìm kiếm các web site do các cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hoà lập ra, với hy vọng mong manh tìm được người quen biết BỐ tôi. Liên lạc email được với bác Trương thuộc binh chủng Bộ Binh, ông xã tôi vội cho bác ngay tất cả tài liệu về hòm thư, tên và chức vụ của BỐ tôi. Bác Trương hứa sẽ chuyển cho các anh em thuộc binh chủng khác và thêm những web sites khác để liên lạc. Cả hai chúng tôi tiếp tục tìm kiếm và liên lạc đủ mọi chỗ. Ngoài việc yết tin tức tìm người trên các web site, ông xã tôi còn liên lạc với hội tù nhân cải tạo tại Houston rồi đến hội ủy lạo các thương phế binh tại Santa Ana. Có người còn khuyên chúng tôi nên liên lạc với các nhà ngoại cảm (psychic) ở Việt Nam để giúp tìm kiếm.

Vài ngày trôi qua, chúng tôi bắt đầu trở lại cuộc sống hiện thực trong niềm thất vọng. Đột nhiên đến ngày thứ ba, ông xã tôi mừng rỡ gọi cho tôi khi nhận được email từ Bác Trương, đính kèm theo email của một bác tên Mạnh Đình, hiện đang cư ngụ ở Minnesota, Bác Mạnh là một người bạn quen thân với BỐ tôi từ lúc Bác mới ra trường Võ Bị Đà Lạt. Lúc BỐ tôi là Chỉ Huy Trưởng trung tâm huấn luyện Phù Cát, bác Mạnh thường tới huấn luyện cho các binh lính ở trung tâm này và mãi sau này, lúc BỐ tôi về làm Chỉ Huy Trưởng trung tâm huấn luyện nghĩa quân liên tỉnh Định Tường thì Bác cũng vẫn lui

tới chơi bài “phé” hay “chấn” với BỐ, không biết tôi dùng chữ có đúng không vì tôi không hiểu các trò chơi này. Tình thân mấy chục năm giờ lại thêm thân thiết khi hai người lại đi học tập cải tạo chung một chỗ, và Bác cũng chính là người đưa tiền quan tài của BỐ tôi xuống huyệt sâu.

Chúng tôi quá mừng rỡ như những người sắp đuối với được phao, liền liên lạc ngay với Bác qua điện thoại và Bác cho biết rất nhiều chi tiết quan trọng. Trại Bù Gia Mập chỉ là trại sơ khởi trước khi họ tiến hành đưa ra Bắc. Bác Mạnh kể rằng BỐ tôi lúc ở Bù Gia Mập đã bắt đầu chuyển bệnh đau bao tử. Mỗi ngày bị bắt vào rừng đày ải đốn cây thật là cực nhọc. Vì ăn uống thiếu thốn, bệnh BỐ tôi trở nặng, và trên đường sửa soạn đi ra Bắc, BỐ tôi đã bỏ mình ở Bù Loi, một trại tù chuyển tiếp, ở một vùng Sóc người Thượng gọi là Sóc Bom Bo, cách Bù Gia Mập vài dặm đường. BỐ tôi là người đầu tiên và cũng là người duy nhất được chôn cất trên “ngọn đồi 300” như đã nêu ở trên. BỐ được các bạn đóng cho một cái hòm lấy từ gỗ trong rừng thật nặng và tốt lắm. Sau này các anh em thương tình còn dựng lên một cây Thánh Giá gỗ rất cao ở trên đồi. Bác Mạnh tuy đã lớn tuổi nhưng trí nhớ thật minh mẫn, bác cho chúng tôi biết nhiều chi tiết về địa điểm rất quan trọng trong việc tìm kiếm mộ của BỐ tôi.

Ngày hôm sau, chúng tôi vội liên lạc ngay với anh chị Cương, nhờ anh chị làm thêm một chuyến nữa. Lần này sẽ hướng về Sóc Bom Bo để tìm kiếm. Các bạn tôi ở Việt Nam lúc đó cũng thật tích cực và sốt sắng, cho biết đã hẹn ngày để cùng đi tìm giúp. Khi anh chị Cương tới nơi thì được biết trại tù cải tạo lúc trước đã biến thành trại cải huấn các người nghiện ngập. Phía sau trại có một nghĩa trang nhưng tràn ngập các ngôi mộ của các người chết vì bệnh nghiện ngập. Những ngôi mộ này nằm ngổn ngang, một số thì còn mộ bia còn một số khác thì qua nắng mưa dãi dầu, mồ đất và bia đá không còn tồn tại. Lúc đó những tia sáng hy

vọng tìm kiếm mộ Bố tôi hoàn toàn vụt tắt. Chúng tôi, trong sự mệt mỏi và chán nản, gởi lời cảm ơn anh chị Cường và chúc anh chị lên đường trở về Sài Gòn bình an.

Tối hôm đó, trong lúc dùng cơm tối, vợ chồng tôi nhận được điện thoại của bác Mạnh. Bác hỏi cho biết là đã dặm hỏi thêm và tìm ra chỗ chính xác, trại đó ở một làng gọi là Sóc Bom Bo 2, mà hôm trước anh chị Cường thật sự chỉ tới Sóc Bom Bo 1. Chúng tôi nghe mà tâm hồn buồn vui lẫn lộn, không dám nuôi hy vọng qua những tin tức này. Biết được địa điểm chính xác mộ của Bố tôi thì thật sự có giúp được gì nếu vạn vật sau 30 năm đã quá thay đổi? Những dữ kiện anh chị Cường cho biết khi thấy những ngôi mộ tại trại Bù Gia Mập và ở Sóc Bom Bo 1, làm cho tôi càng thêm vô vọng. Năm mồ trên mộ Bố tôi có thể đã bị năm tháng bào mòn và bia đá chắc không còn hiện hữu, chưa kể hàng trăm ngôi mộ không bia khác mọc lên sau này thì làm sao mà có thể phân biệt được mộ nào là mộ Bố tôi? Nhưng lạ thay lúc đó bác Mạnh có lòng tin tưởng rất lớn, bác cứ khẳng định lần này là đúng chỗ, và bảo đảm chúng tôi sẽ tìm được mộ Bố. Không hiểu Bố tôi có linh thiêng báo cho bác biết trước hay chăng?

Chúng tôi thật gắng gượng, nhưng cũng rất ngại ngùng vì đã quá làm phiền anh chị Cường, gọi báo ngay cho hai anh chị và xin anh chị cố gắng đi thêm một lần chót. Lần này chị Mai bận rộn nên anh Cường đi cùng với người anh họ để xuống Sóc Bom Bo 2. Tới nơi thì được biết trại cải tạo cũ đã biến thành nơi dân cư trú ngụ và đất được khai hoang để trồng khoai sắn. Anh Cường quá chán nản, trời bỗng đổ mưa to. Hai anh ghé vào quán bên vệ đường để trú mưa và chờ tạnh mưa sẽ đi tìm kiếm tiếp. Hai anh hỏi thăm bà chủ quán về ngôi mộ thì bà chủ quán nói rằng bà thường nghe thằng con nhỏ 10 tuổi của bà nhắc về một ngôi mộ lưng chừng đồi mà nó thường đi

ngang qua. Bà vội kêu nó tới thì nó xác nhận có thấy ngôi mộ và gần đây tên trên bia mộ được sơn lại màu đỏ nên nó càng để ý. Sau đó mưa tạnh, thằng bé dẫn đường chỉ lối cho hai anh tới chỗ đó, thì thấy một ngôi mộ nằm lẻ loi trên sườn đồi bên cạnh một con đường mòn. Trên mộ những hòn đá xanh rêu to nhỏ được đắp lên nhau thành một nắm mồ to. Phía trước, tấm bia xi măng dựng đứng với những hàng chữ sơn đỏ. Trên đầu bia có hình Thánh Giá, và kể dưới, dòng chữ khắc "GIUSE TRẦN MẠNH ĐÀM" hiện nét rõ rệt. Hai anh em anh Cường vừa ngỡ vừa sung sướng reo lên rí rít: "mộ ông Đám đây rồi, quả thật mộ ông Đám đây rồi!!" Nếu Bố tôi linh thiêng, lúc đó chắc Bố vui lắm, vì Bố đã soi sáng dẫn đường cho mọi người chúng tôi đi tìm quá ư tốt đẹp.

Anh Cường thật mừng rỡ vội điện thoại ngay cho chúng tôi, lúc đó là 6:00 AM bên Texas. Tôi và ông xã rú lên mừng rỡ. Anh Cường đọc những chi tiết trên mộ từ ngày sinh tháng đẻ, tên thánh, cho đến ngày tử dương lịch và âm lịch đều đúng cả. Thật may mắn lạ lùng! Nếu trời không mưa to và hai anh không ghé lại quán nước này thì làm sao gặp được thằng bé. Mọi việc cứ như có bàn tay sắp đặt, chỉ lối dẫn đường vậy. Cúp điện thoại xong tôi vẫn còn bàng hoàng tưởng như trong mộng. Tôi chợt nhớ ra ngày hôm đó cũng chính là ngày sinh nhật của người con trai trưởng của Bố tôi, người con trai mà Bố Mẹ tôi khẩn cầu và mong muốn nhất sau 5 lần Mẹ sanh. Cả ba chúng tôi về Việt Nam được hai ngày. Tới khuya ngày thứ ba, xe đồ bốc mộ của nhà quản Vĩnh Phước gửi tới tận khách sạn để đi cùng với một số bà con họ hàng và thầy cô bạn bè của trường tôi. Thật cảm động biết bao đi xa như vậy mà họ hàng cùng bè bạn không gian nan mệt nhọc. Chúng tôi khởi hành rời khách sạn khoảng 2:00 AM, tới 4:00AM thì tới điểm hẹn với Cha Công Giáo là người anh ruột

của cô em dâu và tất cả các anh chị của cô em dâu ở một quán ăn bên vệ đường. Chúng tôi cùng ghé vào ăn sáng. Đây là một quán ăn nhỏ, nhưng bán khá đầy đủ: nào phở, cơm, cà phê, nước ngọt, v. v. Sau đó chúng tôi lại tiếp tục lên đường để tới Sóc Bom Bo 2 ngay vì theo phong tục bóc mộ phải làm trước khi mặt trời mọc.

Đi đông như vậy thật vui, xe nọ gọi xe kia ơ ơ vì cứ sợ bị lạc. Trên xe, tôi được ôn lại những kỷ niệm vui buồn với các bạn cùng trường. Đúng là ba bà bốn chuyện, trong xe náo nhiệt cười đùa hầu như không lúc nào ngưng... Tờ mờ sáng, chúng tôi đã tới gần Sóc Bom Bo. Cảnh vật hai bên đường thay đổi quá nhiều, tôi không có một ấn tượng gì ngày xưa tôi đã từng đặt chân tới nơi này. Bây giờ nhà cửa khách sạn mọc lên khắp nơi, đường phố được sửa sang và cải tiến thành một nơi du lịch cho khách phương xa.

Tới Sóc Bom Bo 2, chúng tôi buộc phải xuống xe vì đường vào rừng để đi tới mộ quá hẹp. Dân địa phương ở đó khuyên như vậy, nhưng ông tài xế xe chúng tôi cứ muốn lái cả xe vào vì thấy trong xe toàn đàn bà con gái chân yếu tay mềm đi bộ vô rừng như vậy tội nghiệp. Thế là các xe khác cũng bắt chước nối đuôi theo. Mặc dầu đã được cải tiến nhiều so với ngày xưa, nhưng đường đất đỏ chông chênh khúc khuỷu. Những nhánh cây hai bên đường đập vào thành xe và kiếng xe liên tiếp. Tôi ngồi ngoài cùng cứ tưởng như nhánh cây sẽ đập vào mắt và trong lòng cứ lo sợ xe có thể bị chết máy thì làm sao về lại Sài Gòn? Có lúc xe không đi được nữa vì phải lên một dốc cao, bác tài phải kêu chúng tôi xuống bớt rồi sau đó lại leo lên xe tiếp tục vào rừng.

Cuối cùng chúng tôi cũng tới mộ. Vừa thấy ngôi mộ đơn độc nằm buồn tẻ trên lưng chừng đồi, mắt tôi nhòa lệ, tôi tưởng tượng đêm đêm BỐ về ngồi trên mộ khóc một mình vì xa vắng vợ con, không một ngôi mộ nào bên

cạnh để chuyện trò làm bạn với BỐ làm lòng tôi đau xót. Tôi thảm nhủ:

" BỐ ơi! hôm nay vợ chồng con và em Hoàng tới mang BỐ về để đoàn tụ với Mẹ và tất cả chúng con bên Mỹ. Từ nay BỐ sẽ không một mình ở đây nữa. BỐ chắc vui lắm BỐ hả? " Sau khi Cha dâng lễ xong thì nhà quản bắt đầu đào mộ. Mọi người ai cũng hồi hộp không biết cả 30 năm có còn hài cốt dưới đó không? Ông bà chủ vườn mà ngôi mộ của BỐ nằm trong còn kể rằng: " Đã hai lần chính quyền địa phương cho xe truck lớn tới tảo mộ đi, nhưng khi tới mộ của BỐ cô là xe bị hư. Lần nào cũng vậy! Lần này họ nói sẽ tới nữa. Tôi định đăng báo tìm thân nhân của Ông. Chưa kịp đăng thì người nhà của cô đã tới nhận mộ. Không biết có phải đây là ý của Ông đưa đẩy để về với gia đình không? "

Trong lúc đào mộ như vậy thì Mẹ và các anh chị em của tôi bên Mỹ đều hướng về đây. Ông xã tôi và anh chị của cô em dâu đều để điện thoại cho người bên Mỹ nghe được tiếng cuộc tiếng xềng và báo cáo ngay từng chi tiết của việc đào mộ. Đang đào thì trời chợt đổ mưa. Mọi người phải tìm những cây to và giăng dù để trú mưa. Mẹ và các anh chị em bên Mỹ đang lo lắng thì chưa đầy vài phút mưa ngừng hẳn. Mọi người lại tiếp tục đào cho đến khi thấy được bọc ny lông gói tròn hình hài của BỐ tôi trong đó. Theo năm tháng chiếc hòm đã mục nát rồi. Tôi, em trai tôi, và ông xã cùng các anh chị bà con đều không cầm được nước mắt khi thấy hình dạng khuôn đầu của BỐ tôi hằn trên bọc ny lông đó. Ai cũng nói BỐ tôi cao quá vì bạch ny lông thật dài. Tôi càng xúc động hơn và biết chắc đúng là BỐ tôi 100% khi nhìn thấy cái túi xách của hãng máy bay "Pan Nam" mà BỐ tôi dùng để đựng những đồ lặt vặt trong đó. Cái túi này hằn sâu trong tâm trí tôi với bao kỷ niệm ngày BỐ đi học tập cải tạo, cái túi đã suýt bị bỏ quên vì BỐ tôi quá đau buồn nên chẳng nhớ để mang theo. Tôi đã chạy theo để đưa cho BỐ rồi

nhìn Bố mờ dần trong nước mắt tuôn trào...Giờ đây cái túi "Pan Nam" đó vẫn còn nhưng Bố tôi đã mãi tận nơi nao... Sau khi nhà quàn làm những việc cần thiết, họ cho tôi đặt một món đồ riêng để làm dấu chứng tỏ là chiếc hộp nguyên vẹn và không hề bị mở ra khi về tới nhà quàn bên Mỹ. Cha làm lễ vừa xong thì mưa lại ào ồ. Mọi người lần lượt ra về trong niềm vui vì việc bốc mộ đã được hoàn thành tốt đẹp. Tôi nhìn lại chỗ đất Bố tôi nằm lần chót, rắng khắc ghi vào đầu quang cảnh nơi này để nhớ hoài những kỷ niệm đã qua...

Cha Đồng thật tốt, đã không quản ngại đường xá xa xôi, lúc mới tìm ra mộ Cha đã tới làm lễ, ngày táo mộ Cha cũng đi và Cha cũng đã dâng thánh lễ trong nhà thờ cho Bố của tôi. Chúng tôi về Việt Nam tuy chỉ có ba người nhưng thấy thật vui và hạnh phúc khi được bạn bè, họ hàng và anh chị bên cô em dâu của tôi tham dự thật đông. Ngoài anh Cương chị Mai, vợ chồng anh Luyện (một người anh khác của cô em dâu) cũng thật tận tình giúp đỡ mọi chuyện: từ việc làm bức hình trạm trở thật đẹp cho Bố tôi, đến việc xếp đặt mọi chuyện trong nhà thờ và thuê người giùm để thuê video lúc táo mộ. Video rất đẹp, đầy đủ và rõ ràng. Anh Cương chị Mai đã tìm mộ vất vả mệt nhọc và còn lo mọi chuyện từng ly từng tý cho chúng tôi. Chị Mai còn cẩn thận mua hoa, cắt sẵn khăn tang trắng để ba đứa chúng tôi và các anh chị bà con đội đầu lúc táo mộ của Bố. Chúng tôi ở lại Việt Nam thêm 4 ngày, không đi chơi đâu cả ngoài họp mặt thầy cô bạn bè trong trường và thăm viếng họ hàng ở Sài Gòn.

Về lại Mỹ, chúng tôi xúc tiến để Bố an nghỉ ở một vùng nghĩa trang thật an bình trong vùng Southwest Houston. Tang lễ Bố rơi vào

mùa lễ Tạ Ơn năm đó nên được thật nhiều ý nghĩa. Trong ngày tang lễ tại nhà quàn Vĩnh Phước ở Houston, có các Chú Bác của trường Võ Bị Sĩ Quan Thủ Đức tới đọc lời đưa tiễn và phủ cờ vàng ba sọc đỏ trên quan tài của Bố. Thật cảm động cho tình huynh đệ chí binh mà các chú Bác dành cho Bố. Bác Đàm Quang Hưng, dịch giả "Liêu Trai Chí Dị", một Giáo sư Toán của những trường ở VN như Trưng Vương, Phục Hưng, v. v. đã làm bài thơ thật hay để tặng cho Bố của tôi: Tường Nhớ Cố Trung Tá Trần Mạnh Đàm Nhân lễ cầu hồn và cải táng 11/24 2007. Gặp thời buổi Quốc gia biến loạn. Chí nam nhi chẳng quản gian truân Ra đi nhập ngũ tòng quân Quyết tâm bảo vệ nhân dân nước nhà Nào ngờ vận số hà bệ tắc Quốc gia vong, thân mắc lao tù Hiên ngang đối diện kẻ thù Anh hùng rạng vẻ trường phu họ Trần. Đàm Quang Hưng

Giờ đây ở một nơi xa xôi nào đó hay đang trên Thiên Đàng với Chúa, chắc Bố đang nhìn xuống đàn con để che chở và cầu nguyện, xin Chúa ban phước lành và hạnh phúc cho từng đứa con của Bố. Tôi thường tin tưởng như vậy để tự an ủi mỗi khi gặp những khó khăn hay những lo buồn trong cuộc đời trần gian ngắn ngủi này. Mộ Bố giờ đã xanh cỏ. Chỗ Bố nằm thật yên tĩnh và mát mẻ. Mẹ và chị em chúng tôi thường tới thăm Bố và đọc kinh cho Bố. Mỗi lần đứng trước mộ Bố, tôi như thấy Bố đang mỉm cười với tôi, nụ cười hiền hoà thương yêu như ngày xưa lúc tôi còn nhỏ dại.

Để kỷ niệm về Bố, tôi cũng ghi lại đây bài thơ tôi làm cho Bố nhân ngày lễ đám tang bố hồi tháng 11 năm 2007. Bài thơ này đã được ông xã tôi là Khoa Lân (Minh Khoa) phổ nhạc và hát để tặng cho Bố của chúng tôi.

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

(Texas)

KHÓC CHA BỎ MÌNH NƠI RỪNG SÂU

Lệnh truyền xuống Cha phải đi cải tạo
Hành trang theo là những nỗi xót xa
Cùng nhớ thương lo lắng ngập lòng Cha
Hồn chới với lệ sâu Cha tuôn mãi

Cha bước đi rồi lại quay nhìn lại
Vẫy tay chào từ biệt ngấn ngơ thương
Hai bên đường hoa rũ cỏ sâu vương
Như buồn tiễn người hùng nay thua trận

Nhìn bóng Cha mờ dần con khóc hận
Biết ngày nào Cha trở lại chốn đây
Mẹ xác xơ hồn phủ ngập sâu đây
Ôi đoạn trường sao chua cay mặn đắng

Nhớ ngày nào Cha giúp con sót sáng
Ngồi hàng giờ giảng bài toán khó khăn
Cùng phiên dịch cuốn truyện môn Anh văn
Ôi tình Cha bao la sao kể xiết

Ngày được lệnh thăm Cha nơi rừng biếc
Núi đồi cao cùng ghềnh đá cheo leo
Lác đác vài căn nhà lá đèo heo
Cây câu khi tả tơi gần gãy đổ

Cha bước ra mặt vương đầy khắc khổ
Và gầy đi trong tiêu tụy thật nhiều
Lao động nhọc nhưng ăn chẳng bao nhiêu
Trông tàn úa như ngọn đèn sắp tắt

Mẹ thỏ thẻ hứa một lòng son sắt
Phụng dưỡng già dạy trẻ để thay Cha
Lo chu toàn dù khó nhọc xót xa
Chờ Cha về vậy vui duyên tơ thắm

Rồi đến giờ Cha trở vào trại cấm
Mẹ và con trở lại chốn thành đô
Gởi lại đây rừng xa vắng lá khô
Cùng dòng suối thở than buồn sâu vắng

Lâm bạo bệnh vì nhớ nhà canh cánh
Không thuốc men Cha rên xiết từng cơn
Cúi lạy Chúa Cha thành khẩn van lơn
Cho Cha sống để vui ngày đoàn tụ

Nợ trần gian Cha đã tròn đầy đủ
Bỏ lại đây đời nghiệt ngã đón đau
Về nước Chúa Cha tiến thẳng bước mau
Trong lòng vẫn thương về con và vợ

Ôi Cha hồi nhớ nào Cha không ngờ
Đàn con Cha côi cút khóc phận buồn
Mẹ đắng cay từng ngày tháng đau thương
Sầu lẻ bóng Mẹ tủi hờn gôi chiếc

Xác Cha đã chôn ở nơi rừng biếc
Lẻ loi nằm tận dưới nấm mộ sâu
Lung chừng đời đến nay cũng đã lâu
Không hương khói vì chúng con nào biết

Chúa nhân lành ban ơn không kể xiết
Giúp chúng con đã tìm được Cha hiền
Ba mươi năm dù xa cách triền miên
Ngày đoàn tụ gia đình rồi cũng đến

Trước vong linh Cha chúng con thương mến
Dâng lên Cha lời kinh thánh nguyện cầu
Đề tỏ bày những ơn nghĩa khắc sâu
Cha yêu kính chúng con hằng nhớ mãi.

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

(Texas)

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Lời một người du khách trích từ Quốc Văn Giáo Khoa Thư hẳn đúng với ý nghĩ của phần đông trong chúng ta: "Cảnh đẹp mắt tôi trông thấy đã nhiều, nhưng không đâu làm tôi cảm động, vui thú bằng lúc trở về chốn quê hương". Nhưng đâu phải chỉ có chốn quê hương mới làm ta cảm động. Những vùng đất kỷ niệm của một thời quá khứ cũng đáng cho ta trân trọng và luôn mang trong lòng một mối cảm hoài.

Phác họa vài nét xưa của Sài Gòn qua tài liệu góp nhặt đó đây hay tấm ảnh đã nhuộm màu thời gian, chúng ta sẽ cùng nhau thăm lại cảnh cũ đường xưa, nhớ lại nếp sống của các bậc tiền nhân, ôn lại thăng trầm của lịch sử. Ngược dòng thời gian, chúng ta xem qua lược sử cuộc Nam tiến. Đến Thương Cảng Sài Gòn trên chiếc tàu tưởng tượng. Sau đó nhìn lại sự chuyển mình của một đô thị trong giai đoạn Tây phương hóa. Từ Cột cờ Thủ Ngữ chúng ta bắt đầu cuộc du ngoạn dọc theo khu Bến Tàu, rồi tuần tự rảo qua các đường phố chính. Ước mong bạn sẽ tìm thấy những nét thân yêu của dĩ vãng qua từng bước lẫm du trên vỉa hè Sài Gòn xưa.

ĐÔI DÒNG LỊCH SỬ

Khoảng đầu thế kỷ XVII, trong lưu vực Sông Đồng Nai và Sông Mê Kông thuộc lãnh thổ Cao Miên, đã có lưu dân Việt đến khẩn hoang lập ấp, sống xen lẫn với người Khmer. Mãi đến 1623, sau cuộc hôn nhân của Vua nước Cao Miên Chey Chetta II với

Công nữ Ngọc Vạn, con gái Chúa Sãi, chính quyền Việt mới chính thức được phép đến lập trạm thu thuế tại Sài Gòn (Prei Nokor, vùng Chợ Lớn nay) và Bến Nghé (Kas Krobei, Quận I Sài Gòn ngày nay).

1674 - Do vụ tranh chấp quyền lực trong triều đình Cao Miên, Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần sai quan quân đến giúp giải quyết xung đột, phong Nặc Ông Thu làm chánh vương đóng đô tại Oudong, Nặc Ông Nộn làm Phó vương tại Sài Gòn.

1679 - Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần cho lập Đồn dinh Tân Mỹ (khoảng góc Tổng nha Cảnh sát cũ, gần Chợ Thái Bình), vừa bảo vệ Phó vương Cao Miên, vừa chăm lo việc tổ chức hành chánh và bênh vực quyền lợi dân cư người Việt.

1697 - Phó vương cuối cùng tại Sài Gòn là Nặc Ông Yêm, trở về Kinh đô Oudong kết hôn với con gái của Chánh vương Nặc Ông Thu, từ đó Sài Gòn không còn vị thủ lãnh Cao Miên nào nữa.

1698 - Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh, thừa lệnh Minh Vương Nguyễn Phúc Chu, vào đất Nông Nại (tức toàn Miền Nam ngày nay) lập Phủ Gia Định, chia làm hai dinh: Phiên Trấn và Trấn Biên. Bến Nghé và Sài Gòn là hai trung tâm thương mại và hành chánh quan trọng, thuộc về Dinh Phiên Trấn, Huyện Tân Bình.

1731 - Giặc Sạ Tốt xách động người Cao Miên nổi lên cướp bóc, sát hại người Việt, xong kéo nhau đến tận Sài Gòn. Thống binh Trần Đại Định đem quân đi dẹp

giặc. Sau khi đánh tan quân Sá Tôt, ông lo việc đắp Lũy Hoa Phong để ngừa hậu họa.

1772 - Thống suất Nguyễn Cửu Đàm mang quân đánh đuổi giặc Xiêm La do Trịnh Quốc Anh cầm đầu, đang chiếm đóng Hà Tiên, Nam Vang và đe dọa tấn công Sài Gòn. Sau khi chiến thắng quân địch, ông cho đắp Lũy Bán Bích để bảo vệ Thành phố và Thương Cảng Sài Gòn - Bến Nghé.

1775 - Quân của Chúa Trịnh chiếm Phú Xuân, Định Vương Nguyễn Phúc Thuần và cháu là Nguyễn Phúc Ánh chạy vào Gia Định lánh nạn. Năm sau Nguyễn Lữ tiến đánh Sài Gòn, bắt đầu cuộc chiến 12 năm (1776-1788) giữa Chúa Nguyễn với Tây Sơn để giành giật vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất tại miền Nam. Tây Sơn làm chủ Sài Gòn cả thảy bốn lần.

1788 - Nguyễn Phúc Ánh chiếm lại Sài Gòn, lập Gia Định Kinh, xây Thành Bát Quái (Thành Quy) vào năm 1790, lấy Sài Gòn làm căn cứ xuất quân đánh Tây Sơn. Năm 1802, sau khi thống nhất đất nước, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long.

1811 - Vua Gia Long đóng đô tại Huế, Gia Định Kinh đổi thành Gia Định Thành, đặt dưới quyền cai trị của quan tổng trấn.

1832 - Tổng trấn Lê Văn Duyệt mất, Vua Minh Mạng đổi Gia Định Thành ra Phiên An Thành, do quan tổng đốc cầm quyền.

1836 - Sau khi dẹp xong cuộc nổi loạn



của Lê Văn Khôi (1833-1835), Vua Minh Mạng cho phá bỏ Thành Quy, xây Thành Phụng nhỏ hơn.

1859 - Pháp đánh chiếm Thành Gia Định. Thành phố Sài Gòn bị đặt dưới ách thống trị của Pháp suốt hơn 90 năm.

XUYÊN RỪNG SÁC ĐẾN SÀI GÒN

Tương tượng chúng ta là những du khách đáp chuyến tàu thủy đến thăm Sài Gòn vào đầu thế kỷ XX, dưới thời Pháp thuộc. Thời ấy, phương tiện chuyên chở từ nước ngoài đến Sài Gòn chỉ có tàu thủy, từ Biển Đông vào Cửa Cần Giuộc, đi xuyên qua Rừng Sác bằng sông ngòi phức tạp. Đến nay lộ trình này vẫn không đổi, lại còn dễ dàng hơn xưa nhiều.

Tàu còn xa ngoài khơi nhưng du khách đã nhận ra Mũi Vũng Tàu. Càng tiến đến gần bờ, ta thấy càng hiện rõ dần mấy ngọn núi thấp, đỉnh tròn, phủ đầy cây xanh. Đứng chót vót trên đỉnh Núi Nhỏ từ năm 1862, ngọn hải đăng đêm đêm chiếu xa hơn 50 cây số, soi đường chỉ hướng cho tàu thuyền vào

Vịnh Gành Rái và Cửa Cần Giờ.

Tàu buôn hay tàu thư đến Sài Gòn đều cần có hoa tiêu hướng dẫn, nên tàu dừng lại chờ trong Vịnh Hàng Dừa, ở phía Bãi Trước Vũng Tàu. Những cờ hiệu được kéo lên để truyền tin cho đài tín hiệu trên bờ về tình trạng của tàu, số hành khách, v. v. Vịnh Hàng Dừa là khu vực khuất gió Đông Bắc, tàu lớn cũng như ghe biển của ngư phủ đến thả neo tại đây. Nơi Bãi Trước có bến tàu dành cho các hoa tiêu, họ được chở ra đến tận tàu lớn. Vào lúc hoa tiêu bước lên tàu chúng ta, đài điện tín đã báo tin cho Nha Thương Cảng Sài Gòn có tàu sắp đến.

Tàu lại tiếp tục cuộc hành trình xuyên qua Vịnh Gành Rái tiến về Cửa Cần Giờ. Vịnh Gành Rái là vùng biển yên tĩnh, quanh năm tàu thuyền có thể dừng lại tránh bão vào những ngày sóng to gió mạnh. Làng Cần Giờ nằm trên mũi đất cạnh cửa sông, bên phía Tây Vịnh Gành Rái, cách Vũng Tàu khoảng 12 cây số. Ghe thuyền của các lái buôn đi lại giữa Vũng Tàu và Cần Giờ, cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho các tàu ngoại quốc. Ban đêm, lối vào cửa sông được báo hiệu bằng đèn, chỉ đường cho tàu tránh những cồn cát ngầm.

Giữa Rừng Sác chỉ chít những cù lao lớn nhỏ, chỉ có một số sông ngòi đủ sâu, rộng, nước chảy điều hòa mới tiện đường giao thông cho tàu trọng tải lớn. Vì những sông ấy chảy ngoằn ngoèo nên từ Cửa Cần Giờ đến Sài Gòn tàu phải vượt qua hơn 80 cây số, nhưng nếu tính theo đường chim bay thì chỉ vào khoảng 40 cây số. Đó là những đoạn sông "kỳ diệu" tiếp nối nhau, chiều rộng khoảng 250 đến 300m, đáy sâu từ 9 đến 12m lúc nước ròng. Nhờ luồng thủy triều khá mạnh, bùn không đọng lại dưới đáy sông, độ sâu vẫn ổn định mà không cần nạo vét, trừ vài nơi ta thấy đèn báo hiệu vị trí nguy hiểm, độ

sâu chỉ còn 7m lúc mực nước triều thấp nhất. Nhưng đã có viên hoa tiêu hướng dẫn tàu tránh bị mắc cạn vì cồn ngầm dưới đáy sông, nhất là nơi mấy khúc uốn nối tiếp nhau. Loại tàu dài tới 180m và lườn sâu 9m dưới mặt nước đều có thể đến Sài Gòn cách dễ dàng. Thường thì tàu chạy theo luồng nước của thủy triều, nhưng cũng có thể chạy vào bất cứ lúc nào. Mỗi ngày thủy triều lên xuống hai lần, mực chênh lệch giữa nước lớn và nước ròng có thể tới 3,5m tại Bến Tàu Sài Gòn.

Tàu vào Sông Ngã Bảy, con sông đầu tiên chúng ta gặp cạnh Cửa Cần Giờ. Đứng trên boong tàu cao, giữa dòng sông quá rộng, ta có cảm tưởng hai bờ càng thấp và lùi xa. Dòng sông nước đục đầy phù sa chảy giữa thảm rừng xanh phẳng lặng, giăng trùng trùng đến vô tận, ngoại trừ dãy Núi Dinh hùng vĩ đứng chắn chân trời phía Bà Rịa.

Năm 1782, Thủy quân của Chúa Nguyễn Phúc Ánh phòng thủ trên Sông Ngã Bảy, nhưng không chống nổi lực lượng tấn công vũ bão của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ. Phía Chúa Nguyễn, thuyền trưởng Manuel người Pháp bị tử trận. Đánh tan xong quân của Nguyễn Vương, binh thuyền Tây Sơn tiến chiếm Thành Gia Định.

Tàu đến một ngã tư sông rộng bao la, nơi hội tụ của bốn nhánh: Ngã Bảy, Đồng Tranh, Dừa và Lòng Tàu, ta có cảm tưởng tàu đang lênh đênh giữa hồ nước mênh mông. Chúng ta bắt đầu vào Sông Lòng Tàu. Từ cửa biển đến vùng Nhà Bè, dọc hai bờ hầu như ta chỉ thấy loại rừng nước mặn gồm những loài cây sinh sôi trên đất bùn lầy: mắm, đước, bần, sù, vẹt, dừa nước, v.v. Cụm rừng nước mặn dần dần thưa thớt, thôn xóm thấp thoáng sau mấy bụi chuối, mấy hàng cau. Phía ngoài xa, những mảnh ruộng, vài túp lều sơ sài xây trên thềm đất cao ráo. Hằng mấy giờ liền đi không ngừng ta chỉ

gặp vài tàu buôn chạy ngược chiều. Ghe xuồng xuất hiện lác đác bên những túp nhà sàn, cạnh con rạch cắt ngang bờ rừng ven sông. Đây là xóm của người dân đi khai hoang, sống bằng nghề nông, bừa vào bữa ăn đạm bạc hằng ngày bằng mẻ cá chài dưới sông rạch. Ở đây không có đường sá, họ bơi xuồng len lỏi trong con rạch mất hút dưới rừng bần đước hay giữa vùng đồng ruộng bao la.



Cột cờ Thủ Ngữ năm 1882. Ảnh Le Myre de Vilers

Chúng ta rời Sông Lòng Tàu vào Sông Nhà Bè, dòng sông rộng, bốn bề trống trải. Tàu đến Ngã ba Nhà Bè, quẹo tay trái vào Sông Sài Gòn. Ghe thuyền của người dân địa phương chạy ngược xuôi, càng lúc càng nhộn nhịp. Vào thời kỳ còn hiếm thấy nhà nhiều tầng, đất trống còn rộng thênh thang, phóng tầm mắt về phía Sài Gòn ta nhận ra được vài kiến trúc như Dinh Toàn quyền, tháp nước, đôi tháp chuông Nhà thờ Đức Bà, lúc đầu chỉ là những chấm nhỏ, giờ hiện rõ dần, nổi bật trên nền cây xanh um che phủ vùng đất cao. Tàu còn vượt vài đoạn sông uốn khúc quanh co là đến nơi, mũi tàu quay liên tiếp sang phải rồi sang trái, nên ta có cảm tưởng như hai tháp chuông nhà thờ

SỐ 59

xoay vòng chung quanh tàu.

Qua khỏi khúc quanh chót, tàu đi ngang Vàm Kinh Tế, nơi trước kia Đồn Thảo Cầu (Đồn Nam) đứng trấn giữ cửa ngõ vào Thành Gia Định. Tiếp theo là Thương Cảng Khánh Hội, tàu buôn của nhiều quốc gia đang đậu nối dài tới Vàm Bến Nghé. Cầu tàu Nhà Rồng dành riêng cho công ty Messageries Maritimes. Các công ty khác chia nhau những cầu tàu còn lại trên Bến Khánh Hội hoặc dọc Thương Cảng ở đầu Đại lộ Charner.

Tàu đã đến nơi, Thành phố Sài Gòn trước mắt ta là dãy tòa nhà trắng toát thấp thoáng sau hàng cây xanh ven bên sông. Từ Cột cờ Thủ Ngữ tàu thuyền đậu đầy, nối đuôi nhau tới Quân Cảng, nơi dành riêng cho tàu chiến của Hải quân Pháp. Bên kia sông, tương phản với Sài Gòn hoa lệ, Làng Thủ Thiêm vẫn mang hình ảnh quê nghèo bên cạnh đồng ruộng và đầm lầy.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ SÀI GÒN

Trước khi quân Pháp chiếm Thành Gia Định, tên gọi Sài Gòn dùng để chỉ một khu vực thương mại nơi nhiều Hoa Kiều sinh sống, nay là Chợ Lớn. Trong khi tên gọi Bến Nghé chỉ định Sài Gòn ngày nay, tức là phần đất bên cạnh Sông Sài Gòn (Sông Tân Bình), kéo dài từ Rạch Bến Nghé (Sông Bình Dương) đến Rạch Thị Nghè (Sông Bình Trị).

Thực ra tên Sài Gòn cũng được sử dụng từ cuối thế kỷ XVIII để chỉ định Bến Nghé bao quát cả Thành Bát Quái, như trên bản đồ do Kỹ sư Brun vẽ vào năm 1795, ta đã thấy ghi "Ville de Saigon". Nhưng mãi đến năm 1861 mới có nghị định chính thức nhìn nhận tên Sài Gòn.

Từ Bến Chương Dương qua Bến Bạch Đằng tới đầu Đại lộ Nguyễn Huệ ngày nay,

vào đầu thế kỷ XIX đã là thương cảng trù phú, gồm hai khu chợ nằm hai bên mũi đất cạnh Vàm Bến Nghé :

- Chợ Sỏi hay Chợ Bến Sỏi, ở khoảng đầu Đường Công Lý đến Cột cờ Thủ Ngữ, nguyên xưa là bên nhiều cát sạn, cũng dùng làm chỗ tắm voi ngựa. Đây là nơi buôn bán nhộn nhịp, nhà cửa, tiệm quán san sát trên bờ và ven rạch, người Pháp đặt tên là Rue du Bazar.

- Chợ Bến Thành hay Chợ Bến Nghé, đường đi trên bên bị đứt đoạn vì có hai rạch nước đổ ra Sông Sài Gòn: Rạch Cầu Sáu và Rạch Sa Ngư (nay đã bị lấp thành các Đại lộ Hàm Nghi và Nguyễn Huệ). Chợ họp ven sông rất tấp nập, có bến đò đưa đón khách buôn đến bằng đường sông biển, ghe thuyền họ đậu nối đuôi nhau bên phía Thủ Thiêm.

Đây là phác họa cảnh chợ búa trên bến dưới thuyền theo cụ Trịnh Hoài Đức vào những năm đầu thế kỷ XIX. Riêng Hải quân Đại úy Philastre mô tả khu vực này vào năm 1859, cũng không khác mấy: Trên bờ người dân họp chợ, buôn bán lẻ. Dưới sông rạch ghe thuyền đậu tấp nập. Có nhà lợp ngói hai bên con đường dài nằm dọc theo bên của Sông Sài Gòn và Rạch Bến Nghé. Nhà sàn kê phía sau mỗi căn nhà ven bờ nước đều là cửa hàng xây nhô ra trên sông. Cụ Trương Vĩnh Ký mô tả sơ lược khu vực bên ngoài Cửa Tiền vào thời Gia Long: từ trên bờ dốc phía trước bờ lũy của Thành Quy đi trở xuống, tức là phần đất thấp từ Đường Espagne (Lê Thánh Tôn ngày nay) xuống đến bờ sông, là một phần của khu phố thương mại, nhà cửa và tiệm quán nằm rải rác, đường phố nhỏ hẹp tối tăm chạy xuyên ngang dọc. Theo Trung úy De Ponchalon thuật lại vào năm 1859, Thành Phụng ẩn mình giữa ngàn cây xanh, trông từ xa ta tưởng bốn mặt thành bị che khuất sau những

rặng cây, vườn tược và nhà dân. Đứng nơi bờ sông nhìn lên, ta chỉ thấy một cổng thành ở cuối con đường lớn (Đại lộ Cường Để), cột cờ và mấy nóc nhà kho.



Liên quân Pháp-Tây Ban Nha tấn công Thành Phụng 17-2-1859.

Nhưng tất cả nếp sống thanh bình ấy chấm dứt vào ngày 17-02-1859, khi Pháp và Tây Ban Nha kéo hạm đội đến bắn phá Thành Phụng, đưa quân tấn công mặt thành phía Đông Nam, (ở khoảng Đại lộ Cường Để và Đường Nguyễn Du). Đến tháng 3-1859, Phó Đô đốc Rigault de Genouilly cho phá hủy thành và các đồn nhỏ chung quanh, chỉ giữ lại một đồn phía bờ sông, trùng tu lại và gọi là "Công sự mới" (ở chỗ Nhà thương Đồn Đất), đồng thời trang bị và mở rộng lại Đồn Rạch Bàng (Đồn Nam, cạnh Vàm Kinh Tế ngày nay). Tuy thắng trận, quân Pháp vẫn ở thế cố thủ vì còn bận lo các mặt trận tại Đà Nẵng và bên Trung Hoa, Hải quân Trung tá Jauréguiberry và Hải quân Đại tá d'Ariès thay phiên ở lại chỉ huy một toán quân nhỏ và vài tàu chiến tại Sài Gòn. Trong thời gian bị bao vây, Pháp chiếm các Chùa Cây Mai, Kiểng Phước, Kim Chương, Khải Tường, biến tất cả thành đồn lính và lập "phòng tuyến các chùa". Toán quân này bị cô lập gần hai năm cho đến lúc Charner kết thúc

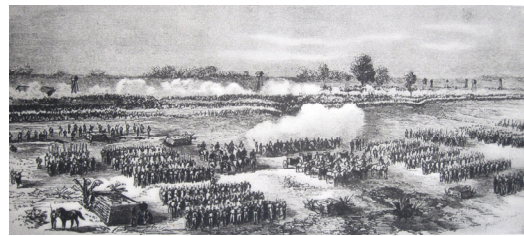
chiến dịch tại Trung Hoa, mang quân tiếp viện quay lại Sài Gòn, chinh đồn xong hàng ngũ, ngày 24 tháng 2 -1861 đánh chiếm Đại đồn Chí Hòa.

Dựa theo địa thế, người Pháp phân biệt lãnh thổ mới chiếm thành hai vùng. Vùng đất cao họ gọi là *plateau*, kéo dài từ Thành Phụng đến Đồng Tập Trận, nơi có những kiến trúc kiên cố như đình chùa, nhà cửa của các quan viên và các người giàu có. Trái lại, vùng đất thấp gần bờ sông và ven các kinh rạch mà họ gọi là *ville basse*, tập trung dân nghèo làm lụng vất vả, sống trong các túp lều tranh, nhà sàn. Nhiều nơi trong vùng này là đầm lầy, nước ngập mỗi khi thủy triều dâng lên, thôn xóm liên lạc nhau bằng cầu khỉ. Vài con đường hẹp được đắp cao hơn mực nước lớn, nối liền khu thành trì xuống đến bờ sông.

Chúng ta trở lại thời kỳ Pháp mới chiếm Gia Định Thành vào năm 1859. Người dân dốt bỏ nhà cửa ra đi lánh nạn hoặc không muốn ở lại hợp tác, hầu như toàn khu vực bị chiếm trở nên tiêu điều hoang vắng. Xưa kia có khoảng 50.000 dân sinh sống trong hơn 40 ngôi làng, nay chỉ còn Làng Chợ Quán được nguyên vẹn. Khi Pháp tạm kiểm soát được an ninh, họ cố lôi cuốn dân về Sài Gòn định cư. Đề đốc Bonard ra nghị định bán đấu giá các lô đất tịch thu của những người dân đã rời bỏ Sài Gòn, trừ phi người chủ cũ trở về chứng minh được quyền sở hữu trước thời hạn quy định. Dân số tăng lên trong giai đoạn 1860-1861, một phần trong số đó là người theo đạo Thiên Chúa kéo đến tị nạn. Một ít làng được người dân xây dựng lại, thông thường họ tập hợp theo gốc gác làng cũ. Ven theo Rạch Bến Nghé, khu vực giữa Chợ Quán và Đường Impératrice (Đường Công Lý) có 5 làng. Dọc theo Rạch Thị Nghè, gần Cầu

Bông, có 4 làng. Năm 1862, dân số ước lượng là 8000 người. Khi chính quyền lấy đất đai xây công thự mới, đào đắp những công trình hoặc vạch thêm đường sá thì nhiều xóm làng bị dời ra các vùng xa hơn, như Làng Tourane (gồm người dân di cư từ Đà Nẵng vào Sài Gòn năm 1859) lúc đầu ở cạnh Vàm Rạch Thị Nghè, sau di chuyển về vùng Cầu Bông vì Pháp lấy đất xây Hải quân Công xưởng.

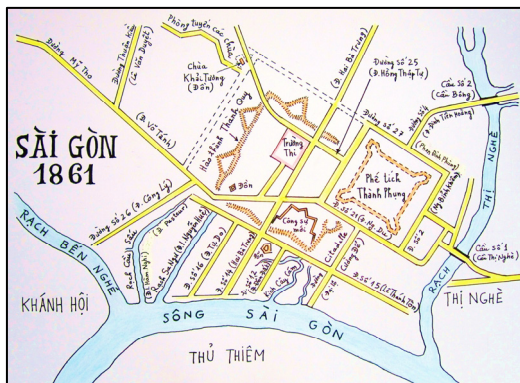
Cuối năm 1859, Đề đốc Page đến thay thế Rigault de Genouilly. Quân Pháp ẩn náu phía sau "phòng tuyến các chùa", xây bệnh viện quân đội, trại lính, nhà ở, kho hàng và mở một thương cảng quốc tế vào ngày 18-2-1860. Cả năm 1861, Sài Gòn đón 251 tàu buôn, trọng tải tổng cộng là 81.600 tấn-nô (tương đương 230.000 mét khối hàng hóa). Tình hình an ninh đối với quân Pháp vẫn còn bấp bênh, nghĩa quân của Trương Định phục kích giết chết Đại úy Barbé, Trương đồn Chùa Khải Tường.



Liên quân Pháp-Tây Ban Nha tấn công Đại đồn Chí Hoà ngày 24-2-1861.

Năm 1861, Đề đốc Bonard ủy nhiệm cho Đại tá Công binh Coffyn lập họa đồ Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, diện tích dự trù cho dân số ước chừng 500.000 người, bao gồm phần đất từ Sông Sài Gòn kéo dài đến Đại đồn Chí Hòa, Phú Thọ, Phú Lâm, Bình Tây. Kế hoạch xây dựng này được chấp thuận và bắt đầu cho thi hành vào

tháng 4 năm 1862. Trên thực tế công trình bị bỏ ngang vì thiếu kinh phí thực hiện, nên Sài Gòn có dáng của một căn cứ quân sự vắng vẻ. Người Việt và Trung Hoa sống tại Sài Gòn chưa tới 10.000 người. Mãi đến 1865, khi Pháp chiếm trọn Nam Kỳ, các xây dựng mới được thúc đẩy trở lại.



Người Pháp muốn biến Sài Gòn thành một thành phố thương mại kiểu phương Tây, có xưởng đóng và sửa chữa tàu thuyền, những nhà kho tiếp tế v.v. Nơi thuận tiện nhất để đặt các cơ quan này là vùng ven sông, nhưng đây là nơi đất thấp và nhiều đầm lầy, nhiều hồ ao, lạch nước, nên khó khăn trước tiên phải giải quyết là đắp nền cho cao ráo, vững chắc. Đứng trước yêu cầu khẩn thiết là phải xây dựng cho nhanh, họ đào thêm nhiều kinh ngay tại vùng đất thấp, mang đất lên bờ bồi đắp vào các chỗ trũng lầy lội. Đây là biện pháp cấp tốc và tạm thời, chỉ được cái lợi trước mắt là thêm nhiều đường giao thông cho thuyền bè, làm lối thoát nước, xóa đi những ao vũng nước tù đọng, nhưng về lâu dài sinh ra lắm bất tiện như xây thêm cầu cống rất tốn kém. Nhiều con kinh được đào trong thời kỳ này chảy thông với nhau, đổ vào Sông Sài Gòn, Rạch Bến Nghé, và Rạch Thị

Nghè. Các kinh ấy bị lấp hết vào năm 1892, để lại dấu vết là các Đại lộ Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Hàm Nghi, Đường Pasteur, v.v.

Ngoài cách đào kinh lấy đất đắp cao vùng đất thấp ven sông, Nha Công binh còn cách khác là bạt thấp các đồi gò để lấp vào nơi đất trũng. Khi mức chênh lệch cao độ trong thành phố giảm nhiều, Công binh bắt đầu mở các đường rộng, cắt thẳng góc nhau và cách nhau từng quãng đều đặn, mặt đường làm bằng đá giảm, trên lè trồng cây, thay thế những đường hẹp và nhô cao của đô thị cũ. Giới thương gia, dân sự người Pháp chỉ mấy trăm người, vật liệu xây dựng còn thiếu thốn, nên nhà cửa xuất hiện rất chậm, ít nhà xây gạch lợp ngói, phần nhiều chỉ là nhà gỗ, các công sở cũng chỉ là những lán gỗ xây vội vàng. Thống đốc cư ngụ và làm việc trong tòa nhà bằng gỗ mua từ Singapore về ráp lại. Mấy vị công chức khôn khéo nhất thì đã trú ngụ trong các ngôi nhà cũ bản xứ. Những chỗ đất trống không ai xây cất thì thiên nhiên chế ngự nhanh chóng, mau trở thành hoang địa, cây cối mọc um tùm, chính tại các nơi này và dọc bờ kinh rạch, còn một ít người bản xứ đến dựng những túp lều xiêu vẹo hoặc nhà sàn lác lẻo trên cọc gỗ. Nhưng chẳng bao lâu họ bắt buộc phải kéo nhau đi tản mác đến các làng xa, nhường chỗ cho đường phố mới.

Bước đầu của kỹ nghệ nặng tại Đông Dương chính là Hải quân Công xưởng (Xưởng Ba Son), được thành lập trên mũi đất bên Vàm Rạch Thị Nghè vào năm 1863. Buổi đầu chỉ là những lán gỗ lợp lá xây tạm, đủ che mưa nắng cho các xưởng thợ chuyên môn trong ngành chế biến kim loại (cơ khí nguội, rèn, đúc, hàn), sản xuất dây thừng dây chèo, may buồm, đóng đồ mộc (chế tạo mái chèo, đóng sườn và sửa chữa

thuyền), nung gạch ngói, v.v. Một khúc rạch chảy qua trong khu vực được biến đổi làm ụ sửa tàu, dành cho các pháo hạm nhỏ. Vào năm 1866, một ụ nổi được ráp xong và hạ thủy. Nói chung, Hải quân Công xưởng có thể sửa chữa tàu, đóng tàu, chế tạo các đồ phụ tùng, sản xuất máy móc, cung cấp vật liệu xây dựng cho các ngành quân sự lẫn dân sự.

Nhằm bảo vệ an ninh trong thành phố, lính Thủy quân Lục chiến Pháp lập những đội phòng vệ đi tuần tiêu cả ngày lẫn đêm. Quân Pháp chưa sống yên ổn vì không khí kháng chiến còn bao trùm vùng quanh Sài Gòn, như vào những năm 1862, 1863, nghĩa quân của Trương Định đột kích ở nhiều nơi Pháp đóng quân, trong đó có Rạch Tra, Long Thành, Thuộc Nhiêu, Rạch Kiến, Bến Lức, Gò Công, v.v.

Vào năm 1865, Thành Phố Sài Gòn còn nằm trong phần đất ven Sông Sài Gòn từ Rạch Bến Nghé đến Rạch Thị Nghè, phía Đông giáp Chí Hòa - Chợ Đũi - Cầu Ông Lãnh, bao phủ diện tích hơn 450 hec-ta, có 6 đại lộ và khoảng 40 đường phố, nếu kể thêm các bến ven sông rạch thì tất cả dài hơn 45 cây số. Những con đường đầu tiên được đặt tên bằng số, về sau được đặt lại theo tên hoàng đế, hoàng hậu, các đô đốc, các nhân vật Pháp phò Vua Gia Long như Olivier, Chaigneau, Giám mục d'Adran (Bá Đa Lộc). Riêng Đường Catinat, mang tên của một trong những chiến hạm đã bắn phá Đà Nẵng vào năm 1856. Bảng tên đường phố mang dòng chữ trắng trên nền xanh lơ, nhà được đánh số theo quy định vào năm 1866.

Xem qua vài luật lệ áp dụng cho đường sá và trị an vào năm 1865, ta biết được ít nhiều về tình trạng của Thành phố Sài Gòn

thời ấy: Cắm phi ngựa trên đường phố, cắm thả trâu ăn dọc bên đường, cắm xây cất chòi tranh, cắm săn bắn trong khu vực giữa Kinh Tàu Hủ, Kinh Vành Đai và Sông Sài Gòn, mỗi đêm phải thắp đèn trước nhà, từ 10 giờ đêm trở đi người Á châu không được lai vãng nếu không có giấy phép, các quán cà phê và các quán rượu phải đóng cửa lúc 12 giờ đêm, v.v.

Vào năm 1864, Sài Gòn chưa có cột đèn. Trên một vài đường phố, người đi đêm chỉ đủ thấy đường nhờ vào ánh sáng mờ ảo chiếu ra từ những chiếc đèn lồng treo trước các cửa hiệu hay tư gia của Hoa Kiều. Dọc trên bến sông, đèn lồng treo thành hàng dài chiếu sáng mọi nhà, nhất là tại các quán cà phê hay quán rượu, đến khuya vẫn còn đông khách. Từ năm 1866, một số đường chính được đặt trụ đèn thắp bằng dầu dừa, vài năm sau thay bằng đèn dầu lửa. Đến năm 1896, sau khi xây Đường Nationale, đèn dầu lửa dần dần nhường chỗ cho đèn điện, nhưng lúc đầu chỉ có vài khu phố được ưu tiên chiếu sáng bằng đèn điện như các đường lộ phía trước Dinh Toàn quyền hay trong khu vực Trại lính Hải quân và Pháo binh, phía bờ sông từ Quân Cảng đến Cột cờ Thủ Ngũ.

Năm 1864, nếu ta không kể đến số binh lính, chỉ có khoảng 600 người Âu. Người Việt và Hoa kiều xấp xỉ 10.000 người. Các nhà buôn, các nhà kinh doanh được nêu tên trong Niên giám Nam Kỳ 1865 gồm có 65 người Âu và 5 người Trung Hoa. Nhiều nhất trong số đó là những nhà buôn bán si, nhà xuất nhập cảng, nhà phân phối hay đại lý rượu và nước giải khát, tiệm tạp hóa bán hàng chế tạo tại Pháp, tiệm mộc, quán ăn và quán cà phê, v.v. Đặc biệt có một Hoa Kiều lãnh thầu hoa chi thuốc phiện.

Vào thập niên 1930, chiều dài tổng cộng các bến tàu Sài Gòn - Chợ Lớn là 12 cây số, gồm có :

- Thương Cảng, từ Cột cờ Thủ Ngữ đến Bùng binh Rigault de Genouilly (Công trường Mê Linh) và từ Bến Khánh Hội đến Vàm Kinh Tề.

- Quân Cảng, cùng với Hải quân Công xưởng (Xưởng Ba Son) hợp thành căn cứ quân sự chính của Pháp tại Viễn Đông.

Cả hai cảng này mặc dù nằm xa biển nhưng cùng được xem như hải cảng vì các tàu viễn dương có thể tới cập bến.

- Giang Cảng, dọc hai bên bờ Rạch Bến Nghé nối dài qua đến Kinh Tàu Hủ và Kinh Đôi trong Chợ Lớn, được xem như con đường huyết mạch khởi đầu của hệ sông rạch tỏa khắp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Nhưng vì lòng rạch cạn, mực nước ròng xuống sát đáy và vì sự giao thông dễ bị tắc nghẽn do ghe thuyền đậu chen chúc, nhất là gần các nhà máy xay lúa, nên vào năm 1906, người ta đào thêm Kinh Tề nhằm giải tỏa bế tắc thường xuyên trên Rạch Bến Nghé.

CỘT CỜ THỦ NGŨ

Chúng ta bắt đầu chuyến dạo thăm đường phố, điểm khởi hành là Cột cờ Thủ Ngữ, nơi dựng cột tín hiệu dùng liên lạc với tàu bè. Đây là góc thành phố nằm bên Vàm Rạch Bến Nghé, vào đầu thế kỷ XIX thuộc về Thôn Long Điền, có đặt Trạm Gia Tân, một trong những trạm nhận hoặc chuyển công văn hành chánh, nằm dọc theo đường cái quan (đường thiên lý) đi xuyên qua các tỉnh ra tới Kinh đô.

Lúc đầu người Pháp gọi doi đất này là « Mũi đất Lejeune », lấy tên của cự Tu

lệnh Hải quân. Năm 1865, họ cho dựng cột cờ tín hiệu, là trụ thép rỗng cao khoảng 30m, cắm chặt vào đất, đứng vững nhờ các dây néo bằng thép. Khi nhận được điện tín từ Vũng Tàu báo tin có tàu chiến, tàu buôn



Cột cờ Thủ Ngữ nhìn từ Bến Nhà Rồng.

hoặc tàu thư sắp đến, Nha Thương Cảng liền trưng cờ hiệu thông báo cho cả thành phố. Cũng vào khoảng 1865, trên bãi đất gần cột cờ là nơi trình diễn quân nhạc vào những ngày thứ hai và thứ sáu lúc 5 giờ chiều. Gần đây, ở khoảng đầu Đại lộ Hàm Nghi ngày nay, nhà phú hộ Hoàng Thái (Wang Tai) lập một rạp hát diễn tuồng Tàu, nhưng sau đó phải dọn đi khi chính quyền xây Nha Thương Cảng. Theo Ký giả Brébion, cho đến 1883, mặt đường gần bên cột cờ này đã từng là bãi pháp trường, nơi xử trảm các tử tội.

Từ chân cột cờ người ta xây một cầu tàu nhô ra sông, một kiến trúc bằng xi măng, bố trí mấy chiếc ghé băng dành cho khách nghỉ chân. Chung quanh cầu tàu có tay vịn, hai bên có bậc thang dẫn xuống bên đò chen chúc ghe thuyền, đông người chèo lái và khách sang sông. Dòng nước tại Vàm Bến Nghé chảy điều hòa nên nơi này thuyền bè cập bến dễ dàng. Lúc chưa xây Cầu Khánh Hội và Cầu Mống, bến đò này

là đường ngắn nhất liên lạc với Bến Khánh Hội. Đò tại đây phần lớn là những chiếc tam bản đưa đón các phu khuân vác, thợ thuyền, nhân viên công tư sở, người buôn gánh bán bưng. Hành khách và hành lý từ nước ngoài đến Sài Gòn bằng tàu biển đậu bên Khánh Hội cũng qua bến đò này để vào trung tâm thành phố.

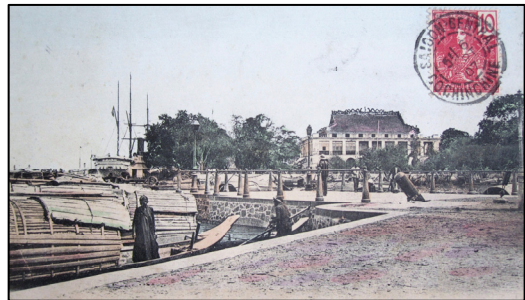


Cột cờ Thủ Ngữ

Buổi chiều hôm là lúc ít khách sang đò, cảnh vật yên tĩnh hơn trong ngày, gió mát từ đồng nội thổi về thành phố, khiến cho ta muốn đến đây ngồi hóng gió, ngắm dòng sông và cảnh ghe thuyền ra vào Rạch Bến Nghé. Xưa kia, khi mặt trời vừa lặn, những người Âu nhàn rỗi thường tản bộ đến trò chuyện thân mật sau bữa ăn tối, nhìn về

phía Quận Cảng thấy đèn đường lấp lánh trên bến, nhìn qua Khánh Hội thấy tàu lớn đậu bên tòa nhà trắng lộng lẫy của Hãng tàu Vận tải Hoàng gia (Messageries Impériales) nằm giữa khu vườn âm u. Có lẽ vì hứng chí, nên từ chỗ tán gẫu thân mật hoặc bình luận những chuyện xảy ra trong ngày, họ đôi đê tài sang những lời đồn đại, tin giạt gân, tin vịt. Do đó người Tây đặt cho thắng cảnh này cái tên thông tục là *Pointe des Blagueurs* mà cụ Vương Hồng Sển dịch là "Mũi đất bọn tán đóc", cụ Bình Nguyên Lộc dịch là "Mũi đất của bọn đầu lão".

Đến thập niên 1920, người ta xây cái quán rượu nhỏ hình bát giác bao quanh chân cột cờ, như một đạo là quán *Gambrinus*, rồi đổi tên là *Eden Bar*, cho khách Tây đến giải khát. Trước ngày đất nước độc lập, có quán nước kiêm nhà hàng *Pointe des Blagueurs*. Vào thập niên 1960, trên bờ có Quán Ngân-Đình, ngoài sông có Nhà hàng nổi Mỹ Cảnh, đêm về đèn màu treo như hội hoa đăng, khung cảnh nên thơ tình tứ.



Pointe des Blagueurs, «Mũi Bọn Tán Đóc» nhìn về Bến Nhà Rồng.

(Còn tiếp)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Paris)

BẾN TÌNH THƯƠNG

Năm đó, tôi được tha về từ trại cải tạo Z30A Xuân Lộc. Cầm tờ giấy Ra Trại trên tay, lòng tôi thật băng khuâng. Tương lai đi về đâu? Không thể về nơi quê hương chôn nhau cắt rốn, vì tủi nhục. Không thể về thành phố nơi đơn vị mình đóng quân, vì sợ CS trả thù. Tôi về Bến Gỗ, Biên Hòa, nơi quê hương của Hải Bằng. Nơi có các con tôi. Cuộc sống ở đây hiền hòa, chất phác thân tình, bên cạnh bờ sông Đồng Nai, con sông gắn bó nhiều với đơn vị tôi qua nhiều cuộc hành quân của Sư Đoàn 18.

Tôi yêu Biên Hòa từ thuở mới ra trường Thủ Đức, xách ba lô về Khu 33 Chiến Thuật. Những ngày nghỉ phép về căn nhà nhỏ của bà ngoại các con tôi, bên cạnh cầu Gành, chiều chiều nhìn ra bờ sông gió lộng, nghe bà ngoại các cháu hát ru em:



*Ơ hờ...Sông Biên Hòa chảy ra bãi cát
Bưởi Biên Hòa vị ngọt mùi thanh
Mười lăm năm khói lửa chiến tranh
Cô em bán bưởi bỏ mình vì ai?...*

Không biết cô em bán bưởi bỏ mình vì ai, tôi la cà đến các sạp bưởi đầu cầu Gành để hỏi thăm sự tích của câu ca dao này, mà chẳng ai biết.

Sau năm 1975, bà ngoại không còn ở cầu Gành nữa mà về Bến Gỗ. Dem theo các con tôi về đây nướng nấu cho qua thời gian vật đổi sao dời. Đất lành chim đậu. Các con tôi cũng từ đây mà trưởng thành.

Bến Gỗ thuộc xã An Hòa, huyện Long Thành, nay trực thuộc thành phố Biên Hòa, nằm cạnh ngã ba Vũng Tàu, sát Quốc lộ 15, là một trung tâm thương mại chung cho các xã An Hòa, Long Hưng và Long Bình Tân

Đường vào Bến Gỗ

Theo Bách Khoa Toàn Thư, Bến Gỗ được hình thành từ thời chúa Nguyễn. Di dân từ miền Trung vào, hợp cùng với người Hoa thời Trần Thương Xuyên, biến nơi đây thành một trung tâm phồn thịnh. Là một địa bàn thuận tiện cho cả đường bộ và đường thủy trên dòng sông Đồng Nai:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Sau đó, người Hoa chuyển trung tâm thương mại sang Cù Lao Phố, nhường Bến Gỗ cho thương buôn lâm sản kéo cây từ thượng nguồn Đồng Nai và Đông Nam Bộ về đây rồi dùng đường thủy chuyên đi khắp nơi. Thời chúa Nguyễn Ánh chống nhau với quân Tây Sơn, có lúc đã dùng nơi đây làm căn cứ địa, còn để lại di tích tại Chòi Gia Long. Bến Gỗ cũng là vùng địa linh nhân kiệt, thời nào cũng có danh nhân, đặc biệt

dòng họ Đỗ Cao với tướng Đỗ Cao Trí, anh hùng của Việt Nam Cộng Hòa một thời oanh liệt.

Tôi về ở đó, sau nhiều năm trong trại cải tạo. Từ nhà tù nhỏ, ra nhà tù lớn, với



cái án quân chế nhiều năm, như con chim gãy cánh, ngơ ngác giữa đời. Ngoài gia đình Bác Hai, thân phụ của Hải Bằng coi tôi như người thân, tôi chưa quen biết ai. Cuộc sống vô cùng khó khăn. Vợ chồng Di Tư, Hải Bằng nhường cho tôi căn nhà nhỏ, cạnh nhà anh chị Hùng, gần ngay trước chợ Bến Gỗ. Nhờ đó, Bà ngoại và các cháu buôn bán kiếm sống qua ngày. Công việc của tôi là làm phụ thợ hàn cho tiệm hàn anh Hai Tiến, bên cạnh bên sông, đầu cầu Bến Gỗ. Ngày ngày với cái búa tạ trên tay, đập sắt áp chiến lược, đập cho bằng những cây sắt để hàn thành những bánh xe máy cây mà nông dân khắp nơi mang về, từ Xóm Vườn, Long Hưng, Lò Phấn, Xóm Chài, Tân Vạn, Long Bình Tân. Tiếng đập sắt chát chúa, ngày qua ngày, hàng tấn sắt áp chiến lược bị tôi đập bằng phẳng, lảng cồng. Lúc mệt, ngừng búa, nhìn xuống bên sông. Nước sông lúc lớn lúc ròng. Chợ Bến Gỗ lúc đông, lúc vắng. Cây cầu người qua, người lại... Ngẫm nghĩ chuyện đời như ác mộng, như chiêm

bao. Mới ngày nào trên sân trường Sĩ Quan Thủ Đức, lễ mãn khóa với tiếng hô vang:

“Quy xuống các người...”

“Đứng dậy các Tân Sĩ Quan...”

Rồi ba lô lên đường, về Sư Đoàn 18, miền Đông đất đỏ, nắng bụi mưa sinh. Qua những chiến trường khét tiếng Mây Tào, Hắt Dịch, Chiến Khu D... Những địa danh thân quen Xuân Lộc, Định Quán, La Ngà, Sông Bé, Lai Khê, An Lộc, Bình Long... Rồi 30 Tháng Tư Đen. Rồi những trại tù cải tạo Long Giao, Yên Bái, Trại 12, Trại 9, Trại 7, Đoàn 776, rồi Nam Hà, Z30A Xuân Lộc... Qua đi, qua đi... Trở về với hai bàn tay

trắng, không nghề nghiệp, cầm cây búa tạ đập sắt bên cạnh cầu cây, nhìn người qua kẻ lại trên cầu, chợt nhớ câu thơ trong công án thiền nổi tiếng:

“Người đi bộ qua cầu

Cầu trôi, nước chẳng trôi”

Cây cầu vẫn còn đó, ngày ngày người qua kẻ lại, đủ sắc, đủ màu, dòng nước trôi xuôi, lúc ròng lúc lớn. Tiếng búa đập sắt vẫn chát chúa ngày ngày. Biết lúc nào mới thấy được cầu trôi mà nước chẳng trôi? Bên sông lúc nước lớn, ghe thuyền từ các nơi đổ về đậu chen chúc rất vui vẻ. Cặp theo bờ sông phía sau tiệm hàn là nhà cô giáo Liên, thầy dạy học của con tôi. Gia đình cô giáo có lò rượu khá nổi tiếng ở Bến Gỗ. Trước sân nhà, dưới gốc cây măng cầu xiêm và hàng dừa râm mát, thường có một bàn nhậu mà khách nhậu là những anh em trong gia đình và bằng hữu thân quen, trong đó tôi luôn là khách mời ưu tiên, lâu dần trở thành như người trong gia đình. Anh Hai Trắng

và các chú Ba Tâm, Tư Lý, Năm Chung coi tôi như anh em. Rượu Bền Gỗ ai đồ này uống, đó là luật nhậu của dân Bền Gỗ. Tôi tuy từ lượng không bằng ai nhưng nhiều khi cũng phải cố sức theo cho đến lúc say mềm. Nhờ đó mà những tháng ngày vất vả, đập sắt bằng búa tạ ở tiệm hàn cũng qua đi, không đến nỗi buồn chán. Chiều chiều nước lớn, gió mát thổi lồng lộng, hơi men rượu Bền Gỗ thơm ngát cũng làm quên đi được những ngày tháng truân chuyên. Dù bây giờ cách xa nửa vòng trái đất, nhiều đêm trong giấc chiêm bao, như mơ hồ thấy mình cùng với anh em bên bàn tâm sự, cạnh bờ sông sóng vỗ lao xao.

Tôi không ghiền rượu, nhưng cà phê thì thuộc loại dân ghiền có hạng. Làm quen với mùi vị cà phê từ thuở mới học lớp nhì, tiểu học. Một hôm, nhân ngày nghỉ lễ, tôi theo bà bác đi thăm ông anh đang đóng quân trong một căn cứ trên dốc Nam Giao, Huế. Ông anh đi hành quân vắng, một bà đầm người Pháp rất trẻ đẹp tiếp tôi, dắt tôi vào Câu Lạc Bộ, pha cho tôi một cốc cà phê đen và một miếng bánh mì kẹp thịt. Tôi chẳng ngần ngại uống hết cốc cà phê ấy và sau đó thì thức suốt đêm. Từ đó tôi biết được thế nào là hương vị cà phê. Huế không phải là nơi sản xuất cà phê, nhưng dân Huế ghiền cà phê không kém gì dân Sài Gòn. Tôi cũng trở thành khách quen của nhiều quán Cà Phê nổi tiếng như Cà Phê Phần ở Huế, Sáu Lẻ, Ngọc Hương ở Xuân Lộc, Thằng Cuội ở Tây Ninh, Cà Phê Cô Năm Từ Thủ ở An Lộc... Mang một lịch sử cà phê dài như vậy, dĩ nhiên khi về Bền Gỗ, tôi cũng sớm trở thành khách quen của quán cà phê anh Hai S. và Cà Phê Hồng. Cà phê Hai S. tọa lạc trên một địa thế thuận lợi, nằm trên phố chính của chợ Bền Gỗ, lúc nào cũng đông khách, nhất là buổi

sáng. Nhà tôi ở cách quán cà phê chỉ mấy căn, đêm thao thức ngủ không được, chỉ chờ sáng, khi nghe tiếng cửa sắt kéo kèn kẹt là biết anh Hai đã mở cửa, vội vã lên ngồi ở hàng ghế sofa, mới có lai rai mấy người khách quý. Những ly cà phê đầu tiên anh Hai pha thật đặc biệt, uống ngậm mà nghe, mùi vị thơm ngon thấm vào trong huyết quản. Cà phê thì phải có bạn, vừa uống vừa chuyện trò, ly cà phê mới ngon. Ở đây tôi đã gặp được anh Mười, anh Sáu Quý, Ba Điền, Tư Đồng, Sáu Đet... trở thành những người bạn thân vì cùng cảnh ngộ. Sau này Sáu Quý trở thành bạn tâm giao và anh Mười trở thành thông gia như duyên trời sắp đặt, định mệnh an bài. Dù bây giờ quán cà phê anh Hai S. thành cửa hàng thương mại, anh Hai cũng ra người thiên cổ, nhưng những hình ảnh kỷ niệm ở đó mãi mãi còn nguyên. Cũng tại đây tôi đã gặp lại Trung úy Tuyên, một chiến hữu đồng hương Huế. Anh Tuyên làm nhiệm vụ liên lạc cho một tổ chức khởi nghĩa do một Niên Trưởng có khá nhiều uy tín lãnh đạo. Sau nhiều lần gặp nhau, anh Tuyên thuyết phục tôi tham gia. Hẹn tối Thứ Sáu sẽ gặp Niên Trưởng ở quán cà phê anh Hai. Tối đó tôi ngồi chờ tới khuya, không thấy Tuyên về, suốt đêm đó không ngủ được. Sáng hôm sau dậy thật sớm lên xe về Sài Gòn. Vào Chung Cư Mệnh Mạng, chỗ nhà Tuyên, ghé ngồi nơi xe nước mía, chờ một lúc, chị Mùi vợ Tuyên cầm cái ly làm bộ mua nước mía, nháy mắt nói nhỏ với tôi. Tôi qua anh Tuyên bị bắt rồi. Anh đi lẹ đi! Tụi nó đang theo dõi. Tôi vội vàng lên xe ôm chạy về Bền Gỗ. Sau đó được biết Tuyên bị tuyên án hai mươi năm, cùng với đứa em ở Huế bị bắt trong nhà có súng. Chị Mùi bị đuổi ra khỏi nhà cùng với bốn đứa con dại, phải sống nương nhờ dưới gầm cầu

thang trong chung cư Mênh Mạn.Thì ra vị Niên Trưởng đó là cò môi.Kể từ đó tôi không còn tin ai nữa.

Làm thợ hàn được một thời gian, rồi em gái tôi giúp vốn cho đi buôn thuốc Tây từ Sài Gòn xuống Giồng Riềng, Rạch Giá. Đời sống tinh thần và vật chất đỡ hơn trước, cho tới ngày được ra đi.Nhưng tôi vẫn gắn bó nhiều với Bến Gỗ.

Hai chữ Bến Gỗ cũng đã giúp tôi ra đi sớm hơn.Ai cũng biết , ở Biên Hòa,muốn hồ sơ chuyển đi trước, sớm hơn, phải qua cửa của anh Sáu.Nhưng tiếp xúc được với anh Sáu thì không phải dễ.Phải có bùa.Thời may, có người mách nước cho tôi.Phải đi thật sớm, ngồi ở quán cà phê bên đường đối diện nhà anh Sáu, canh chừng, thường lúc bảy giờ sáng là anh Sáu mở hé cửa cho con gái đi học, thật nhanh, lên vào chào anh Sáu. Đưa bì thư nói:”Cô Ba Bến Gỗ nhờ”. Anh Sáu sẽ tiếp.Nhờ lá bùa đó,anh Sáu đã nhận lời giúp hồ sơ chuyển đi trước Tết năm đó.Tôi được đi HO8. Sớm hơn nhiều bạn khác. Cũng nhờ Cô Ba Bến Gỗ.

Thời gian trôi mau quá.Ngày nay Bến Gỗ đã đổi thay nhiều.Chợ Bến gỗ hoàn toàn đổi mới. Cảnh vật khác xưa .Ông Bà Bác đã trở về cõi thiên thu.Quán cà phê anh Hai S., Cà Phê Hồng không còn nữa. Nơi bến sông xưa, tiệm hàn , nơi tôi ngồi đập sắt hàng ngày, nay cũng không còn. Gia đình anh Năm Thuốc Tây cũng đã qua Mỹ. Còn lại bến sông nơi nhà cô giáo Liên, cũng nhiều thay đổi, cuộc sống khá lên.Tôi với anh chị Mười trở thành thông gia. Tôi có được con dâu hiền Quỳnh Hoa,con gái anh chị Mười, một đóa hoa xinh của Bến Gỗ, đã sinh cho tôi bốn đứa cháu nội. Ở nơi xa xôi này, chiều chiều nhớ Bến Gỗ...Thoảng nghe như tiếng ru của Bà Ngoại ngày nào bên bờ sông vắng:

SỐ 59

*O Hờ... Sông Biên Hòa chảy ra bãi cát
Bưởi Biên Hòa vị ngọt mùi thanh....*

Và cái công áng thiên đã làm tôi mãi chiêm nghiệm:

Người đi bộ qua cầu

Cầu trôi nước chẳng trôi...

Trong lòng tôi, Bến Gỗ thành Bến Tinh Thương.

Virginia, Mùa Phục Sinh 2012

Đăng Nguyên



HỒ CÔNG TÂM
Qua nét vẽ VIVI - Montréal, 1991

MỘT THỜI LƯU VONG

Tác phẩm đã xuất bản:

- Sống Trong Nỗi Chết (nxb Xuân Thu – 1985)
- Ngày Tháng Lưu Vong (nxb HNNV – 1998)
- Một Thời Lưu Vong (tập 1/ nxb HNNV-2009)
- Một Thời Lưu Vong (tập 2/ nxb HNNV-2009)
- Một Thời Lưu Vong (tập 3/ nxb HNNV-2011)
- Một Thời Lưu Vong (tập 4/ nxb HNNV-2011)
- Một Thời Lưu Vong (tập 5/ nxb HNNV-2012)
- Một Thời Lưu Vong (tập 6/ nxb HNNV-2012)

Liên lạc: Hồ Công Tâm
<hocongtam@gmail.com>

Xin Cho Tôi

Thơ:
Cung T Lan

Nhạc:
Huy Lâm

© 2011

Cha Cha Cha



Xin cho



tôi trái tim còn nguyên vẹn — Còn thương yêu và nhân ái chan hòa — Để tôi



thấy trời xanh còn mây trắng — Và mặt trời luôn là nắng đẹp tươi — Xin cho



tôi đôi bàn tay rộng mở — Cửa vòng ôm độ lượng với can trường — Để tôi



thấy cuộc đời là che chở — Người với người mãi mãi sống yêu thương — Xin cho



tôi đôi môi cười rạng rỡ — Để u buồn tôi được xóa tan đi — Để tôi



thấy mình như là hoa nở — Và mỗi người là một vị thần tiên — Cho tôi

XIN CHO TÔI (2)



xin nụ hôn yêu thánh thiện_____ Của người yêu tôi chẳng gặp bao giờ_____ Để tôi



thấy tình yêu là bất diệt_____ Và thời gian vô tận của đam mê_____ Xin cho



tôi đôi mắt buồn không_ nói_____ Cho ngôn từ lặng lẽ tiếng yêu



đương_____ Để tôi trôi hồn tôi vào trong ấy_____ Và theo người về mãi với quê



hương_____



_____ Xin cho hương_____ Và theo người về mãi với quê hương_____



Nhạc sĩ HUY LÃM

AI GIẾT CON TÔI?

Phong Thu

Vừa bước vào nhà, bà Vệt đã nghe các con hét âm lên:

“Mẹ à! Sao báo chí truyền thanh viết về chuyện xử án ông Cù không đúng sự thật vậy mẹ.”

“Toà án gì mà không cho ai vào xem. Ngay cả con muốn xem mặt cái ông Cù phản động cũng không được vào cơ.”

Một đứa khác nhăn mặt, nhăn mũi nói:

“Có một ông Cù mà sao công an nhiều thế. Mấy ông công an đứng đây đường để xô đẩy những người muốn đến xem xử án ông Cù. Họ đâu có súng đạn, nổi loạn gì đâu mà công an hung hăng thế.”
Thằng con trai Út của bà Vệt, mới mười bốn tuổi cũng hỏi:

“Thế còn toà án thì xử như C... Có nhẽ các ông ấy không biết luật pháp gì cả. Thời buổi điện tử này mà xử án như thế thì nhục cả nút ấy.”

Bà Vệt tức giận khi nghe các con phê phán vụ xử ông Cù. Bà nạt chúng:

“Chúng mày câm miệng. Chuyện của nhà nước chúng mày biết gì mà xía vào. Tốt hơn hết nên đi học bài đi rồi ngủ.”

Cậu Chít, con trai lớn của bà Vệt cãi lại:

“Mẹ bảo chúng con học giỏi để trở thành luật sư. Nhưng thấy cách xử án của toà án kinh quá! Ở đây không có luật pháp và không có toà án mà chỉ có nhà tù. Thế thì học làm chi hở mẹ.”

Bà Vệt trừng mắt nói:

“Mày nói cái gì thế. Nhà nước này cho mày ăn học để phục vụ Đảng, phục vụ chế độ chứ đâu phải để mày có ý kiến, ý cò riêng.”

Cậu Chít gãi đầu, gãi tai đáp:

“Thế cơ à! Con đâu có nghĩ rằng khi con lớn lên đi làm việc là phải nghe lệnh của Đảng và nhà nước đâu. Thế thì con đâu phải là con người nữa. Con giống con vệt rồi.”

Bà Vệt thực sự nổi giận. Bà quát lên:

“Ăn cơm Đảng thì phải nghe. Nếu không nghe là ở tù rứt xương. Đây! Chúng mày thấy ông Cù chưa. Ông bà cha mẹ có công lớn với Đảng mà nói trái lời là bị ở tù. Cấm họng hết đi. Tao không muốn chúng mày có ý kiến, ý cò gì hết.”

Cậu Chát, đứa con thứ hai của bà dường như đã quen với cách nói nặng của mẹ nên cậu chẳng sợ gì cả. Cậu hỏi bà Vệt:

“Thế thì làm phát ngôn nhân của Bộ Ngoại Giao Việt Nam, mẹ giải thích như thế nào về toà án kỳ quái tại Việt Nam? Mẹ không thấy là các luật sư đòi chúng có để bắt ông Cù mà ông chánh án bí. Chẳng nhẽ họ trả lời là bắt ông ta vì tìm thấy mấy cái condom trong thùng rác. Vậy chúng ta phải gọi là vụ án condom mới đúng chứ. Vì vụ án dàn dựng không có chứng cứ. Thế là ông chánh án Nguyễn Hữu Tà đuổi luật sư Trần Vũ ra ngoài. Còn lại ba người kia, họ thấy chánh án dốt quá nên cũng bỏ toà án đi luôn. Vậy cái ông chánh án đâu có biết xử án? Thôi cho ông ta đi chăn lợn tốt hơn.”

Bà Vệt nạt cậu Chát:

“Tao nói gì thì chúng mày biết làm chi. Tao chỉ làm theo lệnh của Đảng. Tao cũng giống ông chánh án Nguyễn Hữu Tà là phải tuân theo thượng lệnh, trung thành tuyệt đối với Đảng.”

Cậu Út cãi lại:

“Thế Đảng bảo hôn đít ai thì người đó cũng tuân lệnh sao mẹ. Thế thì cái chế độ này chẳng ra cái gì cả. Mẹ lên đài, lên báo đại diện cho cả một chính quyền mà ăn nói lấy được, không biết ngượng thì mẹ dạy chúng con cái gì nào? Nếu sau này chúng con là luật sư, kỹ sư, bác sĩ, thầy giáo, chuyên gia mà chỉ cúi đầu vâng dạ làm chuyện bậy bạ thì học làm gì. Đi chần trâu cũng được làm chánh án, phát ngôn nhân bộ ngoại giao, Chủ tịch, Bí Thư Đảng...”

Bà Vệt nổi nóng vớ ngay cây chổi cùn dùng để quét sân và quét túi bụi vào lũ con. Miệng bà gào lên:

“Tao phải sống như vậy mới có tiền nuôi lũ chúng mày. Thử ngu si thì lớn lên chỉ có ngồi tù. Chúng mày cút đi. Và từ nay đừng có hỏi lời thôi.”

Cậu Chít nhanh chân chạy ra sân. Cậu Chát bị ăn một cây chổi lên đầu. Còn cậu Út thì phải chui xuống gầm bàn để trốn. Các cậu đang ở tuổi mới lớn nên ngang bướng cãi lại bà Vệt. Mỗi khi thấy mẹ lên đài, lên báo phát ngôn bất cứ vấn đề gì, các cậu đều bình phẩm. Cậu Chít nói rằng mẹ nói như con vệt. Báo chí nước ngoài mẹ không đọc, internet mẹ không xem nên mẹ càng ngày càng lú lẫn. Cậu Chát thì phê phán mẹ cậu thuộc lớp già điếc không sợ súng. Mẹ cứ nhắm mắt nói bừa, nói lấy được, nói bậy mà không biết xấu hổ. Tại sao mẹ lại nhận làm một công việc bán rẻ nhân cách như thế. Trước đó, có một bà phát ngôn nhân cũng bị người dân chửi liên tục. Đó là bà có tên là Thúy. Nhưng dân trong làng gọi bà là bà Thui-Thúi. Mỗi khi bà lên phát ngôn thì dư luận bình phẩm là bà phát ngôn bay mùi thối không thua gì phát phát ngôn viên của Tàu cộng. Mẹ cậu ham danh lợi, ham tiền bạc để đi làm một công việc của con vệt.

Cậu Út chán cảnh mẹ lên ti-vi nói chẳng ra chi. Cậu bỏ học và thích đi lêu lổng chơi bời. Hàng ngày vào lớp nghe mấy đứa cùng trang lứa xàm xì chuyện mẹ cậu phát ngôn bừa bãi, và chúng chế nhạo làm cậu điên tiết lên. Cậu đánh lộn, chửi tục và trốn học đi chơi. Cậu vào các quán chơi game và nường hết tiền của mẹ cậu cho ăn quà sáng hoặc đóng tiền học thêm, học bù. Cậu cũng ăn cắp đồ đạc trong nhà bán để chơi game cá độ. Cậu quan niệm, mẹ làm quan thì con sẽ được làm quan. Học hành chỉ là đồ bỏ. Xứ sở này học cũng chẳng ích lợi gì.

Bà Vệt chuẩn bị bài phát biểu để đối đầu lại với sự chỉ trích của Hoa Kỳ, các nước Âu Châu về việc xử án bất công đối với ông Cù. Bà cóc cần nghe dư luận chỉ trích. Đảng bảo bà làm gì thì bà làm theo. Bà chỉ biết quyền lợi, địa vị của bà do chế độ này dành cho bà. Ngày nay, bà ngồi đây để đối đầu với sự chỉ trích của thế giới. Đó là trách nhiệm của bà.

Lão tướng Xê, bụng phê trong Bộ Chính Trị Tư Tưởng đi vào phòng bà, và tự động ngồi xuống nhìn vào tờ giấy bà chuẩn bị đọc trên đài truyền thanh, truyền hình. Ông ta lên giọng:

“Thằng Mỹ muốn chúng ta thả thằng Cù ra. Nhưng thả nó ra thì nó không sợ và còn làm loạn cả xã hội. Từ khi Đảng được thành lập tới nay, chỉ có Đảng mới có quyền quyết định, ra lệnh, phán xét người dân, Tôi chưa thấy người dân nào ngang tàng, ngông cuồng như thằng Cù này. Nó dám kiện Thủ Tướng hai lần, tố cáo chế độ và đòi đa nguyên, đa đảng. Bất nhốt nó để làm gương.”

Bà Vệt hỏi:

“Tôi thấy thế giới lên án quá. Mình làm như vậy có vi phạm luật Công Ước Quốc Tế mà chính phủ đã ký không?”

Ông tướng Xệ cười rung cả cái bụng phê:

“Bà ngây thơ lắm! Thăng Trung Quốc ký bao nhiêu cái hiệp ước với thế giới nó đâu có thêm thi hành cái nào. Nó nhỏ toẹt vào quốc tế để được cái lợi thương mại, làm ăn, buôn bán giàu có và để dành ngoại tệ làm giàu. Chiến tranh của thế giới hay đánh Nam, dẹp Bắc thì nhường cho thằng Mỹ. Thằng Ba Tàu sống ích kỷ, thực dụng, tham lam và chỉ biết lượm tiền. Chấm hết. Nước lớn như Trung Quốc còn xem ba tờ giấy ký với quốc tế chỉ là giấy đi cầu, thì nước ta nhỏ như con kiến ăn thua gì. Bà cứ lên tuyên bố như tụi Tàu trả đũa quốc tế thì thằng Mỹ, thằng quốc tế cũng chào thua. Chúng nó làm gì được mình mà lo. Bây giờ chúng nó cần mình chứ mình đâu cần chúng nó.”

Bà Vẹt suy nghĩ một lúc rồi thưa:

“Thế nhưng còn tiền viện trợ của nước ngoài thì sao? Nếu mình cứ làm theo kiểu mấy thằng Ba Tàu thì không có ai giúp đỡ thì chết ngay. Ông Bộ Trưởng Tài Chính Vũ Bá Ninh đã đến Hoa Kỳ xin diện kiến Bộ Trưởng Tài Chính Mỹ và Tổng Thống Obama để xin xỏ tiền bạc và nhờ viện trợ tài chánh.(1) Còn tôi thì lại lên truyền thông báo chí đại diện nhà nước để phản đối yêu cầu của chính quyền Hoa Kỳ và Liên Hiệp Âu Châu. Ông thấy có tréo căng ngổng không?”

“Bà thật dở hơi. Chửi Mỹ nhưng cũng xin Mỹ giúp đỡ. Đó là chiêu thức vừa đánh vừa đàm mà Đảng ta áp dụng thành công trong chiến tranh. Trong thời bình, dùng binh pháp này cũng sẽ thắng lợi. Nếu bọn tư bản không cho mình tiền thì thằng Ba Tàu cho. Mình chạy theo thằng Tàu nịnh nọt, lòn cúi nó thì nó cũng cho. Thời kỳ

chiến tranh tụi Ba Tàu đem súng đạn, quân trang quân dụng và tiền bạc, lương thực và quân đội cho mình đánh Mỹ, chiếm Miền Nam. Ăn thua gì ba cái lẻ tẻ. Bà nên nhớ thằng Mỹ cần mình làm đồng minh chứ mình không cần thằng Mỹ. Nếu không có mình thì bọn Tàu nó cắt đường biển làm sao tàu bè của thằng Mỹ đi ngang qua được.”

Bà Vẹt hỏi tiếp:

“Nhà nước mình đi vay mượn khắp thế giới và được tặng cho bao nhiêu là tiền. Chưa kể tiền thân nhân nước ngoài gởi về hàng năm trên \$12 tỉ đô la và còn thu tiền bán dầu, xuất khẩu các loại. Nhất là xuất khẩu lao động. Vậy mà vẫn không còn tiền trong ngân hàng. Vật giá leo thang kinh khủng quá. Những chuyện như vậy làm cho tôi lo lắm.”

Tướng Xệ nhếch mép cười và giải thích:

“Có tiền cứ sai. Tiền cất vào ngân hàng không sai thì làm gì. Chúng nó đòi làm Đại Lễ Thăng Long ngón gàn 5 tỉ đô la. Rồi công ty Vishina, lỗ vốn 4 tỉ 2 hoặc nhiều hơn ai biết. Những công trình lớn nhỏ phải chi ra mà không có thu vào. Lỗ mấy chục nghìn tỉ... Thôi tới đâu hay tới đó. Chúng ta giàu sang, vinh hiển là đủ rồi. Cần biết chi chuyện đất nước này lên hay xuống. Chiến đấu cả đời thì hưởng chút có sao đâu. Bà đi làm việc của bà đi. Tới giờ rồi. Đùng hỏi nữa.”

Bà Vẹt cứng họng không dám cãi lời tướng Xệ. Bà miễn cưỡng đưa tướng Xệ bài phát biểu mà bà đã viết sẵn. Ông ta đọc xong gật gù vui thích:

“Mình sẽ đấm vào mặt thằng Mỹ, thằng Pháp và các tổ chức quốc tế đòi bình vực cho thằng ngông cuồng kia. Nó tưởng nó thông minh nhất nước. Đáng đời cho kẻ phản chúa.”

Như được khuyến khích, bà Vệt chuẩn bị quần áo, tóc tai chỉnh tề. Bà xuất hiện dưới ánh đèn có một giàn hoa được kết và cắt tỉa thật đẹp. Giọng bà đanh và chắc nịch. Nét mặt bà nghiêm trang với vẻ quan trọng. Bà nói: "... *Những lời chính quyền Hoa Kỳ tuyên bố là can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Việt Nam là một Nhà nước pháp quyền. Việt Nam xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và hoàn toàn phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Quốc tế về các quyền dân sự, chính trị. Tại Việt Nam không có người tù lương tâm...*"(2). Bà biết chỉ trong vòng hai phút, ý kiến của bà sẽ được phát sóng trên toàn cầu qua hệ thống vệ tinh, internet, Facebook, Google... Bà hiểu được giá trị của từng câu bà nói nên bà hết sức thận trọng. Bà yêu cầu người thực hiện chương trình mở ra cho bà xem lại trước khi bà ra về.

Tướng Xệ đứng ở cửa ra vào đẩy đưa:

"Khi nào Vệt có thời giờ thì đến văn phòng anh uống trà nhé!"

Bà Vệt nhếch mép cười. Sau lưng tướng Xệ có một người đàn bà đang đứng nhìn bà Vệt bằng đôi mắt soi mói pha lẫn sự ganh tị.

Bà Vệt đang đi bộ vào chợ định mua ít thức ăn về thổi com chiều thì nghe tiếng điện thoại reo. Bà cầm máy lên gắp gong hỏi:

"Đứa nào đó? Tại sao gọi tao vào lúc này? Ở nhà lo học bài chờ tao về thổi com ăn."

Tiếng thằng Chít đây hốt hoảng "Mẹ ơi! Về ngay, thằng Út bị công an đánh phải đem vào bệnh viện cấp cứu."

Bà Vệt run giọng hỏi:

"Thế nó làm sao rồi. Trời cao đất dày ơi! Nó làm gì mà công an đánh nó?"

"Nó đi xe máy mà không đội nón bảo hiểm."

"Thì bắt quá bắt nó vào đồn công an rồi phạt chớ có gì mà đánh thẳng bé!"

"Ồi giời ơi! Nếu thế thì con đâu có gọi mẹ về gấp. Nguy lắm mẹ ơi nhanh lên."

"Đừng đi đâu. Chờ mẹ về đi với nhé!"

Bà vệt tắt máy và trở ra bãi đậu xe. Bà nhân ga hết cỡ để về nhà cho sớm.

Chưa kịp dắt xe vào sân thì thằng Chít và thằng Chát đã chạy ào ra. Hai đứa mặt mày nhớn nhác, mắt đỏ hoe. Hàng xóm ra đứng ngoài đường nhìn vào nhà bà. Họ biết chuyện con bà bị công an đánh bầm dập. Nhưng họ không tỏ thái độ gì. Họ chỉ tò mò đứng nhìn nhưng không thích đến gần để hỏi han. Bà Vệt chưa kịp hỏi thì Chít kể lể:

"Mẹ ơi! Thằng Út bị vỡ quai hàm, vỡ đầu. Đang nằm cấp cứu trong bệnh viện. Mẹ vào ngay đi."

"Mẹ ơi! Chúng nó đánh thẳng Út rất dã man. Mẹ vào xem nó bất tỉnh một tiếng đồng hồ rồi."

Bà Vệt điếng người quát:

"Sao chúng mày không chạy vào xem nó ra sao?"

"Chúng con mới về nhà. Chỉ nghe bạn của nó gọi điện thoại báo thôi. Đi nhanh lên mẹ ơi!"

Khi bà Vệt đến bệnh viện thì thằng Út đã được đưa vào phòng mổ. Ba mẹ con ngồi chờ khá lâu bên ngoài và rất sốt ruột. Bà Vệt cảm thấy đau xót và lo lắng vô cùng nên cứ đi đi lại lại trong hành lang. Bà muốn gọi cho người chồng cũ về lo cho nó. Nhưng giờ này, ông ta đang ở nước ngoài và đã có vợ con. Dù đã ly dị nhau trên 3 năm, hàng tháng ông vẫn gửi tiền về cho bà nuôi ba đứa được ăn học. Bà mất chồng nhưng được của cải vật chất. Đối với bà thế cũng đã đủ an ủi. Người đàn ông đó đã phụ bạc bà và phản bội

Đảng. Nhà nước cho ra nước ngoài ăn học rồi trốn không bao giờ muốn trở về phục vụ Đảng và nhân dân. Ông ta chê chế độ đã sinh ra ông, và tạo cho ông cơ hội được hưởng mọi quyền lợi của một cán bộ cao cấp. Vậy mà ông đã bỏ cả sự nghiệp, chức vụ và vợ con để đi tìm ảo ảnh giàu sang ở Hoa Kỳ. Một mình bà phải lo cho ba thằng con tuổi ăn tuổi học. Chúng không có cha bên cạnh để dạy dỗ nên rất ngỗ nghịch khó dạy bảo. Những gì bà nói hay nhà trường dạy, chúng đều nhò toẹt và cho rằng chỉ dạy chuyện hoang đường, tiểu thuyết... không thực tế. Chúng nói rằng thầy giáo nói láo, cán bộ nói láo, nhà nước nói láo... Khổ thân cho bà phải nuôi dạy chúng trong một đất nước đang mở cửa để tiếp cận thế giới bên ngoài. Sự bùng nổ internet, email, báo mạng... đã khiến cho những lời bà dạy chúng trở nên vô hiệu hoá.

Người bác sĩ bước ra khỏi phòng mổ, ông kéo khẩu trang xuống và nói với bà vài câu chia buồn:

“Xin lỗi bà, chúng tôi hết sức cố gắng. Nhưng cháu ra máu quá nhiều và não đã hư hại nặng... xin chia buồn cùng bà...”

Bà Vệt chỉ nghe đến đó thì té xuống bất tỉnh... Chít, Chát chỉ biết ôm mẹ gào lên và nức nở khóc...

Ba tháng sau, công an Huyện B vẫn chưa bắt được người đã đánh thằng Út chết. Trưởng phòng Công An Huyện B nói con bà Vệt chơi game thiếu tiền không trả nên bị tội xã hội đen đánh chết. Công an chỉ đến can thiệp và làm hồ sơ tại hiện trường. Công an không hề đánh thằng Út vì không đội nón bảo hiểm. Máy đưa bạn học của thằng Út tuổi mới mười ba, mười bốn làm sao có bằng lái mà chạy xe gắn máy. Như vậy là bà

Vệt đã vu oan cho công an. Máy đưa bạn của thằng Út cũng bị gia đình cấm không được nói về chuyện lấy xe máy chờ nhau đi chơi vì vi phạm luật giao thông, sẽ bị phạt nặng và bị giam xe lỗi thời. Thế là câu chuyện về cái chết của con bà vẫn treo đó. Không nhân chứng, không có kẻ phạm tội.

Bà Vệt đã nhiều lần lên Sở Công An, Viện Kiểm Sát Nhân Dân Hà Nội để kêu nài nhưng vô ích. Mọi người đều nói rằng con bà bị kẻ gian giết chớ không phải công an. Bà làm đơn lên tận Bộ Chính Trị yêu cầu bắt kẻ giết người. Nhưng những người ngồi ở trên bó tay vì họ không nắm vững được vấn đề. Họ gọi công văn xuống và yêu cầu làm sáng tỏ. Nhưng làm sao sáng tỏ vụ án khi ngành công an điều tra báo cáo chưa tìm được thủ phạm giết con bà Vệt.

Thằng Chít tức giận lầm bầm:

“Mẹ làm nhón thế mà thằng Út bị công an đánh chết mẹ chẳng làm gì được chúng. Thế thì mẹ còn đi làm phát ngôn nhân của Bộ Ngoại Giao làm gì?”

Thằng Chát cũng chửi đổng:

“Sao mẹ không lên đài truyền thanh, truyền hình nói về tội giết người của tội công an. Ngay cả cái Viện Kiểm Sát, Toà Án, Bí Thư thành phố Hà Nội và cả cái Bộ Chính Trị bất lực này chả ra sao. Chúng chỉ là một lũ phường chèo.”

Bà Vệt thở dài khuyên nhủ các con:

“Đừng có nói điều. Đảng và nhà nước là đèn trời soi sáng cho mẹ. Cũng tại thằng Út không nghe lời mẹ. Nó chẳng chịu học hành gì mà chỉ biết chơi game. Nếu nó đến trường thì nó đâu có bị người ta giết.”

Thằng Chít nghe mẹ nó như thế thì nó ức lắm. Nó cãi lại:

“Đèn trời soi mà để cho công an đánh chết người. Công an bắn bừa bãi vào dân.

Mẹ vẫn không nhìn thấy những chuyện sai trái như thế sao?”

“Thấy hết chứ. Nhưng chỉ có một vài cá nhân xấu thôi. Còn đa số Đảng viên đều tốt cả. Con đừng nhìn một người rồi đánh giá cả xã hội.”

Thằng Chát bực bội hét tướng lên:

“Con sẽ đi mua xăng đốt trụ sở tụi công an rồi có đi tù cũng được. Bọn này phải đốt phá trụ sở của chúng thì dân mới yên lành. Dân cứ mua mỗi người một lít xăng, tốn chừng mấy trăm đồng là đốt sạch tụi nó ra tro. Không cần súng đạn chi hết.”

Bà Vệt quỳ xuống lạy nó:

“Ồi giời ơi! Nếu con la lớn lên người ta nghe thấy thì khổ cho mẹ. Mẹ lạy con.”

“Thế thì mẹ bảo chúng nó bắt thằng công an giết người.”

Hai anh em khóc lớn lên. Chúng chửi bới lung tung và nguyên rủa bọn giết người và cái chế độ mà mẹ chúng cố gắng bảo vệ. Bà Vệt cũng bắt lỵ ngồi khóc với hai con. Đâu phải bà không đau đớn khi con mình bị giết. Nhưng cả dòng họ bà hy sinh xương máu để giành lấy chính quyền và thống nhất đất nước thì một đứa con bị chết có nghĩa gì. Bà muốn quên đi để được yên thân.

Nhiều tháng sau, đêm nào bà nằm mơ cũng thấy thằng Út hiện về. Mặt mày nó đầy máu me. Một con mắt lòi ra ngoài và đầu nó thủng một lỗ lớn. Nó nhìn bà trừng trừng bằng đôi mắt oán hờn. Nó lầm bầm trách móc bà không bắt thằng giết người trả thù cho nó. Nhiều lúc đang ngủ say, bà bỗng giật mình thức giấc nửa đêm. Nhìn ra khu vườn sau nhà, bà thấy cái bóng trắng của thằng Út đứng dưới ánh trăng bên bụi chuối. Nó đưa tay ra vẫy bà như cầu cứu. Bà vội vàng mở cửa đi tìm nó. Nhưng cái bóng trắng chạy nhanh và leo lên tường, và phóng vụt ra ngoài mất dạng trong bóng

đêm. Bà nghĩ là mình nằm mơ và trở lại giường cố gắng ngủ lại. Thế nhưng vừa chợp mắt lại thấy thằng Út đứng ở đầu giường. Nó cúi xuống mặt bà thì thầm “Mẹ đi tìm thằng giết con đi. mẹ đừng ngủ... đừng ngủ...” Bà hét lên và mở mắt ra chẳng thấy gì ngoài màn đêm u tịch. Bà mất ngủ và bị khủng hoảng thần kinh nên không làm việc được bình thường. Những bài phát biểu của bà trên truyền thông báo chí ngày càng ít đi. Người ta đồn rằng bà bị bệnh tâm thần. Bà đi đủ bác sĩ và uống nhiều loại thuốc để điều trị nhưng không khỏi.

Cuối cùng bà bị đuổi ra khỏi cơ quan nhà nước.

Từ đó, trên hồ Hoàn Kiếm xuất hiện một con mẹ điên. Ngày ngày, bà ta lê la từ hồ Hoàn Kiếm đến lăng Ba Đình tìm kẻ giết người. Một hôm, bà ta đến trước lăng Ba Đình để xin ăn. Có một người đàn ông ăn mặc rất lịch sự đến cho bà ta tiền và hỏi:

“Bà còn nhớ tôi không?”

Người đàn bà điên nhìn ông ta cười rù rượi:

“Mày là thằng chó đẻ nào? Tớ thấy cái mặt mày giống cái thằng đang nằm trong lăng này.”

Người đàn ông lúng túng đứng dậy. Ông ta cố gắng nói:

“Tôi là Tướng Xê, thủ trưởng của bà. Bà làm việc với tôi cách đây mấy năm. Trời ơi! Sao bà ra nông nổi này.”

Người đàn bà quơ cây gậy và quăng cái bị xuống đất, điếm mặt ông ta la lớn:

“A! Mày là tòng phạm giết con tao phải không? Cái thằng nằm ngủ trong lăng này giết con tao đó... bố người ta... bố người ta bắt ... nó... bắt... nó.”

Nhóm công an canh gác ở Lăng Ba Đình nghe tiếng la. Họ chạy đến đề đầu bà điên xuống. Chúng tống bà lên xe và chở đi mất.

Từ đó, không ai còn thấy bóng dáng của người đàn bà điên loạn. Và không một ai dám đến gần lăng Ba Đình quấy nhiễu giấc ngủ nghìn năm của một người mà cả chế độ tôn sùng là một vị thánh nhân.

Viết trong tuần lễ Hà Nội xử án Cù Huy Hà Vũ.

Chú thích: Khi tác giả viết truyện ngắn này thì “ông Vũ Văn Ninh, Bộ trưởng Tài Chính Việt Nam lặn lẽ tới Mỹ vào ngày Thursday, April 07, 2011, đến Mỹ không kèn không trống, không thấy hăng thông tấn nhà nước của Hà Nội hay một báo nào loan tin. Hăng tin tài chính Bloomberg tóm tắt hoạt động của Bộ Trưởng Tài Chính Hoa Kỳ, Timothy F. Geithner, ngày Thứ Năm, 7 tháng 4, 2011, ông này đã tiếp ông Vũ Văn Ninh buổi sáng trong ngày và buổi tiếp xúc này không cho báo chí tham dự.

Đến chiều cùng ngày, ông Geithner gặp

Tổng Thống Obama và cuộc họp riêng này cũng không cho báo chí tiếp xúc.

Theo nguồn tin từ Hoa Thịnh Đốn, trước khi được ông Geithner tiếp, ông Ninh đã đến trụ sở Ngân Hàng Thế Giới. Ông Vũ Văn Ninh tới Hoa Kỳ gặp ông Geithner để xin hợp tác tài chính giữa hai nước.

Việt Nam đang đối diện với các khó khăn kinh tế tài chính nghiêm trọng cũng như cần có thêm đầu tư từ ngoại quốc.

Ngày 24 tháng 3, 2010, Tổng Cục Thống Kê Việt Nam cho hay lạm phát của Việt Nam tháng này 13.89% cao hơn cùng thời gian năm ngoái. Vì dự trữ ngoại hối xuống chỉ còn hơn \$12 tỉ đô la cuối năm 2010, chưa đủ tiền nhập cảng hai tháng trong khi năm 2008 còn đến \$23 tỉ đô la.

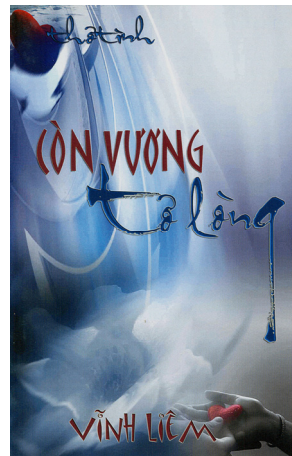
April, 2011

PHONG THU

(Maryland)



Chân thành cảm ơn
Nhà thơ **HỒ HƯƠNG LỘC**
đã tặng thi phẩm
MỘT THOÁNG QUÊ HƯƠNG.



Chân thành cảm ơn
Nhà thơ **VĨNH LIÊM**
đã tặng thi phẩm
CÒN VƯƠNG TƠ LÒNG

TÌNH QUÊ HƯƠNG QUA THƠ NGUYỄN VÔ CÙNG

Nguyễn Kinh Bắc

Trong suốt cả một thời niên thiếu, tôi không có chút ý niệm gì về "quê hương" - hiểu theo nghĩa đó là nơi mình sinh ra và lớn lên. Tôi không có cái diễm phúc được tắm mình trong một dòng sông, được chơi đánh đáo, đánh quay dưới gốc đa hoặc bụi tre đầu làng, được thả diều trên những cánh đồng thênh thang lồng gió, được trèo lên cây khế trước sân nhà để hái trái mỗi ngày... Tôi cũng không được chìm đắm trong những cuộc tình thơ mộng với những hẹn hò đôi lứa nơi chôn đồng quê. Lúc lớn khôn, tôi quan niệm mỗi một người dân Việt đều có hai quê hương : một quê hương nhỏ là nơi chôn nhau cắt rốn của mình và một quê hương lớn là Việt Nam. Tôi có một nỗi bất hạnh - là chỉ biết quê hương nhỏ của tôi qua sách vở, thơ ca, qua lời Mẹ kể. Tôi chưa được bước chân vào trường học thì quê hương nhỏ của tôi bị bỏ lại bên kia bờ Bến Hải. Đến khi bước vào tuổi trung niên thì quê hương lớn đã xa cách nghìn trùng.

Thuở ấy, mỗi lần nghe Thái Thanh hát bài "Quê Nghèo" của Phạm Duy, tôi vô cùng thổn thức và muốn khóc qua những dòng nhạc nào nùng :

*"Làng tôi không xa kinh kỳ sáng chói,
có những cánh đồng cát dài, có lũy tre còm
tả tôi. Ruộng khô có những ông già rách*

*vai, cuốc đất bên đàn trẻ gầy, có người bừa
thay trâu cày..."*

Mãi đến sau này, đọc tác phẩm "Phạm Duy Còn Đó Nỗi Buồn" của Tạ Tỵ, tôi mới biết "Quê Nghèo" chính là Quảng Trị. Tôi muốn nói đến Quảng Trị, vì Quảng Trị là quê hương của bạn tôi - nhà thơ Nguyễn Vô Cùng, tác giả thi tập "Vườn Xưa". Quê hương đâu chỉ là chùm khế ngọt, con diều biếc, cầu tre nhỏ v.v..., mà là tất cả tinh tủy dân tộc. Hầu như trong những bài thơ của anh trong thi tập này, tình quê hương đã vượt lên trên hết ; bởi vì tuổi thơ của anh đã gắn bó với Quảng Trị: trường học, sân ga, tiếng còi tàu, sân nhà, khu vườn nhỏ, đôi sim tím, cỏ may, trường dài cát trắng... Tuổi thơ của anh, theo tôi - đó là một hạnh phúc, vì anh đã sống trọn vẹn với nó :

*Cuộc sống êm trôi như làn gió nhẹ
Đất và người quyến chặt mỗi tình quê
Mặt đất rung rung mỗi chuyến đi về
Sân ga nhỏ còi tàu vương vấn lạ !
(Quê Tôi - trang 67)*

Nhưng rồi cuộc sống êm đềm ấy không còn nữa. Quê hương Quảng Trị của anh đã bị tàn phá bởi chiến tranh trong mùa hè đỏ lửa năm 1972, tất cả đều hoang tàn đổ nát :

*Khói lửa ngập trời, tang thương khắp nẻo
Để "Mùa Hè Đỏ Lửa" đến ngàn sau
"Đại Lộ Kinh Hoàng" chất ngát niềm đau
Cho hoang mạc về thay thành phố nhỏ
(Quê Tôi - trang 68)*

Là một cựu Sĩ Quan QLVNCH, tác giả không thoát khỏi vòng lao cải của Cộng Sản sau khi cuộc chiến chấm dứt. Những buổi chiều nơi trại tập trung, tác giả đã mơ về quê cũ :

*Dấu sỏi đã hằn chân người rệu rã
Bước lưu đày đêm tối mịt mù giăng
Chiều bên đồi nhìn sương khói xa xăm
Mơ về thủa sân trắng vườn hoa nhỏ
(Quê Tôi - trang 69)*

"Vườn Xưa"! Hai tiếng ấy gọi cho ta một sự hoài niệm không rời về một quê hương đã nghìn trùng xa cách, một quê hương chỉ còn lại trong tâm tưởng - để rồi trong những buổi chiều cô quạnh nơi đất khách, tác giả đã ngâm ngùi :

*Ôi những chiều xưa những biển dâu
Nhớ chiều nghe lịm những niềm đau
Ở đây chỉ thấy chiều cô quạnh
Giọt nắng chiều nay ngán giọt sầu!
(Những Khúc Chiều Quê - trang 47)*

Và xót xa khi nhớ lại thời thơ ấu :

*Có những đôi sim với cỏ may
Hái sim cùng bạn nhớ bao ngày
Cỏ may đan kín thời thơ dại
Sao xót xa mình mãi tới nay?
(Có Một Khung Trời - trang 24)*

Thời thơ ấu ấy thật là đẹp. Nguyễn Vô Cùng chào đời và lớn lên tại làng Thạch Hãn, có dòng sông mang cùng tên, dòng sông mà anh thường bơi lội đùa giỡn với bạn bè - dòng sông tuổi nhỏ:

*Lớn lên đã thấy bên mình
Một dòng sông ấp ủ tình quê hương
(Chiêu Niệm Một Dòng Sông - trang 32)*

và phần nộ khi nhà cầm quyền Cộng Sản cho ngăn sông để làm đập dẫn thủy, sử dụng sức lao động của người dân với kỹ thuật thô sơ non kém, làm mất đi cái hiền hòa thơ mộng nguyên thủy của dòng sông, lại còn gây nên cảnh lũ lụt thường xuyên cho một số làng mạc vùng đồng bằng :

*Ngăn sông đắp đập ai bày
Cho bao uất nghẹn dâng đầy nguồn sông
(Chiêu Niệm Một Dòng Sông - trang 33)*



"Vườn Xưa" còn có một ý nghĩa khác, đó là tâm hồn hoài cổ của tác giả, do đó, ta không lấy làm lạ, trong "Vườn Xưa", tác giả đã sử dụng phần lớn thể thơ thất ngôn bát cú Đường Luật. Ngoài ra, tác giả còn dịch "Những Bài Thơ Trong Truyện Kiều" và thơ Đường từ nguyên bản chữ Hán, mà trong phạm vi hạn hẹp của bài này, tôi xin phép không đề cập đến.

Thơ Đường Luật là một thể thơ khó làm, vì luật tắc nghiêm ngặt cũng như bố

cục chặt chẽ của nó. Tinh túy của thơ Đường luật ở chỗ chỉ với 8 câu gồm 56 chữ, gói trọn được cả một đề tài. Thể thơ này không khô khan gò bó như nhiều người đã nghĩ, bằng chứng là chúng ta đã bắt gặp nét u trầm trong thơ Bà Huyện Thanh Quan - và Chu Mạnh Trinh đã thể hiện nét tài hoa, lãng mạn trong một số bài. Gần gũi với chúng ta có Hàn Mặc Tử, mặc dù bỏ làm thơ Đường Luật để theo hãnh phong trào Thơ Mới, nhưng không ai phủ nhận được giá trị những bài Đường Luật của ông trước đó. Ngoài ra, còn có Quách Tấn (với thi phẩm "Mùa Cổ Điền"), Vũ Hoàng Chương, Bùi Khánh Đản v.v... với bút pháp điêu luyện, tài tình.

Căn bản của Đường Luật là phép đối ở hai cặp thực và luận. Nhiều người đã thất bại khi đối một cách máy móc, khiến cho bài thơ trở nên ngô nghê, vì trùng lặp ý tưởng ở hai cặp đối nói trên. Một bài thơ hay là một bài thơ trọn vẹn cả ý lẫn lời. Muốn thế, cần phải lập ý trước, rồi mới dùng lời (ngôn ngữ) để diễn đạt ý, do đó, điều quan trọng là cách sử dụng ngôn ngữ. Ngôn ngữ nghèo nàn thì ý sẽ trở nên rỗng tuếch; và ngược lại, ngôn ngữ có bay bướm thì ý mới trữ tình. Thơ Đường Luật của Nguyễn Vô Cùng ở trong trường hợp thứ hai.

Là một người lưu vong tị nạn Cộng Sản, tác giả đã ví thân phận của mình với thân phận của Thúy Kiều, vừa thoát khỏi ngục tù Cộng Sản, ra hải ngoại lại gặp những ma đầu chính trị :

*Thoát nẻo thanh lâu bầy ác quỷ
Lạc vùng hắc điểm lũ ma yêu
(Vịnh Kiều - trang 116)*

Khác hẳn với Lý Bạch trong thời gian lưu đày biệt xứ, lúc nhớ nhà chỉ biết uống

ruợu để quên đời - thì Nguyễn Vô Cùng dẫu ngậm ngùi chua chát trong cảnh lưu vong, nhưng vẫn mong một ngày tươi sáng cho đất nước khi quê hương thoát khỏi sự thống trị của Cộng Sản:

*Ông chẳng nguôi ngoại sầu biệt xứ
Ta càng chua chát vị ly hương
Nhớ nhà, ông rót ngàn be rượu
Thương nước, ta chờ một ánh dương
(Gửi Lý Bạch - trang 56)*

Những cặp đối này theo tôi - thật tuyệt! Tâm trạng ấy của Nguyễn Vô Cùng là tâm trạng của một kẻ bất đắc dĩ phải rời khỏi quê hương do hoàn cảnh chính trị, bởi vì tác giả vẫn mong có một ngày trở về:

*Rời mai ta lại về quê cũ
Hát khúc đoàn viên ứa lệ vui
(Đốt Lên Ngọn Lửa - trang 64)*

Chế độ chính trị nào rồi cũng lụi tàn, chỉ có quê hương (và dân tộc) mới trường cửu. Đọc "Vườn Xưa", ta không chỉ bắt gặp một Quảng Trị của Nguyễn Vô Cùng, mà thấy cả hồn quê, hồn nước trong đó. Trước sự "lạm phát" của thơ hiện nay, "Vườn Xưa" là một thi phẩm có giá trị về kỹ thuật lẫn nghệ thuật, đồng thời thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, lập trường chính trị của tác giả - dù lời thơ mượt mà, nhẹ nhàng - nhưng vẫn không vì thế mà kém tính chiến đấu. Qua thi phẩm này, tác giả muốn gửi một "thông điệp" đến người đọc :

*Đem câu thơ ủ tình dân tộc
Góp với quê hương cuộc chuyển mình
(Tình Thơ Đánh Giặc - trang 26)*

Nguyễn Kinh Bắc
(Pennsylvania)

LÁ BÙA MÊ...

CÁT ĐƠN SA (DIỄM CHÂU)

Cứ mỗi lần nhìn qua nhà bà hàng xóm trước mặt, là Yên cảm thấy bức xúc trong lòng khó tả! Bà ta cũng là người Việt Nam, cỡ tuổi Yên, nhưng coi trẻ trung hơn nhiều vì ăn diện diêm dúa, móng tay lúc nào cũng để dài và sơn màu đỏ, mặt mũi trang điểm cẩn thận, lái chiếc xe Mercedes đời mới láng bóng. Nhìn lại mình, tóc tai hay cột túm ra sau, ăn mặc tầm thường... móng tay thì cắt cụt sát vào, vì phải chăm sóc hai thằng cu con sinh đôi, sợ cấu vào da của chúng, nên mẹ đành phải hy sinh!

"Sao mà số bà giàu, sướng thế; cũng có con nhỏ như mình mà có người làm coi, lại nhìn nhàn nhã... còn đẹp nữa!!"

Biết rõ về bà ta, vì sáng sáng hay để ý theo dõi. Yên thấy mỗi khi cô người làm đến độ năm mười phút thì bà ta đi làm. Có lần Yên trông thấy bà đưa tay vuốt mái tóc bồng bênh, ngón tay thon trắng muốt, chiếc nhẫn hột xoàn to lóng lánh chói lòa dưới ánh mặt trời, làm cho con mắt của Yên nhấp nháy! "Thảo nào mà nhiều đàn ông bu theo!"

Yên biết được bà làm chủ hai tiệm nail, do chồng nói lại, vì Tân hàng ngày đi làm cùng giờ với bà, hai bên thường gặp nhau trước ngõ, chào hỏi và làm quen nhau.

- Cô Bình tử tế lắm. Ly dị ông chồng ba năm rồi, tự làm nuôi con, hai tiệm Nail rất đông khách.

Nghe chồng nói thế thì biết thế, nhưng Yên chưa làm quen hay giáp mặt với Bình lần nào! Không biết họ có "đá lông nheo" với nhau không?

Yên nổi tiếng trong nhà ngoài ngõ là chúa ghen, hay nghĩ vớ vẩn và phóng đại câu chuyện, bạn bè ai cũng biết điều đó.

Từ ngày quen biết với cô hàng xóm, Yên thấy ông chồng mình đổi tính nết, sáng sủa ăn diện bảnh bao hơn, tính tình thì cũng kỳ cục, khác lạ: khi thì vui như tết, hay cười tùm tùm một mình, tốt với vợ con quá lố! lúc thì cần nhẫn, bần gắt, dù chuyện nhỏ như con thỏ cũng xé ra thật to, lúc nào cũng sẵn sàng nổi cáu lên được!

Có hôm Tân vừa đi làm về, Yên hớn hở ra đón, khoe:

- Anh ơi, đói bụng chưa? bữa nay em làm chả giò cho anh ăn đó.

Tưởng chồng sẽ vui thích, ai ngờ Tân vừa vào phòng trong thay áo, vừa nhăn mặt kêu lên:

- Anh đã dặn em bao nhiêu lần rồi... ! Không được chiên xào trong nhà như thế này, đã vậy còn không chịu đóng cửa phòng lại, rồi mở hết cửa sổ ra cho thoáng... thì mùi hôi nó ám vào, chịu gì nổi?

Yên gân cổ:

- Mùi chả giò thơm thấy mỡ mà còn kêu.

- Thơm cái gì! Mùi đồ ăn bay vào tủ, dính vô quần áo của anh đi làm, hôi gần chết!!! ba ngày sau cũng chưa hết mùi. Lần trước cũng vậy, em chiên cá đến mấy ngày sau anh vẫn còn ngửi thấy mùi cá trong tủ quần áo. Ở Mỹ mà không thức thời gì hết!

- Anh làm như Mỹ chính gốc vậy! Nhà người ta lấy chồng Mỹ, mà vợ tụi nó nấu ăn trong nhà hôi rình còn không dám kêu ca gì!!! với lại đâu phải em chiên hoài?

Tân sùng:

- Anh đã nói với em nhiều lần, là khi nào chiên cái gì thì đem ra sân, hay vào gara mà chiên!

Yên cũng gân cổ:

- Giờ đâu mà dọn đồ ra sau đó? Anh có ngon thì làm sẵn cái búp ngoài sân cho em đi!

- Giờ đâu!!! Hừ... Em ở nhà chuyên môn tán phét trên phôn và coi phim bộ cả ngày, chứ có làm gì!

Nói vậy mà nghe được! Câu này mới đung chạm thực tình! Hai đứa con, lại là con trai đang tuổi phá, chúng nó quần Yên cả ngày đến mệt! Nàng cũng cần được giải lao chút đỉnh bằng cách nói dóc với bạn bè cho vui, hay coi phim bộ... để đầu óc bớt quay cuồng chứ!

Đồng ý là đôi khi mãi vui chuyện chị em, hay coi phim tới đoạn nào hay quá, thì Yên cũng ngồi lì ra đó, mặc cho con cái ré lên khóc, dí cho chúng cái kẹo mút! hay là không nấu cơm chiều, cho chồng ăn bánh mì chả lụa, mì ly, phở gói... nhưng chuyện đó chỉ thỉnh thoảng xảy ra thôi, đâu có "hoài" mà Tân mắng!

Nghe Tân mĩa mai, Yên tức, ầm ứ giận dỗi thật lâu! Tại sao Tân lại bắt bẻ vợ từng chút như thế? Mà cho dù Yên có mê nhiều thứ thật! Có bao nhiêu người vợ, người mẹ không đi làm, ở nhà trông con lo búp núc mà không tán dóc, không coi phim bộ? Khi đã coi phim bộ rồi, thì phải ghiền thì chuyện đương nhiên, có gì lạ đâu? sao Tân không chịu hiểu?

Hay là Tân đang để ý tới ai khác? tới cô Bình hàng xóm? nên không còn yêu thương Yên như hồi mới cưới nữa?

Cái món chả giò Yên cố làm thật ngon tối hôm đó bị ế! Tân đang cáu, ăn lấy lệ rồi rút vô phòng trước, ở lì trong đó xem TV rồi ngủ luôn. Yên vừa ăn vừa đút cho hai thằng cu vừa khóc, chúng phá phách, hất đồ lung tung càng làm cho nàng tủi thân, la con thật to khiến chúng hết hồn; nhưng sau đó thì lại nghe lời mẹ, há miệng ăn ngoan ngoãn.

Nhiều khi Yên cũng buồn nhưng vì bận rộn con cái, công việc nhà nên thời gian trôi qua. Cho đến khi con ngủ yên trong giường, thì nỗi buồn cũng đã phai mờ đi một chút. Dù ghen, nhưng Yên lại là người mau quên, hay tha thứ.

Vốn là người có tính lo xa, rồi kinh nghiệm từ mấy chuyện trong phim bộ. Yên lo sợ khi nghĩ đến chồng mình hào hoa phong nhã ngoài đường, mê một con mẹ nào đó, như con mẹ Bình trước ngõ, rồi về nhà hất hủi vợ!

Bắt buộc phải làm một cái gì để cứu vãn tình trạng này! À, nghe người ta nói nên đi gặp một bà thầy, mua một lá bùa để cứu nguy hạnh phúc gia đình. Bà thầy thường đăng quảng cáo trên báo thật nỏ là "Làm phước giúp đời"!

Yên lại lần thân nghĩ xa xôi hơn: không biết với mấy người nghèo kiết, lũng túi, mấy bà thầy có chịu "làm phước" không? Nếu "làm phước" hoài, thì làm sao mấy bà trở nên nên giàu có được! Hừm... Đọc báo thấy nói có bà thầy đeo nhiều vòng vàng châu báu, bị người ta nổi máu tham ám hại, giết người để cướp của!

Nhưng thầy kệ, mình phải tự lo cho gia đình mình trước!

Lá bùa nghe nói cũng rẻ rẻ! Thời buổi kinh tế thị trường, sale 50% off! Bùa mà cũng có sale, không biết quý thân có chịu không? nghe bạn nói vì cạnh tranh nên bùa xuống giá, Yên hơi mừng...Nhét vào túi năm chục bạc. Bà thầy bùa hứa chắc như đinh đóng cột:

- "Bảo đảm sau khi uống xong, anh chồng, hay anh kếp của cô sẽ yêu và theo cô cho tới già lão, tới chết luôn!".

Cầm bùa trong tay, Yên khoái trí khi nghĩ đến khuôn mặt điển trai của chồng mình. Bắt đầu từ mai, sau khi đã nuốt vào

bụng lá bùa yêu, anh ta sẽ theo đuôi mình như một con chó cún!

Yên chờ hai thằng con vào tiệm kem, cho chúng mỗi đứa một cúp kem chocolate, Ăn xong đứa nào cũng lem luốc mặt mày, nhưng Yên vẫn vui trong bụng không hề cần nhìn con tiếng nào vì thường công của hai đứa bé đã chịu ngồi yên trong ghế coi "movie" cà-tun (phim hoạt họa) chờ mẹ, trong lúc mẹ đi coi bó, mua bùa..., "quyết bỏ bùa để trị cha chúng mày vào khuôn vào phép"!

Để coi ... Yên nhớ lại tiếng bà thầy căn dặn:

- Tối nay hay ngày mai, bỏ bùa vào cà phê hay trà cho ông uống, những thức uống có mùi đậm người ta mới không biết. Phải dùng ngay sau khi mở ra trong vòng 1 tiếng đồng hồ, nếu không thì hết hiệu nghiệm! Nhớ dùng cho ông ấy ăn hành tỏi tiêu ớt nhé!

Chiều đó khi Tân đi làm về, Yên vui quá, hớn hở tay bồng tay dắt con ra cửa đón chồng. Con cái đã được tắm táp sạch sẽ, thơm phức, trong nhà không một mùi hôi, chắc chắn là chồng sẽ rất hài lòng, không có lý do gì để mà cau cái mặt lại như mọi khi!

Nhưng bỗng dung anh chồng lại nghi ngờ:

- Ủa! Sao hôm nay em lại tử tế ra đón anh vậy? Mọi khi đi làm về, anh thấy em hay nằm tỉnh bơ ở xa lông coi phim hay nói chuyện, anh vào tới trong nhà mà em cũng không thèm quan tâm cơ mà?

Yên giật mình trước nhận xét tinh tế của chồng! Có lẽ mình vui mừng nên chuẩn bị hơi quá lộ!

- Đâu phải ngày nào em cũng làm vậy đâu anh. Bây giờ mời anh đi thay đồ rồi cả nhà mình ăn cơm, em có làm món đặc biệt cho anh ăn nè.

Mặc cho Tân có vẻ ngạc nhiên, Yên nắm tay chồng kéo vào phòng để chồng thay đồ cho nhanh, trước khi ra ngồi vào bàn ăn. Hai thằng cu con được mẹ bỏ vào

ngồi trong hai chiếc ghế cao, có cột giầy lại cho khỏi té, phát cho mỗi đứa một nửa trái bắp và một cái đùi gà chiên, cho chúng tha hồ gặm! Yên vào bếp bắt đầu bung dọn thức ăn ra bàn.

Đây là bước mở đầu "rất tử tế" chuẩn bị cho ngày mai, khi Yên cho Tân uống ly cà phê nóng có bỏ bùa, sau đó thì chờ đợi tình anh ta sẽ đổi khác!

Dĩ nhiên là được vợ cung, lo lắng cho từng món ăn ngon, lại ân cần dịu ngọt, có anh chồng nào mà không thích? Tân vừa ăn vừa nghĩ có lẽ vợ thấy mình đi làm cực nhọc, nên hối lỗi, bớt tán gẫu để lo cho chồng con đang hoàng hơn.

Ăn xong, Tâm đứng dậy nựng con, rồi ôm hôn vợ một miếng thật kêu:

- Cám ơn em đã nấu cơm thật ngon hôm nay.

Yên khoái trí không nói, nghĩ đến ngày mai nữa là trong nhà êm ấm, vợ nói gì chồng cũng nghe!

Tối hôm đó, hai thằng con đi ngủ sớm, vợ chồng trẻ cùng đi nhau lên giường, những câu yêu thương tình tứ lại trở về. Tân ôm vai vợ, rồi vuốt tóc Yên:

- Tội nghiệp em, mắc lo cho hai đứa con nên chẳng có giờ sửa soạn như xưa.

- Đâu có sao anh, em cũng ít ra ngoài...

- Thấy em anh tội nghiệp quá, nhìn cô Bình bên kia mà anh lại thương cho em.

Yên ngóc đầu lên, ngạc nhiên:

- Sao vậy anh?

- Cổ cũng cỡ tuổi em, mà nhìn sao trẻ trung, xinh đẹp quá, lại biết kinh doanh thành công, trong lúc em thì như lúc nào cũng lụi xụi!

- Rồi sao?

- Thì ra đường thua chị kém em chứ sao!

Nói xong Tân chép miệng như thương cảm cho Yên lắm, ôm vợ vào lòng âu yếm,

trong lúc Yên cảm thấy bực mình. Câu nhận xét vô tình của Tân làm cho Yên tự ái! Nằm trên giường mà cũng lòi con mẹ đó vô! Thật là quá đáng!

Yên chợt thấy cụt hứng, nằng xô nhẹ chông ra:

- Ngủ đi anh, hôm nay em phải nấu nướng nhiều món, mệt quá!

Tân nằn nì:

- Cho anh đi mà...

- Không!

Trả lời xong, Yên nghĩ thầm:

- Ngày mai rồi biết tay bà!!!

Tân đòi gặt vợ mà không được, mắt hứng xoay ra phía khác, chỉ một lát là ngủ ngáy ngon lành. Còn Yên thì vẫn tức. Tức vì chồng đã dám so sánh mình với con mẹ bên kia đường, lúc nào con mẹ đó cũng ngon lành dưới mắt Tân hết!

Nếu cho Yên ăn diện vào, chưa chắc mèò nào hơn mũ nào!

Bởi vậy cho nên nằm đó, mà Yên cứ mong cho trời mau sáng, để ra ngoài bếp làm cà phê rồi bỏ thuốc lú bùa mê vào cho chông xoi!

Sáng hôm sau, pha cà phê xong, Yên vội vàng móc lá bùa giấu ở một chỗ thật kín đáo đem ra đốt, rồi đổ hết đám tro tàn vào trong ly, khuấy lên cho thật đều. Thấy trời hơi nóng, Yên cố làm giọng dịu ngọt, hỏi:

- Anh à, muốn uống cà phê sữa đá, đen đá, hay cà phê nóng?

Tân ngủ một gấc ngon lành, đã quên chuyện tối qua vợ cự tuyệt mình, vừa thất cả vạt, vừa ra nhà bếp hít hít mũi:

- Mùi cà phê thơm thiệt, anh muốn cà phê sữa đá.

- OK, vậy anh ăn bánh mì bơ trước đi, rồi em mang cà phê sữa đá cho anh.

Tân ngồi xuống bàn, vừa ăn vừa tán:

- Phải chi lúc nào em cũng dễ thương, ăn nói gió đưa ngọt ngào như thế này, thì anh thích lắm.

- Thôi mà, từ nay em sẽ cố chiều anh. Anh uống cà phê cho mát nhé.

Yên bung ly cà phê đưa lên tận miệng chông.

- Ủ... được em chiều như vậy hơi lạ hơn bình thường đó nghe, uống rồi có chết anh cũng vừa lòng!!!

Yên nhíu mày:

- Nói tầm bậy không!

- Tại anh vui quá nên nói vậy... mà này, hai đứa mình uống chung cho vui? Mà tại sao bỗng nhiên em lại nổi hứng cùng anh quá vậy?

Yên không muốn chông nghi ngờ:

- Thôi anh cứ "enjoy" đi, đừng lo cho em. Thật ra thì mấy ngày nay em suy nghĩ, thấy mình cũng có lỗi với anh, không lo cho anh đầy đủ cơm nước, nên muốn đền bù vậy mà.

Tân nghe vợ nói cảm động ra mặt, nên cương quyết:

- OK, anh uống nhưng em cũng uống một tí cho vui, uống đi.

Không biết đang nào từ chối, khi Tân bung ly cà phê để sát miệng, Yên đành phải hớp một miếng, nhưng ngậm trong miệng mà không nuốt. Chưa biết làm cách nào để nhả ra, thì có tiếng thằng cu con khóc, thế là Yên chạy ngay vào phòng, nhân tiện nhả hớp cà phê ra trong phòng tắm! Hú hồn!

Ly cà phê có bùa yêu trị giá trị, may không thôi là Yên đã phải nuốt một hớp vào bụng, chẳng biết có áp phê gì không? Thôi giờ chờ đợi tới chiều, khi chông đi làm về mới biết hiệu quả.

Chiều Tân về, tin tưởng lời bà thầy hứa chắc như đinh đóng cột. Nghĩ rằng chông đã ăn phải bùa mê thuốc lú của mình, làm cái gì chông cũng cùng, nên Yên lại làm

biếng nằm chổng cẳng trên xa lông tán dóc với bạn bè... bộ phim mới mượn về, nghe quảng cáo còn hay và hấp dẫn hơn mấy bộ phim trước nhiều để mai coi.

Hai thằng cu mặt mày tèm lem đánh nhau mà Yên mặc kệ, cứ đút bánh vào miệng cho chúng đừng khóc, để mẹ tha hồ nói chuyện trời trăng mây nước, chuyện ngoài đường trong ngõ nhà người ta!

Khi Tân đi làm về, Yên đang say sưa bàn cãi truyện phim với bạn những đoạn thật hấp dẫn đã coi, chẳng hay biết gì cả!

Nhìn thằng cu em đang lăn quay ở trường nằm trong góc nhà ngủ, không có tã vì nó đái ướt, thằng nhỏ không chịu tự lột quần đi. Cu anh thì ngồi lồi hết mớ giấy nợ của dàn máy karaoke ra phá.

Cho đến lúc nghe tiếng Tân quát lên, Yên mới giật mình:

- Trời ơi là trời! sao không chịu coi con, để nó phá giầy điện như thế này? có ngày bị điện giật chết mất!

Yên hoảng hồn cúp phôn ngồi bật dậy, vội vàng chạy đến lôi thằng cu anh ra khỏi mớ giầy rối như tơ vò. Chưa hết, lúc đó nàng mới nhìn thấy cu em đang ngủ trần trường một góc, vội cấp nó lên bằng tay kia. Nhìn cảnh đó, Tân thở dài áo nã, than:

- Anh không ngờ là em lại vô trách nhiệm đến thế! nổi máu mê nhiều chuyện mà quên luôn cả con cái!!! Em muốn anh phải làm sao? hay là anh nghỉ việc, ở nhà coi con cho em rảnh tay, muốn làm gì thì làm... OK, OK???

Mấy chữ OK, Tân dẫn thật to, làm cho Yên nghe muốn điếc cả tai!

Ồ hay, như vậy là "bùa yêu" đã chẳng có hiệu nghiệm gì? Bằng chứng là Tân đang la ong ồng thế kia! Yên tính hôm nay nếu Tân về nhà với nét mặt hòa nhã, thì nàng sẽ nói Tân tự đi nướng bánh mì mà ăn

với thịt nguội, xong sai chồng coi con, để Yên rảnh tay mà coi phim cho đã!

Chưa hoàn hồn, Yên lại nghe tiếng nôi niêu đập vào nhau chát chúa trong bếp, làm cho nàng càng quỳnh lên, xách con vào theo, nhìn cái bếp lạnh tanh và khuôn mặt bực tức của chồng, lúng túng giải thích:

- Hôm nay nhiều việc quá, em mắc làm nên chưa kịp nấu cơm cho anh ăn. Hay là anh đợi em một chút xíu ...à hay là...

Tân ngắt lời:

- Hay là lại bảo anh ăn bánh mì, cháo gói hay cơm nguội với xì dầu chứ gì?

Bí quá, Yên đỏ lì:

- Anh biết rồi. Khi nào em bận, thì nhà mình có nhiều thứ đồ ăn trong tủ, tha hồ mà lựa, anh thích món nào xào món đó! Nghĩ lại đi... anh như vậy còn hơn cả tỷ tỷ người trên thế giới bị đói, không có đồ ăn!

Nghe Yên nói, lập tức Tân sa sầm nét mặt, dùng dùng bỏ đi, không quên thốt ra một câu hù dọa khiến cho Yên lên ruột:

- Tôi đang ở trên nước Mỹ, xứ giàu nhất trái đất... và đi làm mệt cả ngày, chứ không phải là người ốm đói nằm nhà chờ sung rớt vào miệng mà cô ví dụ! Tôi đi ăn cơm tiệm đây, cứ ở nhà mà ngồi lê đôi mách, coi phim tiếp đi, nhưng nói cho cô biết, nếu cô không săn sóc con cái cho đàng hoàng, là không được với tôi đâu nhé!

Cánh cửa đóng cái rầm thật mạnh sau lời thách thức, đe dọa ghê gớm, như tát vào mặt Yên! Khuôn mặt của đôi nam nữ tái tử trong phim, cũng như những mẩu chuyện tình éo le do Yên và các bạn kể với nhau đột nhiên biến đâu mất tiêu! Trên tay Yên, hai đứa con hai bên vẫn còn đây làm cho Yên trở về hiện thực, hựt hẫng.

Yên vội vã chạy ra sân. Chiếc xe của chồng đã lao ra khỏi nhà từ lúc nào rồi!

Ủ rũ ngồi xuống trước thềm, ôm thẳng cu em vẫn ngủ say mê nhìn rất dơ dáy trong vòng tay. Nhìn qua cu anh mà Yên thấy đau lòng! Tại sao đã uống "Bùa Yêu" mà Tân lại dữ dằn với vợ như thế chứ! Ngày mai thế nào Yên cũng gọi điện thoại cho bà thầy bùa để cự lộn về vụ này.

Nhưng bản thân mình, mình có làm đúng trách nhiệm của một người vợ, một người mẹ hay không?

Ăn ở với nhau được 4 năm, khi biết mình có thai sinh đôi, là Tân muốn Yên nghỉ làm ngay, ở nhà để dưỡng thai và chuẩn bị sinh con.

Làm việc nhà cùng lúc coi hai đứa con mọn đầu có dễ, thêm vào đó là niềm say mê bê bạn lần coi phim vừa mới bắt đầu lúc Yên nghỉ việc, chưa sanh con cũng đủ bận rộn cả ngày. Sáu tháng mang bụng chờ sanh, là sáu tháng Yên tràn ngập thương đau, sầu cảm trong những bộ phim Đại Hàn đầy tình tứ và nước mắt.

Nhưng vì lúc đó chưa có em bé, nên chưa có nhiều bận rộn như sau này. Những lúc ăn cơm với món không được ngon, Tân cũng thông cảm cho vợ, vì tình yêu thương dành cho vợ và hai đứa con sắp sinh đôi tràn ngập trong lòng.

Dù sao thì Yên có mê coi phim hay nhiều chuyện một chút cũng không sao!

Nhưng từ lúc sinh xong, việc nhiều hơn, giờ không có, Yên trở nên bê bối trong công việc, mà bảo tốp gọi phôn cả kê đề ngỗng với bạn, hay bỏ coi phim để lo chuyện nhà thì "còn lâu"! Đây là thú vui duy nhất của người nội trợ. Bỏ đi thì "sống" làm gì!

Bà chủ tiệm video cũng ngạc nhiên khi Yên ra trả và mượn phim mới:

- Ủa, coi chưa mà trả phim rồi?

Yên vô tư:

- Em cứ vặn phim lên cho nó hát, rồi vừa làm vừa nghe. Khúc nào chán hay dờ quá, thì em cho qua luôn, chứ em còn phải coi hai thằng cu này bận rộn lắm, nhưng nhiều khi mình cứ muốn biết kết cuộc câu chuyện ra sao. Cho nên em hay coi đoạn kết trước nữa đó chị, gặp phim nào hay là phải "hi sinh" hết! Con thì cho nó chơi một mình, không thêm thay tã, đứt đồ ăn, chỉ vất cho mấy chai sữa tự bú... cơm cũng không nấu cho chồng về ăn.

Bà chủ nghe thế, chép miệng khuyên:

- Coi thế thì uống nhưng dù sao đừng có lạm quá. Cũng phải lo chuyện gia đình em ạ. Em mà làm vậy hoài có ngày gia đình tan nát hết cho mà coi!

- Tan gì, em coi phim chứ có phải đi bỏ bịch đầu mà tan với nát!

- Không phải ngoại tình, chuyện gì cũng có giới hạn của nó, bộ chồng em không cần nhằn gì sao?

- Làm sao thoát nổi! Cãi nhau hà rầm chị ơi... nhất là hôm nào ảnh đi làm về mà không có cơm nước đang hoàng là ảnh tức! Đàn ông gì mà cứ để ý đến miếng ăn! Nhưng em thấy trong phim nó chơi bùa mê, chắc em phải làm theo để mình nói gì là ảnh phải nghe theo, cho yên cửa yên nhà.

- Không được đâu, phim khác với ngoài đời! Chị mến em vì em thật thà, khách quen, lại có hai thằng con dễ thương chị mới nói. Dù chị cho mượn phim ăn tiền nhưng tốt nhất theo ý chị, là em nên bớt coi phim đi! Nhìn con em kia, bây giờ tụi nó đâu có dễ thương bằng lúc em mới tới mượn phim lần đầu?

Yên giật mình nhìn con, quả thật lời bà chủ chẳng sai. Cu anh thì tóc dính vào nhau bê bết, còn cu em áo ướt nhèm vì quên mang yếm, nhìn không sạch sẽ chút nào!

Tối hôm đó Yên ngồi nhớ lại chuyện đã qua. Sau khi con ngủ, Yên ra phòng khách vừa thu dọn chiến trường vừa chờ chồng. Cho đến gần mười một giờ vẫn không thấy bóng dáng Tân! Đi ăn gì mà lâu dữ vậy!

Yên lo lắng nhìn đồng hồ với niềm hồi hận dày vò. Mình đã không tròn bổn phận của người vợ! Tội nghiệp cho Tân, đã đi làm cực nhọc về nhà còn gặp chuyện khổ tâm! Chưa bao giờ mà Tân lại bỏ đi lâu thế, chắc là Tân buồn lắm! Sao mình lại tệ thế không biết!

Nghĩ thương chồng một lúc, rồi nhìn ra ngoài công, căn nhà bà Bình trước mặt. Hay là Tân đến nhà ai? hay là đang ở trong nhà bà Tình?

Nghĩ vậy, Yên mở cửa đi ra đứng trước nhìn qua nhà bà hàng xóm, ánh đèn vẫn còn sáng chứng tỏ bà ta chưa ngủ. Chợt trái tim Yên đập loạn xạ và hoa cả mắt khi thấy xe Tân đang đậu chính ỳnh ngay đằng trước. Trời đất, xe đây còn người đâu? Như vậy thì chắc chắn là chồng mình đã vào nhà "con yêu nữ" chơi rồi!

"Trời ơi, coi chừng bùa yêu ứng nghiệm với người khác thì nguy! Có khi nào như thế không?"

Nổi máu ghen lên, Yên lập tức nhe nhàng băng qua đường, rón rén mò lại gần bên nhà bà Bình. Đến bên cửa sổ nghe ngóng, tiếng của bà Bình êm ái vang vang khiến cho Yên như chồm hẳn người đứng lên mà hóng:

- "Em biết rồi, em cũng thương anh nhưng chúng mình còn nhiều vướng mắc lắm anh ạ! mình phải giải quyết cho xong, trước khi chúng ta đến với nhau..."

Nghe tới đó, chịu hết nổi, Yên định đứng vùng lên để chứng kiến tận mắt cảnh ông chồng mắc dịch của mình, đang tay

trong tay với bà Bình, để ba mặt một lời cho hết đường chối cãi. Nhưng chợt Yên lạnh người khi một bàn tay chụp lấy người nàng kéo lại, khiến Yên hoảng hồn hét lên một tiếng lớn!

Ánh đèn trong sân sáng lên, rồi khuôn mặt bà Bình với bàn tay đang cầm cái phôn lộ ra nơi cửa sổ. Nhờ ánh sáng, Yên quay nhìn người chụp eo ếch mình, thì ngỡ ngàng khi nhận ra đó chính là Tân!

Tân kéo tay Yên hụp xuống, rồi luồn sát hàng cây chạy thật xa, khuất hẳn nhà bà Bình mới men theo hàng cây trở về nhà mình. Đèn trong sân bà Bình đã tắt.

Thì ra là lúc Yên đi rình bà Bình, Tân đang ngồi trong xe thấy hết. Vì giận Yên, Tân chưa muốn vào nhà chứ chàng không có đi đâu. Khi hiểu chuyện, Yên cười, ngón nghén:

- Em hứa với anh từ nay sẽ lo cho chồng con đang hoang, không để cho con cái bê bối nữa... anh đừng giận em nghe!

- Ừ, anh không giận nhưng em đã hứa thì phải giữ lời nhé, lần sau anh đi thiệt đó!

- Ừa, anh không thấy lưu luyến gì em sao?

- Lưu luyến gì! Sáng nay em cho anh uống cà phê, anh ăn thêm mấy cái nem với cá đồng tôi ngon quá trời, không có sao đâu!

"Ừa, thế là thế nào?" Nhưng thôi, Tân vừa đáp vừa cười là được, biết hay không biết cũng chẳng sao! Cái Cộng đồng người Việt ở đây là một vòng tròn, riết rồi chẳng biết ai kín miệng hơn ai!



Cát Đơn Sa (Diễm Châu) và ViVi

Về bài hát "Chiều muộn"

Ở Nam Cali thì như đã nhiều phen tôi có dịp đề cập, hàng năm chỉ có mỗi một mùa căn bản là mùa nắng. Có khác chăng giữa mùa này và mùa kia so với các nơi khác trên toàn Liên Bang là độ nóng của nắng trên trời đổ xuống tùy theo những tháng trong năm.

Và cũng tùy theo đó mà chiều đến tôi mới thường bước ra sân trước vườn sau để xem tình hình cỏ cây hoa lá chúng nó ra làm sao.

Bởi vậy mà từ cuối tháng Ba cho đến khoảng giữa tháng mười một dương lịch thì chiều đến tôi thường ra sân trước vườn sau quan sát ngoại cảnh, từ trên trời xuống đến mặt đất; bởi vào những tháng đó thì không khí bên ngoài là từ nóng cho đến mát mẻ chứ không có cái kiểu từ mát lạnh đến lạnh vào những tháng khác. Là người gốc Bắc nhưng lớn lên trong Nam cho nên tôi không mấy quen với chuyện lạnh lẽo.

Vậy thì từ hôm giữa tháng Ba dương lịch vừa rồi tôi đã bắt đầu thích đi dạo quanh vườn khi chiều đến. Từ hôm bước vào tháng Tư mà theo lịch về mùa màng thời tiết ở đây là giữa mùa Xuân thì không khí mỗi chiều lại càng thêm ấm áp, ngoại trừ những hôm trời chuyển mưa vì bão rơi bão rút đầu từ hướng Tây Bắc thổi xuống, khiến thời tiết lại bắt đầu "giở quẻ" thì không nói mà làm gì!

Một buổi chiều như thế cách đây khoảng hơn một tuần nhật thì chiều đến tôi đang thơ thẩn ngoài vườn, nhìn đồng hồ thấy đã bảy giờ mà sao trời vẫn còn sáng trong khi chỉ mới vừa đầu một hai tháng

trước thì vào cỡ đó trời đã tối hẳn ! Mới sực nhớ ra là đang rục rịch vào Hạ; mà vào Hạ thì ngày dài ra, còn đêm thì sẽ ngắn bớt đi. Tức là mùa này thì buổi chiều đến muộn. Không khí ngoài trời khi chiều đến đã mỗi ngày một thêm ấm áp dễ chịu thì đã đành, mà cũng lại còn cái khoản mặt trời lặn một cách từ tốn khiến mình còn đủ ánh sáng để mà nhìn cỏ cây hoa lá này kia tương đối lâu hơn so với những tháng khí trời lạnh lẽo hoặc đêm xuống sớm. Chẳng biết lũ bướm loài ong hay chim chóc này kia khi chúng nhìn cỏ cây hoa lá thì chúng có nghĩ ngợi cái gì không hay chỉ chú mục xem chỗ nào có nhụy, chỗ nào có sâu bọ để rình hút hay bắt. Chỉ biết là con người ta có đi dạo quanh dạo quần trong vườn khi chiều xuống thì vừa nhìn cái này cái kia thì rồi tâm trí cũng dễ lang thang về những chuyện mới, chuyện cũ; mà khung cảnh của buổi chiều thì dễ khiến người ta, một khi đã sống qua một quãng đời có ít nhiều biến cố gì đây, thì dễ nghĩ về cái cũ nhiều hơn cả.

Ấy là tinh thần cùng nội dung chứa chất nơi bài hát "Chiều muộn" ! Tâm Hảo hát xong bài này, cháu gái Alice của tôi thực hiện cái "video" đưa lên "YouTube" (<http://www.youtube.com/user/ThanhTrang414?feature=mhee>) với bài hát làm nền cho phần âm thanh, chỉ trong vòng mười hai tiếng đồng hồ đã có nhiều người vào xem và nghe ! Chúng tôi là ngoài đời cũng không hiếm người quanh quần ngoài trời vào những buổi chiều đến muộn như người viết bài hát ! Còn thả hồn lang thang về nơi nào chốn nào, với ai , v.v.. thì ấy là chuyện riêng của mỗi người!

Thanh Trang

Nam Cali, tháng Tư 2012

Chiều muộn

Thanh Trang

Chậm vừa

Chiều muộn về ngày nắng chưa phai sóng nước xa khơi xanh xanh màu
trời Chiều muộn về chậm cánh chim bay Ánh nắng chưa
phai thấp sáng trời mây Chiều muộn về càng khơi lòng
nhớ lời cũ duyên xưa nay xa mịt mờ!
Chiều muộn về còn mỗi riêng ta Mỗi bước thêm xa với bao ngày
qua! Nhớ khung trời xưa muốn
về buồn tình đời nhân thế! Nhớ cho lòng thêm nảo
nè dòng đời hay bến mê? Nhớ trong mùa con nước
cạn thuyền đời trên bãi hoang! Nhớ trong mùa con lũ
tràn Từng mảnh đời ly tan!



Chiều muộn về lòng nhớ thương nhau cũng đã qua mau ước cũ duyên



đầu! Chiều muộn về dù nắng chưa phai có nhớ thương



ai mong chi ngày mai? Chiều muộn về đường xa ngàn



lời Nhớ lúc chia tay không mong gặp lại!



Chiều muộn về ngày vẫn trôi qua với tháng năm xa Còn ai thiết



tha ?



HƯƠNG RƠI CUỐI MÙA

Chiêu Hoàng

Thiên hạ thường gọi tôi là "*thằng khờ*". Nhất là đám con nít trong xóm, cứ hễ khi nào tôi ra đường một mình chúng cũng đều xúm vào trêu ghẹo, nhấu đến có đứa quá khích động liệng cả đá vào tôi nữa:

"Ồ kìa, ra mà coi thằng khờ tụi bay ơi!!"

Những lúc bị chúng bắt nạt, đánh như thế, tôi thường khóc rống lên, ôm đầu chạy tuốt về nhà:

"Mẹ ơiiiii..... Mẹ ơiiiii..... Chúng đánh con đau quá....Hu...hu...hu..."

Lần nào cũng vậy, mẹ đều xót xa, ôm tôi thật lâu trong lòng cho đến khi tôi cảm thấy ấm áp, an lạc:

"Mẹ đã dặn con bao lần mà con vẫn không nhớ. Chớ nên ra đường chơi một mình mà không có mẹ. Chúng sẽ ném đá và làm con đau đớn. Con nhớ chưa?"

"Con nhớ! Híc..híc..híc..."

"Ngoan lắm. Nào cho mẹ xem con bị đau đâu."

Nói rồi. Bà tỳ mỹ nhìn từng phân vuông trên da thịt tôi, sờ đầu, nắn tay, chân v.v.. để chắc chắn tôi không bị bầm vập, trầy xước chỗ nào.

"Mẹ ơi. *Thằng khờ* là gì hở mẹ?"

"Có nghĩa là một đứa trẻ vì một lý do nào đó mà đầu óc nó phát triển rất chậm - như con vậy - Con năm nay đã mười hai tuổi, nhưng não bộ của con chỉ bằng một đứa trẻ lên năm. Lại nữa, đôi khi một vài bộ phận trong cơ thể không nhận được tín hiệu từ não bộ, hoặc nhận một cách sai lạc, nên hành động trở thành vụng về, lệch lạc rất nhiều. Cơ thể thì phát triển một cách bất bình thường, dị dạng. Một

vài cơ quan trên người bị teo lại hoặc lệch đi. Như miệng con hơi bị méo, lệch hẳn qua một phía. Đầu óc thì khi nhớ, khi quên. Bộ óc không đủ khả năng để nhớ được một chuyện mới xảy ra vài ngày trước đó. Những tư tưởng thì cứ nhảy lên liên tục, hết ý niệm này nối tiếp với ý niệm khác. Niềm vui, nỗi buồn luân chuyển luôn luôn, phát sinh ra những hành động hồ đồ khi khóc, khi cười không thể kiểm soát nổi..."

Mẹ nói dài quá, tôi chẳng hiểu gì. "Não bộ", "phát triển", "cơ thể bất bình thường" v.v.. và nhiều từ khác... Tất cả những ngôn từ ấy đều rất trừu tượng đối với tôi. Tóm lại, tôi chỉ hiểu đại khái "*thằng khờ chính là tôi*, mười hai tuổi, nhưng chỉ bằng một đứa bé lên năm. A ha... Như vậy cũng tốt lắm chứ! Chẳng thế mà lúc nào tôi cũng được mẹ đặc biệt chăm sóc. Thịnh thoảng còn thấy mẹ vừa ôm tôi vào lòng vừa khóc nữa..."

Mẹ rất thương tôi. Tôi chỉ *thấy* bằng cảm giác. Rõ rệt nhất về tình yêu bà dành cho tôi là bà thường ôm tôi vào lòng, để tôi co gọn người trong lòng bà, nghe hơi ấm từ ngực bà truyền sang, cảm nhận được tình yêu bà dành cho tôi thật bao la. Đôi khi sung sướng quá, tôi cứ chỉ muốn mình mãi mãi là một đứa bé năm tuổi, mãi mãi là *thằng khờ* của mẹ.

Về ngoại hình - dưới con mắt cực kỳ chủ quan - tôi tự nghĩ có lẽ mình trông không đến nỗi tệ. Đôi mắt hơi lớn. Miệng bị lệch nên lúc nào cũng hở, rãi rớt cứ chảy ra ròn ròn mà tôi chẳng hề biết, vì vậy mà ngực áo lúc nào cũng ướt. Mẹ phải đeo thêm cho tôi một cái yếm cho đỡ lạnh ngực. Mẹ biết tôi rất thích màu sắc nên cái yếm nào cũng đầy màu xanh, đỏ, tím, vàng v.v.. (Những cái yếm này nhiều khi cũng làm trò cười cho thiên hạ). Tôi thích nhất cái yếm có hình cầu vồng ngũ sắc, vì tôi luôn luôn nghĩ rằng *minh từ đó*

mà ra. Thật tuyệt diệu khi được sinh ra từ một vùng đầy màu sắc như thế!

Mặc dù tôi là con trai, nhưng mẹ tôi lại cắt tóc bum bê (chắc mẹ chỉ biết cắt một kiểu đó thôi!). Đứng trước là một mảng tóc che cái trán ngang xuống tới chân mày. Khuôn mặt hơi vuông, nên với kiểu tóc như vậy trông tôi lại càng ngờ nghệch. Đôi tai hơi to quá khổ, vểnh ra phía trước. Một đôi lần, nhìn ngắm mình trong gương, tôi thấy mình cũng *đẹp trai* lắm nên hay mỉm cười và...làm điệu với chính mình...

Tôi không đến trường. Mẹ bảo đang xin cho tôi vào một ngôi trường cho những trẻ em *khuyết tật*, nhưng vì trường quá xa nhà, đưa đón không tiện nên mẹ giữ tôi ở nhà luôn. Chỉ một tháng một lần, đưa tôi đi bác sĩ và lấy thêm thuốc mà thôi.

Những lúc rảnh, mẹ thường lôi những quyển sách tập cho tôi nhận diện qua hình ảnh.

"Xe đâu?" Mẹ hỏi.

Tôi nhìn một lúc rồi chỉ vào chiếc xe mẹ đã dạy rất nhiều lần.

"Giỏi lắm. Xe màu gì?"

"Màu... màu..."

Tôi cố lục tung trong đầu những ngôn từ mà mẹ vừa dạy trước đó coi cái màu của xe là màu gì. Chà. Cả tỷ thứ nháy lung tung trong đầu mà bất ngờ tôi chưa thể nhận diện ra cái nào là cái nào... Hừm... Màu gì nhỉ?

"Màu?" Giọng mẹ nhắc nhở..

"Màu.... *xanh*..."

"Sai rồi! Màu đỏ đấy chứ. Nè. Trái táo này cũng là màu đỏ. Nhớ chưa?"

Tôi bá lấy cổ mẹ:

"Mẹ ơi. Cái xe cũng là trái táo hử mẹ?"

"Ừm... Không phải đâu. Cái xe này chỉ *cùng màu* với trái táo thôi. Nó *không phải* là trái táo. Nhớ nhé!"

Tôi ngồi dựa hẳn vào ngực mẹ, nghe hơi ấm từ ngực bà truyền qua. Âm thanh từ môi bà bay ra như mơ, như thực. Bà

nói cái gì mà *nhớ* với *quên*? Tuyệt nhiên tôi không thể nhận ra bà đang nói gì.

"Nón đâu?"

Tôi mệt mỏi, không muốn suy nghĩ gì nữa hết, chỉ bữa vào một cái hình trong quyển sách đầy những hình ảnh và màu sắc. Mẹ kêu khẽ:

"Không phải đâu! Đó là con ngựa. Con ngựa có bốn cái chân và một cái bờm ở trên đầu. Con nói đi. *Con ngựa!*"

"Con ngựa...". Tôi lặp lại một cách máy móc.

"Ngoan lắm..."

Mẹ biết tôi đã mệt và bắt đầu lười biếng suy nghĩ. Nên bà yên lặng. Nhìn mông lung qua khung cửa sổ sáng lòa những nắng. Tôi thương đôi mắt mẹ. Mắt mẹ to, có màu nâu hạt dẻ, hun hút một chiều sâu khó hiểu. Lần nào nhìn sâu vào mắt mẹ, tôi chỉ muốn ngập lặn thật sâu trong đôi mắt ấy. Tôi thấy được nỗi buồn mênh mang, mênh mang...

Gia đình tôi rất nghèo. Chỉ có hai mẹ con sống trong một căn phòng nhỏ. Mẹ không bao giờ nhắc đến cha tôi, tôi cũng chẳng bao giờ hỏi mẹ về Cha, vì đối với tôi, tất cả đều rất mơ hồ, lảng đãng. Tôi chỉ biết có Mẹ và không gian riêng tư rất hạn hẹp trong căn phòng nhỏ này. Chỉ cần đi tung tăng vài bước là hết phòng. Góc bên kia là bếp. Mẹ ngăn một cái hàng rào gỗ cao để tôi không vào được. Mẹ bảo phòng khi hỏa hoạn. Tôi chẳng hiểu *hỏa hoạn* là gì. Nhưng mẹ cấm tiệt tôi không được bén mảng đến khu ấy.

Ngoài ra, tôi có thể ngồi lui cui chơi một mình cả ngày với mấy món đồ chơi linh tinh. Tôi rất thích cây súng ngắn, làm bằng một loại gỗ khá nặng, trông y như thật, rất đẹp mắt. Những lúc tâm hồn bất an, bất ổn, nhất là những lúc *lên cơn*, tôi như người nhập đồng, la hét, lăn lộn, và trở nên rất dữ tợn. Cơn giận dữ ùn ùn xô tới như cơn bão, tôi đập phá bất cứ gì ở trong tầm tay. Một lần, tôi dùng cây

súng bổ xuống đầu mẹ phọt máu, nhìn thấy máu chảy dài trên mặt mẹ, tôi càng thêm điên tiết, dữ tợn hơn. Tôi nghe Mẹ kêu "ơ!" một tiếng lớn rồi nhào tới ôm chặt lấy tôi vào lòng, càng dẩy dụa, mẹ càng ôm tôi chặt hơn. Như một người thợ săn thiện nghệ, bà lôi ở đâu ra một ống chích, đẩy nhẹ vào mông tôi. Một lúc, cơn điên dần dần hạ, tôi từ từ chìm vào giấc ngủ... Lúc đó, người đàn bà trẻ mới có thì giờ nhìn đến vết thương mình...

Cứ hể ba giờ chiều là mẹ phải đi làm. Chẳng hiểu mẹ làm gì nhưng về trễ lắm. Không bao giờ tôi biết mẹ về lúc nào. Cứ trước khi đi làm, mẹ đều căn dặn chỉ một điệp khúc tới độ tôi đã thuộc lòng:

"Thức ăn mẹ để sẵn trên bàn, khi nào con đói thì ăn nhé. Buồn thì mở TV lên xem hay lấy sách hình ra học. Buồn ngủ thì cứ leo lên giường ngủ nhớ chưa? Mẹ sẽ về!!"

Tôi yên lặng gật đầu. Mẹ ôm tôi vào lòng hôn lên má rồi lặng lẽ ra cửa khóa lại. Để chắc ăn tôi không chạy ra ngoài chơi, bà còn cẩn thận khóa thêm một ổ khóa khác phía bên ngoài.

Đời sống của tôi dường như chỉ khép kín ở bốn khung vuông, ngăn cách hẳn với thế giới bên ngoài. Nhưng chẳng hề gì vì tôi đã có một thế giới rất riêng tư - ngay cả mẹ cũng không biết - không phải tôi muốn dấu mẹ, nhưng tôi thực không biết nói sao để diễn tả cái thế giới ấy, một thế giới của không gian thênh thang và kỳ diệu, biến đổi theo từng ý niệm tâm thức khởi lên, lẫn lộn, từng mảnh chấp vá và có rất nhiều màu sắc...

Một buổi sáng. Sau khi tắm rửa, chải đầu, mẹ mặc cho tôi một chiếc áo mới:

"Hôm nay mẹ sẽ đưa con lên chùa làm lễ quy y..."

Tôi không biết *quy y* là gì. Nhưng vẫn im lặng, thông tay để mặc mẹ mặc quần áo cho mình.

"Mẹ còn muốn thầy ban phép lành cho con và nhất là xin được sám hối tất cả những lỗi lầm mẹ đã tạo..."

Tôi thực chẳng hiểu mẹ nói gì. Tựa như mẹ đang nói chuyện với một bóng ma nào đó. Nhưng bằng cảm xúc bén nhạy của mình, tôi biết lúc đó mẹ đang rất buồn, đôi mắt mẹ đong đầy những khổ đau. Tôi có thể nhìn thấy được long lanh, hạt nước mắt sẵn sàng tràn ra khoe mi. Tôi nhìn bà ngẩn ngơ:

"Sao mẹ lại khóc thế?"

Mẹ tôi quẹt vội giọt nước mắt vào cánh tay áo, ôm tôi vào lòng âu yếm hỏi:

"Hôm nay được mặc áo mới. Con có thích không?"

"Con thích!" Tôi máy mớ trả lời rồi hỏi lại:

"Minh đi chơi đâu hả mẹ?"

"Thì hồi này mẹ nói con rồi. Hôm nay mình lên chùa..."

Mặc dù vẫn chẳng hiểu *chùa* là gì, nhưng tôi giữ im lặng, vì nếu có hỏi thêm thì câu trả lời của mẹ càng làm tôi mù mịt. Tuyệt nhiên, tôi chẳng có một quan niệm hay một ý tưởng nào trong đầu về cuộc đi chơi hôm nay. Dẫu vậy, lòng tôi cũng rộn lên một niềm vui vì được ra khỏi nhà. Được nhìn thấy một thế giới khác so với thế giới của riêng tôi. Chẳng phải sao? Mỗi thế giới đều có những điều kỳ diệu, biến ảo riêng của nó. Mà lạ lùng thay, hình như sự biến ảo, kỳ diệu này chỉ có mình tôi *nhìn* thấy, nó làm cho tâm tôi thật kích động, và đôi khi tôi có cảm tưởng trái tim mình như muốn bị vỡ tung, muốn lập tức, nhập vào với không gian thênh thang mang đầy những bí ẩn, kỳ diệu của một kiếp người... Những lúc kích động như thế, tôi lại bị *lên cơn*...

Trên suốt con đường dài từ nhà đến chùa, cả hai cùng im lặng. Khuôn mặt mẹ lộ rõ sự suy tư và khổ đau. Tôi không hiểu mẹ nghĩ gì, nhưng thỉnh thoảng tôi

nghe tiếng mẹ thở dài. Giọng mẹ khẽ khàng như nói với một người trong mơ:

"Hối ơi. Cho mẹ ngàn lần xin lỗi... Mẹ thật có lỗi với con..."

Gió mát thổi qua cửa kính xe làm tôi thiu thiu muốn ngủ. Đôi mắt tôi sụp xuống. Tâm thức loé lên cơ man những giải nắng với những màu sắc rực rỡ. Tôi rơi vào giấc ngủ với không gian đầy màu sắc và mộng mị ấy...

Vị thầy khoác chiếc áo choàng màu đỏ rực như màu rượu chát. Ông ngồi trên một cái bệ, dáng vững vàng, to lớn như một trái núi nhỏ. Ông có đôi mắt rất hiền từ và ấm áp. Cả hai mẹ con quỳ thụp xuống, cái kéo của mẹ mạnh quá tới độ tôi bị té ngồi xuống sàn trong lúc mẹ sụp xuống lạy. Tôi thấy người mẹ run lên bần bật, nước mắt tuôn như mưa, hình như mẹ đang rơi vào một sự kích động to lớn lắm. Sau khi lễ vị đạo sư ba lễ, mẹ úp mặt xuống sàn nói một mạch, làm như nếu bà nói chậm, thì bà sẽ không còn cơ hội nào để có thể nói nữa. Bằng một giọng cách quãng, gấp gáp và đầy nước mắt:

"Thưa thầy. Chúng con lên chùa hôm nay để xin thầy làm lễ quy y cho chúng con. Riêng con xin phát lồ sám hối. (Nói tới đây, giọng mẹ nghẹn lại, nức nở...) Cha *thăng nhỏ* bỏ đi ngay sau khi con có thai được bốn tháng. Cha mẹ con vì xấu hổ nên đuổi con ra khỏi nhà, lúc đó, đời sống bơ vơ, vật vã, lại thêm cái thai cứ mang trong bụng mà con không hề muốn giữ, nên con đã dại dột quyết định...quyết định...uống mấy thang thuốc để...trục nó ra ngoài. Ai ngờ..."

Nói tới đây. Mẹ tôi nấc lên, tiếng nói trở thành tiếng khóc khò khè, nghẹt mũi...

Tôi chẳng hiểu *thăng nhỏ* là ai. Sao mẹ lại khóc nhiều tới thế? Tôi ngây mặt nhìn mẹ, rồi nhìn lên vị sư già...

Từ nãy giờ, ông vẫn yên lặng nghe mẹ tôi kể kể và để nguyên cho mẹ tôi khóc lóc. Dường như ông chẳng làm gì cả. *Chỉ lắng nghe*. Nhưng tôi có cảm tưởng cái *không làm gì cả* ấy ảnh hưởng đến tâm thức mẹ tôi rất nhiều. Tựa như ông là một cái thùng chứa lớn, nhận tất cả những khổ đau, oan trái mà mẹ tôi đang trút vào. Một lúc. Bà nín khóc, tâm có vẻ lắng dịu một phần nào...

Lúc đó vị thầy mới thông thả bảo:

"Lành thay! Lành thay! Con đã thành tâm sám hối. Muốn giải trừ được những ác nghiệp mình đã phạm cần phải có bốn lực: Thứ nhất là phát lồ sám hối. Thứ hai là thành tâm ăn năn những tội lỗi mình đã phạm. Thứ ba là tạo công đức lành để giải trừ các ác nghiệp và thứ tư là quyết tâm chừa bỏ. Trong bốn lực kể trên, thầy thấy con đã hội đủ ba lực. Đó là sự phát lồ sám hối, thành tâm ăn năn và quyết tâm chừa bỏ. Ngày rằm này, thầy sẽ cho các con một buổi lễ quy y. Phần còn lại, thì nên làm những việc lành, tích tụ công đức để thanh tịnh hóa những ác nghiệp mà mình đã phạm. Bây giờ, lại gần đây, thầy ban phước lành cho con..."

Mẹ vội kéo tôi lại phía thầy. Ông đặt hai bàn tay lên đầu chúng tôi. Tôi co rúm người lại, há hốc miệng khóc rống lên. Có một điều thật kỳ lạ, từ trên đỉnh đầu nơi giáp ranh với bàn tay ông chạm đến, một lực nhu hòa truyền qua đầu tôi, nó như một dòng nước suối chảy, lan tràn khắp cơ thể, nó chảy đến đâu, tôi nghe một sự an lạc tới đó. Tôi ngưng khóc lúc nào không biết. Nhắm nghiền mắt, và lại nhìn thấy cái cầu vòng ngũ sắc ẩn hiện trong tâm thức.....

Ngày quy y đối với mẹ là một ngày trọng đại. Tôi hiểu được điều đó vì mẹ dậy rất sớm, tắm rửa cho hai mẹ con một cách tinh tươm, rồi mỉm cười. Ít khi tôi thấy được nụ cười trên khuôn mặt mẹ. Ồ,

Sài Gòn Nỗi Nhớ

(Một kỷ niệm buồn của Tháng Tư đen)

Sài Gòn ơi, Ta nhớ mãi Sài Gòn yêu dấu.

Ta vì Em, đã nửa đời chiến đấu.

Lỗi đạo làm con, xa cách Mẹ, Cha.

Thời thế đổi thay, Sài Gòn gục ngã.

Ta trở thành người chiến bại, lưu vong.

Ta ra đi, một chiều mưa gió lộng...

Giọt mưa buồn, như nước mắt tiên đưa.

Đôi mắt ta đắm lệ, lẫn nước mưa.

Tim tan nát, một đi không trở lại.

Nhìn Em lần cuối, lòng Ta tê tái.

Ta đau buồn, vì Em bị mất tên.

“SÀI GÒN”, trọn đời Ta, Ta sẽ không quên

Bụi thời gian bao năm chôn dĩ vãng

Tâm tư Ta vẫn in đậm bóng Sài Gòn.

Bạn bè xưa, nay ai mất ai còn?

Giờ, bên ấy Trời đang mưa hay nắng?

Ta nhớ Sài Gòn, những đêm trường hoang vắng.

Ta gặp Sài Gòn trong giấc mộng đêm dài.

Sài Gòn ơi, hãy ráng chờ Ta trở lại.

Trong thời gian gần lắm, chẳng xa đâu,

Sẽ có một ngày tàn cuộc biển dâu.

Trở lại cho Em tên “SÀI GÒN” muôn thuở.

Sài Gòn ơi, SÀI GÒN là NỖI NHỚ.
Của bao người chiến bại sống tha hương.

Arlington, VA. tháng tư buồn 2012.

Lão Mã Sơn

nụ cười mới đẹp làm sao. Nó làm cho khuôn mặt mẹ rạng rỡ, đẹp thêm lên. Hàm răng mẹ trắng đều, ánh mắt lung linh một cách kỳ ảo. Tôi bỗng yêu vô cùng nụ cười ấy, tôi muốn được nhìn thấy nụ cười luôn mãi mãi nở trên môi mẹ.

Sau khi quy y. Tâm mẹ có vẻ an hơn. Mẹ đặt một bàn thờ nhỏ ở góc phòng và thường thắp hương, niệm Phật trước khi đi làm. Mỗi cuối tuần, bà thường đưa tôi lên chùa, dự một thời kinh sáng, sau đó, tôi được đưa vào một lớp học Việt ngữ, còn mẹ thì xuống bếp làm việc. Thường thì mẹ làm những việc mà nhiều người không muốn làm, như chùi rửa cầu tiêu, phòng tắm. Hoặc trên chùa có những ngày lễ lớn, mẹ thường ngồi miết bên đồng bát chén to như cái núi, rửa hết đợt chén này tới đợt chén khác. Mẹ làm việc rất chăm chỉ, chẳng bao giờ than phiền. Nhiều lần, tôi thấy mồ hôi mẹ ướt đầy lưng áo. Trên trán những giọt mồ hôi nhỏ xuống hòa với thùng nước dơ. Tôi ngẩn ngơ nhìn mẹ. Ở trong trường hợp nào tôi cũng thấy mẹ rất đẹp. Sự chịu đựng của mẹ càng cao, tôi lại thấy thấp thoáng nét đẹp càng tròn đầy. Những lúc như thế, tâm tôi dường như không thể chịu đựng được sự thương yêu chứa đầy trong trái tim, tôi chạy a đến ôm mẹ kêu lớn “Mẹ ơi... Con thương mẹ!!”

Ở chùa, tôi không bị ai chọc phá, đánh đập và gọi tôi là *thằng khờ* như trong xóm. Họ rất tốt với tôi, thường nhường cho tôi những gì dễ dàng nhất. Họ còn cho tôi tham gia vào những sinh hoạt của một nhóm toàn con nít. Phần đông, chúng tôi chỉ ngồi tô màu và học đánh vần. Trong mấy tháng đầu, học mãi tôi mới có thể đánh vần được chữ “Mẹ”. *Mờ - e - me - nặg - Mẹ*. Lần nào

đánh vần xong chữ *Mẹ*, lòng tôi lại rộn lên một niềm vui...

Trong lớp học Việt ngữ, tôi được ngồi gần với một con bé thắt tóc bím. Nó thấp hơn tôi một cái đầu. Nó ưa nói nhiều, tiếng nói của nó như chim, riu ra, riu rít. Phần đông, tôi chẳng hiểu nó nói gì, nhưng tôi rất ưa nghe nó nói, tôi thích nghe cái âm thanh phát ra từ đôi môi xinh xinh ấy. Lại nữa, mắt nó to, giống *Mẹ*, những gì có liên quan đến *mẹ*, tôi đều thích. Tôi tò mò nhìn nó. Thấy nó thật lạ lùng như thế giới chung quanh tôi. Nó *biến hóa* luôn luôn, không lúc nào *ngừng lại*. Tất cả đều lạ lùng, màu nhiệm. Tôi thấy nó ngồi bặm môi tô màu lên một tấm hình dang dở. Tôi cũng có một tấm và đã tô xong rồi, còn thì chưa.

"Ê. Mày tên gì thế?"

Con bé trợn mắt nhìn tôi:

"Anh không được gọi bé bằng *mày*.

Mẹ bé bảo, gọi như vậy không có *nice*."

Nghe nó nói như vậy tôi im lặng. Lại tiếp tục ngồi nhìn nó. Muốn nói với nó một điều gì tôi lại quên phứt đi ngay. Hình như tôi vẫn chưa biết được tên nó. Con bé thấy tôi cảm như thóc bèn ngừng tô màu, nhìn qua trang giấy của tôi:

"Anh tô lem hết cả ra ngoài rồi. (Toét miệng, cười) Hihihì... Mà sao anh tô con chó nhiều màu quá vậy? Giống y như màu chiếc cầu vòng vậy đó. Bé chưa thấy có con chó nào có cái màu này đó nghe."

"Ờ... Ai cũng từ cái cầu vòng này mà ra đấy!" Tôi giải thích.

Con bé cười nắc nẻ, chừng như nó không tin những gì tôi vừa nói. Mà lạ. Những điều tôi nói *toàn là sự thật*, nhưng chẳng mấy ai tin. Nghe nó cười, tôi cũng toét miệng cười theo. Con bé bị mất hai cái răng cửa. Mẹ tôi có hàm răng đẹp hơn nó.

A. Tôi nhớ *mẹ* quá. *Mẹ* đâu rồi? Tôi phải đi kiếm *mẹ*. Tôi đứng lên, đi ra khỏi lớp. Nhưng tôi lại quên mất lối xuống bếp tìm *mẹ*, tôi đi thẳng ra cổng chùa. Trong tôi, chỉ có một lực rất mãnh liệt đẩy tôi đi tìm *mẹ*. *Mẹ ơi...mẹ ơi...*

Tôi chạy băng băng qua con đường rộng. Tôi nghe tiếng xe thẳng rất gấp. Tôi thấy cả thân mình bị tung lên. Tiếng nhiều người lao xao từ một phía mơ hồ nào đó:

"Cán chết thẳng nhỏ rồi..."

* * *

*Tôi như người vừa đi từ một thế giới này qua một thế giới khác. Tựa như một loài bướm thoát ra được cái kén hạn hẹp, xấu xí của mình để bước vào không gian thênh thang, lớn rộng. Tôi không còn phân biệt được đâu là mình, đâu là không gian thênh thang ấy nữa. Tâm thức tôi trở nên minh mẫn một cách lạ lùng. Hốt nhiên, tôi hiểu được tất cả mọi sự. Tôi hiểu được nỗi khổ đau của *mẹ* và niềm hối hận vô biên của bà từ bao nhiêu năm nay. Mọi dữ kiện như một cuộn phim quay nhanh - nhưng chẳng sót chút tiểu tiết nào - đang lần lượt chạy ngang đầu. Càng hiểu *mẹ*, tôi càng thương *mẹ* hơn. Nếu tôi có thể đi lại được từ đâu, tôi sẽ tha thứ cho bà tất cả, tôi sẽ nhìn bà bằng lòng bi mẫn vô biên. Cái nhìn của vị đạo sư đã làm lễ quy y cho hai *mẹ* con tôi ngày nào.*

Tâm tôi như một đóa hoa từ từ nở ra rất muộn màng, được tưới tắm bằng giọt mật của lòng bi mẫn ấy. Tôi thấy mình chìm dần vào vùng ánh sáng bàng bạc như một mẫu sữa, chỉ còn lại trong không gian thênh thang một mùi hương thoảng thoảng vương ở cuối mùa..

Chiêu Hoàng
(California)

Bông Hồng Cài Áo

$\text{♩} = 68$
Slow Rock

Nhạc và Lời : NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Đẹp thay bông hồng cài trên áo trắng
(Mừng cho ai còn cài hoa trên) áo ...cả

Một biểu trưng tình yêu rất chân thành
Đời suy biến tình kia khó phai nhòa
Hạnh phúc thay hồng trên má hoa đào

Cho những ai còn mái tóc xuân xanh
Trên nét môi ngày kia sẽ phai pha
Như nước trong nguồn mãi mãi tuôn ra

Trong giấc mơ an lành em gọi: "MÁ"
Cho những ai không còn áo cài...
Như tiếng ru mẹ hiền giữa đời...

Tình mẹ hiền ngàn năm cao...
...hoa. Công ơn biển
...ta./

trời nguyện ghi suốt đời nghìn trùng khôn tắt cho với.

Mai sau bể cạn và dù núi mòn, nhưng vẫn còn tình mẹ với

con. Mừng cho ai còn cài hoa trên...

D.S. al Fine

Về bài hát "Bông Hồng Cài Áo" của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông

Mỗi lần sắp đến Ngày Hiền Mẫu (Mother's Day) hay Lễ Vu Lan là tôi không khỏi không nhớ đến bản nhạc "Lòng Mẹ" của Nhạc sĩ Y Vân và "Bông Hồng Cài Áo", Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ sáng tác với ý từ bài viết của Thiền Sư Thích Nhật Hạnh. Hai bản nhạc này được phổ biến rộng rãi nên hầu hết người Việt Nam nào cũng biết đến.

Mẹ tôi, năm nay đã gần 90, trong những Ngày Hiền Mẫu trước, chỉ thích được ngồi giữa đám đông các con cháu về họp mặt, để nghe tiếng nói, giọng cười và được nghe anh rể ĐXL đọc tấu vĩ cầm tặng Bà bài "Lòng Mẹ". Riêng tôi, tôi thích câu chuyện về "Bông Hồng Cài Áo" của Thiền sư Nhật Hạnh. Có một điều Thiền Sư khuyên, giản dị thôi mà tôi nghĩ rất ít người Việt thực hiện (kể cả tôi): "*Nếu có khuyên, thì tôi sẽ khuyên anh, như thế này. Chiều nay, khi đi học hoặc đi làm về, anh hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và bền. Anh sẽ ngồi xuống bên mẹ. Sẽ bắt mẹ dùng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi anh sẽ nhìn mẹ thật lâu, thật kỹ, để trông thấy mẹ và để biết rằng mẹ đang sống và đang ngồi bên anh. Cầm tay mẹ, anh sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý. Anh hỏi: "Mẹ ơi, mẹ có biết không?" Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và sẽ nhìn anh, vừa cười vừa hỏi: "Biết gì?" Vẫn nhìn vào mắt mẹ, giữ nụ cười trầm lặng và bền, anh sẽ hỏi tiếp: "Mẹ có biết là con thương mẹ không?" Câu hỏi sẽ không cần được trả lời. Cho dù anh lớn ba bốn mươi tuổi, chị lớn ba bốn mươi tuổi, thì anh chị cũng hỏi một câu ấy. Bởi vì anh, bởi vì chị, bởi vì em là con của mẹ. Mẹ và anh sẽ sung sướng, sẽ sống trong tình thương bất diệt. Và ngày mai mất mẹ, anh sẽ không hối hận, đau lòng, tiếc rằng anh không có mẹ."*

Trong "Bông Hồng Cài Áo", Thiền Sư Nhật Hạnh cũng nhắc về kỷ niệm khi nhận một đóa hoa từ một người Nhật trong Ngày Hiền Mẫu và Ông nghĩ rằng đây là một tục lệ rất hay. Sau này Phật Giáo Việt Nam đã chấp thuận nghi thức trao tặng hoa hồng đỏ hay hoa hồng trắng cho Phật tử, còn hay mất Mẹ, trong dịp Lễ Vu Lan vào rằm tháng 7.

Tuần này, tôi hân hạnh nhận được quà tặng đặc biệt từ một Phật tử ở Sài Gòn: bản nhạc cùng hòa âm ca khúc "Bông Hồng Cài Áo", nhạc và lời của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông (tác giả của những ca khúc nổi tiếng như *Chiều Mưa Biên Giới, Mấy Dặm Sơn Khê, Sắc Hoa Mầu Nhớ, Nhớ Một Chiều Xuân, Hải Ngoại Thương Ca, Về Mái Nhà Xưa*...). Chúng tôi nghe giai điệu đúng là dấu ấn của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông và lời ca rất đẹp cho Ngày Của Mẹ cuối tuần tại Hoa Kỳ (13 tháng 5, 2012). Được biết ca khúc này sáng tác năm 1966 dưới tên Phụng Linh (một bút hiệu khác của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông) cho vở tuồng cải lương "Bông Hồng Cài Áo" của soạn giả Hoàng Khâm, ý từ một cốt chuyện về tình mẫu tử của Nhật với tục lệ bông hồng cài áo. Sau này, có một số người dùng tựa đề là "Bông Hồng Cài Áo Trắng", để phân biệt với bản nhạc của Phạm Thế Mỹ & Thiền Sư Nhật Hạnh (sáng tác năm 1967).

Mời quý vị nghe Tâm Hảo trình bày ca khúc thật cảm động này qua link: <http://www.youtube.com/watch?v=revTNet9O1M&feature=relmfu>

Xin được trao tặng hoa hồng đỏ hay hoa hồng trắng đến tất cả bằng hữu Cô Thơm khắp nơi trong ngày Lễ sắp tới và chúc quý vị thân tâm an lạc.

Phan Anh Dũng

(Richmond 11/5/ 2012)

HƯƠNG THỦY

PHƯƠNG-DUY TDC

1-

Vũ bước những bước chân đều đều bên cạnh Thủy đi dọc theo bờ sông Hương từ phía Hàng Me, Đập Đá đến cầu Trường Tiền.

Mùa hè vừa trở lại với thành phố cổ kính thơ mộng này.

Hai bên bờ sông, tả ngạn và hữu ngạn, hàng cây phượng vĩ già cổ đã khoe màu đỏ của loại hoa học trò.

Tiếng ve sầu cất giọng ni non như chào đón hai người Việt từ ngoại quốc về thăm lại cố đô sau nhiều năm sông lưu vong tại Mỹ.

Vũ đã sinh ra tại nơi này.

Còn Thủy, một cô gái gốc Bắc nhưng sinh trưởng trong miền Nam sau khi bố mẹ nằng di cư năm 1954.

Từ khi còn đang học trung học, Thủy vẫn ước ao một lần ra thăm cố đô Huế.

Nàng đã say mê đọc những đoạn văn trích dẫn trong các sách giảng văn mà giáo sư dạy môn Việt văn đã bảo học sinh nên đọc thêm trong mục luyện văn.

Thủy rất thích Huế nên nàng chép lại và học thuộc lòng những câu gì liên quan đến xứ Thần Kinh này.

Một văn sĩ Pháp *Pujarnisclé* có viết một câu nhận xét rất dễ thương về Huế:

“Ville où le deuil sourit, où la joie soupire”
(Thành phố mỉm cười khi thương đau,
thở than khi vui vẻ)

Rồi một nhà thơ nữ của xứ Huế viết hai câu thơ:

“Một hàng tôn nữ cười trong nắng,

Sóng mở lòng ra đón bóng yêu.”

Rồi “Huế Đẹp và Thơ” với thi sĩ Nam Trân:
*“Thuyền nan dừng đình sau hàng phượng,
Cô gái Kim Luông yêu điệu chèo”*

Hoặc:

*“Huế phượng như giọt huyết,
Rỏ xuống phủ lên đường,
Mặt trời gay gay đỏ
Nhuộm đỏ góc sông Hương.”*

Không những trong văn chương, thi ca, Huế thơ mộng, quý phái mà còn trong âm nhạc với ca khúc “Hẹn Một Ngày Về” của nhạc sĩ Lê Hữu Mục sáng tác khi ông dạy học ở Huế:

*“Về đây trong hoa, lá hời cánh chim giang hồ!
Viens parmi ces fleurs, cher oiseau migrateur’*

Về đây trong hương sắc thắm tươi say mơ.

Viens ici fêter couleurs et senteurs.

*Huế lơ lửng dòng Hương, năm tháng còn
vương, lời ai mong chờ*

*Huế et son cours d’eau nommé Parfum
vivent d’attendre.*

*Huế trong tiếng dịu êm cô lái bên sông còn
vang lời thơ.*

Huế vibre toujours de poésie et d’amour tendre”

Với “Gợi Giác Mơ Xưa” của Lê Hoàng Long:

“Ngày mai lênh đênh trên sông Hương,

Theo gió mơ hồ, hôn về đâu?

Sóng sâu dâng theo bao năm tháng,

Ngóng về đường lối cũ tìm em...”

...và trong một vài tác phẩm của nhiều thi sĩ, văn sĩ, nhạc sĩ nữa.

2-

Từ nhiều năm rồi, Thủy quen với Vũ.

Đôi bạn cùng có chung thú vui nghiền cà phê ngon. Hàng tuần thay phiên rủ nhau đi “đổi âm” hết Starbucks đến Peet’s Coffee.

Các quán cà phê mang hai nhãn hiệu này tại downtown San Jose, tại The Alameda

Street, tại bệnh viện Bascom cũng không lọt khỏi danh sách ghé thăm của đôi bạn.

Gọi hai ly cà phê xong, đôi bạn ngồi chuyện trò rất tâm đắc về triết lý hiện sinh qua thơ văn, âm nhạc, tình người, thời sự... để thì giờ rỗi rãi từ từ trôi qua.

Thủy xem Vũ như người anh lớn tuổi có kiến thức rộng mà nàng cần học hỏi thêm. Vũ xếp Thủy như cô bạn đôi ả, không hơn không kém.

Vũ di tản sang định cư tại Mỹ từ thập niên 80. Hai mươi năm sau vợ chàng qua đời. Không có con cái nên chàng trở thành người “độc thân không vui tính”. Vũ sống cô đơn âm thầm...

Hàng ngày sau những giờ đi làm, Vũ thường ngồi nhâm nhi cà phê ở những quán cà phê Mỹ vì chàng không chịu được mùi thuốc lá ở các quán cà phê đồng hương mặc dù chàng biết hương vị cà phê những nơi này ngon thơm đậm đà hơn “cà phê Mỹ có vị chua chua”.

Nhiều lần ngồi ở quán, chàng bắt gặp một phụ nữ Việt còn trẻ cũng “cô đơn”, ngồi nhâm nhi ly cà phê Mỹ như chàng. Trước lạ, sau quen vì thấy “đồng hương” (mà là phái nữ) lại “đồng điệu” nữa.

Vũ có dịp nghe Thủy tâm sự cho biết bốn năm qua, chồng nàng là một kỹ sư điện tử nhiều lần được công ty nơi chàng làm phái sang Sài Gòn tìm thị trường giao dịch thương mại.

Một thời gian sau đó, chàng mất dần liên lạc với nàng khi công ty mở chi nhánh tại Việt Nam và chồng nàng được cử làm giám đốc chi nhánh. Chàng đã sống với bạn gái mới trẻ và xinh hơn vợ cũ.

Thủy đành chấp thuận hai người ly dị khi chồng nàng nhận phần lỗi. Nàng được hưởng một phần tài sản chung của vợ chồng. Thủy buồn nên thường ra quán cà phê gần nhà để nhìn phố xá sau giờ ở sở làm, về nhà tiếp tục gặm nhấm nỗi cô đơn.

Thế rồi... một hôm, Thủy nhìn diện mạo của mình qua gương soi trong phòng tắm. Nàng bỗng thay đổi lối sống

Thủy gọi điện thoại cho Vũ.

“A lô! Thủy gọi anh? Có việc gì “đặc biệt”? Em quên ngày “hẹn cuối tuần như thường lệ”?”

“Em làm sao mà quên được”

Vũ ngạc nhiên khi nghe Thủy nói tiếp: “Mà hôm nay, anh có thì giờ nào dành đặc biệt cho Thủy không?”

“Sure, phải có chứ! Sao lại không được với cô bạn đáng yêu và cung như em được, em muốn gì, xin nói đi, đừng để anh phải chờ “nghe lệnh” lâu quá, sốt cả ruột...”

“Chúng mình đi đến ngay quán cà phê... đã hẹn cuối tuần rồi nhé. Chào anh.”

Chỉ một lát sau, đôi bạn đã ngồi đối diện nhau trong quán cà phê quen thuộc.

Vũ bắt đầu nhắm nháp những ngụm cà phê nóng và thơm lừng khi nhìn Thủy đưa tay lên sửa lại mái tóc xỏa xuống bờ vai.

Hôm nay, Vũ nhận thấy Thủy hơi khác, trông nàng xinh hơn. Nàng chịu khó sửa soạn quần áo, sắc diện như nàng sắp đi dự dạ tiệc.

Thủy vào đề ngay:

“Tự nhiên, hôm nay em bỗng nghĩ đến xứ Huế, có sông Hương, núi Ngự của anh.”

“Rồi sao nữa?” Vũ hỏi ngay sau câu nói của Thủy.

“Anh Vũ, Thủy muốn đi thăm Huế một lần cho biết. Ước mơ này em đã ấp ủ từ khi mới lớn lúc còn ở quê nhà”

Vũ trả lời:

“Tuồng chuyện gì chứ chuyện này chẳng có gì khó. Từ lâu, em chưa biết Huế và từ ngày anh xa Huế đến nay cũng trên hai mươi lăm năm, anh cũng muốn về thăm lại chốn cố đô. Nếu có em tháp tùng thì chuyên “về quê của anh” lần này sẽ có nhiều kỷ niệm và vui hơn.”

3 -

Vũ đưa Thủy về thăm ngôi nhà của gia tộc chàng ở làng Giạ Lê.

Có hai làng Giạ Lê tại đây: Giạ Lê Thượng và Giạ Lê Gót. Chàng sinh ra tại Giạ Lê Gót.

Thủy rất vui khi cùng Vũ đi thăm cảnh thôn quê miền Trung nơi đất cày lên sỏi đá. Nàng nhận xét khác với ruộng đồng thôn quê trong miền Nam mà nàng đã sinh ra và lớn lên.

Những ngày tay trong tay thăm cố đô, Vũ đã đưa Thủy đi viếng các lăng tẩm của các vị vua dòng Nguyễn Phúc: lăng Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định.

Thủy thích nhất khi đi viếng lăng Minh Mạng. Phong cảnh hùng vĩ và đẹp. Cảnh đi thuyền trên sông nước nên thơ, lãng mạn.

Kế đến là lăng Tự Đức cũng ghi trong trí Thủy nhiều tình cảm khi nàng ngồi bên Vũ ngắm nhà Thủy Tạ.

Ngôi tháp chùa Thiên Mục, Kỳ đài thành nội, hoàng thành với cung điện, đền đài, miếu vũ... làm Thủy vô cùng ngạc nhiên khi đứng trước những công trình kiên trúc cổ xưa.

Vũ cũng đưa cô bạn ghé thăm hai ngôi trường nổi tiếng của Huế: Trường nữ trung học Đồng Khánh và Trường Quốc Học.

Những quán ăn nào có món ăn đặc sản Huế, Thủy cũng được Vũ mời nàng “ăn cho biết”.

Một tuần lễ thăm cố đô trôi qua rất nhanh. Ngày trở về Mỹ gần kề. Vũ hỏi Thủy còn thích gì “ở Huế” nữa không?

Thủy e lệ thủ thỉ:

“Xem phong cảnh Huế như vậy là quá đủ nhưng ngày xưa em có đọc một truyện... nói về “thú ngủ đò” nay còn không?”

Vũ hơi ngạc nhiên khi nghe Thủy đặt câu hỏi “hơi lạ”!

Chàng âu yếm nhìn Thủy một lúc rồi nói: “nếu em thật sự muốn tìm hiểu “khách

sạn nổi” có một không hai này, thì chiều nay chúng ta sẽ thưởng thức trước khi từ giã cố đô.”

4 -

Khi máy bay đã lên cao độ bình phi, khi các dây an toàn đã rời lỏng, Thủy tựa đầu lên vai Vũ nói nhỏ như rót vào tai “chàng” (không còn là là người “anh lớn tuổi” như khi mới đặt chân xuống đất Huế):

“ Anh Vũ, nhiều năm rồi em đã nằm trên giường tre, nằm trên phản gỗ, nằm trên divan gỗ, nằm trên sofa, nằm trên nệm mút dày mây tấc, nằm trên giường lò xo, nằm trên giường nệm nước ... nhưng em thấy chưa có thể nào so sánh với “nằm trên con đò bồng bênh trên dòng Hương Giang, neo giữa giòng nước lững lờ trôi, một phía bờ sông là Thiên Mục, phía bờ kia là Long Thọ, Thọ Xương dưới ánh trăng mờ mờ bị mây che khuất như đêm qua với anh. Thú ngủ đò đã tổng hợp nhiều ưu điểm... và thật lãng mạn vô cùng!”

Vũ nói:

*“Ngày mai lênh đênh trên sông Hương,
Theo gió mơ hồ, hôn về đâu?”*

với Lê Hoàng Long một thuở nào.

Hay:

*“Mùa hương hẹn đến khi về,
Lòng xanh còn in trời Huế!”*

Je t'ai promis le jour.

De mon prochain retour.

Thủy ôm hôn Vũ một nụ hôn dài như cả hai cùng nhập một câu hẹn ước:

“C'est promis, je reviendrai un jour...”

như lời giáo sư Võ Long Tê khi sống ở Paris đã từng thăm hẹn với xứ Huế yêu quý của thầy.

**PHƯƠNG-DUY
TRƯƠNG DUY CƯỜNG**

May 2012

“NGHỀ CHƠI CŨNG LẮM CÔNG PHU”

Nguyễn Quốc Khải



Hình (1): một cặp sếu đang xây tổ.

Vào một buổi sáng sớm, đang làm việc tình cờ nhìn qua cửa sổ, tôi thấy lá cây sweet gum đung đưa sau vườn óng ánh nước mưa nhưng hoàn toàn không lay động. Mưa vừa mới ngưng. Theo mạng Weather Channel tiên đoán, trời có mây, xác suất mưa của ngày hôm đó là 40% và gió là 2 MPH. Thời tiết này thật là lý tưởng cho việc chụp hình hoa. Tôi vội thu xếp mấy móc lái xe đi đến Bon Air Park thuộc quận Arlington. Ở đây có một vườn hồng lớn với hoa đủ mọi màu, được chăm sóc kỹ lưỡng, nên hoa nào cũng thật đẹp. Có những bông hoa to bằng cả bàn tay với nhiều cấu trúc kỳ lạ. Phải nhìn nụ hoa và lá mới biết đó là hoa hồng. Vườn hồng của Tòa Nhà Trắng thua xa Bon Air Park.

Trời không nắng nên hoa không bị bóng đen. Mưa mới dứt. Những giọt mưa còn đọng lại sẽ làm cho hoa có vẻ tươi mát. Có những lúc cần để khẩu độ (aperture) nhỏ để tăng độ nét sâu (depth of field), nhất là khi muốn chụp cận cảnh (close-up). Bù lại,

để có đủ ánh sáng, cần phải để tốc độ chậm. Do đó cần dùng chân máy ảnh và giằng bầm để tay chân không đụng đến máy. Nếu giằng mạnh và liên tục, kể như chuyện đi chụp hoa thất bại, trừ trường hợp bạn chụp cả vườn hồng.

Thời tiết hay thay đổi bất thường. Do đó, khi thấy trời đang đẹp là tôi bắt ngay lấy cơ hội, chạy đến Bon Air Park liền vì gần nhà. Nhưng nhiều khi trời chẳng chịu chiều lòng người. Mùa thu vừa qua, tôi lái 160 dặm đến Blackwater Falls State Park, West Virginia, để chụp cảnh lá vàng. Đến nơi trời tạnh mây quang, những lá vàng đã nằm tơi tả ở dưới đất, vì hai ngày trước có bão lớn. Chúng tôi miễn cưỡng kiếm đề tài khác để chụp hình và nghỉ xả hơi hai ngày vì đã trả tiền trước để giữ phòng ở Blackwater Lodge.

Trung Đông là xuất xứ của nghệ thuật múa bụng huyền ảo. Tôi đi công tác ở Trung Đông nhiều lần khi chưa có máy kỹ thuật số, vậy mà tôi không chụp được một hình múa bụng nào ở đây. Một lần xem múa bụng tại ngay khách sạn Semiranis bên bờ sông Nile, tôi lại không mang phim nhạy sáng. Đi gần khắp thành phố Cairo không thấy có tiệm hình bán phim loại này. Tất cả là do sự ngu ngốc của mình. Ở khắp vùng Trung Đông, nắng hầu như quanh năm. Có những lúc nắng cháy da cháy thịt, nên không ai cần phim nhạy sáng cả. Lần sau trở lại Trung Đông, tôi mang theo đủ các loại phim nhạy sáng 200 ASA, 400 ASA, và 800 ASA. Số ASA càng lớn, độ nhạy sáng của phim càng cao (film speed). Khi bước vào nhà hàng, tôi mới khám phá ra rằng cả vùng Trung Đông đang tiến hành mùa chay Ramadan. Nhà hàng vẫn nấu thức

ăn cho người ngoại quốc, nhưng không có rượu và múa bụng.

Kỹ thuật số (digital) đã giúp cho ngành nhiếp ảnh tiến bộ đáng kể, giản dị hóa cách chụp hình và rửa hình rất nhiều so với kỹ thuật âm bản (negative) hay còn gọi là phim. Với kỹ thuật số, người chụp hình dùng thẻ nhớ (memory card) thay vì âm bản. Với một thẻ nhớ nhỏ bằng một đốt ngón tay cái, người ta có thể chụp vài trăm đến cả ngàn tấm hình. Khi còn dùng âm bản, muốn chụp 100 tấm hình, người ta phải mang theo ít nhất là ba cuộn phim, mỗi cuộn gồm 36 âm bản. Eastman Kodak được thành lập vào cuối thế kỷ 19, từng là hãng làm phim lớn nhất thế giới đã phải nộp hồ sơ xin phá sản vào đầu năm nay vì thương vụ liên quan đến âm bản tuy vẫn mang lại cho công ty một số lợi tức quan trọng nhưng ngày càng giảm sút đáng kể vì sự cạnh tranh của máy ảnh kỹ thuật số. Oái ăm là Ông Steven Sasson, một kỹ sư của Eastman Kodak, là người đầu tiên đã chế tạo ra máy ảnh kỹ thuật số vào năm 1975, nhưng mãi đến năm 1987, Eastman Kodak mới nhảy vào thị trường này. Bốn năm sau, Kodak bắt đầu sản xuất máy ảnh kỹ thuật số cho những người chụp hình chuyên nghiệp với máy Nikon F3 và bộ cảm biến hình (image sensor) tự chế tạo, nhưng đã quá trễ. Kodak dự trù sẽ tái cấu trúc để trở thành một công ty bán máy ảnh và máy in.

Với thẻ nhớ người ta có thể thay đổi độ nhạy sáng mỗi lần chụp hình từ ISO 100 đến ISO 6400 hay hơn nữa, thay vì phải đợi dùng hết cuộn phim. Số ISO càng lớn càng làm tăng độ nhạy sáng của bộ cảm biến hình (image sensor) dùng để thu hình trong thân máy ảnh. Chụp xong là có thể nhìn thấy hình vừa chụp ngay trên màn hình LCD của máy ảnh, không phải chờ chuyển

từ âm bản sang hình. Máy vi tính với một phần mềm như Adobe Photoshop có thể đọc, sửa và in hình từ trong thẻ nhớ. Thật là thuận tiện. Ngoài ra, người ta có thể gửi hình cho nhau qua Internet, lưu trữ và triển lãm hình trên mạng.



Hình (2): Sếu vừa bắt được cá.

Kỹ thuật số chế tạo ra những máy ảnh point & shoot khá tinh vi. Chụp hình ngày nay thật là dễ dàng. Một người bạn của tôi có máy point & shoot nhỏ của Olympus có thể chụp hình mặt trăng tương đương với ống kính 800 mm và đèn máy sát chủ đèn chụp cận ảnh, như một close-up lens. Thật là tuyệt vời. Tuy nhiên, chụp hình nghệ thuật đẹp vẫn đòi hỏi khá nhiều công phu. Bài học nhiếp ảnh vỡ lòng dạy rằng thời gian chụp hình ngoài trời tốt nhất là từ 7 AM – 10 AM khi ánh sáng còn mát dịu. Chụp hình kỳ nhất là buổi trưa vì khi đó ánh sáng vừa gay gắt và có màu vàng vừa rọi thẳng xuống đỉnh đầu làm không gian mất đi chiều sâu. Điều này có nghĩa là bạn phải dậy rất sớm.

Mới đây, chúng tôi đi chụp hình chim sếu (blue heron) tại Lake Whetston, Maryland. Chúng tôi tập hợp lúc 6 AM ở một địa điểm carpool, đến nơi khoảng 7 AM, vừa uống cà phê, vừa ăn bánh croissant, vừa theo dõi chim bay đi bay về từng giây từng phút để chụp hình, đến gần

trưa mới ra về. Một tay luôn luôn cầm giầy cáp bấm hình. Những hình ảnh gậy cần chỉ xây ra trong vài giây phút, nên phải luôn luôn sẵn sàng. Đứng suốt 5 giờ không nghỉ. Chúng tôi không phải là không thám mệt vào những giờ sau cùng, nhưng không ai muốn bỏ về sớm để mất cơ hội chụp được hình con sếu bắt được con cá hay nhặt được một cành khô mang về làm tổ. Đây mới là những “tám hình ăn tiền” (money shot). Sau vài giờ quan sát, chúng tôi biết được hướng bay của chim, thói quen bay đi bay về của chúng và những điểm nào chúng hay đậu để rình mồi. Cứ nhắm ống kính sẵn vào một trong những mục tiêu đó. Khi chim xuất hiện là bấm. Chim thường năng động từ khi mặt trời mọc đến khoảng 10 AM, nhưng trước 7 AM trời chưa đủ ánh sáng nhất là đối với loại ống kính dài để chụp xa.



Hình (3): Con sếu bên trái sang tổ bên cạnh dành ăn. Vài con chim con nằm trong tổ ở bên dưới.

Tại hồ Whetston có khoảng hai chục con sếu làm tổ trên một hòn đảo nhỏ ở giữa hồ. Đặc biệt có sáu cặp xây tổ trên cùng một cây ở phía ngoài rìa, nên với ống kính chụp xa giống như ống nhòm, chúng tôi có thể quan sát chúng một cách dễ dàng. Khi chúng tôi đến lần đầu, một hai tổ còn đang được sếu xây tiếp. Trước hết chúng xếp những que khô nhặt được lên trên những

cành cây thành một vòng tròn. Sau khi xây được khoảng 10 lớp, sếu bắt đầu đâm những que khô từ trên xuống dưới, qua 10 lớp que nằm ngang để kết các que lại với nhau. Chúng cũng biết nhặt những cỏ khô về làm nệm. Phần lớn các tổ chim không có mái. Tổ sếu cũng vậy. Khi có mưa gió hoặc để bảo vệ chim con chống lại ác thú, chim bố và chim mẹ thay phiên nhau giữ tổ và xòe cánh ra để che chở cho chim con. Không ai dạy bảo sếu cách xây tổ, nhưng chúng biết làm. Thật là kỳ diệu. Không khác gì con người, sếu cũng dành ăn của nhau. Trong số 12 sếu làm tổ trên một cây, có một con lười biếng, không đi săn mồi, mà đợi chim ở tổ bên cạnh mang cá về là nó nhảy sang giật đồ ăn. Chúng biết chỗ nào có nhiều cá. Những con chim lớn thường đuổi những con chim nhỏ để chiếm cứ những điểm săn mồi ngon lành này. Chúng cũng dành cá của nhau khi đang bay. Tất cả những tác động này đều là những đề tài để chụp hình.

Hàng năm vào khoảng cuối tháng Năm, Smithsonian Institution đều tổ chức một chuyến đi quan sát và chụp hình chim ven biển (shorebird) tại Bombay Hook National Wildlife Refuge ở Delaware Bay. Shorebird là một giống chim nhỏ sinh sống ở ven biển, di động, bao gồm khoảng 12 loại mà tôi không biết tiếng Việt như red knot, sandpiper, dunlin, willet, plover, dowitcher, v.v. Hàng năm chúng bay từ nam cực lên bắc cực để sanh đẻ rồi lại trở về. Chúng chỉ sống một thời gian ngắn ở nam cực và bắc cực vào mùa hè ở mỗi nơi. Thời gian còn lại chúng di chuyển qua Hoa Kỳ, Brazil, và Argentina. Chúng thường bay trên 1,000 dặm liên tục không nghỉ. Delaware Bay là chặng nghỉ cuối cùng của shorebird. Hàng trăm ngàn shorebird đến đây để bồi dưỡng cơ thể bằng trứng của con

cua sam (horseshoe crab) trước khi chúng bay lên bắc cực vào đầu tháng Sáu, khi tuyết ở đây bắt đầu tan. Đến giữa tháng Bảy, chúng lại bắt đầu một cuộc hành trình dài về phương Nam, để rồi đến giữa tháng Hai năm sau, chúng lại bắt đầu cuộc hành trình từ Nam Cực lên phía Bắc. Muốn chụp hình shorebird cũng như các giống vật khác, người chụp hình cần biết nếp sống và thói quen của chúng. Đây là một cơ hội học hỏi thú vị của người chụp hình.

Lần đầu chụp sếu, tôi dùng ống kính có tiêu cự (focal length) dài 300 mm, nhưng nó không đủ độ khuếch đại. Kết quả là mấy con sếu trong hình chỉ lớn bằng đầu bút chì. Tôi phải đổi qua ống kính 400 mm. Lần thứ hai trở lại hồ Whetston tôi dùng ống kính 500 mm và chụp được một số hình ảnh sống động về chim sếu. Tuy nhiên thật sự tôi không được hài lòng về chất lượng của những hình này do giới hạn về kỹ thuật. Ống kính tôi sử dụng là Tamron 200 mm – 500 mm. Trong khoảng 200 mm – 400 mm, ống kính này cho những hình rất rõ nét, nhưng trên 400 mm, chất lượng của hình bị suy giảm đáng kể. Tôi cũng đã thử ống kính Sigma 150 mm – 500 mm, nặng gấp rưỡi ống kính Tamron, nhưng cũng có vấn đề khi kéo tiêu cự dài hơn 400 mm. Những ống kính tương đương của Nikon và Canon rất tốt, nhưng đắt gấp 7-8 lần ống kính của Tamron hoặc Sigma, ít có người mua nổi. Thí dụ giá bán của hai ống kính Nikon 500 mm và 600 mm lần lượt khoảng \$7,900 và \$9,500. Các cụ thường nói cái khó nó bó cái khôn là vậy.

Thông thường, chụp mỗi loại hình lại cần phải có một loại kính chế tạo đặc biệt. Ở phần đầu, tôi đã nói đến cách chụp hoa hồng, nhưng chưa nói đến máy móc. Để chụp hoa, một lối chụp cận ảnh, chúng tôi

lại cần một loại ống kính trong nhiếp ảnh gọi là macro lens (hay còn gọi là micro lens). Ống kính này có thể lấy nét từ vô cực cho đến khoảng cách rất gần, tạo ra hình lớn bằng 1/2 hay 1/1 hình thật. Macro lens còn dùng để chụp chân dung. Chụp phong cảnh cần phải có ống kính có thị giác rộng (wide angle). Người chụp ảnh nhà nghề thường dùng nhiều loại ống kính khác nhau (camera lens) và có vài thân máy ảnh (camera body) để khỏi phải thay ống kính. Ngoài ra họ còn sử dụng chân máy ảnh và kính lọc (filter). Đó là những cách người ta thường dùng để phân biệt những người chụp hình nghiêm chỉnh với những người chụp hình tài tử.

Từ ngày đến Mỹ đến giờ, tôi chưa gặp rắc rối nào về pháp lý, nhưng được nhân viên an ninh nhòm ngó hoặc nhắc nhở vài lần. Muốn chụp Tòa Nhà Trắng không có hàng rào sắt thì có một cách gián dị là mang máy ảnh vào bên trong hàng rào để chụp. Tôi đã mang máy hình vào trong Tòa Nhà Trắng vài lần, nhưng chưa bao giờ được ra vườn trước để chụp mặt tiền của Tòa Nhà Trắng. Nếu đứng ngoài hàng rào, chỉ có cách là cho ống kính chui qua hàng rào để chụp. Nhiều người cũng đã làm như vậy, nhưng khổ nỗi là ống kính của tôi vừa to vừa dài, nên khi thọc được ống kính qua hàng rào, lập tức một nhân viên an ninh chạy tới nơi xem xét. Quanh Tòa Nhà Trắng người ta không được dùng chân máy ảnh ba nhánh (tripod), nhưng dùng chân một nhánh (monopod) thì hợp pháp. Luật lệ chụp hình chung quanh tòa nhà Quốc Hội trước đây cũng tương tự như vậy. Muốn dùng chân máy ảnh ba nhánh, phải xin phép Văn Phòng Cảnh Sát ở phía sau Quốc Hội. Nhưng trong thời gian gần đây, tôi thấy dân du lịch dựng chân máy ảnh trên sân cỏ của Quốc Hội, nhưng nhân viên an ninh không ngăn cấm.

Ở ngoài nước Mỹ, tôi gặp phải rắc rối nhỏ hai lần. Đó là tại Sana'a, thủ đô của Yemen. Ở đây có luật cấm chụp hình phụ nữ. Có một lần tôi chụp một đám nữ sinh tiểu học tan trường ra về. Dưới một tuổi nào đó, các em này không phải đeo mạng che mặt. Chừng 10 phút sau, tôi để ý thấy có một gã thiếu niên chừng 14 tuổi lẻo đẹo đi theo, vừa đi vừa lẻo nhéo tiếng Ả Rập mà tôi không hiểu. Trong khi tôi vào tiệm ăn, hắn đứng chờ ở ngoài. Khi ra khỏi tiệm ăn, tôi được một thanh niên biết tiếng Anh nói cho biết rằng hắn có đưa em gái trong đám nữ sinh mà tôi chụp hình. Xem ra hắn muốn làm tiền. Vừa lúc đó, một xe taxi chạy lại. Tôi leo lên xe về khách sạn, bỏ lại thằng anh khôn kiệp.

Lần rắc rối thứ hai xảy ra ở Rabat, thủ đô của Morocco. Trong khi được một người bạn dẫn đi bộ thăm thành phố, tôi thấy một người đàn ông ngủ gục trong một chiếc ghế đan bằng một loại vật liệu giống như mây, trước một cửa hàng bán đồ đạc trong nhà. Tôi đưa máy lên chụp một tấm hình một cách suông sẻ. Chừng 15 phút sau, người đàn ông đó đến trước chúng tôi than phiền là tôi đã chụp hình ông ta. Thiệt là rắc rối. Lỗi rành rành ra đó. Phen này tôi không làm sao cãi được. Tôi nghĩ chắc phải xì tiền ra cho xong chuyện. May mắn là anh bạn tôi người Việt sống lâu năm tại Morocco đã nhanh trí đáp lại : “Bạn tôi chụp mấy chiếc ghế, chứ không phải chụp ông!” Nghe xong ông Morocco này lủi thủi đi mất trước sự thần phục của tôi đối với anh bạn. Hi vọng tôi sẽ có cơ hội viết về người bạn xa xứ này. Sau này, tôi đã áp dụng cách đối đáp khôn ngoan này vài lần khi rơi vào thế kẹt tương tự. Nhưng cách hay nhất vẫn là xin phép người mình muốn chụp trước và đôi khi nên biếu họ một ít tiền cho vui vẻ.

Ở Mỹ, người ta được phép chụp hình tự do nơi công cộng cho mục đích thông tin và giáo dục. Nếu chụp hình cá nhân, cần phải xin phép và muốn phổ biến những hình này phải có giấy phép của người mẫu (model release).



Hình (4): Sếu từ đầu đến đuôi dài khoảng 38-54 in. và đôi cánh trải rộng khoảng 66-79 in.

Từ photography bắt nguồn từ chữ Latin. Photo (phos) có nghĩa là ánh sáng và graph (graph) có nghĩa là vẽ. Photography hay nhiếp ảnh có nghĩa là vẽ bằng ánh sáng. Do đó ánh sáng là một yếu tố khá quan trọng trong nhiếp ảnh. Khi đi săn hình chúng tôi phải chọn giờ giấc thích hợp để có ánh sáng tốt. Nhưng nhiều khi vì địa hình địa vật phức tạp, chỉ khi đến nơi chúng tôi mới biết ánh sáng chiếu vào chủ thể ở hướng nào. Thí dụ như chụp hình mặt tiền của Tòa Nhà Trắng xem ra không dễ dàng chút nào vì trong ngày ánh nắng phần lớn chiếu vào phía sau của tòa nhà suốt trong sáu tháng.

New River Gorge ở miền nam West Virginia là một địa điểm chụp hình rất đẹp, đặc biệt là về mùa thu. Con sông New River chảy ở phía giữa hai sườn núi cao. Tuy nhiên muốn chụp hình hẻm sâu giữa dãy núi bao bọc chung quanh, chúng tôi phải đợi đến khoảng trưa, khi mặt trời lên

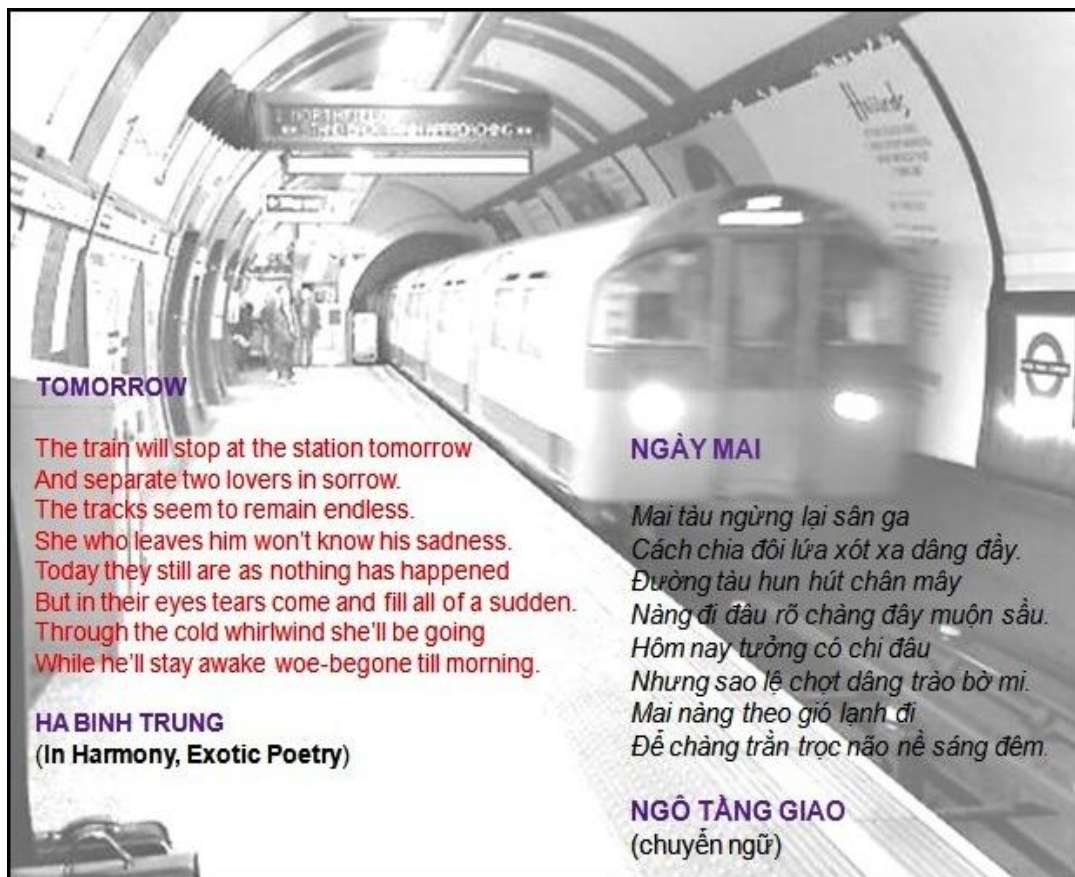
cao qua khỏi đỉnh núi mới có ánh sáng dội xuống vùng đất sâu bên dưới. Nếu chụp hình sớm hoặc trễ hơn, một bên sườn núi sẽ sáng và bên còn lại sẽ tối.

Tại vùng Washington-DC, mặt trời mọc và lặn theo đúng hướng Đông Tây mỗi năm chỉ xảy ra hai lần tạo cơ hội độc đáo cho người chụp hình. Đó là ngày xuân phân (spring equinox) 21/3 và ngày thu phân (autumn quinox) 22/9, khi ngày và đêm dài bằng nhau. Từ địa điểm Netherlands Carillon gần Iwo Jima Memorial, người ta có thể chụp mặt trời mọc từ ngay sau điện Capitol, Washington Monument, và Abraham

Lincoln Memorial. Vào đầu mùa xuân, không khí trong và mát lạnh. Nhưng vào đầu mùa thu, hình chụp sẽ đẹp hơn vì không khí còn nóng và ẩm, tạo một vẻ lãng mạn cho thành phố. Chỉ những dân địa phương mới có những kinh nghiệm quý báu này.

Nhiếp ảnh là một nghệ thuật thanh cao và một thú vui giải trí lành mạnh, nhưng quả thật nó cũng đòi hỏi nhiều cố gắng từ những người theo đuổi nó. Nghề chơi cũng lắm công phu!

Nguyễn Quốc Khải
23.05.201



TUỔI NÀO CHO ANH?

Em gái xinh xinh
Đẹp như bình minh
Gặp em, anh hỏi
Tuổi nào cho anh?

Một đời em, trăm tuổi trăm xinh
Hoàng hôn nào khác buổi bình minh
Nếu biết khen em là gái đẹp
Thì tuổi nào em cũng chung tình.
Bình minh em đẹp ngây thơ
Mắt đen lông lánh đôi bờ môi duyên
Vừa trưa em đẹp dịu hiền
Khuôn trăng đầy đặn, thuyền quỳên vương tròn.
Xế qua em đẹp tinh khôn
Một vườn hoa trái gia môn vững vàng
Chiều tàn em đẹp đậm đang
Như cây cỏ thụ những tàng sum xê
Yêu anh, em vẫn tràn trề
Tình em như suối chảy về đại dương

Thưa anh, đời em...
Trăm tuổi trăm xinh
Nếu thích bình minh
Đừng quên chiều xuống
Đừng phụ tình em...

Khánh Vân

WHEN COMES A TIME FOR ME?

Translation by Khánh Vân

Precious dear one
As pretty as morning dew
Tell me, my precious one
When comes a time for me?

My life... dear,
A hundred years, a hundred beauties

Neither moment would differ at sunset nor sunrise
If I am your precious one
I am in your heart from dawn to dusk.
The springing of dawn is my innocent beauty
Full of wonderment and promise.
Unique beauty of mid morning day
Is my everlasting happiness
As I begin a life's journey with you
It blooms like a lotus blossom
Bearing seeds that flourish full of joy.
The sunset is now my precious beauty
Like a cypress tree with strong branches
To protect and to cherish
The beauty is held in a happy family.
My love for you is like a water stream
Meandering through the valleys
From its source into the ocean.

My life ... dear,
A hundred years, a hundred beauties
If you love the dew at dawn
Don't forget the dew at dusk...

WHEN COMES OUR TIME?

English version by Larry Bogoslaw Ph.D

*Dear one of mine
Dew-eye that shine
Now that we've met
When comes our time?*

*I wish with you beside my dear
A hundred joys, a hundred years
Every moment from dawn to dusk
My love's unchanging, always here.
At dawn, my beauty wakes
With bright smile and wide open eyes
The sun begins to rise
And I begin life's path with you
My love all afternoon*

*Bloom full with seeds like the lotus
At dusk my love encloses
Our family like a cypress tree
My love is like a stream
Winding through valleys to its source.*

*My dear,
May this life grant to us
A hundred joys, a hundred years
If you love the dew at dawn
Don't forget the dew at dusk...*

MÙA HÈ 1955

(Trích Hồi ký “Sài Gòn Nhớ Muta Thương”)

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Gần đây có hai văn nhân xuất hiện trên ngưỡng cửa nhà ông Phan Khôi. Các chàng đã tìm đến gặp cô con gái cứng của ông tại chỗ tạm trú trước đây trên đường Trần Quang Khải và chuyển thư bạn miền Bắc cho nàng. Cô bé đã gặp Vũ lần thứ nhất với Bích Vân bên Hồ Hoàn Kiếm trước khi di cư. Thế rồi, Vũ ở Sài Gòn, tiếp tục đến thăm Ngọc Dung. Tôi được biết hai chàng đều là văn nhân, thi sĩ, có sách xuất bản. Tôi đã đọc hai cuốn tiểu thuyết của Vũ. Nguyễn làm việc ở xa, không gặp lại cô học trò đệ ngũ cho tới khi chàng đi theo Vũ đến thăm nàng lần thứ hai tại cư xá mới. Lần này nàng đã bạo dạn và hỏi chuyện Nguyễn nhiều hơn. Anh mới tốt nghiệp Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức khi đất nước bị chia đôi. Nguyễn là giảng viên tại trường Hạ Sĩ Quan Biệt Động Quân Đồng Đế, Nha trang, thỉnh thoảng về Sài Gòn nghỉ phép hay công tác. Mắt

sáng ngời, tôi ngồi nghe Nguyễn nói về miền thù dương cát trắng và luôn miệng thích thú, ước muốn:

- Ô đẹp quá! Ô thích quá! Giá Dung được đi chơi Nha Trang nhỉ!

Rồi chợt vui mừng, tôi reo lên:

- A, chị Nguyệt, anh Uẩn của Dung ở Nha Trang từ khi rời Hà Nội. Dung sẽ bàn với chị Tâm, xin phép bố mẹ cho đi thăm gia đình anh chị và các cháu.

Nguyễn mau mắn hứa hẹn:

- Nếu Dung được phép đi chơi, Nguyễn sẽ tình nguyện làm hướng dẫn viên.

Trước khi ra về với Vũ, Nguyễn cho tôi địa chỉ KBC, Khu Bưu Chính quân trại Đồng Đế.

Khi nghe tôi thuật chuyện, chị Tâm cũng mê tới. Chúng tôi chỉ xin bố mẹ đi thăm anh Uẩn, chị Nguyệt, cháu Minh, Ánh, Hùng, Hằng và không dám nhắc tới tên Nguyễn. Các cô còn đang tuổi đi học,

đều biết rằng bậc cha mẹ không cho phép đi chơi với bạn trai bên ngoài mái gia đình. Chị Tâm còn nói, sẽ rủ mấy người bạn nữa. Bố mẹ bằng lòng, cho chúng tôi tiền mua vé tàu hỏa khứ hồi và một chút dư để tiêu vặt. Tôi chỉ là con bé đi theo cô chị, ông bà không quan tâm.

Chị Tâm vội vã báo tin cho chị Nguyệt. Tôi viết cho Nguyễn và nhận được lá thư đầu tiên từ một người bạn trai. Chúng tôi náo nức sửa soạn cho cuộc hành trình. Chị Tâm mua được bộ áo tằm đắt tiền trong tiệm may lớn đường Lê Lợi. Tiệm không có áo cho con nít. Khổ người Ngọc Dung từ thuở học trò đến thời thiếu phụ, từ Đông sang Tây vẫn kích thước “small, petite.” Cô bé phải mua vải, rập theo kiểu áo của chị, cắt may bừa, miễn có cái mặc nhẩy xuống nước. Áo xong, thử lên người ngay đuồn, chưa có đường cong. Thân hình còn chanh cốm, làm sao “văm” được như cô chị.

Thế rồi, một ngày mùa hè 1955, chị Minh Tâm, Kim Lan, Bảo, Quyển, Ngọc Dung lên tàu tại ga Sài Gòn để đi Nha Trang. Chị Lan là bạn thân cùng lớp chị Tâm. Bảo là em trai chị Lan. Quyển là bạn Bảo. Lần thứ nhất, con tàu đưa ba cô nữ sinh Trưng Vương, hai cậu học sinh Chu Văn An qua những phần đất quê hương chưa hề đặt chân tới. Xứ buổi Biên Hòa múi ngọt mọng nước bên sông Đồng Nai như văng vẳng câu hò:

*Hồ ơ... (chớ) Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định... (ờ), hồ ơ... (chớ)
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...*

Đồn điền cao su Xuân Lộc rậm rạp ngút ngàn, mủ sữa nhỏ giọt trắng tươi. Khi gió biển đưa tới mùi cá muối phơi khô, những đồng ruộng nước mắm chông chất, ngất cao như Kim Tự Tháp hiện ra. Tàu đi vào địa phận Phan Thiết, miền đất sản xuất nước mắm lớn nhất Việt Nam. Tháp Chàm cổ ngàn năm rải rác đây, kia. Tới nữa là Phan Rang, giang sơn xưa của Chế Mân, Chế Bồng Nga.

Mấy trăm năm về trước, Huyền Trân bị vua cha Trần Anh Tông ép gả cho Chế Mân để đổi lấy Châu Ô, Châu Rí. Khi Chế Mân chết, Công Chúa xinh đẹp sắp bị hỏa thiêu theo chồng, chàng anh hùng Nước Nam, Trần Khắc Chung đến cứu thoát và đưa nàng về cố quốc. Huyền Trân xuống tóc đi tu. Một đời hồng nhan đa truân, một cuộc tình bi thiết đã đi vào lịch sử để người sau còn ngưỡng mộ, cảm thương.

Qua Phan Rang một đổi, Vịnh Cam Ranh lấp lánh cát trắng thủy tinh. Thảm biển lam ngọc ẩn hiện sau rừng dừa xanh thắm. Cam Ranh là một trong ba hải cảng có địa thế tốt nhất thế giới, nhiều cường quốc muốn mượn làm thương cảng, căn cứ quân sự... Quê hương Việt Nam nhỏ bé mà có vinh dự lớn vậy đó!

Tàu đi vào sân ga Nha Trang, tôi hồi hộp ngóng tìm những khuôn mặt quen biết. Tàu chưa ngừng tôi đã thấy Nguyễn vẫy đàng xa. Anh Nguyễn Công Bình, thầy dạy tư Anh, Pháp văn của chị em chúng tôi và vài cô bạn khác từ hồi ở Hà Nội, cũng có mặt. Nguyễn giới thiệu chúng tôi với hai sĩ quan Biệt Động Quân, Minh và Khách.

Năm cô, cậu học sinh phải lên hai xe Jeep mới đủ chỗ đi về nhà anh Uẩn, chị Nguyệt.

Những ngày ở Nha Trang thật tưng bừng. Nguyễn và những người bạn thân thiện ấy đưa chúng tôi đi chơi khắp nơi. Trước tiên phải ra biển ngay cho thỏa lòng mong ước và nhúng chân xuống nước trong veo để nhìn rõ mười ngón xinh nhỏ, trắng muốt. Du khách bàng hoàng lạc chốn mây nước không cùng. Đại dương bát ngát, bãi cát mịn màng. Hàng thù dương đong đưa hong gió. Mây trắng như bông bay đi tận chân trời xa tắp. Nhấp nhô hòn Yến hình cái nón, hòn Qui hình con rùa, hòn Tre như bầy cá sấu đang bò xuống biển.

Các chàng sĩ quan vui vẻ trở tài biểu diễn lái Jeep trên bãi cát. Khi sóng gần đánh vào người. Lúc xe lún quá sâu dưới cát tưởng chừng mắc cạn. Nhưng Lính Mũ Đen không để khách Sài Gòn mất tin tưởng nhanh chóng. Sau đó chúng tôi vẫn an toàn trên xe và được đưa đi một vòng đường chiều bờ biển. Gió mặn nồng lồng lộng tóc mây. Hân hoan sáng ngời đôi mắt, rạng rỡ môi cười.

Để tránh cái nắng chói chang rám cháy da non, ba cô gái Sài Thành thường ra tắm biển thật sớm. Gió còn hơi sương, sóng còn lạnh mát. Khi vắng chiều dương vừa nhô khỏi chân mây, mặt nước, in hình tượng thanh nữ trên nền trời hào quang, chúng tôi lên bờ về phố. Sau giờ bơi lội, nhẩy sóng chưa điểm tâm, ly nước dừa non, cùi mềm thơm ngọt, càng thêm hấp dẫn trên sân Nhà hàng Frégate nhìn ra biển. Những trái dừa xanh, căng bóng trong vườn nhà anh Uẩn, chị Nguyệt, dần

dần thưa vắng trên cây. Đi tới đầu du khách cũng được mời nước dừa tươi của miền thù dương cát trắng chẳng đâu ngon bằng.

Tuần vài ba chiều, các chàng “trốn” trại ra ngôi bờ biển mãi đến khuya với nhóm học sinh Sài Gòn. Đêm trăng sáng vàng vạc, mặt biển gợn sóng vàng long lanh. Những người tuổi trẻ sóng bước hay ngôi bên nhau, thủ thỉ chuyện đời lính, chuyện học trò và đếm không hết những cánh sao lấp lánh trên khung trời biếc nhung lam. Cát ấm mịn màng dưới chân êm. Nhịp âm sóng vỗ bờ thì thầm dào dạt.

Ngày nghỉ, các chàng đưa chúng tôi đi chơi những thắng cảnh nổi tiếng tỉnh Khánh Hòa. Muốn đi thăm Tháp Bà, Hòn Chồng phía bắc Nha Trang phải qua cầu Xóm Bóng soi hình vịnh nước trong xanh, ánh núi hùng vĩ. Tháp Bà cổ kính hoang sơ, gạch nung vỡ lở, nằm chơ vơ trên ngọn đồi khô cằn đất đỏ. Lác đác xung quanh, vài tháp nhỏ còn sót lại từ mười mấy thế kỷ qua, mòn mỏi như những bà mẹ già trông ngóng đàn con quên nguồn cội, miệt mài bỏ xứ lang thang.

Hòn Chồng với những tảng đá khổng lồ, trần trụi, cao ngạo chồng chất lên nhau bên bờ biển, sừng sững thi gan với sóng gió đại dương âm vang ầm ầm muôn đời, bất tận.

Viện Hải Dương Học bên Cầu Đá phía Nam Nha Trang, với những hồ kính đồ sộ, nuôi đủ các hải sản tìm kiếm được trong vùng. Tôm hùm lớn bằng cánh tay, nghêu ngao râu càng. Rùa to như cái thúng. Cá muôn hình, nghìn dạng bơi lượn trong hồ san hô lộng lẫy.

Cảm tưởng thích thú của tôi hồi đó có lẽ cũng tương tự như con trẻ, người lớn lần đầu tiên ngỡ ngàng lạc vào National Aquarium tại hải cảng Baltimore, tiểu bang Maryland bây giờ. Tất cả sinh vật sống trong nước hình như đều được nuôi ở đây. Cá mập khổng lồ khiến người ta liên tưởng tới phim Jaws, miệng cá ngoác nuốt chửng con người và thuyền nhỏ. Cá heo thông minh, nhẹ nhàng phóng lộn trong hồ thủy tinh vĩ đại... Du khách thường phải xếp hàng dài cả giờ đồng hồ mới được vào cửa và mất nửa ngày mới đi xem hết bầy từng lũ với những hồ cá lớn nhất, tối tân nhất Hoa Kỳ...

Trong một đồn điền cao su xanh thắm vùng Suối Dầu, cách Nha Trang độ mười cây số về phía Nam, một nhà bác học Pháp đã chọn làm nơi an nghỉ cuối cùng. Yersin đến cư trú ẩn dật tại Xóm Cồn. Ông đã một đời hy sinh để tìm ra thuốc ngừa dịch hạch, sốt rét cho nhân loại và có công khám phá, khẩn hoang vùng Nha Trang, Ba Ngòi, Suối Dầu, Lang Bian, Đà Lạt. Du khách thành kính nghiêng mình trước ngôi mộ “Alexandre Yersin, 1863-1943” đơn sơ, bình dị. Linh thiêng nghe như phảng phất nơi đây.

Rời mộ Yersin, chúng tôi đi thăm Suối Tiên đầy ắp cá. Cần câu không có, lưới vớt cũng không. Muốn đem cá nước ngọt về cho chị Nguyệt, phải làm sao đây? Chúng tôi được lệnh “Chỉ huy trưởng” Minh đứng ra xa. Một quả lựu đạn được mở chốt tung ra suối. Thiếu nữ thành thị

bị tai la hoảng. Cả trăm con cá nổi lên bênh trên mặt nước. Những ngày kế tiếp, chúng tôi được thưởng thức đủ món cá, kể cả Chả Cá Hà Nội được ăn với giềng, nghệ, mẻ, mắm tôm, hành tây, hành ta, thìa là, cà cuống, tuyệt vời!

Nguyễn, Minh, Khách đều làm việc và ở trong trại Biệt Động Quân Đồng Đế bên bờ biển cát khô, cỏ cháy qua Cầu Xóm Bóng vài cây số. Chẳng xá kể gì lời đe dọa “traị ở trại, gái hàng cơm,” chúng tôi hiên ngang tới uỷ lạo binh lính trại quân thời bình. Trên là trời, dưới ka-ki vàng, mũ đen, nhưng trông họ có vẻ hiền lành. Ba sĩ quan hướng dẫn viên cũng dễ thương. Nơi cư trú của các chàng la liệt bản nhạc, đàn, sáo, sách, báo. Được mấy cô, cậu học sinh khuyến khích, Minh, Khách chơi vài ngón guitar, ca vài bản nhạc Mỹ. Nhóm bạn học sinh hát theo. Tôi nhìn cây sáo tre treo trên tường và hỏi:

- Anh nào chơi sáo thế?

Khách chỉ Nguyễn:

- Tên gầy còm này.

Tôi nhìn Nguyễn:

- VẬY Ơ! Nguyễn cho nghe một bản nào đi.

Nguyễn lưỡng lự:

- Lâu lắm Nguyễn không cầm đến cây sáo.

- Cũng lâu lắm Dung không được nghe sáo. Nguyễn thử vài “nốt” cũng được.

- Dung muốn nghe bản nào?

Tôi chỉ bản Chiêu, thơ của Hồ Dzếnh, nhạc của Dương Thiệu Tước trên bàn:

- Dung thích bài này.

Nguyễn cầm cây sáo tre lên miệng. Tiếng sáo cất lên nhẹ nhàng, uyển

chuyển... xa vắng buồn. Chúng tôi im lặng ngắm ngó ngôi nghe. Khi tiếng sáo dứt, khách thăm viếng vỗ tay khen ngợi nồng nhiệt. Tôi tâm tình:

- Dung có thể nghe sáo hoài được. Học sáo có khó không hả Nguyễn?

- Dễ lắm. Nguyễn học lấy đây.

- Thật ư! Dung có mấy quyển vở chép bài hát nhưng để lại Hà Nội và cũng chẳng biết một thứ nhạc cụ nào.

Nguyễn sốt sắng:

- Để Nguyễn tặng Dung những bản nhạc này. Nguyễn thuộc hết rồi, không cần nhìn để thổi sáo nữa.

Tôi vội vàng từ chối:

- Cám ơn. Dung sẽ mua dần.

- Nguyễn tặng Dung bản Chiều. Dung nhận nhé?

- Vâng, một bản thì được.

Tôi vẫn còn bản nhạc Chiều với tháng năm đề “Nha Trang 6/55” và chữ ký của Nguyễn. Xao xuyến, ngậm ngùi vẫn đầy lòng mỗi khi nhìn lại nét chữ quen thuộc và kỷ niệm không bao giờ quên...

Định ra chơi Nha Trang hai tuần, chúng tôi đã ở tới gần một tháng, vẫn chưa muốn về Sài Gòn. Nguyễn và các bạn sẽ có chương trình hấp dẫn, nếu chúng tôi ở thêm một tuần nữa. Lẽ dĩ nhiên khách Sài Gòn cũng muốn vậy. Nhưng vấn đề tài chánh có phần eo hẹp, chỉ còn đủ vé tầu trở về. Tiền tiêu vật bầy ngày không phải ít. Chúng tôi nhờ tới Trung Úy Nguyễn Công Bình xoay xở mua vé học sinh rẻ và hoàn trả sau. Chúng tôi đã ở lại chờ đợi một cuộc “phiêu lưu, mạo hiểm”.

Buổi chiều cuối tuần ấy, Nguyễn, Minh, Khách trong quân phục dã chiến xanh xậm, trên xe Jeep đến đón năm cô cậu học sinh. Bấy giờ các chàng Biệt Động Quân mới nói sẽ đưa chúng tôi đi săn. Anh Minh, tuổi hơn hai bạn, đeo súng ngắn, ngồi trước tay lái. Bảo, Khách chia nhau ghế bên cạnh. Khách ngồi ngoài với cây súng dài. Nguyễn, Quyến ngồi thành xe hai bên băng ghế dưới của ba nàng. Nguyễn cũng ôm một cây súng dài và ngồi cạnh Ngọc Dung. Khi chúng tôi lên tới đèo Rù Rì, mặt trời vừa khuất sau dãy Trường Sơn huyền bí. Xe Jeep rẽ vào một cánh rừng âm u, rậm rạp. Đèn rọi sáng con đường mòn lồi lõm đất, đá. Cây cối hai bên đường quệt cả vào xe và người. Nguyễn, Minh lên đạn lách cách. Chị Minh Tâm hỏi:

- Trong rừng có những loại thú nào vậy?

Khách thản nhiên trả lời:

- Hươu, nai, sóc, thỏ, hùm, beo, rắn, hổ.

Tôi lo âu:

- Khi hổ tới thì làm sao?

Nguyễn buông hai tiếng gọn:

- Thì bắn!

Chị Kim Lan thắc mắc:

- Các anh bắn giỏi lắm à?

Vẫn ôm tay lái cho xe chạy từ từ, anh Minh lên tiếng:

- Hai tên kia chỉ biết bắn chỉ thiên thôi. Vì thế hôm nay Minh tôi mới phải theo hộ tống.

- Sao anh không lấy súng ra và lên đạn đi?

Khách trả lời thay tài xế:

- Hấn bắn giỏi hơn cả cao-bồi trong phim Western Mỹ. Khi nào hổ tới, hấn rút súng vẫn còn kịp.

Tôi nhìn sang Nguyễn, với câu hỏi trong mắt? Anh hiểu ý, nghiêm trọng gật gù. Tôi hỏi hộp:

- Đã gần đến chỗ có hổ chưa, Nguyễn?

- Cũng gần đâu đây. Đã ngủ thấy mùi hôi rồi.

Một cậu học sinh khôì hài:

- Hổ không bao giờ tắm nên hôi nhỉ?

- Đúng vậy. Hổ ăn thịt dã thú sống và thịt người có khi nào đánh răng đâu.

Tôi cảm thấy lạnh rợn truyền nhanh tứ thân, da tay nổi gai sần. Bỗng Khách nói:

- Hình như có điểm sáng đằng xa. Có lẽ là chồn hay thỏ.

Anh Minh dừng xe thật êm. Khách nhanh nhẹn nâng súng lên nhắm. Một tiếng đoàng chói tai. Các tiểu thư giật mình, la thất thanh. Một con vật bắn tung lên. Xe lăn bánh chậm chậm. Khách, Nguyễn cùng nhẩy xuống. Tay ôm mặt, tôi hé mắt nhìn qua khe ngón. Khách lượm con vật bị trúng đạn và giơ cao cho mọi người coi. Một con thỏ! Da thịt hình như vừa bị châm chích nhói đau, tôi cuống quýt:

- Các anh thả cho nó chạy đi!

Nguyễn cười vang:

- Thỏ chết rồi, chạy đâu được.

Các chàng thích thú ngắm chiến lợi phẩm. Tôi nhăn mặt:

- Ghê quá, thôi, đừng đi săn bắn nữa!

Chị Kim Lan cũng lên tiếng:

- Gặp thỏ đã khiếp đảm thế này, gặp ông ba mươi chắc chết mất! Chúng mình nên quay lại.

Khách vẫn thản nhiên:

- Một thỏ làm sao đủ nấu rượu vang được. Phải tìm thêm một con nữa.

Chị Tâm tình nguyện:

- Tâm xin nhường, không ăn thịt thỏ bị bắn chết đâu.

Bảo, Quyển chưa được cầm cây súng bắn phát nào, chưa thỏa mãn máu anh hùng, đòi tiếp tục cuộc săn. Chúng tôi đành chiều quý vị trai trẻ đi sâu vào rừng. Hình như dã thú sợ hãi chạy trốn hết, không một con lộ dạng. Các chàng bèn dừng xe bắn vu vơ lên những ngọn cây đen thẫm dưới ánh trăng non. Chim muông hoảng hốt bay loạn xạ. Nhưng không con nào gãy cánh rơi, chỉ thấy cành lá rụng tới bời. Minh, Khách chỉ cho chị Tâm, Lan nổ vài phát súng. Tôi khoanh tay đứng xa vài bước nhìn mọi người. Nguyễn đến gần thì thầm:

- Dung tập bắn không?

Tôi lắc đầu:

- Chịu thôi. Tập để làm gì?

- Để gặp hổ còn phòng thân được.

Tôi rùng mình, khoanh tay ôm ngực chặt hơn. Nguyễn trấn an cô bạn nhỏ:

- Nói đùa Dung đấy. Ở đây không có hổ. Phải vào sâu năm bảy cây số nữa mới gặp chúng. Nếu ông ba mươi có lảng vảng nơi đây thì cũng đã chậm chậm về hang vì những tiếng súng từ nãy giờ. Súng này của Nguyễn bắn nhẹ lắm, không nổ lớn và giật mạnh như mấy cây kia. Dung thử nhé. Đi săn mà không bắn thì có chuyện gì để về nhà kể.

Nghe có lý, tôi nhoeùn miệng cười gật đầu, vụng về nắm hờ cây súng Nguyễn đưa. Đứng sát đằng sau, hai cánh tay vòng

qua vai tôi, anh chỉ cách cầm súng, nhắm một cành cây cao và bóp cò. Nhưng chuyện đâu giản dị vậy! Tay chân lóng ngóng, tôi nghe rõ nhịp tim rộn rập, môi má rức nóng. Mùi áo dã chiến và hơi thở của Nguyễn gần gũi quá. Ngón tay chỏ của tôi tê liệt. Cò súng không nhúc nhích. Tôi định rút tay lại và bỏ cuộc. Nhưng Nguyễn giữ tôi đứng yên trong vòng tay, để ngón chỏ của anh lên của tôi và bảo tôi sẵn sàng. Tôi run rẩy, không biết vì sợ súng hay vì cảm giác con gái lần thứ nhất va chạm thân thể người bạn trai. Có lẽ cả hai. Tôi khép mắt chờ đợi. Một tiếng nổ chát chúa! Vai tôi dội mạnh ngực Nguyễn, tay buông rời cây súng. Nếu anh không giữ chỉ thiên, súng đã chĩa vào mọi người. Tôi bàng hoàng đứng ngậy. Nguyễn cười lớn:

- Thấy không, Dung bắn giỏi lắm. Bao nhiêu lá cây rụng.

Biết bị trêu chọc, tôi nhìn xéo Nguyễn và trách móc:

- Dung sẽ không chịu mắc mưu Nguyễn để dàng nữa đâu. Chắc cây súng này còn mạnh hơn mấy cây kia phải không?

Nguyễn vẫn dụ dỗ:

- Nếu Dung không tin, Nguyễn lấy súng của Khách để Dung bắn thử nhé?

- Thôi ạ, Dung xin hàng!

Trở lại xe Jeep, tôi ngồi co ro như con mèo bị ướt, tim vẫn còn đập mạnh. Có lẽ Nguyễn cũng cảm thấy không nên đùa dai nữa, và đưa tay lên miệng làm loa, gọi mọi người:

- Chúng mình đông về thôi. Thêm một phát súng nữa cô bé này ngất đi bây giờ.

Trên đường về, các chàng Mũ Đen lại biểu diễn lái Jeep như bay lên đèo, xuống dốc. Một bên vách núi cheo leo, một bên bờ vực sâu thẳm. Hương núi thơm, hơi biển mặn nồng. Gió bỗng lên cao, sóng xoải xuống thấp loang loáng ánh trắng xanh. Rừng núi thâm u vang dội tiếng cười ròn rã của bầy tâm hồn son trẻ, một thời đất nước vừa được thanh bình.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng phải lên tàu về Sài Gòn, tay ôm nặng san hô, vỏ tôm, vỏ sò. Nguyễn tặng tôi một vỏ ốc lớn, tuyệt mỹ. Tàu rời sân ga và những người đưa tiễn. Nha Trang khuất dần trong rừng núi xuôi Nam. Bao nhiêu kỷ niệm để lại. Bao nhiêu lưu luyến mang theo. Tiếng sóng biển dạt dào của những ngày hè 1955 như còn âm vọng trong vỏ ốc nhiệm mầu. Kỷ vật đã nằm thân yêu trên bàn gỗ mộc của tôi qua suốt thuở học trò còn lại...

Sau nghỉ hè Nha Trang, Ngọc Dung bước vào tuổi mười sáu với hình ảnh người trai trẻ đã để lại nơi nàng một rung động đầu đời trong khu rừng Khánh Hòa, trăng non huyền ảo. Những lá thư màu xanh đều đều bay đi từ Phú Nhuận và được hồi âm từ trại Biệt Động Quân Đồng Đế với hàng chữ mực tím thẳng ngay. **Sài Gòn Nhớ Mưa Thương**. Bâng khuâng len lén đi vào tâm hồn con gái để kết thành thơ:

*Trời Sài Gòn mưa mưa, nắng nắng,
Biển Nha Trang cát trắng thùy dương,
Thư xanh, mực tím thương thương,
Tuổi tôi mười sáu Trưng Vương học trò.*

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

SINH HOẠT

VĂN HỌC VÀ ÂM NHẠC



Trân trọng kính mời đồng hương đến dự:
một chương trình sinh hoạt vui và nhẹ nhàng
về văn học và âm nhạc, với sự tham dự đặc biệt của:

Giáo Sư **Nguyễn Hưng Quốc**

&

Giáo Sư **Hoàng Ngọc Tuấn**

đến từ Úc Châu, sẽ được tổ chức vào:

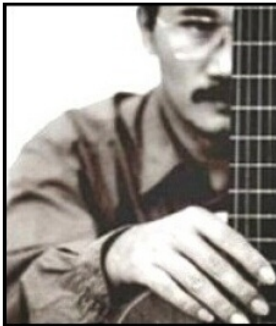
Ngày: Chủ Nhật 8 tháng 7, 2012 - lúc: 1:30 pm

Tại: Jewish Community Center of Northern Virginia

8900 Little River Turnpike, Fairfax, VA 22031

Phone: (703) 323-0880

***** Vào cửa miễn phí *****



Với sự cộng tác của

một số ca nhạc sĩ quanh vùng Hoa Thịnh Đốn

- Nguyễn Hưng Quốc là Giáo sư Việt ngữ và Việt học tại trường Đại học Victoria, Úc; đồng Chủ biên tờ báo mạng Tiền Vệ và là cộng tác viên thường xuyên của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (Voice of America).
- Hoàng Ngọc-Tuấn là nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình và sáng tác trong lĩnh vực âm nhạc và văn chương; đồng thời là nghệ sĩ trình tấu guitar, diễn viên sân khấu, và kịch tác gia. Hiện là thành viên của Ủy Ban Văn Chương và Lịch Sử, Hội Đồng Cổ Vấn Nghệ Thuật, Bộ Nghệ Thuật New South Wales.

Bảo trợ: Cơ Sở Cỏ Thơm, Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật
& một số thân hữu của GS Nguyễn Hưng Quốc và GS Hoàng Ngọc Tuấn

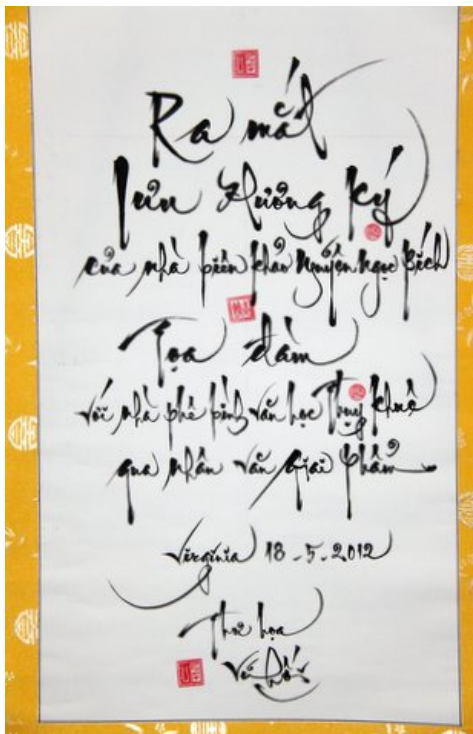
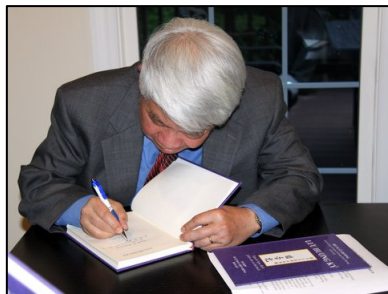
Liên lạc:

Phan Anh Dũng: 804.387.8773 Nguyễn Thị Ngọc Dung: 703.593.1998
Phan Khâm: 301.592.8608 Hồng Thủy: 301.466.6120 Hoàng Đức Long: 240.688.2024
Đèo Văn Sách: 703.981.2612 Trương Anh Thụy: 703.525.4538 Thanh Minh: 301.523.2890

(FLYER - V2 - May 22, 2012)

SÁCH "LƯU HƯƠNG KÝ" RA MẮT TRONG MỘT KHUNG CẢNH THẬT NÊN THƠ

Trong một đời sống tất bật bận với năm con (bốn trai, một gái), đôi duyên ương Đặng Hoàng với Nguyễn Thị Thanh Bình vẫn có thời giờ cho nhau trong một ngôi nhà rộng rinh tưởng như ở giữa rừng hay một khu công-viên. Thanh Bình không chỉ viết truyện, làm thơ, chị còn thích nấu ăn nữa, trong khi anh Hoàng là một người chồng lý-tưởng lúc nào cũng yểm-trợ hết mình. Khách mới tới lần đầu còn ngỡ đi nhầm địa-chỉ: Tại



chị Thụy Khuê (và phu-quân, Kỹ-sư Lê Tất Luyện) vừa là để "vòi" chị Thụy Khuê nói chuyện về hai nhà Hán-Nôm-học nổi tiếng ở Pháp, ông Hoàng Xuân Hân và G.S. Tạ Trọng Hiệp. Tuy cả hai người đã mất nhưng cả hai vị đã tìm cách trong nhiều năm nhờ người ở Hà-nội chép cho hoặc cho một phồng-bản

sao lại vào công-viên thế này? Có cả bàn picnic trong rừng, chim hót líu lo. Đang tính đi ra nhìn lại xem có trúng địa-chỉ không thì may thay, chủ nhà bước ra đón và còn đỡ một tay đem ghế vào--bởi tuy là party ở nhà song cũng vẫn trông chờ là có khoảng 60-70 người đến.

Lý-do? Hôm nay (thứ Sáu, 18/5/2012), nhân có nhà biên khảo nổi tiếng ở Pháp, Thụy Khuê, sang để ra mắt sách *Nhân Văn-Giai Phẩm* và *Vấn đề Nguyễn Ái Quốc* (do nhà xb Tiếng Quê Hương in ra) vào Chủ-nhật 20/5, Thanh Bình bèn nảy ý tổ-chức một bữa cơm thân mật ở nhà vừa là để đón



Ông Bà chủ nhà Đặng Hoàng và Nguyễn Thị Thanh Bình chào mừng quan khách.

cuốn *Lưu Hương Ký*, thơ chữ Hán và chữ Nôm của Hồ Xuân Hương, mà không làm sao có được.



Hai Nhà Biên khảo Thụy Khuê
và Nguyễn Ngọc Bích

người mời. Mặc dầu vậy, người ta cũng đề ý thấy nhiều bộ mặt văn-hoá trong vùng đến trong buổi ra mắt sách này. Từ các giáo-sư đại-học như G.S. Nguyễn Mạnh Hùng đến G.S. Phạm Trọng Lệ, G.S. Nguyễn Hữu Trí và người bạn đời Tú Anh, G.S. Nguyễn Nhân (Tiến-sĩ Xã-hội-học) và người phối-ngẫu Minh-Châu, ông bà triệu-phú Lê Thiệp, nhà văn H.O. Trần Nhật Kim, ông bà Trần Từ Thanh, ông bà Thomas Phạm, ông bà Dược-sĩ Nguyễn Mậu Trinh, ông Lê Khắc Hiền và ông Lê Minh Thiệp đến từ Maryland, bà Mỹ Hạnh-Lê Chí Thảo v.v. đến các nghệ-sĩ như Hoà-sĩ Thanh Nhân, ông Trương Hồng Sơn (Tiến-sĩ Không-gian song cũng là một hoạ-sĩ nổi tiếng), Hoà-sĩ Đinh Cường, Hoà-sĩ Vũ Hối (người có nhã-y viết thư-pháp cho cái



Nhưng nhờ Anh Nguyễn Ngọc Bích đã có được người bạn ở Hà-nội chuyển sang cho một phóng-bản tập thơ từ năm 2010 nên anh đã phiên âm được đầy đủ cả 44 bài thơ trong đó (15 bài chữ Hán và 29 bài thơ Nôm), một việc làm vừa tiếp nối tham-vọng của ông Hoàng Xuân Hãn vừa hoàn-tất công việc làm mà hơn nửa thế-kỷ các học-giả ở Hà-nội không làm xong (họ chỉ phiên âm được có 3/4 các bài trong sách trong suốt thời-gian đó). Nhờ đó, ngày nay ta mới lần đầu có được một bản phiên âm và chú thích đầy đủ của tác-phẩm *Lưu Hương Ký* của Hồ Xuân Hương (đã có mặt từ 1814, tức gần 200 năm nay).

Nhiều bộ mặt văn-hoá trong vùng

Vì làm ở tư-gia nên nhà chủ đã phải giới-hạn số



Nhà văn Trương Anh Thụy
và BKG Nguyễn Ngọc Bích.

"poster" ra mắt sách), ông bà Nguyễn Trường Phát thuộc Hội Nghiệp ảnh Nghệ-thuật vùng Hoa-thịnh-đón, không kể những nhà hoạt-động trong lãnh-vực âm-nhạc, có lẽ đông đảo nhất.



nhạc Pháp rất tới, chị Trương Cam Vĩnh giọng rất ngọt ngào, thậm chí cả anh Bích hát bài "Khóc Thị Bằng" của Dục-tông Hoàng-đế (tức vua Tự Đức) do chính anh phổ nhạc. Ngoài ra, cũng còn có sự có mặt của những ca-sĩ khác như chị Hoàng Dung nhưng không tham-gia trong chương-trình văn nghệ.

Nhưng đông nhất phải kể các nhà văn, nhà thơ có mặt như nữ-sĩ Vi



Với chương-trình văn nghệ do ngâm-sĩ và ca-sĩ Bạch Mai phối-hợp với sự tiếp tay của ban nhạc Chí Tài, chúng ta thấy có anh Nguyễn Xuân Thường ngâm thơ Hồ Xuân Hương (bài "Thu-tứ-ca"), ca-sĩ Kiều Nga hát "Đưa em tìm động hoa vàng," Bạch Mai hát "Có những niềm riêng" (của Lê Tín Hưng), Bạch Mai và Kiều Nga song-ca bài "Dòng An Giang," anh Thành hát



Khuê, nhà văn-nhà thơ Trương Anh Thụy, nhà thơ tiểu-thuyết-gia kiêm ca-sĩ Ngọc Dung (chủ-nhiệm *Cỏ Thơm*), chị Lê Thị Nhị (chủ-bút *Kỷ Nguyên Mới*), nhà thơ Lê Thị Ý, chị Hồng Thủy (truyện ngắn), nhà thơ Lâm Thủy, bên cạnh các nhà thơ nam như Phan Khâm, Vũ Hối, Đăng Nguyên, nhà báo Đào Trường Phúc (của *Phố Nhỏ*). Tóm lại, phải nói là một tập hợp của nhiều

bộ mặt quen thuộc và khả ái trong giới văn-học nghệ-thuật ở trong vùng Thủ-đô. Bên cạnh đó còn phải kể cả những khách đến từ khá xa (Baltimore) như hai ông bà Nguyễn Nghĩa và Phương, bà Thịnh Starr, bà Kim Chi, cô Quỳnh v.v.

Trong giới truyền-thông còn có Nguyễn Tự Tín của SBTN Hoa Thịnh Đốn, hai anh chị Bùi Dương Liêm của Truyền hình VN Hoa-thịnh-đốn, hay cả anh Chu Lynch của Câu Lạc Bộ Làm Phim Tài-liệu.

Tâm Việt

PHÁT HÀNH CỎ THƠM 58

Tại địa điểm Hội Cao Niên Vùng Hoa Thịnh Đốn, 3/24/2012.



Ý Anh, Bạch Mai, Phong Thu, Thu Thủy, Đăng Nguyên, Nguyễn Quốc Khải,
Phạm Hữu Bính, Nguyễn Văn Thành, Ý Nguyên, Ý Anh.



Hoàng Bạch Mai, Ý Nguyên, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồng Thủy, Đặng Văn Hiền,
Đỗ Đình Trinh (đến từ California)



Vũ An Thanh, Nguyễn Quốc Khải, Kiều Nga, Ông Nguyễn Đình Kỳ,
Bạch Mai, Phạm Trọng Lệ.



Bà Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Anh, Thu Thủy,
Ỗ Nguyên, Cung Thị Lan, Chu Thanh Quỳnh,
Ý Anh, Kiều Nga.



Ỗ Nguyên ngâm thơ Cao Nguyên
trong Cổ Thơm 58 và Phạm Bá
đệm sáo.



Thân mẫu Diễm Trân, Diễm Trân,
Cung Thị Lan, Đăng Nguyên.



Phạm Hữu Bình, Đỗ Đình Trinh,
Phạm Trọng Lệ.



Hình trái: Phong Thu ngâm bài thơ Tình Thân của Cao Nguyên trong Cỏ Thơm 58.

Hình phải: Trương Minh Châu, Ngọc Thanh, Tâm Đạt Thanh Quy,
thân mẫu Diễm Trân, Thu Thủy, Hồng Thủy.



Thái Phượng, Ý Nguyên, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Cao Nguyên, Phạm Trọng Lê.



Bạch Mai, Ngọc Dung, Ý Nguyên, Minh châu, Thái Phượng, Vũ An Thanh,
Ngọc Dung, Kiều Nga, Hồng Thủy.

PHÂN ƯU

VĂN THỊ SĨ HÀ BÌNH TRUNG

vừa từ trần ngày thứ ba 24 tháng 4, năm 2012 tại Fairfax, Virginia
Hưởng thọ 91 tuổi.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm thành kính chia buồn sự mất mát sâu
đậm này đối với tang quyến cùng Cộng Đồng Việt Nam Hoa Thịnh
Đốn và giới văn học Việt Nam hải ngoại.

**Văn Thi Sĩ lão thành Hà Bình Trung có một sự nghiệp văn chương
đồ sộ và đã từng là Chủ Bút Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.**

Cầu chúc hương linh Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung
sớm phiêu diêu miền cực lạc.

BAN TRỊ SỰ cùng VĂN THỊ HỮU và THÂN HỮU TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Nguyễn Thị Ngọc Dung. Phan Khâm. Phan Anh Dũng. Phạm Văn Tuấn. Trần Bích San.
Ngô Tăng Giao. Ý Anh. Hồ Trường An. Văn Thị Kiều Anh. Phạm Bá.
Nguyễn Kinh Bắc. Việt Bằng. Hải Bằng H.D.B. Đỗ Bình. Nguyễn Ngọc Bích.
Trương Minh Châu. Nguyễn Vô Cùng. Đinh Cường. Hoàng Dung. Hoàng Cung Fa.
Đỗ Thị Minh Giang. Tôn Nữ Mặc Giao. Lý Hiếu. Vũ Hối. Nguyễn Quốc Khải.
Lê Văn Khoa. Vi Khuê. Huy Lãm. Nguyễn Lân. Hoàng Song Liêm. Đàm Xuân Linh.
Vũ Nam. Phạm Trọng Lệ. Hoàng Bạch Mai. Vũ Đức Nghiêm. Ý Nguyên.
Uyên Phương Minh Nguyệt. Phạm Thị Nhung. Đặng Nguyên. Vũ Mạnh Phát.
Nghiêm Thái Phương. Đỗ Phú. Đèo Văn Sách. Hồ Công Tâm. Diệu Tần.
Nguyễn Văn Thành. Phong Thu. Hồng Thủy. Trương Anh Thụy. Lam Điền Nguyễn Thử.
Bùi Thanh Tiên. Thanh Trang. Vũ An Thanh, Đặng Văn Hiền. Lưu Nguyễn Kiều Thu.
Nguyễn Phương Nga. Nguyễn Trúc Mai. Đặng Ngọc Tú. Hoàng Minh Trần.
Dương Tâm Đạt.

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC

TƯỞNG NIỆM VĂN THI SĨ HÀ BÌNH TRUNG



Thưa quý tang quyến, thưa quý vị quan khách,
Trước hết chúng tôi xin cảm ơn gia đình Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung đã cho chúng tôi được hân hạnh thay mặt Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom nói vài câu từ biệt người quá cố.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng tang quyến vì sự ra đi đột ngột của Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung. Đây cũng là cái tang chung của giới văn học nghệ thuật Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đôn và của người Việt hải ngoại.

Tôi được quen biết Cụ Trung khi cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom từ số đầu năm 1996 mà Cụ là Chủ Bút. Văn Thi Sĩ quen biết giới văn thơ nhiều nên mời được nhiều tác giả viết cho Cỏ Thom. 1 năm sau tôi được mời làm phụ tá chủ bút, giúp đánh máy những bài vở được gửi tới cho Cụ. Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung được cộng đồng kính trọng, tôn vinh là một nhân vật văn học lão thành. Cụ có tên cộng tác với nhiều báo khác và là nguyên Chủ Tịch Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ. Cụ là bậc văn nhân hòa nhã, lịch sự trong sự giao tiếp với các đàn em.

Nhưng cái đáng nể nhất của Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung đối với chúng tôi là sự nghiệp văn thơ của cụ. Trong kệ sách của chúng tôi có đến 12 tập thơ và 4 tập truyện của Cụ. Và có ai làm thơ triền miên, lai láng, cao cường, nghiêm chỉnh niêm luật hơn Thi Sĩ Hà Bình Trung trong vùng thủ đô này? Nên khi tôi định ra tập thơ đầu tay *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, tôi đã đưa tập bản thảo nhờ Cụ xem giùm.

Thi Sĩ đã nói: “Chị làm thơ khá đúng niêm luật, nhưng còn vài đoạn thơ bẩy chữ chưa được chỉnh lắm. Phải thay hoặc đổi vị trí vài chữ thì mới hoàn hảo được. Nếu không thì thật đáng tiếc cho cả tập thơ.” Tôi đã sửa hết những đoạn thơ thất niêm luật cho đến khi Cụ Trung vừa ý và sau đó lại nhờ Cụ viết tựa cho tập thơ.

Tôi cũng rất hài lòng về sự giới thiệu trung thực và đầy khuyến khích của Cụ về tập thơ *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*. Từ đó



tôi có thói quen làm thơ đúng niêm luật thì mới chịu được. Tôi cũng đem lời chỉ dẫn hữu ích của vị Thi Sĩ Lão Thành của chúng ta mà bàn với vài tác giả gửi thơ đến Báo Cỏ Thơm sau này.

Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung đã làm Chủ Bút của Tam Cá Nguyệt San đến năm 2001 thì ngưng vì cụ đã có Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới. Nhưng sau đó cụ vẫn cho phép chúng tôi đề tên trong ban biên tập của Cỏ Thơm. Cụ vẫn thường xuyên khuyến khích và gửi thơ đăng Báo Cỏ Thơm. Bất cứ buổi họp mặt thường niên nào của Cỏ Thơm, dù ở toà soạn hay ở nhà hàng cụ cũng vui vẻ tới tham dự và chụp hình kỷ niệm với chúng tôi.



Sự ra đi của Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung thật nhẹ nhàng, thanh thản, ai trong chúng ta không mong ước được như vậy. Thi Sĩ đã làm thơ tình cho đến những ngày cuối cùng. Còn nhà thơ nào được hạnh phúc một đời như văn thi sĩ lão thành của chúng ta! Phải thành thực mà nói, thơ của Thi Sĩ Hà Bình Trung thật tuyệt tác, không một nhà thơ nào trong vùng thủ đô có thể sánh bì hay thay thế được Cụ. Tiếc lắm thay!

Thưa Thi Sĩ Hà Bình Trung, đàn anh linh thiêng, xin nhận lời tạ ơn chân thành của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm và của đàn em Nguyễn Thị Ngọc Dung. Chúc Thi Sĩ sớm được bay về miền cực lạc và phù hộ cho các đàn em làm báo, viết văn, làm thơ được lâu dài. Xin vĩnh biệt đàn anh Hà Bình Trung.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Đọc tại Lễ Vĩnh Biệt Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung 04/29/2012, tại Fairfax, Virginia)



Trong buổi Tưởng Niệm cố Văn Thi sĩ Hà Bình Trung: Phan Anh Dũng, Bùi Thanh Tiên, Cung Thị Lan, Lâm Thuý, Phong Thu, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Cao Nguyên.

VIẾT VỀ CỔ VĂN THI SĨ HÀ BÌNH TRUNG

Kính thưa quý quan khách,

Kính thưa quý tang quyến,

Là bạn cố tri của gia đình cổ văn thi sĩ Hà Bình Trung, nhà tôi, anh Nguyễn Huy Long, bạn quân đội của người quá cố, giao cho tôi việc lên đây kể một kỷ niệm đẹp của một thời kỳ xa xưa mà anh Long lúc nào cũng ấp ủ, chân quý.

Anh Long, một sĩ quan khoá I Nam Định, hiện có mặt ở đây, cũng đã trên 80 và bị vấn đề với tai nghễng ngãng nên phải giao phó việc này cho tôi.

Sau đây tôi xin được gọi là anh chị Hà Bình Trung cho được thân tình và xứng hợp với câu chuyện sắp kể:

Anh Long có cơ duyên gặp gia đình anh chị Hà Bình Trung vào những năm 1955 - 57 tại Fort Benning, miền Nam nước Mỹ. Khi đó một số sĩ quan quân đội VNCH được cử sang Mỹ học lớp huấn luyện quân sự. Các sĩ quan này một số là độc thân như anh Long hồi bấy giờ, một số có gia đình nhưng để ở nhà, hay có người chỉ mang vợ, chỉ có anh Hà Bình Trung là có phương tiện đem cả đại gia đình gồm có anh chị và năm cháu, ba trai hai gái. Lúc đó hai người con đầu lòng, cậu Quyền mới có 7 tuổi, cô Ngọc Diệp lên 6. Cô nhỏ nhất, cô Thiên Hương mới lên 2.

Trong thời gian ở Fort Benning, có lẽ nhờ được thay đổi không khí, lại nhàn hạ, ít nhất không chiến tranh..., anh chị Trung như được hưởng một tuần trăng mật thứ hai cho nên đã sinh hạ thêm một cháu gái, đặt tên là Mỹ Châu để ghi nhớ xứ Mỹ này. Thế là "lực lượng" hậu thuẫn của anh chị từ đó đã có quân binh: 3 trai, 3 gái.

Theo cô Ngọc Diệp kể thì đó là thời kỳ anh chị em cô sống gần gũi nhau, rất thoải mái, vui tươi, hồn nhiên... trong một vùng đất có những con người hiền hòa, thân thiện... vì thế cha mẹ cô có đưa nhau đi chơi riêng, thì các anh em cô cũng được phép ở nhà trông chừng cho nhau mà không phải sợ những kẻ điên khùng, dữ dằn như thời buổi bấy giờ. Chỉ đôi khi có một vài "accident" nho nhỏ như có một hôm mấy anh chị em ra hết cả ngoài vườn, rập cửa lại, mà không ai mang chìa khóa, phải ngồi dài cổ ngóng chờ cha mẹ về. Rõ ràng đây là thời chưa có "cell phone" thì cũng may mắn chưa có bao nhiêu "tội phạm". Hoặc có những hôm mấy anh chị em nướng "hot dog" ngoài vườn sau, để khói um lên, hàng xóm phải chạy sang, tưởng có hoạ hoạn...

Nhưng kỷ niệm được anh Long ghi nhớ nhất là chiều chiều một số khá đông các sĩ quan được đến nhà anh chị Trung, xa hẳn cái không khí quân trường, các bộ quân phục cứng nhắc, hoà nhập trong tiếng cười đùa của trẻ thơ... và đặc biệt được thưởng thức những món ăn thuần túy, đậm đà hương vị quê hương. Chị Trung, người con gái Hàng Đào của đất ngàn năm văn vật, lịch thiệp, hiếu khách, khéo léo, nội trợ giỏi... cho nên các anh cũng được hưởng tình gia đình ấm cúng, đỡ thấy cô đơn, nhớ nhà... Mỗi cuối tuần họ lại bày bàn đánh mạt chược, hay kéo nhau đi xem xi nê trong trại, mà chỉ phải tốn có 25 xu!

Anh Long thường mô tả anh Trung như một người hiền hoà, nho nhã, ung dung "an nhiên tự tại". Anh có dáng "an nhiên tự tại" ngay cả khi anh trong các bộ quân phục.

Hình ảnh một mái tóc bông bênh, trắng xoá, một dáng dấp văn nhân công tử của anh sẽ còn ở lại lâu dài trong chúng tôi!

Chúng tôi xin chân thành chúc Anh sớm được tiếp nối cung đàn "Yêu Mãi Ngàn Năm" cùng với Chị ở cõi Vĩnh Hằng, nơi không còn hệ lụy nào cả, mà chỉ có hoa, bướm và... thơ.

Trương Anh Thụy

(Thay mặt phu quân Nguyễn Huy Long)

VÀI HÌNH ẢNH TCNS CỎ THƠM KỶ NIỆM VỚI VĂN THỊ SĨ HÀ BÌNH TRUNG



1999, trong dịp phát hành Cỏ Thơm số 11. Từ trái: Văn Thị Sĩ Hà Bình Trung, Nguyễn Tường Vân, Lưu Nguyễn Đạt, Trương Anh Thụy, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lê Thị Nhị, Ý Anh.



1999, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm tổ chức ra mắt
“Tác Phẩm Đẹp Của Bạn” của Văn Thi Sĩ Hồ Trường An.



Họp mặt tại Tòa soạn Cỏ Thơm, 2004



Kỷ niệm 10 năm Cỏ Thơm, 04/09/2005.



06/2005, phát hành Cỏ Thơm số 31, tại toà soạn Cỏ Thơm
(Từ trái: Cố Thi sĩ Hoàng Trùng Dương, Vũ Hối, Nguyễn Phú Long,
Cố Văn Thi sĩ Hà Bình Trung, Phan Khâm, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hoàng Bạch Mai.



Phát hành Cỏ Thơm 32, 09/2005 tại Tòa soạn Cỏ Thơm. Từ trái: Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Vũ Hối, cố Thi sĩ Hà Bình Trung, cố Thi sĩ Hoàng Trùng Dương.



Richmond 11-06-2005, kỷ niệm ngày cưới của Phan Anh Dũng và Tâm Hảo.
Từ trái: Phạm Văn Tuấn, Đinh Quang Trung, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Trương Anh Thụy, Nguyễn Huy Long, cố Văn Thi sĩ Hà Bình Trung.



2005, tiếp đón Biên khảo gia Hải Bằng Hoàng Dân Bình đến từ Arizona.



07/08/2006, phát hành báo Cỏ Thơm số 35 tại Toà soạn Cỏ Thơm.



Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung với Ý Anh Đỗ Trảng Mỹ Hạnh trong buổi Họp Mặt Thường Niên, 2006/04.



Họp mặt kỷ niệm 11 năm Cỏ Thơm, 04/2006.



Biên khảo gia Phạm Văn Tuấn dẫn ăn trưa nhân dịp Văn Thi sĩ Hồ Trường An tới Virginia, 11/2007.



Tất niên tại toà soạn Cỏ Thơm 12/12/2007. Từ trái: Nhạc sĩ Đàm Xuân Linh, Thi sĩ Phan Khâm, Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành, cố Văn Thi sĩ Hà Bình Trung, cố Thi sĩ Hoàng Trùng Dương.



Kỷ niệm 13 năm sinh hoạt Cỏ Thơm, 04/13/2008.



04/05/2009, Kỷ niệm 14 năm sinh hoạt văn học Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.



Trong đêm kỷ niệm 13 năm sinh nhật TCNS Cỏ Thơm, 04/13/2008



Trong đêm kỷ niệm 14 năm sinh hoạt Cỏ Thơm, 4/05/2009.
 Từ trái: Vũ Hồi, Hoàng Bạch Mai, Nguyễn Thị Thanh Bình,
 Ngô Thy Vân, cô Thi sĩ Hà Bình Trung, Bùi Thanh Tiên.



Kỷ niệm 15 năm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, 04/12/2010.